

TỈNH ỦY CAO BẰNG

HOÀNG ĐÌNH GIÔNG

CUỘC ĐỜI
VÀ

SỰ NGHIỆP
HOẠT ĐỘNG
CÁCH MẠNG
(1904 - 1947)



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HOÀNG ĐÌNH GIONG

CUỘC ĐỜI
VÀ
SỰ NGHIỆP
HOẠT ĐỘNG
CÁCH MẠNG
(1904 - 1947)

TỈNH ỦY CAO BẰNG

**HOÀNG
ĐÌNH
GIONG**

**CUỘC ĐỜI
VÀ
SỰ NGHIỆP
HOẠT ĐỘNG
CÁCH MẠNG
(1904 - 1947)**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
Hà Nội - 2014

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN, CHỈNH SỬA

ĐÀM VIẾT HÀ

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
Cao Bằng

LA THÔNG

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
Bí thư Thành ủy Cao Bằng, nguyên
Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
Cao Bằng

BIÊN SOẠN, CHỈNH SỬA

NÔNG HẢI PÍN

Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ
Tỉnh ủy, nguyên Trưởng Ban Tuyên
giáo Tỉnh ủy Cao Bằng

ĐINH NGỌC VIÊN

Trưởng Phòng Lịch sử Đảng,
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng

TRẦN VĂN TRÂN

Phó Trưởng Phòng Lịch sử Đảng,
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng

HIỆU ĐÍNH VÀ THẨM ĐỊNH

TS. HOÀNG THỊ KIM THANH

Trưởng Ban Địa phương Viện Lịch sử Đảng,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh



Đồng chí Hoàng Đình Giông
(1904-1947)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÜC

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

Truy tặng Đồng chí **HOÀNG ĐÌNH GIÔNG (HOÀNG)**

Sinh năm 1904, quê xã Đê Thâm, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng
Đã có nhiều công lao đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng
và của dân tộc.

Quê hương số 209 KT/CY ngày 11 tháng 1 năm 1981
VĂN KẾ VANG, NỮ 01

Khẩu hiệu, ngày 11 tháng 1 năm 1981

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trần Đức Lương



LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cao Bằng là tỉnh miền núi biên giới Đông Bắc nước ta, có vị trí chiến lược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, miền đất Cao Bằng đã có bề dày lịch sử, con người Cao Bằng có truyền thống yêu nước, anh dũng đấu tranh gìn giữ quê hương, đất nước. Cao Bằng là nơi sinh ra đồng chí Hoàng Đình Giông, một người cộng sản kiên trung, một người con tiêu biểu của đồng bào các dân tộc quê hương cách mạng Cao Bằng.

Đồng chí Hoàng Đình Giông là một trong những đảng viên Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Cao Bằng, suốt đời tận tụy hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho lý tưởng cao đẹp của Đảng và là người đầu tiên tiếp thu ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin từ Chủ tịch Hồ Chí Minh và truyền bá vào Cao Bằng. Đồng chí Hoàng Đình Giông là người trực tiếp sáng lập, rèn luyện và xây dựng Đảng bộ Cao Bằng. Đồng chí Hoàng Đình Giông còn là người tích cực tham gia chỉ đạo tổ chức và phong trào cách mạng ở Hải Phòng, Quảng Ninh trong những năm 1933-1936. Khi bị thực dân Pháp bắt và chịu cực hình qua nhiều nhà tù của đế quốc, đồng chí vẫn giữ vững khí tiết cách mạng, kiên cường,

khôn khéo đấu tranh để ra tù về nước tiếp tục hoạt động cách mạng. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, nước nhà giành được độc lập, nhưng ngày 23-9-1945 thực dân Pháp đã nổ súng tấn công các trụ sở của ta ở Sài Gòn, mở đầu cho cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Đồng chí Hoàng Đình Giông đã được Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ chỉ huy đội quân Nam tiến chống thực dân Pháp tại miền Nam. Đồng chí chỉ huy chiến đấu trên mặt trận Sài Gòn đến khi làm Chính ủy Quân giải phóng Nam Bộ, Khu bộ trưởng (Tư lệnh) đầu tiên của Khu 9, Khu bộ trưởng (Tư lệnh) Khu 6. Trên bất kỳ cương vị nào, đồng chí đều nêu cao tinh thần trách nhiệm và bản lĩnh của một vị tướng quân. Đồng chí đã vạch ra những sách lược, chiến lược đấu tranh cách mạng đúng đắn trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao,... Đồng chí đã hy sinh anh dũng trong khi làm nhiệm vụ.

Nhân dịp kỷ niệm 110 năm Ngày sinh đồng chí Hoàng Đình Giông, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách *Hoàng Đình Giông - Cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng (1904-1947)*.

Nội dung cuốn sách đề cập về cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giông:

I. Hoàng Đình Giông - Thời niên thiếu và tuổi trẻ (1904-1925);

II. Những năm tháng hoạt động cách mạng ở trong nước (1926-1927);

III. Hoạt động tại nước ngoài, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, xây dựng Đảng bộ Cao Bằng (1927-1932);

IV. Chỉ đạo các tổ chức đảng và phong trào cách mạng ở Hải Phòng, Quảng Ninh trong những năm 1933-1936;

V. Đấu tranh trong nhà tù đế quốc, khôn khéo thoát khỏi ngục tù về nước hoạt động cách mạng (1936-1945);

VI. Chỉ huy bộ đội Nam tiến chống thực dân Pháp xâm lược;

VII. Tư lệnh Khu 9 và những quyết định mang tầm chiến lược (12-1945 — 11-1946);

VIII. Hành trình ra Bắc - Tư lệnh Khu 6 hy sinh anh dũng;

IX. Hạnh phúc gia đình - tình cảm cách mạng.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình sưu tầm, biên soạn, biên tập, song do tài liệu lưu trữ bị thất lạc nhiều và nhiều nguyên nhân khách quan nên cuốn sách khó tránh khỏi còn thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 5 năm 2014

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP

Đồng chí Hoàng Đình Giông là một người cộng sản trung kiên, một người con tiêu biểu của đồng bào các dân tộc quê hương cách mạng Cao Bằng.

Đồng chí đã chiến đấu kiên cường, cống hiến trọn đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và lý tưởng cộng sản cao đẹp.

Từ một thanh niên học sinh yêu nước, đồng chí đã sớm tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1926, được kết nạp vào Đảng cùng một lúc với đồng chí Hoàng Văn Thụ từ năm 1929 và được bầu làm Bí thư Chi bộ hải ngoại hoạt động cách mạng ở vùng biên giới Trung - Việt và làm nhiệm vụ đưa cán bộ ra ngoài nước dự các lớp huấn luyện do đồng chí Nguyễn Ái Quốc tổ chức, rồi đưa về nước hoạt động. Đồng chí đã có công thành lập và xây dựng Đảng bộ Cao Bằng, Lạng Sơn, Hải Phòng, khu mỏ Quảng Ninh. Vừa hoạt động ở trong nước, vừa tham gia hoạt động ở Ban Chỉ huy ngoài nước của Trung ương Đảng, năm 1935 đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội lần thứ I của Đảng ở Ma Cao và được cử

phụ trách Xứ ủy Bắc Kỳ. Đồng chí bị địch bắt cầm tù từ tháng 2 năm 1936 cho đến năm 1944. Chịu cực hình qua nhiều nhà tù của địch ở trong nước và ngoài nước, đồng chí vẫn giữ vững khí tiết cách mạng, khôn khéo đấu tranh để ra tù về nước tiếp tục hoạt động.

Cách mạng Tháng Tám thành công, đồng chí được Bác Hồ đổi tên là Võ Văn Đức và được giao nhiệm vụ chỉ huy bộ đội Nam tiến vào Nam Bộ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Đồng chí đã trải qua các cương vị: Chính ủy Quân giải phóng Nam Bộ, Khu bộ trưởng (Tư lệnh) đầu tiên của Khu 9, Khu bộ trưởng (Tư lệnh) Khu 6. Đồng chí đã anh dũng hy sinh tại mặt trận Bình Thuận năm 1947.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, đồng chí đã trở thành cán bộ chính trị, quân sự cấp cao lớp đầu tiên của Đảng, của quân đội. Đồng chí là một cán bộ người dân tộc Tày, có đức độ và tài năng, có nhiều công lao trong thời kỳ đầu vận động cách mạng; trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng chí đã góp phần quan trọng vào xây dựng các đội quân Nam tiến, xây dựng căn cứ địa U Minh, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc và xây dựng thống nhất lực lượng vũ trang Nam Bộ. Với công lao và tinh thần cách mạng hết lòng vì nước, vì dân, đồng chí Hoàng Đình Giông đã được đồng bào, đồng chí, đặc biệt là đồng bào các dân tộc ở Cao Bằng, Việt Bắc,

khu mỏ Quảng Ninh, Hải Phòng, đồng bằng sông Cửu Long, Khu 6 yêu mến, quý trọng và thương tiếc.

Tôi hoan nghênh Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng đã chỉ đạo biên soạn và xuất bản cuốn sách về đồng chí Hoàng Đình Giông để góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta.

Chúng ta hãy noi gương đồng chí Hoàng Đình Giông phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, phấn đấu xây dựng quê hương, đất nước giàu mạnh và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi mục tiêu cách mạng do Bác Hồ và Đảng ta đã chọn mà đồng chí Hoàng Đình Giông cũng như biết bao chiến sĩ cách mạng đã chiến đấu quên mình vì mục tiêu cao cả ấy.

Nhân dịp này, tôi xin thân ái gửi lời thăm hỏi ân cần đến toàn thể gia quyến của đồng chí Hoàng Đình Giông.

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2007



Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

LỜI NÓI ĐẦU

Đồng chí Hoàng Đình Giông, người cộng sản ưu tú của Đảng, một trong những đảng viên đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, cho lý tưởng cao đẹp của Đảng. Đồng chí là người Cao Bằng đầu tiên tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin từ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và truyền bá vào Cao Bằng; là người trực tiếp chỉ đạo thành lập, xây dựng, rèn luyện Đảng bộ Cao Bằng.

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, đồng chí luôn thể hiện bản chất cao đẹp của người chiến sĩ cộng sản: kiên cường, bất khuất và trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc. Những phẩm chất cao đẹp của đồng chí Hoàng Đình Giông mãi mãi khắc sâu trong tâm khảm không chỉ đối với đồng bào, đồng chí các dân tộc tỉnh Cao Bằng, mà còn đối với đồng bào, đồng chí trong cả nước. Cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng, chiến đấu của đồng chí Hoàng Đình Giông mãi mãi là tấm gương cho các thế hệ hôm nay và mai sau noi theo.

Thế theo nguyện vọng của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng, năm 2006, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy sưu tầm tư liệu, nghiên cứu thực hiện Đề tài *Tìm hiểu thân thế, sự nghiệp của đồng chí Hoàng Đình Giông - người cộng sản kiên trung*. Trên cơ sở nội dung của Đề tài này, chúng tôi đã biên soạn và xuất bản cuốn sách *Hoàng Đình Giông - Cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng (1904-1947)*.

Cuốn sách đã cho bạn đọc thấy rõ công lao to lớn của đồng chí Hoàng Đình Giông đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Tuy nhiên, sau khi cuốn sách được xuất bản năm 2007, đã phát hiện thêm nhiều tư liệu, tài liệu có giá trị liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Hoàng Đình Giông.

Nhân dịp kỷ niệm 110 năm Ngày sinh đồng chí Hoàng Đình Giông (01-6-1904 – 01-6-2014), thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tiếp tục tổ chức sưu tầm, khai thác tư liệu và nghiên cứu, chỉnh sửa để xuất bản lần thứ hai cuốn sách *Hoàng Đình Giông - Cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng (1904-1947)*.

Quá trình sưu tầm, khai thác tư liệu, nghiên cứu, biên soạn gặp rất nhiều khó khăn do đồng chí Hoàng Đình Giông hoạt động trên địa bàn rất rộng và diễn ra đã lâu, cả trong thời kỳ Đảng còn hoạt động bí mật, lại qua 30 năm chiến tranh ác liệt, tư liệu về

đồng chí thất lạc nhiều, nhân chứng lịch sử chỉ còn rất ít, nhiều sự kiện chưa được khai thác đầy đủ. Song, với những cố gắng cao nhất của Ban Biên soạn, cuốn sách đã được biên soạn một cách khoa học, công phu, chứa đựng nhiều tư liệu lịch sử về cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giông.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của nhiều cán bộ hoạt động cách mạng lâu năm, ở trong và ngoài tỉnh Cao Bằng, của Viện Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Tây Ninh..., và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật để cuốn sách được hoàn thành và ra mắt bạn đọc.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân nói trên, cuốn sách không tránh khỏi còn thiếu sót, Ban Biên soạn rất mong tiếp tục nhận được những tư liệu bổ sung, những ý kiến góp ý của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

BAN BIÊN SOẠN

I. HOÀNG ĐÌNH GIONG - THỜI NIÊN THIẾU VÀ TUỔI TRẺ (1904-1925)

Đồng chí Hoàng Đình Giong (tức Hoàng, Trần Tin, Lâu Voòng, Nam Bình, Văn Tư, Võ Văn Đức, Vũ Đức, Lê Minh, Cự Vũ) là một trong những đảng viên cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Đồng chí Hoàng Đình Giong sinh ngày 01-6-1904 tại làng Thôm Hoáng, xã Hạ Hoàng (nay là phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng).

Năm 1912, gia đình Hoàng Đình Giong chuyển sang Nà Toàn, xã Xuân Phách (nay thuộc phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng). Quê hương của Hoàng Đình Giong nằm giữa cánh đồng Hoà An, một trong những vựa thóc lớn ở Cao Bằng, bốn mùa xanh tươi ngô, lúa, những vườn cây trĩu quả, những vạt rau, đậu xanh rờn được con sông Bằng bồi đắp phù sa thành những cánh đồng màu mỡ. Gia đình đồng chí có 11 anh em, trong đó có 4 gái và 7 trai; đồng chí là con thứ tư và là con trai thứ ba của gia đình. Các anh chị của đồng chí đều trực tiếp tham gia cách mạng hoặc có cảm tình với cách mạng. Trong mấy anh em trai có Hoàng Văn Mộc (tức Sầm Sơn) là đảng viên

Đảng Cộng sản và đã từng đi học đúc lựu đạn ở Trung Quốc năm 1932; Hoàng Văn Lộc là đoàn viên thanh niên cộng sản, đi học Trường quân sự Hoàng Phố, về sau làm đại đội trưởng, hy sinh ở Lào Cai năm 1945. Em gái đồng chí là Hoàng Thị Sở (tức Hoàng Lịch) tham gia phong trào chống thực dân Pháp, hoạt động ở vùng Hà Quảng, Thông Nông từ những năm 1935-1936; Hoàng Thị Bạch tham gia hoạt động cách mạng từ hồi còn bí mật.

Quê hương đồng chí Hoàng Đình Giông cũng là nơi có truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước. Theo sử sách ghi lại, nơi đây dưới thời Lý, đã diễn ra nhiều trận đánh quyết liệt giữa quân triều đình nhà Lý nước ta chống quân nhà Tống (Trung Quốc) xâm lược. Cùng vị anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt với bài tuyên ngôn nổi tiếng "Nam quốc sơn hà Nam đế cư", cuộc kháng chiến bảo vệ đất nước thời ấy gắn liền với tên tuổi những người đã lập chiến công như Tông Đản, Hoàng Lục, Lưu Kỷ, Nùng Trí Cao, v.v..

Thời ấu thơ, Hoàng Đình Giông là cậu bé mặt mũi khôi ngô, tai to, mắt sáng, thông minh, khi mới hơn một tuổi đã nói sõi. Cha mẹ Hoàng Đình Giông là Hoàng Văn Vượng và Ngô Thị Nhót. Cha anh thường đọc truyện thơ chữ Nôm cho anh nhắm theo và đọc đến đâu anh nhớ đến đấy. Cha mẹ anh quyết định cho con theo học thầy Phan Luân, một thầy đồ quê xứ Nghệ lên dạy học ở Cao Bằng, là người nổi tiếng hay chữ cả vùng. Hoàng Đình Giông được học

chữ Hán ở trường làng. Anh học rất chăm chỉ và thích nghe những chuyện đời xưa do các cụ già trong làng kể lại về những nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm, những cuộc nổi dậy chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược dưới sự lãnh đạo của các hào trưởng ở Cao Bằng. Chẳng hạn như: hào trưởng Triệu Phúc Sinh đã lãnh đạo nhân dân Đào Ngạn, Hà Quảng khởi nghĩa năm 1886; hào trưởng Pa Deng người dân tộc Mông lãnh đạo nhân dân Mã Quỳnh, Thông Nông khởi nghĩa năm 1889; hào trưởng Phù Nhị người dân tộc Dao (Nguyên Bình) lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa năm 1905.

Năm 15 tuổi, Hoàng Đình Giông đã học hết một "kệ sách" quý do ông nội sau bao năm gìn giữ để lại. Do vậy anh càng hiểu và tự hào về Tổ quốc Việt Nam giàu đẹp, dân tộc Việt Nam có lịch sử hàng ngàn năm văn hiến mà tổ tiên đã phải hy sinh biết bao mồ hôi, xương máu để gây dựng và giữ gìn. Anh kể vanh vách cho các bạn nghe về lịch sử nước nhà, về những anh hùng hào kiệt có công đánh giặc giữ nước, từ Ngô Quyền đến Đinh Bộ Lĩnh cờ lau thắng trận; từ Lê Hoàn đến Lý Thường Kiệt đánh thắng quân Tống; từ Trần Hưng Đạo ba lần đại thắng quân Nguyên Mông; từ Lê Lợi, Nguyễn Trãi mười năm nếm mật nằm gai đại thắng quân Minh; Quang Trung - Nguyễn Huệ thần tốc đại phá 29 vạn quân Thanh hung hãn, tàn bạo... Các bạn cùng trang lứa mê say nghe anh kể về người anh hùng nhỏ tuổi Trần Quốc Toản đã chỉ huy

đội quân mưu trí, dũng cảm, ngoan cường chiến đấu khiến cho giấc Nguyên Mông nhiều phen khiếp vía.

Ông nội của Hoàng Đình Giông là Hoàng A Cả cũng là người có công chống giặc phương Bắc. Thời vua Tự Đức, Cao Bằng có trên 40 năm loạn lạc do hàng vạn tên thổ phỉ nhà Thanh (Trung Quốc) do Ngô Côn cầm đầu tràn sang quấy nhiễu cướp của, giết người, đốt làng. Bọn chúng hoành hành cướp phá các châu miền Tây, bao vây thị xã Cao Bằng. Cụ Hoàng A Cả đã đứng lên tổ chức, lãnh đạo nhân dân châu Hoà An chống lại bọn phỉ Ngô Côn. Với căn cứ đồn luỹ Khau Cút¹ được xây dựng vững chắc, sau nhiều trận đánh thắng, thanh thế của Hoàng A Cả đã nổi tiếng một vùng. Nghĩa quân đi đến đâu cũng làm cho bọn phỉ Ngô Côn thất bại, khiếp sợ bỏ chạy về Trung Quốc. Đến khi thực dân Pháp đánh chiếm Cao Bằng, cụ đã tập hợp quần chúng nổi dậy tham gia hoạt động cùng quân của Tôn Thất Thuyết đánh thực dân Pháp ở vùng Cao Bằng... gây cho quân Pháp nhiều tổn thất. Về sau do lực lượng không cân sức, bị thực dân Pháp đàn áp mạnh, cuộc nổi dậy của nghĩa quân Hoàng A Cả cuối cùng bị thất bại.

Khi Hoàng Đình Giông lớn lên, cha mẹ đã cho anh ra thị xã Cao Bằng học Trường Tiểu học Pháp - Việt. Hoàng Đình Giông học tập rất chăm chỉ, năm

1. Nay còn di tích đồn luỹ Khau Cút ở km5, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng.

học nào cũng đứng đầu lớp, nhất là các môn học từ, toán Pháp, cách trí, quốc ngữ, Pháp văn... Các bài kiểm tra của Hoàng Đình Giông đều được thầy phê "Biens" hoặc "Très biens" (tốt hoặc rất tốt). Hằng ngày ngoài việc học tập ở trường, Hoàng Đình Giông thường giúp đỡ bạn bè, hướng dẫn những bài toán khó, lỗi chính tả. Anh là học sinh có năng khiếu ngoại ngữ, Pháp văn học đâu biết đấy. Anh còn rất ham đọc sách, truyện và thơ ca yêu nước để hiểu biết về quê hương, Tổ quốc.

Tìm hiểu bộ máy cai trị của thực dân Pháp, Hoàng Đình Giông thấy rõ bọn thực dân chỉ có ít người, hầu hết là bọn quan lại mà thống trị được dân mình. Chúng đã xây dựng hệ thống cai trị với tay sai đắc lực cho chúng là người bản xứ như bọn tổng đốc, tuần phủ, tri phủ, tri châu, chánh tổng, lý trưởng, châu đoàn, tổng đoàn, xã đoàn và binh lính. Bên cạnh đó, giúp việc cho chúng còn có hệ thống cảnh sát, đứng đầu bọn cảnh sát chỉ có một thằng cầm Tây; quân đội gồm có những tên quan người Pháp cai quản. Chúng ăn trên ngồi chốc, bóc lột dân ta tận xương, tận tủy. Còn đại đa số nhân dân lao động dù là người Kinh hay Tày, Nùng, Mông, Dao, v.v. thì quanh năm đầu tắt mặt tối, làm lụng luôn tay mà vẫn đói cơm, rách áo, nay lo nộp sưu thuế, mai lo đi phu, tạp dịch. Riêng gia đình Hoàng Đình Giông hằng năm phải bán rất nhiều thóc và trâu để nộp thuế thân (thuế đánh vào đầu người). Nhà anh đông

người, mỗi năm phải nộp 27 đồng (tiền Đông Dương). Mỗi con trâu chỉ bán được 3 - 4 đồng. Anh nhẩm tính, vậy là nhà mình mỗi năm phải nộp tới 6 - 7 con trâu. Trâu cái mỗi lần sinh con phải chăn nuôi rông rã ba năm mới thành trâu bán được. Anh kêu lên: Tây ác quá! Thế là nó ăn cả thịt mình rồi, chứ đâu chỉ là kiếp ngựa trâu, phải đánh đuổi nó đi mới được. Phải tìm ra cách đánh đuổi thằng Tây .

Hoàng Đình Giông đem những suy nghĩ trao đổi với bạn bè, ai cũng đồng tình với nhận định của anh. Và một điều nữa làm Hoàng Đình Giông phải suy nghĩ rất nhiều là tại sao thời ấy nhân dân lao động các dân tộc Cao Bằng lại chê bai, khinh bỉ, thù hằn dẫn đến xung đột lẫn nhau và hiềm khích, chia rẽ giữa các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao, v.v.. Anh ước mong sau này có thể đi xa hơn nữa để mở rộng tầm nhìn, hiểu rõ được việc đời và tìm được cách giải quyết những bất công trong xã hội. Khi còn học lớp nhất (Cours Supérieur)¹ ở thị xã Cao Bằng, Hoàng Đình Giông được đọc một số thơ ca yêu nước như: *Phi Khanh dặn Nguyễn Trãi*, *Ái quốc ca*, *Chiêu hồn nước*, *Lưu cầu huyết lệ tân thư*,... Dần dần cứ như dòng nước nhỏ từ khe nguồn chảy ra suối, suối đổ ra sông, sông trôi ra biển, tầm hiểu biết cứ mở rộng mãi ra, như mùa xuân cho nhựa vận lên cành đơm hoa kết trái đã nâng cao thêm lòng yêu nước và lòng căm

1. Tương đương lớp 6 hệ 12 năm ngày nay.

ghét bọn giặc Tây xâm lược của anh. Anh thường tuyên truyền, vận động cho nhiều bạn học cùng ghét Tây, do đó làm cho không khí “ghét Tây” ở thị xã Cao Bằng ngày một lan rộng. Bọn đế quốc và tay sai đánh hơi thấy đã tìm cách dò la manh mối. Theo chỉ thị của bọn đế quốc, nhà trường liền ra một số bài luận văn để thăm dò tư tưởng học sinh ở lớp nhất. Vì không kìm nén được lòng căm thù giặc, những bài văn của Hoàng Đình Giông thường bộc lộ tư tưởng yêu nước, chống thực dân Pháp. Đặc biệt là bài bình luận về vua Gia Long, Hoàng Đình Giông đã phê phán Gia Long là tên vua công răn cắn gà nhà và rước voi giày má tổ. Vì vậy, viên hiệu trưởng đã than phiền rằng: “Ở trường ta không may đã sinh ra một người học trò không tốt vì có tư tưởng chống “mẫu quốc””. Ngay hôm sau, thầy Thu (thầy dạy Hoàng Đình Giông) đến gặp anh và nói: “Tôi rất phục anh, mới 20 tuổi đầu mà đã dám thổ lộ tư tưởng của mình cho cả trường biết, nên người ta đã ghi tên anh vào “sổ đen””¹. Học bạ của Hoàng Đình Giông cũng bị phê vào là học trò bướng bỉnh và có suy nghĩ chống Pháp. Do đó đến kỳ thi tốt nghiệp tiểu học (Certificat d' etudes primaires) ở Lạng Sơn tháng 6-1924, Hoàng Đình Giông đã bị đánh trượt, mặc dù các bài thi đều tốt. Hoàng Đình Giông

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giông*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Cao Bằng, Cao Bằng, 1984, tr. 11.

căm giận nhận ra rằng, người Tây nói một đường làm một nẻo, rao giảng về “nền văn minh dân chủ” của Đại Pháp đến đây để khai phá cho dân An Nam, “đào tạo nhân tài” cho xứ Đông Dương, my dân là học giỏi, tài cao sẽ được trọng dụng... nhưng thực tế chỉ trái ý một chút thì học giỏi mấy cũng bị đánh trượt, trù dập để không tiến lên được.

Hoàng Đình Giong nhận ra rằng: Trường có hai phái gồm phái thân Pháp do hiệu trưởng đứng đầu thì ngợi ca “mẫu quốc Pháp” (nước mẹ) hết lời về sự hùng cường, văn minh, có công khai hoá cho xứ Đông Dương lạc hậu, yếu hèn. Còn phái học sinh thì bị “lép vế” khi phải “mắt trước, mắt sau” xem có hiệu trưởng đi qua hoặc có ai nhòm ngó, khi nói về đất nước Đại Việt mấy ngàn năm văn hiến; nói cho nhau biết nước ta có biển bạc, rừng vàng, mà ngay ở Cao Bằng có mỏ thiếc Tĩnh Túc... đang bị các tầng lớp thống trị bắt dân ta ngày đêm khai thác, đưa xuống tàu vượt biển làm giàu cho “nước mẹ”.....

Trong dịp nghỉ hè, những học trò khác mỗi người tìm cho mình một việc, riêng Hoàng Đình Giong có một chí hướng khác là đi tìm mở lớp dạy học và tuyên truyền tư tưởng phản đế.

Mùa hè năm 1924, Hoàng Đình Giong đã dành tất cả tâm sức và trí tuệ cho các em học sinh dân tộc trên vùng cao đang khát khao “cái chữ”. Đầu tiên anh mở lớp ở Yên Luật (nay thuộc thị trấn Xuân Hoà, Hà Quảng, Cao Bằng). Ở đây, anh đã tận tình dạy bảo

các em từng ly từng tí, coi các em như em ruột của mình. Sự thân tình cởi mở, gắn bó giữa thầy và trò làm các em phấn khởi, chăm chỉ và tiến bộ từng ngày trong học tập. Em nào chưa hiểu bài, anh dành thì giờ giảng thêm thật cặn kẽ cho đến khi hiểu bài mới thôi, bởi vậy các em càng phấn khởi trong học tập. Ban ngày anh dạy học, tối đến lại kể chuyện gợi lòng yêu nước nhằm giác ngộ đông đảo quần chúng.

Trong giờ nghỉ, anh dẫn học sinh đi chơi núi hoặc ra sông tập bơi. Nhân lúc vắng vẻ ấy, anh mới nói chuyện thẳng Tây độc ác, muốn được sung sướng thì phải đánh đuổi nó đi, bây giờ chưa làm ngay được, còn phải giữ bí mật. Trong thời gian này Hoàng Đình Giong đặc biệt chú ý đến hai học sinh nhà ở Sóc Giang (huyện lỵ Hà Quảng) đến trọ học là Hoàng Văn Chài (tức Hoàng Tô¹) và Đào Văn Lân (tức Phúc Kiến). Anh rất yêu mến và gần gũi dạy bảo thêm hai học trò này. Do vậy, hai em tiến bộ rất nhanh.

Hết hè, Hoàng Đình Giong trở về thị xã học lại lớp nhất một năm nữa, mong thi đỗ bằng tiểu học để được đi Hà Nội học thêm. Nhưng do đã bị chính quyền thực dân chú ý theo dõi từ lúc còn học ở nhà trường, nên dù học giỏi thi vẫn không đỗ. Đến kỳ thi tháng 6-1925, thầy Thu đưa Hoàng Đình Giong đi Lạng Sơn thi lần nữa. Sau giờ thi thầy Thu nghe Hoàng Đình Giong nói lại tỏ ra rất hài lòng về các bài

1. Đồng chí Hoàng Tô sau này là Bí thư Huyện ủy Hà Quảng.

làm của anh, song qua ánh mắt thầy, anh thấy còn nỗi lo âu nào đó.

Trong dịp này Hoàng Đình Giong gặp lại Hoàng Văn Thụ¹, người bạn cùng phòng thi năm trước. Đó là một chàng trai người dân tộc Tày khôi ngô, tuấn tú, đôi mắt sáng đẹp, nụ cười tươi, giọng nói trầm ấm, truyền cảm, là học sinh học giỏi có tiếng của trường Lạng Sơn. Hai anh cùng cảnh ngộ, lại cùng họ nên đã kết nghĩa với nhau. Trong khi chờ yết bảng, Hoàng Văn Thụ có ý mời Hoàng Đình Giong về chơi thăm nhà. Được thầy khích lệ và Hoàng Đình Giong cũng cảm thấy mến Hoàng Văn Thụ, tuy mới gặp nhau ở phòng thi mà cứ ngỡ thân nhau tự bao giờ, hai người đã ra ga lên tàu ngược Đồng Đăng, xuống tàu đi bộ về Nhân Lý. Trên đường về quê bạn, từ đầu tổng đã hiện ra trước mắt cảnh núi non hùng vĩ, đẹp lạ thường, từ những vạt ruộng dọc hai triền núi cứ mở rộng dần ra những cánh đồng đang mùa lúa chiêm chín rộ, những con suối hiền hoà tưới mát những thảm ngô xanh mướt. Trên đồi núi, những cánh rừng hồi bạt ngàn xanh tươi, chạy tít tắp đến rừng đại ngàn. Càng đi, Hoàng Đình Giong càng thấy mình gắn bó với bạn hơn, bởi những suy nghĩ của bạn sao đồng cảm với anh đến

1 . Đồng chí Hoàng Văn Thụ sau này là Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

thế, kể cả tư tưởng đánh đuổi giặc Pháp, giành lại non sông gấm vóc này cho Tổ quốc.

Mãi vui chuyện, con đường như ngăn lại, hai người đã đến làng Phạc Lạn. Làng nằm tựa vào núi, phía sau là xanh biếc rừng hồi đang đậm nụ, gió đưa hương thơm nồng nàn. Thấy con trai đưa bạn cùng thi quê ở tận Cao Bằng về nhà chơi, ông Hoàng Khải Lan mừng lắm. Qua tâm sự biết Hoàng Đình Giong là cháu nội của cụ Hoàng A Cả quê Cao Bằng, ông Khải Lan bảo: “Thật là duyên kỳ ngộ, trời cho hai anh em được gặp nhau và kết bạn đây. Chú có nghe tiếng thơm của cụ Hoàng A Cả từ lâu, không chỉ ở Lạng Sơn đâu, danh tiếng của cụ vang xa đến tận Bắc Giang, Thái Nguyên cơ, chú có người anh em ở đó mà, ai cũng ngưỡng mộ công đức của cụ dẹp tan bọn phỉ Ngô Côn giúp nước cứu dân, lại còn đứng lên tụ nghĩa đánh thẳng Tây xâm lược nữa. Quý hoá lắm, cháu cứ ở chơi, coi nhà chú cũng như nhà mình, không phải băn khoăn nghĩ ngợi điều gì cả”. Đêm hôm ấy, Hoàng Đình Giong được nghe ông Lan kể chuyện về cụ tổ 3 đời mà Hoàng Văn Thụ gọi là cụ cố Hoàng Ngọc Sơn, một người thông minh, hoạt bát, nhanh nhẹn, giỏi binh thư, tinh thông võ nghệ và là một viên tướng trẻ, tài năng thời cuối Lê đầu Nguyễn. Mùa Xuân năm Kỷ Dậu (năm 1789), dưới sự chỉ huy của Quang Trung - Nguyễn Huệ, ông được giao một nhiệm vụ đặc biệt trong cuộc tổng tiến công đánh đuổi quân Thanh xâm lược. Tướng Hoàng Ngọc Sơn đã

lập công lớn và anh dũng hy sinh vào đúng ngày 30 tết. Tướng sĩ dưới quyền đã vượt qua vòng vây địch, vượt núi băng rừng đưa được thi hài của vị tướng dũng cảm, tài ba của mình về đến Phạc Lạn, tổng Nhân Lý, quê hương ông thì trời đã sang canh hai. Sau ngày toàn thắng, vua Quang Trung truy tặng công lao của ông, sắc phong “Phụng Quốc công độ sứ, Thụy Trung Dũng” và cho lập đền thờ, dựng bia đá khắc ghi công trạng tại quê hương Phạc Lạn, tổng Nhân Lý, huyện Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn... Câu chuyện khiến Hoàng Đình Giông xúc động vô cùng. Do đồng điệu với nhau về tâm hồn, cảnh ngộ, suy nghĩ hiện tại và tương lai, Hoàng Văn Thụ và Hoàng Đình Giông thưa với bố, mẹ xin kết nghĩa anh em. Ông bà Khải Lan vui mừng lắm, sáng hôm sau ông sai mổ gà, làm xôi, sắp mâm lễ, kính cáo tổ tiên cho phép Hoàng Văn Thụ, Hoàng Đình Giông kết nghĩa anh em, vui buồn, sướng khổ có nhau, tuy mỗi người một nơi nhưng cách mặt mà không cách lòng, trọn đời là anh em tốt của nhau... Khấn xong ông Hoàng Khải Lan cho Hoàng Văn Thụ và Hoàng Đình Giông dâng hương vái lạy tổ tiên. Chiều hôm đó, Hoàng Văn Thụ và Hoàng Đình Giông tạm biệt bố mẹ, gia đình, quê hương trở lại thị xã Lạng Sơn, nơi Hoàng Văn Thụ và Lương Văn Chi đang trọ học tại nhà bà Tài Chu, số 37 Chính Cai, Kỳ Lừa. Đó là ngôi nhà hai tầng, phía trước để ở, phía sau là nhà bếp. Lương Văn Chi và Hoàng Văn Thụ đưa Hoàng Đình Giông lên gác hai

phía sau. Lương Văn Chi nói: "Ở đây vừa yên tĩnh tiện cho việc học hành, nghiên cứu sách báo cấm và đàm đạo với anh em cùng chí hướng". Tuy mới tiếp xúc lần đầu, lại là anh em bạn hữu, chí cốt của Hoàng Văn Thụ nên Lương Văn Chi và Hoàng Đình Giong sớm đồng cảm với nhau. Hai hôm sau, ba người ra trường xem yết bảng. Hoàng Văn Thụ, Lương Văn Chi đều đỗ thứ hạng cao, còn Hoàng Đình Giong bị đánh trượt. Hoàng Đình Giong chia tay hai người bạn trong nỗi buồn sâu thẳm. Song Hoàng Đình Giong không muốn hai bạn buồn lây và nói với bạn: "Không sao đâu, thân phận của người dân mất nước mà, thi sĩ Nguyễn Du đã nói hộ lòng mình rồi "Bất phong trần phải phong trần - Cho thanh cao mới được phân thanh cao", nhưng rồi xem, có ngày bọn Tây sẽ bị đánh toi bời" và mời hai người nhớ lên thăm Cao Bằng.

Trở về quê hương, Hoàng Đình Giong kể cho cha nghe về chuyện ở Lạng Sơn, chuyện về gia cảnh của người bạn, chuyện về cảnh đẹp của quê hương Xứ Lạng và xin ông cho phép việc kết nghĩa anh em với Hoàng Văn Thụ. Ông Vượng rất mừng vì con trai mình đã tìm được người anh em tốt lại cùng cảnh ngộ gia đình.

Sau khi trở về Cao Bằng được ít lâu, Hoàng Đình Giong được tin Trường Bách Nghệ (Hà Nội) mở kỳ thi tuyển một số học sinh vào học nghề, mà chỉ cần học sinh đã được học qua chương trình lớp nhất.

Hoàng Đình Giông bày tỏ nguyện vọng với cha mẹ và được cha mẹ thuận lòng chuẩn bị cho con trai về Hà Nội dự thi. Hoàng Đình Giông phấn khởi lên thị xã rủ các bạn Lâm Ngọc Roanh, Nguyễn Văn Diệt cùng làm hồ sơ xin dự thi. Kết quả là không chỉ Hoàng Đình Giông đỗ ở thứ hạng cao, mà các bạn quê Cao Bằng đều đỗ, nhưng mỗi người được phân bổ vào học một khoa khác nhau. Hoàng Đình Giông vào học Ban cơ khí (Section mécanique). Tại trường, anh học chăm chỉ, vốn thông minh, tiếp thu kiến thức tốt, thường xuyên đạt điểm cao cả lý thuyết và thực hành, nên được thầy yêu bạn mến. Các bạn ở Hà Nội và vùng đồng bằng rất quý chàng thanh niên người dân tộc khoẻ mạnh, đẹp trai, tính tình cởi mở, chân thành, hồn hậu và hay giúp đỡ bạn bè rất vô tư, hồn nhiên, trong sáng. Bởi vậy Hoàng Đình Giông có thêm nhiều bạn mới cùng chí hướng với mình và được các bạn thường xuyên đưa tài liệu, báo chí bí mật cho nghiên cứu. Lúc này, trong nước đã đón nhận một làn gió cách mạng mới từ hải ngoại đưa về, đó là việc ra đời tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập với sứ mệnh cao cả là tập hợp tổ chức, bồi dưỡng những thanh niên yêu nước đấu tranh giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc. Sự kiện đó đã thổi bùng lên trong Hoàng Đình Giông niềm khát khao cháy bỏng ấp ủ bấy lâu nay của một chàng trai dân tộc miền núi hướng tới một tương lai xán lạn. Tài liệu bí mật

không chỉ tuyên truyền nâng cao lòng yêu nước, chí căm thù quân cướp nước và bè lũ bán nước, bồi dưỡng truyền thống đấu tranh bất khuất, kiên cường của dân tộc ta trong suốt chiều dài đất nước, mà còn giới thiệu về Cách mạng Tháng Mười Nga rung chuyển thế giới và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, về một nước Nga Xôviết mà tất cả mọi quyền lực thuộc về nhân dân, một chế độ không có người áp bức, bóc lột người, mọi người đều bình đẳng, nam nữ bình quyền, ai cũng được tự do đem tài năng và sức lực để mưu cầu hạnh phúc cho mình và cống hiến cho Tổ quốc. Qua nghiên cứu các tài liệu đó đã đưa Hoàng Đình Giông vào giấc mơ đẹp, giấc mơ của ngày mai chiến thắng.

II. NHỮNG NĂM THÁNG HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG Ở TRONG NƯỚC (1926-1927)

Cuối tháng 3-1926, nghe tin nhà chí sĩ Phan Chu Trinh từ trần, Hoàng Đình Giông lặn người trong cái tang lớn của dân tộc. Hoàng Đình Giông và những người bạn thân bàn chuyện cùng nhau tham gia phong trào bãi khoá của học sinh Hà Nội; tích cực tham gia tổ chức lễ truy điệu trọng thể nhà yêu nước Phan Chu Trinh. Hoảng sợ trước phong trào yêu nước của thanh niên, học sinh, địch thẳng tay đàn áp.

Sau lễ truy điệu, một số lớn học sinh Trường Bách Nghệ bị đuổi học, trong đó có Hoàng Đình Giông và cả mấy học sinh khác ở Cao Bằng. Trước hành động của địch, Hoàng Đình Giông để mấy anh em Cao Bằng về trước tuyên truyền tư tưởng yêu nước trong các bạn thanh niên và học sinh ở thị xã và Hoà An, còn mình ở lại gây dựng cơ sở, giữ mối liên lạc với phong trào thanh niên ở Hà Nội. Không được ở ký túc xá nữa, Ninh Văn Phan đón Hoàng Đình Giông về ở với mình tại gia đình ông Bùi Đức Năng là nhà tư sản yêu nước có nhà tại Hà Nội. Hoàng Đình Giông

viết thư báo tin cho Hoàng Văn Thụ. Nhận được thư Hoàng Đình Giong, Hoàng Văn Thụ và Lương Văn Chi chuẩn bị đi Hà Nội. Bà Tài Chu đã đưa cho Hoàng Văn Thụ và Lương Văn Chi một ít tiền nói là công dạy học cho hai em Quang Hồng, Quang Hoà. Hoàng Văn Thụ và Lương Văn Chi ra ga Kỳ Lừa về Hà Nội. Anh em gặp nhau tay bắt mặt mừng. Ngoài Hoàng Đình Giong, Hoàng Văn Thụ và Lương Văn Chi gặp cả Ninh Văn Phan, Bùi Đức Năng và một số bạn thân của Hoàng Đình Giong, những người cùng chí hướng tại Hà Nội. Hoàng Đình Giong đã giới thiệu Hoàng Văn Thụ và Lương Văn Chi với cụ Ngô Đức Kế là đầu mối liên lạc của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, đồng thời là người thường xuyên chỉ dẫn, cung cấp tài liệu bí mật trong thời gian này.

Sau khi chia tay Hoàng Văn Thụ và Lương Văn Chi, Hoàng Đình Giong vẫn ở lại Hà Nội tiếp tục hoạt động trong phong trào yêu nước của học sinh, sinh viên. Giữa mùa thu năm ấy, Hoàng Đình Giong tạm biệt cụ Ngô Đức Kế và bạn hữu thân thiết ở Hà Nội để trở lại Cao Bằng hoạt động. Hoàng Đình Giong đã tuyên truyền, tổ chức được một số thanh niên và học sinh ở Hoà An vào Hội thanh niên yêu nước như: Hoàng Văn Nộn¹ (tức Tú Hưu, Hoàng Như, Vĩnh Tuy,

1. Đồng chí Hoàng Văn Nộn sau này là Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng.

Văn Tân, Thiết), Lê Đoàn Chu¹ (tức Nam Cao, Mới), Nông Văn Đô (tức Bích Giang, Cát Lợi),...

Sau này có một sự kiện mà các đồng chí và bạn hữu ở Cao Bằng luôn nhớ mãi, đó là tối ngày 20-12-1926, trong cuộc gặp mặt thanh niên và học sinh lớn tuổi, Hoàng Đình Giông nói: Nếu các anh có điều kiện và hoàn cảnh học lên nữa càng tốt, miễn là các anh đừng quên rằng chúng mình là dân mất nước. Các anh thử nghĩ xem nước mình là nước Việt Nam có hàng ngàn năm văn hiến, vậy mà không còn có tên trên bản đồ nữa. Như các anh đều biết, nước mình bị chia làm ba kỳ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, cộng với hai nước Lào và Cao Miên đã biến thành xứ Đông Pháp ở phương Đông rồi đấy. Như vậy là dân Việt Nam mình và hai dân tộc Cao Miên, Lào hiện nay đang bị bọn giặc Pháp áp bức, bóc lột thậm tệ. Chúng nó mở trường học chẳng qua là để đào tạo tay sai cho chúng mà thôi. Do vậy, những ai đi học ở Trường Pháp - Việt hiện nay, càng học lên cao bao nhiêu thì chúng càng lợi dụng làm tay sai đắc lực cho chúng bấy nhiêu, bởi chúng ngầm theo dõi và quản chặt ta từ khi ngồi ghế nhà trường rồi. Vậy các anh nên coi chừng đừng để chúng nó lợi dụng nhé! Mà nên luôn luôn nhớ đến nhiệm vụ của thanh niên chúng ta là

1. Đồng chí Lê Đoàn Chu sau này là Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng.

phải giành lại độc lập cho Tổ quốc và giải phóng cho dân tộc. Cho nên hiện nay các anh còn được học hành và học lên cũng tốt, chỉ đừng có quên nhiệm vụ cứu dân, cứu nước của lớp thanh niên chúng ta. Đó là lòng thiết tha mong mỏi của cả dân tộc mình.

Sau lần gặp gỡ trao đổi với bạn hữu, Hoàng Đình Giông cùng Lê Đoàn Chu lên đường đi Quảng Uyên để tuyên truyền và tổ chức Hội thanh niên yêu nước trong thanh niên, học sinh. Lực lượng này rất hăng hái, nhiệt tình, tư tưởng chuyển biến rõ rệt. Vì vậy, chỉ ít lâu sau, tất cả học sinh lớp nhất đã tổ chức bãi khoá chống chế độ hà khắc của nhà trường đế quốc. Ở Quảng Uyên về, Hoàng Đình Giông tiếp tục hoạt động ở vùng Hoà An và xung quanh thị xã Cao Bằng.

Tháng 02-1927, ba thanh niên từ Hà Nội là Ninh Văn Phan, Bùi Đức Năng và Hoàng Bùi Phồn lên gặp Hoàng Đình Giông và các bạn ở Cao Bằng đã từng học ở Trường Bách Nghệ Hà Nội. Các bạn đã chuyển cho Hoàng Đình Giông giấy giới thiệu của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên giới thiệu các anh được xuất dương tham dự các lớp chính trị của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở nước ngoài. Nhận được tin này, đồng chí Hoàng Đình Giông vô cùng phấn khởi trước sự tin cậy của tổ chức nhưng đã quá ngày hẹn đón nên anh em bàn nhau ở lại hoạt động ở Cao Bằng một thời gian rồi sẽ tính. Với tư cách là trưởng đoàn xuất ngoại nên Hoàng Đình Giông đã

phân công Ninh Văn Phan ở lại cùng mình hoạt động tại thị xã và vùng Hoà An, cử Bùi Đức Năng và Hoàng Bùi Phôn đi Đông Khê hoạt động. Nhưng khi đến Đông Khê thì Hoàng Bùi Phôn đã về xuôi, chỉ còn Bùi Đức Năng ở lại hoạt động ở vùng thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng) và Hoà An. Đồng chí Hoàng Đình Giông và Ninh Văn Phan đã tích cực tuyên truyền tinh thần yêu nước cách mạng và đi sâu vận động trong binh lính, học sinh, thầy giáo nhằm đẩy mạnh phong trào yêu nước. Đồng chí Hoàng Đình Giông không chỉ tuyên truyền, tổ chức trong học sinh và một số thầy giáo, mà còn tuyên truyền, bắt mỗi được một người lính tên là H.C. Từ H.C đã tuyên truyền, vận động được thêm cả binh lính khác và một cai đội theo mình. Sau này họ đều là những nhân tố quan trọng của cách mạng.

Bọn mật thám phát hiện thấy hoạt động bất bình thường ở học đường và trong đời sống dân chúng. Trùm mật thám Poti đã tung tay sai đi dò la tin tức, tìm manh mối để bắt bớ những người hoạt động cách mạng trên địa bàn mà chúng phụ trách. Đồng chí Hoàng Đình Giông và Ninh Văn Phan quyết định ngược lên Sóc Giang (Hà Quảng) để hoạt động. Tại Hà Quảng, hai người đã trực tiếp gặp tri châu Bé Cao Tung để tuyên truyền, thuyết phục ông vào Hội yêu nước đánh Tây. Trong dịp này, đồng chí Hoàng Đình Giông đã gặp lại học trò Hoàng Văn Chài và Đào Văn

Lân, khi đồng chí dạy học ở Yên Luật năm xưa. Đồng chí Hoàng Đình Giông đã giải thích cặn kẽ cho hai học trò cũ thế nào là nổi nhục mất nước và đưa cho họ đọc cuốn sách *Chiêu hồn nước* của nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu. Qua anh Chài và anh Lân, đồng chí Hoàng Đình Giông và Ninh Văn Phan còn gặp gỡ một số thanh niên tốt khác như Nông Hiền Hữu (tức Quất), Đào Văn Pảo (tức Đức). Rời Sóc Giang, đồng chí Hoàng Đình Giông và Ninh Văn Phan đi vùng Yên Luật (Đào Ngạn, Hà Quảng) nơi mà đồng chí Hoàng Đình Giông đã từng dạy học trước đây để tuyên truyền, vận động số học sinh lớn tuổi và bạn bè thân quen cũ cùng vào Hội đánh Tây. Trở về Hoà An và thị xã, đồng chí Hoàng Đình Giông và Ninh Văn Phan tiếp tục tích cực hoạt động. Nhưng khi vận động đến H - lý trưởng ở Nà Roả thì tên này liền đi báo cho quan Tây biết. Chúng lập tức ra lệnh truy bắt Hoàng Đình Giông. Trong khi đó chúng đã bắt Bùi Đức Năng và giải từ Đông Khê lên nhà lao ở thị xã Cao Bằng. Tuy bị địch truy nã khắp nơi trong tỉnh, nhưng đồng chí Hoàng Đình Giông vẫn bình tĩnh hoạt động. Đồng chí đã bí mật lên Sóc Giang gặp lại tri châu Bế Cao Tung. Ông Tung thấy Hoàng Đình Giông đến thì sững sốt hỏi: "Sao anh còn lên đây? Anh chưa biết có lệnh truy nã à?". Hoàng Đình Giông điềm tĩnh trả lời: "Vì đã biết nên mới lên đây gặp lại ông để nói rõ thêm một số vấn đề nữa". Nghe

vậy ông Bế Cao Tung nói: “Tối nay anh cứ nghỉ lại đây, mai sẽ đi sớm kéo tai vách mạch rừng có khi bị khốn đốn cả hai”. Tối hôm ấy đồng chí Hoàng Đình Giông trao đổi với quan tri châu nhiều điều sâu sắc về phong trào yêu nước khắp Bắc - Trung - Nam, về tổ chức yêu nước ở hải ngoại, về sự xuất hiện trở lại của Nguyễn Ái Quốc mà đồng chí có linh cảm đó chính là vị cứu tinh của dân tộc. Đồng chí nói về tương lai và vận nước đang đến và mong quan tri châu ăn ở có đạo với dân. Ông Tung chậm rãi bày tỏ lòng mình: “Thú thực với anh tôi rất nể phục anh, mới ngoài 20 tuổi đã ôm mộng lớn đền nợ nước trả thù nhà. Thực ra lòng người dân Cao Bằng nhớ tới đạo cao đức trọng của cụ Cả nhà ta vẫn trông đợi ở chí lớn của anh, cháu đích tôn của cụ. Song việc quốc gia đại sự ví như lấp biển dời non còn nhiều mất mát gian nan lắm, mong sao anh được bình an để hoạt động, còn tôi hứa với anh ăn ở với dân cho phải đạo. Tôi biết điều đó mà”.

Từ khi rời Sóc Giang, Hà Quảng trở về, đồng chí Hoàng Đình Giông rút ra nhận định rằng, làm cách mạng đánh đuổi đế quốc xâm lược thì không thể dựa vào quan lại, tổng lý, kỳ hào được mà phải dựa vào các tầng lớp bị áp bức bóc lột thậm tệ nhất. Đồng chí đi thẳng vào Lũng Dảng thuộc xã Hoàng Tung, Hoà An, gặp Ninh Văn Phan đang tạm lánh ở đó cùng với Lê Đoàn Chu để bàn việc chuyển hướng hoạt động.

Sau khi thông nhất phương hướng hoạt động mới, Lê Đoàn Chu ở lại đi sâu vào tuyên truyền trong thanh niên, học sinh và nông dân, dần dần từng bước bí mật, chắc chắn chứ không tuyên truyền ồ ạt, rầm rộ như thời gian qua đã làm. Sáng ngày 9-4-1927, tạm biệt Lê Đoàn Chu và các bạn, đồng chí Hoàng Đình Giông cùng Ninh Văn Phan vào mở thiếp Tỉnh Túc xin việc làm để có điều kiện đi sâu tuyên truyền vận động anh chị em công nhân làm cách mạng. Để che mắt bọn mật thám, Ninh Văn Phan xin trọ ngay nhà ông Sếp Tuỳ (người quen từ trước của đồng chí Hoàng Đình Giông) để hàng ngày vào mở làm việc. Thu xếp xong mọi công việc cho Ninh Văn Phan, đồng chí Hoàng Đình Giông trở lại Hoà An ít ngày để thu xếp công việc rồi bí mật đi Nguyên Bình, qua Tỉnh Túc thẳng đến mở Bản Ty, Đầm Hồng, Tuyên Quang nhằm tuyên truyền, vận động cách mạng. Do chưa xin được việc làm, đồng chí Hoàng Đình Giông đành phải vào Bản Ty xin mở trường dạy học vì ở đây cũng tiện liên lạc với công nhân mở. Đồng chí trọ ở một nhà người dân tộc tốt bụng và chỉ sau một thời gian ngắn, đã rất gắn bó, được gia đình quý trọng. Thầy giáo trẻ Hoàng Đình Giông giỏi giang, hiểu biết nhiều, dạy học rất tận tình và có tầm nhìn xa trông rộng. Dạy học chưa được bao lâu thì đồng chí bị sốt rét ác tính, những cơn sốt rung giường, lúc rét lúc nóng. Ông chủ nhà và các bậc phụ huynh hết lòng

chăm sóc thuốc thang mà bệnh vẫn chưa thuyên giảm. Chủ nhà định làm lễ cúng xua đuổi tà ma cho đồng chí nhưng đồng chí đã nằng nặc xin ông không cúng bái làm gì cho tốn kém, hy vọng uống thuốc ít ngày rồi sẽ khỏi. Đồng chí gắng gượng viết thư báo tin cho Lê Đoàn Chu ở quê nhà. Nhận được tin, Lê Đoàn Chu lên đường đi Tuyên Quang ngay, cùng chủ nhà và phụ huynh ở đây chăm sóc thuốc thang cho đồng chí. Hoàng Đình Giông dần dần khỏi bệnh. Thấy sức khoẻ của đồng chí còn yếu quá không thể ở lâu tại đây được, Lê Đoàn Chu trở về Hoà An (Cao Bằng) chuẩn bị địa điểm để đón đồng chí Giông về. Về tới nhà, Lê Đoàn Chu báo tin cho ông Khuê (anh ruột của Hoàng Đình Giông) biết tình hình và bàn nhau quyết định nhờ thêm một thanh niên tốt ở bản của Lê Đoàn Chu. Ba người chuẩn bị xong địa điểm và lên đường đi Bản Ty (Tuyên Quang) bí mật đưa đồng chí về trú tại hang Roỏng Thốc thuộc xóm Đâu Dẳng, xã Hoàng Tung, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Đó là một hang đá cửa hẹp, càng vào trong càng rộng, có nước và đường thông lên trên núi. Tuy ở đây gần nửa tháng trời nhưng đồng chí Hoàng Đình Giông không sao về thăm nhà được vì bọn Tây ngày đêm vẫn cho mật thám vào các làng, bản lùng bắt đồng chí ráo riết. Lúc sức khoẻ đồng chí vừa mới hồi phục thì Ninh Văn Phan cũng vừa ở mỏ Tĩnh Túc ra. Hai người quyết định tìm đường sang Trung

Quốc để tìm bắt liên lạc với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Với lòng yêu nước sâu sắc và nhiệt huyết cách mạng, sau khi tìm hiểu, được biết Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đang tổ chức mở những lớp huấn luyện cách mạng trên đất Trung Quốc, đồng chí Hoàng Đình Giông đã quyết định ra đi để tìm gặp tổ chức cách mạng đó và tham gia hoạt động.

III. HOẠT ĐỘNG TẠI NƯỚC NGOÀI, TIẾP THU CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ CAO BẰNG (1927-1932)

Vào một ngày đầu thu năm 1927, hai anh Hoàng Đình Giông và Ninh Văn Phan quyết định đi ra nước ngoài. Lê Đoàn Chu (tức Lê Mới) đến làng Nà Toàn mời Hoàng Thị Sở (em gái Hoàng Đình Giông) đến hang Roỏng Thốc để anh Giông dặn dò và chuẩn bị lương thực ăn đường cho Giông và Phan. Chị Sở về nhà khẩn trương chuẩn bị đủ số lương thực. Tối hôm sau, anh Chu bí mật đưa hai anh Giông và Phan đến ngủ ở nhà anh Giông tại Nà Toàn một đêm. Theo kế hoạch đã định, khoảng 9 giờ sáng, ông Khanh¹ đưa hai anh Giông và Phan theo đường Hà Trì đi Trung Quốc. Đến xóm Phiêng Gọn (thuộc xã Tiên Thành, huyện Phục Hòa ngày nay), ông Khanh đưa hai anh vào ngủ trọ ở nhà một viên lý trưởng quen biết. Thấy anh em ở xa đến, viên lý trưởng cũng tay bắt mặt mừng đón tiếp một cách niềm nở, đồng thời nhìn kỹ

1. Chú họ của đồng chí Hoàng Đình Giông.

hai anh. Tên này liền nghĩ đến tờ trát của quan tri châu cho truy nã Hoàng Đình Giong mới cách vài ba tháng và đoán rằng trong số hai người lạ mặt này có thể có Hoàng Đình Giong (vì ông Khanh là người Nà Toàn cùng quê với Hoàng Đình Giong). Viên lý trưởng lên vào buồng xem lại tờ trát rồi nghĩ cách bắt Hoàng Đình Giong đem nộp quan trên để lĩnh thưởng và được ghi công. Cơm tối xong, chờ khách đi ngủ, viên lý trưởng trình bày ý định của mình với bố, không ngờ bị ông bố mắng: “Mày là đứa vô phúc, chính nó là Hoàng Đình Giong đấy! Nhưng mày không được bắt, vì nó là họ hàng máu mủ của tao, tao không có lương tâm làm một việc như vậy. Vả lại chúng nó làm cách mệnh chống Pháp có làm hại gì nhà mình đâu. Tao sẽ đem mảng đưa chúng nó đi, nếu mày đi báo quan châu thì tao cũng sẽ bị bắt theo, lúc đó mày tính sao?”¹. Bên phòng khách chưa ai ngủ say, đều nghe rõ cả. Thấy bố nói như vậy, viên lý trưởng đành im. Ông bố hiểu được bụng dạ đứa con, ngủ không yên, nửa đêm ông lặng lẽ bí mật đánh thức ba người dậy xuống mảng chở cả đoàn xuôi sông Bằng đi Thủy Khẩu (Trung Quốc). Phút chia tay cả hai anh Giong và Phan ôm chặt hai ông

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giong*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Cao Bằng, Cao Bằng, tr. 21.

chú họ giọng nghẹn ngào, xúc động bày tỏ lòng biết ơn và hẹn ngày gặp lại. Trời vừa sáng, hai anh Giong và Phan đi thẳng đến trụ sở Quốc dân Đảng tại Thủy Khẩu để xin đi Long Châu. Tại Long Châu, sau một thời gian tìm bắt liên lạc, đến tháng 11-1927, Hoàng Đình Giong và Ninh Văn Phan đã gặp đồng chí Bùi Ngọc Thành, cán bộ phụ trách Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Tây (Trung Quốc) và hai người được giới thiệu đến dự lớp huấn luyện chính trị của Hội. Nội dung chủ yếu của lớp huấn luyện là bồi dưỡng về con đường cách mạng, phương pháp tuyên truyền, tổ chức, giáo dục thanh niên yêu nước làm cách mạng, cách tổ chức hội bí mật và nhiều tài liệu khác.

Lớp huấn luyện này gồm ba đồng chí: Hoàng Đình Giong, Ninh Văn Phan và đồng chí Dũng (công nhân ở Hà Nội). Lớp huấn luyện kết thúc vào khoảng tháng 5-1928. Ngày 19-6-1928, đồng chí Bùi Ngọc Thành cùng cơ sở tổ chức kết nạp cả ba đồng chí vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên - tổ chức cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập. Bấy lâu nay hằng mong ước, nay tìm thấy tổ chức cách mạng mà lại được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, đồng chí Hoàng Đình Giong rất phấn khởi và tin tưởng trước sự tin cậy của tổ chức cách mạng. Với ý chí và nghị lực của tuổi trẻ, đồng chí hằng hái bước vào cuộc đời hoạt động cách mạng gian

khổ bằng tất cả bầu nhiệt huyết, nguyện sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Từ đó, đồng chí Hoàng Đình Giông tích cực tìm mọi cách để tuyên truyền, vận động đưa chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng cứu nước của Nguyễn Ái Quốc vào Cao Bằng làm tiền đề gây dựng các cơ sở của Hội.

Theo sự phân công của tổ chức, đồng chí Hoàng Đình Giông ở lại Long Châu phụ trách một số công việc của Tổng bộ Hội và giữ liên lạc với cấp trên. Đồng chí Dũng được phân công trở về Hà Nội hoạt động. Đồng chí Phan được phân công về Cao Bằng để đưa một số thanh niên đã được giác ngộ yêu nước sang Long Châu tham gia các lớp huấn luyện.

Từ Long Châu trở về Cao Bằng, đồng chí Ninh Văn Phan đã giới thiệu đồng chí Lê Đoàn Chu sang Long Châu gặp đồng chí Hoàng Đình Giông. Đồng chí Phan trở lại mở thiếc Tĩnh Túc hoạt động tuyên truyền, vận động, tổ chức gây cơ sở Hội.

Tại Long Châu, đồng chí Lê Đoàn Chu được dự lớp huấn luyện chính trị của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên,... Học xong, đồng chí Chu trở lại Cao Bằng hoạt động.

Tháng 9-1928, đồng chí Hoàng Đình Giông lại mời đồng chí Hoàng Văn Nọn (tức Hoàng Như, Tú Hưu, Vĩnh Tuy, Văn Tân, Thiết) cùng với một số thanh niên ở Cao Bằng sang Long Châu dự lớp huấn luyện. Kết thúc lớp học, đồng chí Hoàng Văn Nọn

được kết nạp vào tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Năm 1929, đồng chí Hoàng Đình Giong kết nạp thêm Lê Đoàn Chu vào Hội. Cả hai đồng chí Nọn và Chu đều được tổ chức phân công trở về hoạt động xây dựng Hội ở Cao Bằng.

Sau khi tiếp thu con đường cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền bá về nước, đồng chí Hoàng Đình Giong ra sức xây dựng cơ sở cách mạng Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Cao Bằng và đã chọn cử được nhiều thanh niên tích cực, giác ngộ đi đào tạo tại các lớp huấn luyện của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên rồi lại đưa về Cao Bằng hoạt động. Cuối năm 1928, ở Cao Bằng và mỏ thiếc Tĩnh Túc đã tổ chức được cơ sở Hội. Đây là những cơ sở Hội đầu tiên tạo tiền đề cho sự phát triển Hội mạnh mẽ hơn tại Cao Bằng.

Trong thời gian này, đồng chí Hoàng Đình Giong gặp lại đồng chí Hoàng Văn Thụ, người anh em kết nghĩa năm xưa đang cùng hoạt động trong tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Hai đồng chí vui mừng không kể xiết khi được gặp lại và tích cực hoạt động ở Long Châu, chung sức đào tạo cán bộ Cao Bằng và Lạng Sơn. Tháng 12-1929, đồng chí Lê Hồng Sơn¹ đã kết nạp các đồng chí: Hoàng Đình Giong,

1. Đồng chí Lê Hồng Sơn là một trong 5 đảng viên được đồng chí Nguyễn Ái Quốc kết nạp từ năm 1925.

Hoàng Văn Thụ, Hoàng Văn Nọn vào Đông Dương Cộng sản Đảng và thành lập chi bộ Đảng ở Long Châu (Trung Quốc), đồng chí Hoàng Đình Giông được bầu làm Bí thư Chi bộ. Đồng chí Hoàng Đình Giông cùng đồng chí Hoàng Văn Thụ đã đặt cơ sở đảng tại Long Châu. "Chi bộ được giao nhiệm vụ gây dựng và phát triển phong trào quần chúng cách mạng ở vùng biên giới Cao Bằng - Lạng Sơn, hướng dẫn thanh niên yêu nước sang dự những lớp huấn luyện cách mạng ở nước ngoài, đưa đón cán bộ đi hoạt động giữa hai vùng biên giới"¹. Như vậy, đồng chí Hoàng Đình Giông đã trở thành một trong những đảng viên đầu tiên ở vùng miền núi Cao - Lạng. Với tư cách là Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Đình Giông được Đảng trực tiếp giao nhiệm vụ chỉ đạo việc tổ chức, gây dựng và phát triển phong trào cách mạng ở Cao Bằng và Lạng Sơn.

Lúc này, tình hình trong nước đã có những chuyển biến mới. Từ sau Đại hội lần thứ I của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (tháng 5-1929), cuộc vận động tiến tới thành lập chính Đảng Cộng sản để lãnh đạo phong trào quần chúng cách mạng được xúc tiến mạnh mẽ ở cả ba kỳ Bắc - Trung - Nam.

1. *Hoàng Văn Thụ - người chiến sĩ cộng sản trung kiên bất khuất*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Lạng Sơn, Lạng Sơn, 1984, tr. 12.

Trên cơ sở ra đời của các tổ chức cộng sản, tháng 02-1930, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đại biểu Quốc tế Cộng sản, tại Cửu Long (Trung Quốc), ba tổ chức cộng sản hợp và hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị hợp nhất đã thông qua nhiều văn kiện quan trọng, trong đó có *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt* do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khởi thảo. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, đảm nhận sứ mệnh lịch sử: lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Ngay sau khi thành lập, Đảng đã chủ trương xúc tiến xây dựng, phát triển phong trào quần chúng cách mạng ở các tỉnh và thành phố, trong đó có các tỉnh miền núi Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên,...

Thực hiện chủ trương trên, đầu năm 1930, Hoàng Đình Giông đã cử đồng chí Hoàng Văn Nọn về Cao Bằng hoạt động, chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức tiến tới thành lập tổ chức đảng ở Cao Bằng. Sau một thời gian kiểm tra phong trào và thử thách rèn luyện cán bộ, đồng chí Hoàng Văn Nọn thay mặt chi bộ Long Châu kết nạp hai đồng chí tiêu biểu trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Cao Bằng là Lê Đoàn Chu (Nam Cao, Lê Mới) và Nông Văn Đô (Bích Giang, Cát Lợi) vào Đảng Cộng sản Việt Nam, và tuyên bố thành lập chi bộ Đảng của

Cao Bằng ngày 01-4-1930 tại Nặm Lìn (thuộc xã Hoàng Tung, châu Hoà An), đồng chí Hoàng Văn Nộn làm Bí thư Chi bộ. Đây là chi bộ đầu tiên ở Cao Bằng, nên ngay từ lúc được thành lập đã làm nhiệm vụ như Ban Tỉnh uỷ lâm thời, lãnh đạo phong trào cách mạng toàn tỉnh. Tại cuộc họp thành lập Chi bộ, đã đề ra hai nhiệm vụ hàng đầu là: tích cực phát triển Đảng, đặc biệt là ở khu mỏ thiếc Tĩnh Túc và ở thị xã; đẩy mạnh phong trào chống thuế, chống phụ thu lạm bổ, chống bắt phu vào ngày mùa, đi phu phải được cấp tiền, gạo, v.v..

Sự ra đời của Chi bộ Đảng ở Cao Bằng đã đánh dấu một bước phát triển mới, một bước ngoặt trên con đường đấu tranh giải phóng dân tộc. Từ đây, trong phong trào đấu tranh giành lại nền độc lập và chủ quyền của đất nước, nhân dân các dân tộc Cao Bằng vững bước đi lên dưới ngọn cờ quang vinh của Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng nhân dân cả nước đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đến khi giành được thắng lợi hoàn toàn.

Như vậy, từ những năm 1928-1930, tại các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Long Châu, đồng chí Hoàng Đình Giông vừa là người lãnh đạo vừa là giảng viên, đồng thời cũng là người chăm lo cơ sở vật chất hậu cần cho các lớp huấn luyện. Những người đã

từng được dự qua các lớp này rất mến phục đồng chí Hoàng Đình Giông, bởi tác phong giản dị, ân cần, khiêm tốn, gần gũi, gắn bó với học viên như anh em ruột thịt của đồng chí. Đồng chí Hoàng Đình Giông có kiến thức uyên bác, sâu rộng và phương pháp giảng dạy truyền cảm, hào hùng, dễ nhớ, dễ thuộc. Trong các bài giảng, đồng chí rất coi trọng công tác giữ gìn bí mật để che mắt địch, “lai vô ảnh, khứ vô hình” (đến không ai hay, đi không ai biết). Đồng chí quan tâm đến cả việc đặt tên bí mật (bí danh) cho từng cán bộ. Đồng chí giải thích cặn kẽ cho học viên rằng: Tại sao phải đánh Tây? Cách đánh Tây như thế nào? Phải biết tổ chức lực lượng từng tổ nhỏ từ ba đến năm người, không được trực tiếp liên lạc với nhau để bảo toàn lực lượng phòng khi bị địch khủng bố. Đồng chí Hoàng Đình Giông nhấn mạnh cách lợi dụng các tổ chức hợp pháp để hoạt động như: tổ chức Hội thanh niên, Hội học võ dân tộc, Hội đá bóng, Hội hàng phe, hàng phường, ma chay, tế lễ,... để tiện liên lạc với nhau và tập hợp quần chúng. Tuy giảng không có sách, không được ghi chép nhưng đồng chí phân tích cặn kẽ, cụ thể, ai cũng thấm thía và dễ hiểu. Mỗi lần các đồng chí tham dự huấn luyện xong trước khi trở về nước, đồng chí Hoàng Đình Giông gặp từng người dặn dò tỉ mỉ: “Đồng chí bây giờ là đảng viên cộng sản rồi,

mọi việc làm phải suy nghĩ thật chín chắn đừng để ảnh hưởng tới uy tín của Đảng. Rồi đây có thể gặp phải cảnh tù đày, tra tấn nhưng không vì thế mà đầu hàng, phải chịu đựng vượt qua”¹. Với trọng trách của mình, đồng chí Hoàng Đình Giông rất quan tâm đến việc đào tạo cán bộ chính trị, quân sự, chuẩn bị cán bộ nòng cốt để xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng. Đầu năm 1931, đồng chí Hoàng Đình Giông giới thiệu bốn cán bộ, đảng viên tích cực ra nước ngoài học tập quân sự gồm Nguyễn Nam Hồng (tức Trần), Hoàng Hồng Việt (tức Lịch), Đàm Thế Vinh (tức Lực), Hoàng Phúc An (tức Định Hùng). Năm 1931, đồng chí Hoàng Đình Giông giới thiệu thêm hai đồng chí Hoàng Văn Mộc (tức Sâm Sơn), Nông Văn Đô (tức Bích Giang, Cát Lợi). Các đồng chí này được đưa đến xưởng cơ khí Nam Hưng, phố Nam Môn, thành phố Nam Ninh (Quảng Tây, Trung Quốc) học kỹ thuật sửa chữa vũ khí, chế tạo lựu đạn trong thời gian khoảng hai tháng. Sau đó, đồng chí Hoàng Đình Giông đã tìm cách đưa họ vào học trường quân sự chính trị của Quốc dân Đảng ở Nam Ninh. Trong khoá học này có cả Lương Văn Chi quê ở Lạng Sơn cũng được giới thiệu đến học.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giông*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Cao Bằng, Cao Bằng, tr. 25.

Trong bối cảnh xã hội phức tạp ở Quảng Tây (Trung Quốc) lúc bấy giờ, mà ta đưa được người vào học trường quân sự chính quy là rất khó. Tiêu chuẩn của trường quy định là thí sinh phải có bằng cấp từ trung học trở lên và phải thi viết bằng chữ Hán. Song nhờ có uy tín và sự giới thiệu của đồng chí Hoàng Đình Giông và Bùi Ngọc Thành, đại diện của tổ chức Đảng ta ở nước ngoài, nên số cán bộ của ta vào học trường này được thuận lợi.

Mùa hè năm 1931, xưởng cơ khí Nam Hưng ở Nam Ninh giải thể, đồng chí Hoàng Đình Giông đã nhanh chóng thành lập xưởng dệt Định Hưng gánh vác trách nhiệm như xưởng cơ khí Nam Hưng, đặt tại đầu cầu Hợp Long, phố Hợp Long (Long Châu, Quảng Tây, Trung Quốc). Xưởng cơ khí Nam Hưng và sau này là xưởng dệt Định Hưng đã lo toan về đời sống cho một số anh em hoạt động cách mạng gian khổ, giữ đường dây liên lạc cho Đảng, hỗ trợ đồng chí Hoàng Đình Giông mở các lớp huấn luyện tại Long Châu.

Cuối năm 1932, được sự chỉ đạo của đồng chí Hoàng Đình Giông, Đảng bộ Cao Bằng thành lập cơ sở chế tạo mìn, lựu đạn ở vùng núi Lam Sơn, Hoà An. Sau một thời gian sản xuất thử, do ta thiếu nguyên liệu nên cơ sở ngừng hoạt động.

Những năm 1930-1931, ở trong nước, mâu thuẫn giữa nhân dân ta với bọn thực dân Pháp ngày càng sâu sắc, tình thế cách mạng mau chóng chín muồi.

Trước tình hình đó, Đảng ta đã phát động một cuộc đấu tranh rộng lớn trong quần chúng. Nhân ngày 01-5-1930, ngọn lửa đấu tranh cách mạng của quần chúng bùng phát. Phong trào ngày càng dâng cao và lan rộng ra trong phạm vi cả nước, ở thành thị lẫn nông thôn, từ miền xuôi đến miền ngược, mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh.

Hoảng sợ trước làn sóng đấu tranh cách mạng của quần chúng, thực dân Pháp và bọn tay sai đã tập trung lực lượng điên cuồng khủng bố, đàn áp. Chúng thẳng tay tàn sát dã man, nhiều cơ sở đảng bị vỡ, một số đồng chí cán bộ cấp cao của Đảng bị bắt, nhiều chiến sĩ cách mạng, đảng viên ưu tú bị chúng giết hại, phong trào cách mạng trong phạm vi toàn quốc ở vào tình thế khó khăn.

Tuy vậy, ở Cao Bằng, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Hoàng Đình Giọng, các cơ sở đảng, phong trào cách mạng của quần chúng tiếp tục được củng cố và phát triển trong những năm 1930-1935. Nhiều chi bộ mới được thành lập: tháng 6-1930, Chi bộ Phúc Tăng (Hoà An); tháng 10-1930, Chi bộ mở thiếc Tĩnh Túc; tháng 10-1930, Chi bộ xã Xuân Phách (Hoà An); tháng 6-1931, Chi bộ xã Sóc Hà (Hà Quảng); tháng 3-1932, Chi bộ xã Chí Thảo (Quảng Uyên); tháng 2-1933, Chi bộ xã Vân Trình (Thạch An); năm 1935, Chi bộ xã Minh Tâm (Nguyên Bình);... Như vậy, từ một chi bộ đầu tiên được thành lập từ ngày 01-4-1930 đến

năm 1935 đã có 10 chi bộ hoạt động ở 5 huyện (Hoà An, Hà Quảng, Quảng Uyên, Thạch An, Nguyên Bình) và mở thiếc Tĩnh Túc với số đảng viên trên 70 đồng chí. Thực hiện chủ trương của Chi bộ Đảng ở Long Châu, Ban Tỉnh uỷ Cao Bằng đã lần lượt chọn cử nhiều thanh niên yêu nước ra nước ngoài học tập, dự các lớp huấn luyện của Đảng tại Long Châu (Trung Quốc). Các lớp huấn luyện này đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ để trở lại Cao Bằng hoạt động. Từ đó nhiều cán bộ Cao Bằng lần lượt được cử đi các tỉnh miền xuôi chấp nối liên lạc với các cơ sở trong nước, tiêu biểu là các đồng chí Hoàng Đình Giông, Hoàng Văn Nọn,... góp phần phục hồi cơ sở đảng trong những năm 1932-1935. Những lớp cán bộ được đào tạo từ Long Châu trở về hoạt động ngay từ đầu đã tỏ ra vững vàng về tư tưởng, trưởng thành nhanh chóng qua các thời kỳ vận động cách mạng, trở thành hạt nhân, đủ sức và uy tín lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Vừa củng cố và phát triển tổ chức cơ sở đảng, đồng chí Hoàng Đình Giông vừa chỉ đạo việc thành lập các tổ chức cách mạng của quần chúng ở Cao Bằng. Cuối năm 1931 đầu năm 1932 ra đời tổ chức Cộng sản đoàn, lúc đầu số đoàn viên ít, hoạt động chủ yếu ở các châu Hoà An, Hà Quảng. Năm 1931, Công hội đỏ, một tổ chức rộng rãi của giai cấp công nhân, được thành lập tại khu mỏ thiếc Tĩnh Túc.

Năm 1933, ở Hoà An có tổ chức Nông hội đỏ, sau đó phát triển sang châu Hà Quảng, Nguyên Bình. Các tổ chức quần chúng nêu trên ra đời đã tập hợp, vận động được đông đảo các đoàn viên, hội viên tích cực tham gia các cuộc đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhờ sự hoạt động tích cực của tổ chức đảng, của các tổ chức cách mạng và sự giác ngộ của quần chúng, phong trào đấu tranh được phát triển nhanh dưới nhiều hình thức phong phú, lan rộng khắp các địa phương. Các cuộc rải truyền đơn, treo cờ đỏ tại thị xã Cao Bằng, thị trấn Nước Hai, khu mỏ thiếc Tĩnh Túc cùng với phong trào đấu tranh của quần chúng đòi giảm thuế, chống bắt phu vào ngày mùa, đi phu phải được cấp tiền, gạo,... lan rộng và mạnh mẽ, đã xuất hiện hình thức xuống đường biểu tình. Như vậy, rõ ràng là sau cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh mặc dù thực dân Pháp tập trung khủng bố, thẳng tay đàn áp dã man, nhưng phong trào cách mạng ở Cao Bằng vẫn giữ vững và phát triển trong những năm 1932, 1933, 1934.

Ngoài nhiệm vụ chung của Đảng, đồng chí Hoàng Đình Giông còn chỉ đạo Tỉnh uỷ Cao Bằng xuất bản tờ báo *Cờ đỏ*, cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ. Trụ sở báo *Cờ đỏ* đặt tại hang Tắc Rù (Lam Sơn, xã Hồng Việt, huyện Hoà An ngày nay). Phương tiện in lúc đó rất đơn giản, chỉ có một phiến đá, mực in, còn giấy in do cán bộ, đảng viên và quần chúng tích cực đóng góp.

Hầu hết nội dung các bài báo do đồng chí Hoàng Đình Giong viết. Tờ báo này không những được bí mật lưu truyền tại Cao Bằng, mà còn ở các tỉnh khác. Tác dụng to lớn của tờ báo là giúp Đảng bộ Cao Bằng củng cố cả về mặt tổ chức và tư tưởng, kêu gọi động viên cán bộ, đảng viên, quần chúng tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào cách mạng do Đảng phát động.

Tháng 6-1932, Ban lãnh đạo Trung ương khởi thảo “Chương trình hành động” của Đảng và được Quốc tế Cộng sản công nhận. Chương trình hành động là một văn kiện quan trọng, có ý nghĩa chỉ đạo cuộc đấu tranh của toàn Đảng, toàn dân chống địch khủng bố trắng, giữ vững cơ sở, thúc đẩy phong trào cách mạng tiếp tục đi lên.

Nhằm khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng từ cơ sở đến Trung ương, năm 1932, đồng chí Lê Hồng Phong¹, phái viên Quốc tế Cộng sản, từ Liên Xô đến Trung Quốc, theo đường dây bí mật, tìm cách bắt liên lạc về nước nắm tình hình, củng cố các cơ sở đảng trong nước sau cuộc khủng bố đẫm máu của thực dân Pháp những năm 1931-1932. “Bước thăng trầm của cách mạng Việt Nam trong những năm 1930-1931, ai cũng rõ. Quốc tế Cộng sản cử anh Lê Hồng Phong tìm

1. Đồng chí Lê Hồng Phong sau này được Đại hội lần thứ I của Đảng bầu làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

phương cứu vãn... anh đến Nam Ninh “may mắn gặp Bùi Ngọc Thành” (theo lời anh Phong). Qua anh Thành biết được tỉnh Cao Bằng phát triển khá... Cao Bằng đã thành lập Tỉnh uỷ lâm thời, người lãnh đạo chủ chốt là Hoàng Đình Giông hiện ở Long Châu... Anh Phong mừng khôn xiết và lên ngay Long Châu gặp Giông, được Giông cho biết mọi chi tiết về tình hình Cao Bằng”. Đồng chí Lê Hồng Phong đến xưởng cơ khí Nam Hưng cũ, sau đó bắt liên lạc với cơ sở đảng ta ở Long Châu. Tại Long Châu, đồng chí Hoàng Đình Giông và đồng chí Hoàng Văn Thụ đã vinh dự được đồng chí Lê Hồng Phong bồi dưỡng về lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, phương pháp tổ chức quần chúng đấu tranh cách mạng. Đồng chí Lê Hồng Phong giao nhiệm vụ cho chi bộ hải ngoại làm liên lạc giữa Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng với các cơ sở đảng ở Bắc Kỳ. Đồng chí Lê Hồng Phong đã chỉ đạo cho các cán bộ Việt Nam còn ở Trung Quốc nhanh chóng trở về nước tổ chức các tuyến đường giao thông bí mật bảo đảm an toàn để cán bộ trở về nước hoạt động, góp phần củng cố lại cơ sở đảng, cơ sở cách mạng sau những năm bị địch khủng bố. “... đồng chí Lê Hồng Phong đã gặp đồng chí Hoàng Đình Giông tìm hiểu kỹ phong trào cách mạng tỉnh Cao Bằng, giúp Đảng

1. Nhiều tác giả: *Đầu nguồn*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 1992, tr. 69-70.

bộ Cao Bằng mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ, xây dựng Cao Bằng thành căn cứ địa cách mạng, cầu nối liên giữa Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng với phong trào cách mạng trong cả nước”¹. Sau khi được gặp đồng chí Lê Hồng Phong, đồng chí Hoàng Đình Giông nhận kế hoạch về nước với nhiệm vụ từ Cao Bằng bắt liên lạc về xuôi.

Sau một thời gian hoạt động trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng ở Cao Bằng, đồng chí Hoàng Đình Giông trở lại Long Châu cùng đồng chí Lê Hồng Phong tiếp tục mở thêm các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cho phong trào cách mạng ở các địa phương như Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lạng Sơn,...

Để nắm được tình hình phong trào cách mạng ở trong nước, đồng chí Lê Hồng Phong “đề ra mấy việc:

1. Đưa anh vào Cao Bằng tiếp xúc với đất nước và con người.

2. Thuê hẳn một nhà riêng tương đối hẻo lánh để làm trụ sở.

3. Tiếp tục mở một số lớp huấn luyện do anh phụ trách.

4. Phát triển Đảng vào người sở tại.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1930-2000)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 40.

5. Tổ chức tốt hơn nữa dây liên lạc với trong nước kể cả việc khai thác những sách báo cần thiết xuất bản ở trong nước”¹.

Tháng 7-1933, đồng chí Hoàng Đình Giông cùng đồng chí Lê Hồng Phong về Cao Bằng theo con đường Bó Cục (Trung Quốc) qua Phạc Sliến (xã Vân Trình, huyện Thạch An) do Khoát Hồ (Nguyễn Văn Mô) dẫn đường. Các đồng chí Lê Hồng Phong, Hoàng Đình Giông đã nghỉ chân trong một thời gian ngắn ở làng Phạc Sliến. Tại đây đồng chí Hoàng Đình Giông đã mở lớp huấn luyện chính trị, đào tạo bổ sung cho địa phương một số cán bộ. Qua lớp huấn luyện ngắn ngày, các đồng chí cán bộ đã nắm được chủ nghĩa Mác - Lênin, phương pháp vận động, giáo dục và tổ chức quần chúng tham gia cách mạng; bảo đảm giữ vững các tuyến đường liên lạc bí mật Long Châu - Cao Bằng trong đó có tuyến đường Bó Cục vào Cao Bằng qua châu Thạch An. Đến Ngườm Slua (xã Hoàng Tung, huyện Hoà An) đồng chí Lê Hồng Phong và đồng chí Hoàng Đình Giông làm việc với Ban Tỉnh uỷ Cao Bằng với mục đích: *Một là*, tìm hiểu việc thực hiện chủ trương, đường lối và phương pháp vận động, tổ chức các dân tộc thiểu số ở Cao Bằng tham gia đấu tranh cách mạng để làm cơ sở thực tiễn

1. Nhiều tác giả: *Đầu nguồn*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 1992, tr. 70.

cho bản tham luận của đoàn đại biểu Đảng ta về công tác vận động các dân tộc thiểu số ở Đông Dương tham gia cách mạng trình bày tại Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản vào tháng 7-1935 ở Mátxcova. Hai là, truyền đạt quyết định của Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương về việc xây dựng Cao Bằng thành một trong những cơ sở vững chắc để chấp nối liên lạc với các cơ sở đảng trong phạm vi toàn quốc sau thời kỳ bị khủng bố trắng những năm 1931-1932.

Ngoài ra, các đồng chí còn đóng góp nhiều ý kiến quý báu với Ban Tỉnh uỷ Cao Bằng về công tác lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng của quần chúng và việc cần xuất bản báo *Cờ đỏ* đều kỳ, liên tục để các cơ sở đảng nắm sát tình hình, chủ trương, đường lối của Đảng nhằm chỉ đạo phong trào giác ngộ và động viên quần chúng trong toàn quốc được thống nhất.

Hoàn thành đợt công tác ở Cao Bằng, đồng chí Lê Hồng Phong trở lại Trung Quốc để liên lạc với Quốc tế Cộng sản.

Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc châu Thạch An đã hoàn thành xuất sắc việc đưa đón đồng chí Lê Hồng Phong và đồng chí Hoàng Đình Giông trở về nước và ra nước ngoài một cách an toàn. Các chuyến đi của đồng chí Lê Hồng Phong cũng như nhiều chuyến đi của các đồng chí Hoàng Đình Giông, Hoàng Văn Thụ, Ninh Văn Phan và nhiều cán bộ

Trung ương, Xứ uỷ qua lại các trạm giao thông châu Thạch An đều được bí mật, an toàn. Trung ương Đảng, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng càng tin tưởng đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng nói chung và châu Thạch An nói riêng. Kể từ đó Cao Bằng trở thành cầu nối giữa Ban Chỉ huy ở ngoài với bộ phận lãnh đạo Trung ương đang hoạt động ở trong nước. Châu Thạch An thực sự là “cửa ngõ” của tỉnh, có đội ngũ cán bộ, đảng viên tuyệt đối trung thành với Đảng. Phong trào cách mạng ở Thạch An phát triển với những bước đi vững chắc.

Sau khi đồng chí Lê Hồng Phong trở lại Trung Quốc, đồng chí Hoàng Đình Giọng nhận nhiệm vụ xuống Hải Phòng, khu mỏ Quảng Ninh để hoạt động.

IV. CHỈ ĐẠO CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở HẢI PHÒNG, QUẢNG NINH TRONG NHỮNG NĂM 1933-1936

Tại Hải Phòng, từ giữa năm 1932, phong trào cách mạng tiếp tục bị thực dân Pháp khủng bố dữ dội. Đảng bộ Hải Phòng chuyển sang thời kỳ hoạt động vô cùng khó khăn. Kẻ thù ngày càng xảo quyết giở nhiều thủ đoạn khủng bố, đàn áp phong trào cách mạng. Các hoạt động khủng bố được chúng kết hợp chặt chẽ với chính sách về kinh tế, chính trị và tư tưởng. Việc kìm hãm kinh doanh của các nhà tư sản dân tộc nay được nối lỏng chút ít, hòng tạo ra cơ sở xã hội cho tư tưởng cải lương. Các tệ nạn nghiện hút, cờ bạc, mại dâm,... được khuyến khích. Lợi dụng tình trạng hoang mang, lo sợ trong quần chúng, bộ máy tuyên truyền của thực dân Pháp ra sức xuyên tạc, nói xấu, bôi nhọ thanh danh của những người cộng sản. Hải Phòng vốn là nơi hoạt động kinh tế sầm uất nay đình đốn nghiêm trọng. Bọn chủ tư bản nhân đó bóc lột nặng nề hơn và thẳng tay sa thải công nhân. Vùng nông thôn, nạn địa chủ, cường hào cướp đoạt

ruộng đất công diễn ra trầm trọng. Nghèo đói, đau khổ, uất hận chồng chất trong cuộc sống, tâm lý người lao động. Ở một số nơi đã nổ ra những cuộc đấu tranh tự phát quyết liệt.

“Đảng bộ Hải Phòng bị tổn thất nặng nề. Hàng trăm đảng viên và quần chúng cách mạng bị bắt và bị giam cầm, đày ải ở các nhà tù Côn Đảo, Sơn La, Buôn Ma Thuột,... Hệ thống tổ chức đảng bộ bị tan vỡ. Hoàn cảnh lịch sử mới đặt ra yêu cầu cấp thiết là: đấu tranh khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng bộ để đưa phong trào quần chúng vượt qua những thử thách và tiến lên”¹.

Được sự quan tâm của Ban lãnh đạo Trung ương và chỉ đạo của các đồng chí Hoàng Đình Giông, Hoàng Văn Thụ trong hai năm 1932-1933, cơ sở đảng và phong trào cách mạng ở Cao Bằng, Lạng Sơn đã phát triển mạnh, tạo điều kiện quan trọng cho quá trình khôi phục cơ sở đảng và phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp ở Bắc Kỳ. “Đầu năm 1933, đồng chí Hoàng Đình Giông được cử về Hải Phòng bắt mối xây dựng lại cơ sở đảng và phong trào”².

Đến Hải Phòng, đồng chí Hoàng Đình Giông đã bắt liên lạc với hai anh Duệ và Thanh. Sau khi tìm hiểu và nắm tình hình, đồng chí Hoàng Đình Giông đã vạch ra kế hoạch khôi phục, tổ chức lại cơ sở đảng

1, 2. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hải Phòng (1925-1955)*, Nxb. Hải Phòng, Hải Phòng, 1991, t. I, tr. 123.

và hướng dẫn phong trào quần chúng ở Hải Phòng. Bất chấp việc thực dân Pháp tiếp tục khủng bố, đàn áp phong trào công nhân, truy lùng đảng viên cộng sản, đồng chí Hoàng Đình Giông vẫn kiên trì, tích cực hoạt động trong hoàn cảnh rất khó khăn. Phong trào dần dần được khôi phục và một số cuộc đấu tranh đã nổ ra, đó là: “Tháng 3-1933 công nhân Cảng đấu tranh phản đối và đòi chủ phải đuổi tên đốc công người Pháp và tên cai đã đánh đập công nhân, đưa đơn kiến nghị đòi tăng lương. Trước tinh thần đấu tranh của công nhân, chủ đành phải nhượng bộ và tăng lương cho công nhân thêm 5 xu một ngày (từ 23 lên 28 xu). Giữa năm 1933 công nhân Nhà máy Tơ hợp mít tinh tuyên truyền vận động cho phong trào đấu tranh đòi thả tù chính trị. Cuộc mít tinh đã thu hút nhiều công nhân các xí nghiệp khác và nhân dân thành phố tham gia”¹.

Được sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, đầu năm 1934, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng được thành lập. Với năng lực chỉ đạo và kinh nghiệm thực tiễn, đồng chí Hoàng Đình Giông đã vinh dự được tham gia hoạt động trong Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng. Ban đặc biệt chú trọng việc khôi phục cơ sở đảng ở trong nước. Khi Xứ uỷ lâm thời Bắc Kỳ được lập lại, Xứ uỷ rất chú trọng đến Hải Phòng, vùng Duyên Hải. Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng giao nhiệm vụ cho đồng chí

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hải Phòng (1925-1955)*, Sdd, tr. 124.

Hoàng Đình Giông, với cương vị là Ủy viên Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng, Ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ, đầu năm 1934, về Hải Phòng kiểm tra, uốn nắn và tiếp tục chỉ đạo xây dựng cơ sở. Lúc này, thực dân Pháp vẫn còn khủng bố gắt gao, chúng ra sức truy lùng đảng viên cộng sản, đã có hàng trăm chiến sĩ cộng sản bị thực dân Pháp bắt giam và hàng chục đồng chí bị chúng giết hại. “Số đảng viên của Đảng bộ còn lại hơn 10 đồng chí”¹.

Sau khi đến Hải Phòng, đồng chí Hoàng Đình Giông bắt liên lạc với một số đảng viên như anh Duệ, anh Thanh,... bàn định kế hoạch khôi phục, tổ chức lại cơ sở đảng ở vùng Duyên Hải. Tại đây, đồng chí Hoàng Đình Giông đã kết nạp một số công nhân ưu tú vào Đảng, thành lập được chi bộ mới. Chi bộ có Đỗ Duy Mạc, Nguyễn Văn Cấn,... Sự hoạt động của Chi bộ đã chấp nối được với Cảng, Nhà máy Xi măng, Nhà máy Tơ, Carông, làng Lạc Viên, Hàng Kênh, An Dương, trạm liên lạc Đình Đông,... nhằm xây dựng lại tổ chức đảng và cơ sở quần chúng. “Đồng chí Hoàng Đình Giông đã cho in nhiều tài liệu, truyền đơn phát động công nhân và quần chúng đấu tranh”².

Từ Chi bộ do đồng chí Hoàng Đình Giông gây

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hải Phòng (1925-1955)*, Sđd, tr. 124.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giông*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Cao Bằng, Cao Bằng, tr. 28.

dựng lại, những năm 1934-1935, ở Hải Phòng nhiều chi bộ Đảng đã được khôi phục và là hạt nhân lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Phong trào quần chúng đã có những bước khởi sắc. Trọng tâm của phong trào là cuộc vận động đòi thả tù chính trị và thân nhân bị thực dân Pháp giam cầm ở các nhà tù. Hoạt động của “Phái đoàn điều tra của Pháp ở Đông Dương”¹ truyền đến Hải Phòng đã thúc đẩy phong trào phát triển mạnh hơn. Phạm vi cuộc vận động được mở rộng. Quần chúng cách mạng của Hải Phòng đã viết đơn thu thập chữ ký gửi cho Phái đoàn điều tra, tố cáo tội ác của thực dân Pháp, nhờ Phái đoàn can thiệp đòi chúng phải thả tù chính trị, chống chiến tranh, chống bọn phản động thuộc địa, đòi tự do dân chủ và cơm áo, hoà bình. Ở một số nhà máy, công nhân tiến hành bãi công đòi tăng lương. Trong tháng 2, tháng 3-1935, nhiều cuộc bãi công đã nổ ra ở các cơ sở sản xuất thuỷ tinh của thành phố. Toàn thể giới tiểu thương chợ Sắt đã tổ chức bãi thị, đòi giảm thuế. Tháng 5-1935, ở nông thôn Kiến An, nông dân Tĩnh

1. Do sáng kiến của Đảng Cộng sản Pháp, Hội Quốc tế cứu tế đỏ, Ủy ban Vận động đại xá tù chính trị Đông Dương và Tổng Công hội đỏ của Pháp, một Ủy ban công nhân điều tra tình hình Đông Dương đã được thành lập vào đầu năm 1934. Ủy ban này đã cử một Phái đoàn điều tra do Gabrie, nghị sĩ cộng sản đứng đầu, đến Sài Gòn... tìm hiểu tình hình tại chỗ. Kết quả, Phái đoàn đã có một bản báo cáo được công bố trên báo chí, nêu lên những tội ác của thực dân Pháp và những yêu sách cấp thiết của những người lao động Đông Dương.

Hải, Đoàn Xá, Lão Phong, Kim Sơn, Đại Trà (Kiến Thụy) nổi dậy đấu tranh chống bọn hào lý, địa chủ ức hiếp dân nghèo.

Như vậy, trong những năm 1933, 1934, 1935, cuộc đấu tranh khôi phục, phát triển phong trào cách mạng ở Hải Phòng dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng mà trực tiếp là đồng chí Hoàng Đình Giông, với lòng kiên trì, dũng cảm, chủ động, nên những cơ sở đảng đó được khôi phục, đảng viên ở cơ sở, phong trào quần chúng vẫn được duy trì. Điều này có ý nghĩa rất lớn, khẳng định thời kỳ lịch sử tập dượt đầu tiên của đảng viên và quần chúng cách mạng Hải Phòng; tạo ra những cơ sở quan trọng cho sự phát triển của cao trào dân chủ cho những năm tiếp theo và cho việc giành chính quyền sau này. Cuốn sách *Nhớ mãi tên anh* đã viết: “Đồng chí là người chiến sĩ cộng sản kiên cường, là người có vai trò to lớn duy trì, củng cố hệ thống tổ chức đảng bộ Hải Phòng ở thời kỳ phong trào cách mạng gặp khó khăn nhất. Đảng bộ và nhân dân Hải Phòng mãi mãi ghi nhớ công lao to lớn đó của đồng chí Hoàng Đình Giông”¹.

Đầu năm 1933, đồng chí Hoàng Đình Giông từ Hải Phòng đến Hòn Gai, Cẩm Phả (Quảng Ninh). Sau cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh 1930-1931, thực dân

1. *Nhớ mãi tên anh*, Nxb. Hải Phòng, Hải Phòng, 1995, tr. 64.

Pháp hoảng sợ trước khí thế cách mạng của quần chúng, chúng mở chiến dịch khủng bố trắng vào những vùng có phong trào cách mạng và những nơi tập trung đông công nhân như Quảng Ninh. Thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp, khủng bố rất dã man. Phong trào ở khu mỏ Quảng Ninh bị tổn thất nặng nề. “Tháng 10 năm 1930 khu mỏ có 64 đảng viên và 43 hội viên Công hội đỏ, đến tháng 4 năm 1931 chỉ còn 8 đảng viên và 10 hội viên Công hội đỏ. Cuối năm 1931 đến đầu năm 1932, hầu như các tổ chức đảng ở khu mỏ từ chi bộ đến Đảng uỷ mỏ và Đặc khu uỷ đều bị phá vỡ¹”. Nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên của Đảng bị địch bắt, chém giết, tù đày. Bọn mật thám, cảnh sát đã đánh đập những người bị bắt rất dã man. Chúng lập các phiên toà xử công khai, kết án rất nặng những chiến sĩ cách mạng, có người bị kết án tử hình, nhiều người bị tù từ 20 năm đến khổ sai chung thân. Đi đôi với những hành động khủng bố, bọn thực dân Pháp còn dùng thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ, lừa bịp đối với nhân dân. Chúng dùng tiền, địa vị để ban thưởng cho lũ tay sai phản động. Đối với công nhân, thực dân Pháp lấy cớ khủng hoảng kinh tế (cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới

1. *Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ninh (1928-1945)*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ninh, Quảng Ninh, 1985, t. I, tr. 115.

1929-1933) để hạ lương, giãn thợ, tăng giờ làm... ra sức bóp nặn sức lao động của công nhân. Công nhân còn bị bọn chủ thầu, giám thị, cai, xếp hành hạ, cúp phạt nặng nề.

Trước sự khủng bố, đàn áp dã man của thực dân Pháp, cán bộ, đảng viên và nhân dân khu mỏ vẫn đứng lên đấu tranh. Uy tín của Đảng, tư tưởng cách mạng đã ăn sâu vào quần chúng. Ý thức giai cấp, tinh thần chiến đấu của quần chúng cũng thêm sôi sục. Hàng loạt các cuộc đấu tranh của công nhân đã nổ ra trong thời kỳ này ở các mỏ Hà Lâm, Hà Tu, Cẩm Phả, Mông Dương,... Tuy nhiên, các cuộc đấu tranh ấy vẫn còn lẻ tẻ, thiếu sự tổ chức chặt chẽ, nguyên nhân cơ bản là do không có sự lãnh đạo trực tiếp của tổ chức đảng.

Đến Quảng Ninh, đồng chí Hoàng Đình Giọng đã tìm cách gây cơ sở và chấp nối liên lạc với những đảng viên ở mỏ còn sót lại sau thời kỳ địch khủng bố dữ dội như các đồng chí Phạm Văn Gia, Nguyễn Văn Ngư, Nguyễn Đức Cư,... Sau khi nắm tình hình, đồng chí Hoàng Đình Giọng đã chỉ đạo thành lập các cơ sở đảng và gây dựng phong trào. Trước hết cần tổ chức hội Ái hữu và Công hội đỏ gồm những người tích cực nhằm tập hợp lực lượng, tuyên truyền giác ngộ và hướng dẫn quần chúng đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế. Lấy hội Ái hữu và Công hội đỏ làm nòng cốt để tập hợp quần chúng đấu tranh đoàn kết, tương trợ, giúp

đỡ nhau, qua thử thách để phát hiện bồi dưỡng những quân chúng ưu tú kết nạp vào Đảng, tiến tới thành lập các cơ sở đảng ở khu mỏ để lãnh đạo phong trào.

Sau một thời gian hoạt động tại Hòn Gai, Cẩm Phả (Quảng Ninh), đồng chí Hoàng Đình Giông trở lại Cao Bằng rồi ra nước ngoài để báo cáo tình hình và tiếp nhận chủ trương mới của Đảng.

Như vậy, trong những năm 1932-1935, đồng chí Hoàng Đình Giông giữ vai trò con thoi hoạt động ở Cao Bằng, Hải Phòng, Quảng Ninh và nước ngoài, chấp nối lại các mối dây liên lạc với các cơ sở đảng ở Bắc Kỳ, góp phần tích cực trong việc khôi phục phong trào cách mạng những năm 1933-1935.

Năm 1934, Đảng ta quyết định tổ chức Đại hội lần thứ I vào năm 1935, nên cuối năm 1934 việc chuẩn bị cử đại biểu đi dự Đại hội lần thứ I của Đảng càng khẩn trương. Mặc dù Đại hội khai mạc vào năm 1935, nhưng với hoàn cảnh thông tin liên lạc khó khăn, nên công việc chuẩn bị phải tiến hành từ rất sớm. Đồng chí Dịch Thanh (Phương Béo) cũng từ Liên Xô về giúp chỉ đạo. Các đại biểu của Xứ uỷ Bắc Kỳ tổ chức hội nghị để lựa chọn đại biểu, và một hội nghị trên 30 đại biểu đã được tiến hành tại Long Châu (Trung Quốc). "Hội nghị đã bầu đồng chí Hoàng Đình Giông và Bùi Bảo Vân đi dự Đại hội Đảng lần thứ I"¹ tại Ma Cao (Trung Quốc).

1. Bích Tùng, Lý Đào: *Nhớ Nguồn*, Nxb. Văn hoá Dân tộc, Hà Nội, 1992, tr. 76.

“Với sự phấn đấu liên tục, không mệt mỏi cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, đồng chí Hoàng Đình Giông được bầu vào Ban Thường vụ Trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Đại hội lần thứ I họp ở Ma Cao (Trung Quốc) vào cuối tháng 3 năm 1935”¹, và được phân công phụ trách Xứ uỷ Bắc Kỳ. Tại Đại hội này, “Đồng chí Bùi Bảo Vân được bầu làm Uỷ viên dự khuyết Trung ương Đảng”².

Những đòi hỏi khách quan của phong trào cách mạng khu mỏ đã được Trung ương Đảng hết sức chú ý. Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng nhấn mạnh việc phát triển cơ sở đảng ở các trung tâm công nghiệp, các đồn điền, hầm mỏ đông công nhân. “Sau Đại hội Đảng lần thứ I, Chi bộ Long Châu được nâng lên thành Đảng bộ đặc biệt, cũng do Hoàng Đình Giông phụ trách”³. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội, đồng chí Hoàng Đình Giông được Trung ương Đảng giao nhiệm vụ trở lại vùng mỏ Hòn Gai, Cẩm Phả (Quảng Ninh) để củng cố và xây dựng phong trào. Giữa năm 1935, đồng chí Hoàng Đình Giông đến khu mỏ Quảng Ninh để kiểm tra, uốn nắn và tiếp tục chỉ đạo phong trào. Tại đây, đồng chí Hoàng Đình Giông

1. Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 1-2010.

2. Tỉnh uỷ - Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 123.

3. Bích Tùng, Lý Đào: *Nhớ Nguồn*, Nxb. Văn hoá Dân tộc, Hà Nội, 1992, tr. 77.

đã đến các cơ sở Lộ Trí, Núi Trọc, Mông Giang,... gặp được các đảng viên Hoàng Thọ Liễu, Hoàng Thọ Tập, Nguyễn Đức Thành,... Các đồng chí này ở vùng Xuân Bàng (Nam Định) bị địch khủng bố được cử ra vùng mở hoạt động. Sau khi điều tra, nắm tình hình, đồng chí Hoàng Đình Giông đã chỉ đạo việc phục hồi cơ sở đảng, củng cố và phát triển hội Ái hữu và Công hội đỏ, tổ chức công nhân đấu tranh với nhiều hình thức chống bọn chủ mỏ, cai, ký, tay sai của thực dân Pháp. Các cuộc đấu tranh phải được chỉ đạo chặt chẽ, thống nhất, đặt ra những yêu sách cụ thể từ thấp đến cao, nêu rõ những khẩu hiệu tuyên truyền, khẩu hiệu hành động nhằm tập dượt cho quần chúng. Thông qua các cuộc đấu tranh nhằm giác ngộ quần chúng, phát triển lực lượng cách mạng, xây dựng tổ chức vững mạnh về số lượng, chuẩn bị khi có điều kiện sẽ tổ chức những phong trào quy mô lớn, phạm vi rộng hơn.

Sau khi nắm tình hình, chỉ đạo công tác xây dựng cơ sở đảng và phong trào, đồng chí Hoàng Đình Giông lại ra nước ngoài hoạt động trong Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí, một số chi bộ Đảng như Chi bộ Uông Bí - Vàng Danh, Chi bộ Nhà máy kềm Quảng Yên được khôi phục. Kể từ đó, phong trào đấu tranh cách mạng ở khu mỏ Quảng Ninh có tổ chức chặt chẽ và giành được nhiều thắng lợi to lớn. Hàng loạt cuộc đấu tranh của công nhân đã nổ ra với quy mô lớn, nhỏ và hình

thức phong phú. Tiêu biểu là cuộc tổng bãi công của hơn ba vạn thợ mỏ tháng 11 năm 1936 diễn ra gần 20 ngày trên toàn khu mỏ. Mở đầu là ngày 13-11-1936, hơn một vạn thợ mỏ Cẩm Phả tuyên bố bãi công đòi tăng lương, đòi chủ trả tiền mua cước xêng, dầu mỡ cho công nhân. Ngày 23-11-1936, công nhân Nhà máy cơ khí Hòn Gai, công nhân mỏ Hà Tu, Hà Lâm, Nhà máy điện Cột 5,... đều bãi công. Ngày 24-11-1936, công nhân mỏ than Mông Dương bãi công. Sáng ngày 25-11-1936, phong trào bãi công lan tới Cửa Ông, Kế Bào, Cái Đá, Đồng Đăng. “Như một vết dầu loang, tạo thành cuộc tổng bãi công của khu mỏ thu hút toàn bộ công nhân thuộc Công ty Pháp mỏ than Bắc Kỳ gồm hai vạn người tham gia”¹. Ngày 27-11-1936, công nhân khu mỏ Hòn Gai tập trung rất đông ở sân bóng đá, biến thành một cuộc biểu tình biểu dương lực lượng. Mặc dù bọn thực dân thống trị, tay sai và chủ mỏ dùng những thủ đoạn thâm độc để dụ dỗ, mua chuộc, chia rẽ, dọa nạt, bắt bớ, đánh đập,... nhưng công nhân và quần chúng lao động khu mỏ đã nêu cao tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, dũng cảm vượt qua mọi thử thách, bình tĩnh, sáng suốt chống lại âm mưu của bọn khiêu khích, kiên trì giữ

1. *Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ninh (1928-1945)*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ninh, Quảng Ninh, 1985, t. I, tr. 126.

vững đội ngũ chiến đấu. Biết không thể lay chuyển nổi tinh thần của quần chúng lao động, bọn thực dân cai trị và bọn chủ mỏ buộc phải chấp nhận toàn bộ yêu sách của những cuộc bãi công. “Cuộc tổng bãi công to lớn của hơn ba vạn công nhân khu mỏ Quảng Ninh diễn ra trong gần 20 ngày, với những thách thức gay go, quyết liệt đã thu được những thắng lợi to lớn”¹. Thắng lợi của cuộc bãi công không phải chỉ ở chỗ đạt được những mục tiêu kinh tế, mà còn có ý nghĩa chính trị sâu sắc. Tờ báo *Le Travail* đã nhận định: “Lần đầu tiên ở Đông Dương giai cấp vô sản đã giành được thắng lợi rực rỡ. Lần đầu tiên kỷ luật vô sản đã thắng sự kháng cự của bọn chủ...”.

Cuộc tổng bãi công trên tiêu biểu cho phong trào đấu tranh trong năm 1936, “Chỉ tính 6 tháng cuối năm 1936 đã có 361 cuộc đấu tranh, trong đó có 236 cuộc của công nhân. Có những cuộc bãi công có hàng nghìn công nhân tham gia,... tiêu biểu là cuộc bãi công của hơn ba vạn công nhân mỏ Hòn Gai, Cẩm Phả”.

Như vậy, được Trung ương giao nhiệm vụ hoạt động và chỉ đạo ở khu mỏ Hòn Gai, Cẩm Phả (Quảng Ninh) những năm 1933-1935, đồng chí Hoàng Đình Giông đã

1. *Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ninh (1928-1945)*, Sđd, tr. 129.

“góp phần phục hồi phong trào công nhân khu mỏ trong những năm có nhiều khó khăn”¹. “Những việc làm của đồng chí Hoàng Đình Giông đã củng cố lòng tin và ý chí đấu tranh cho đảng viên và quần chúng trong lúc bọn thực dân Pháp ở khu mỏ thi hành chính sách khủng bố dã man”². Những hoạt động của đồng chí Hoàng Đình Giông đã tạo ra tiền đề để phong trào cách mạng tại đây nhanh chóng phục hồi và phát triển thành cao trào cách mạng, góp phần vào thắng lợi chung của cả nước trong cuộc đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh do Đảng phát động thời kỳ 1936-1939.

Trong lúc các cơ sở cách mạng ở khắp cả nước đang được phục hồi và phát triển, bọn đế quốc đánh hơi thấy cơ sở cách mạng Cao Bằng là những đầu mối quan trọng, có nhiều chiến sĩ cộng sản qua lại hoạt động, chúng tìm cách giăng lưới vây bắt cán bộ và tập trung lực lượng khủng bố, đàn áp phong trào cách mạng ở đây. Cuối tháng 8-1935, địch tiến hành vây bắt Ban Tỉnh uỷ và các đồng chí chủ chốt của Đảng

1. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ninh: *Những sự kiện lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ninh*, Quảng Ninh, 1980, tr. 63.

2. Tài liệu của Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Ninh: *Tình hình Quảng Ninh trước khi đồng chí Hoàng Đình Giông về củng cố xây dựng phong trào đấu tranh cách mạng*. Lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Cao Bằng, tr. 2, 3.

ta đang hoạt động tại Cao Bằng. Đồng chí Ngô Tuân - Ủy viên Trung ương Đảng và các đồng chí trong Ban Tỉnh uỷ như Nông Văn Đô, Ứng, Thân Văn Lữ,... đã bị địch bắt. Đây là một tổn thất nghiêm trọng của Đảng bộ Cao Bằng. Nhưng địch cũng không phá được các cơ sở đảng trong tỉnh vì các đồng chí bị bắt mặc dù bị tra tấn, đánh đập dã man, vẫn nêu cao khí phách cách mạng, lòng dũng cảm kiên cường, quyết không khai báo.

Trước tình hình đó, đầu năm 1936, đồng chí Hoàng Đình Giông, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng, từ nước ngoài trở lại Cao Bằng gặp đồng chí Lê Đoàn Chu (Lê Mới, Nam Cao), Bí thư Tỉnh uỷ, triệu tập cuộc họp Tỉnh uỷ mở rộng ở đền Vua Lê (Hoàng Tung, Hoà An) có đại biểu các châu đến dự.

Trong cuộc họp này, đồng chí Hoàng Đình Giông đã phổ biến Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng và những chủ trương của Đảng trong tình hình mới. Hội nghị vạch ra những nhiệm vụ trước mắt nhằm củng cố tổ chức để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ của Đảng: *Một là*, củng cố Đoàn Thanh niên Cộng sản làm nòng cốt thúc đẩy phong trào đấu tranh quần chúng các dân tộc phát triển. *Hai là*, đề ra kế hoạch chấp nối liên lạc giữa các cơ sở đảng trong toàn tỉnh.

“Sau cuộc họp Tỉnh uỷ mở rộng, đặc biệt là sự đóng góp chỉ đạo của đồng chí Hoàng Đình Giông, hơn nữa lại có thêm tinh thần Nghị quyết của Đại hội

Đảng soi sáng, Đảng bộ Cao Bằng đã khắc phục được những khó khăn, phong trào cách mạng Cao Bằng tiếp tục phát triển”¹.

Sau khi chỉ đạo xong cuộc họp, đồng chí Hoàng Đình Giông chuẩn bị xuống vùng Duyên Hải (Hải Phòng, Quảng Ninh) theo sự phân công của Trung ương Đảng nhằm tăng cường củng cố đường dây liên lạc từ nước ngoài về nước chỉ đạo phong trào đấu tranh cách mạng. Ban Tỉnh uỷ Cao Bằng giúp đỡ tổ chức chuyên đi này. Để che mắt địch, đồng chí Hoàng Đình Giông đổi tên là Hoàng, cùng nữ đồng chí Hoàng Thị Nghiêm (tức Vọng Bình) đóng giả vợ chồng trên tuyến đường Cao Bằng - Bắc Kạn - Thái Nguyên - Hà Nội - Hải Phòng. Chiều tối ngày 31-01-1936, đồng chí Lê Mới, Bí thư Tỉnh uỷ, tiễn hai đồng chí lên đường. Rời hang Rỗng Thốc (xã Hoàng Tung, Hòa An) đến làng Khau Roóc (phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng ngày nay) vừa lúc đi qua một con suối giữa cánh đồng thì gặp một số người đi đánh bạc từ Khau Đồn về. Bọn họ cầm ba bó đuốc sáng rực giữa cánh đồng trông trái. Không có lối nào tránh, ba đồng chí của ta vội đứng nép vào một thân cây bên bờ suối để tránh mặt. Mọi người đều lo sẽ bị lộ, vì Hoàng không phải là người địa phương, còn Vọng Bình là con gái đang đêm tối thì đi

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1930-2000)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 46-47.

dâu? Bỗng một người trong bọn họ nhìn thấy suối có nhiều cá liền reo lên: “Cá! cá! cá!”. Thế là cả bọn cúi nhìn xuống lòng suối rồi ùa đi bắt cá. Họ chạy qua chỗ các đồng chí nấp, ánh đuốc soi rõ cả mặt mà không phát hiện ra. Đợi họ đi khỏi, ba người lại lên đường đi tiếp. Hoàng cởi chiếc áo dài đưa cho Vọng Bình mặc để ban đêm có ai trông thấy cũng tưởng là đàn ông, còn anh chỉ mặc chiếc áo cánh. Khoảng 1 giờ sáng ngày 01-02-1936 thì đến núi Tài Hồ Sơn, Lê Mới chia tay Hoàng và Vọng Bình, rồi trở về. Đêm tối mịt mù, xung quanh không làng bản, sương đêm rơi tí tách, người lạnh buốt, Hoàng và Vọng Bình muốn đốt lửa lên sưởi nhưng sợ lộ lại thôi. Tang tảng sáng hai người lên đường đi Ngân Sơn. Suốt dọc đường hai người không gặp một hàng quà nào, hề nghe tiếng ô tô thì Hoàng lại tránh xuống vệ đường giấu mặt. Gần đến đồn lính, Hoàng bàn với Vọng Bình lấy một cành cây làm đòn gánh, một bên túi dết của Hoàng, một bên chiếc tay nải quần áo của Vọng Bình như hai vợ chồng về quê ăn Tết lên, khi qua đồn Benle, một người đi trước, một người đi sau, nhờ có bị bắt thì chỉ mất một người thôi. Đến Ngân Sơn vào nhà một Hoa kiều, Hoàng giới thiệu với chủ nhà là hai anh em đi buôn qua đường và xin ngủ nhờ. Trong lúc Hoàng cùng người chủ nhà nói chuyện bằng tiếng Tày, vô tình Vọng Bình nghe được và đoán Hoàng là người Hoà An.

Sáng hôm sau hai người tiếp tục lên đường đi bộ từ Ngân Sơn đến Nà Phặc thì gặp được ô tô đi Bắc Kạn rồi chuyển xe từ Bắc Kạn đi Thái Nguyên ngay.

Đến Thái Nguyên, Hoàng mua một bộ quần áo kiểu tân thời cho Vọng Bình và dặn: “Bây giờ đến đâu chúng ta cũng phải nhận nhau là vợ chồng lái buôn đấy”¹. Sau đó hai người đi ô tô hàng đến Gia Lâm rồi tranh thủ mua vé tàu hỏa đi Hải Phòng. Đến Hải Phòng, hai người tìm đến Khách sạn Đồng Lợi thuê phòng nghỉ trọ. Lúc ấy ở Hải Phòng cơ sở đảng bị địch khủng bố, nhiều đảng viên bị bắt, một số đồng chí phải tạm lánh đi nơi khác, một số đồng chí bị tình nghi mặc dù địch chưa bắt, nhưng bố trí tay sai giám sát cả gia đình, hễ có người lạ mặt đến nhà thì bắt để tra hỏi ngay.

Phong trào công nhân ở Hải Phòng có anh Cán là người tích cực tham gia trong các cuộc đấu tranh, hồi những năm 1933, 1934, khi đó đồng chí Hoàng Đình Hoàng đến Hải Phòng đã tổ chức kết nạp anh vào Đảng. Trong số gia đình bị địch tình nghi có gia đình anh Cán. Tên Đoàn Rạng (tri huyện Hải An) đã bố trí hai tên tay sai là Bằng và Vân ở gần nhà anh Cán giám sát. Hễ có người lạ mặt đến gặp anh Cán hay đến nhà anh Cán thì báo ngay cho hắn biết.

Đêm 03-02-1936, Hoàng bàn với Vọng Bình về kế hoạch tìm cơ sở liên lạc. Hoàng nói: “Năm 1934 tôi có đến gây cơ sở ở đây. Nhưng sau lần khủng bố

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giong*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Cao Bằng, Cao Bằng, 1984, tr. 32.

năm 1935 cơ sở lại bị vỡ không biết tìm thấy ai trong số các cơ sở tốt nữa không. Sáng mai tôi sẽ đi, đồng chí ở nhà không được ra ngoài. Vì đồng chí ở trên mạn ngược xuống, đi đứng, ăn nói không giống như người dưới xuôi dễ bị lộ. Tôi đi đến 11 giờ trưa tôi về, nếu quá giờ mà không thấy tôi trở lại thì phải đề phòng và tìm cách trở về Cao Bằng ngay”¹.

Sáng ngày 04-02-1936, Hoàng đi ra phố rồi đến thẳng nhà bà cụ Muôn là cơ sở cách mạng cũ mà anh đã từng sống và làm việc ở đây từ hai năm trước.

Vào đến nhà, bà cụ Muôn liền kể lại cho Hoàng nghe những sự việc đã xảy ra từ khi anh rời Hải Phòng đi nơi khác. “Từ lúc anh đi thẳng Rạng nó cứ đến hỏi tôi rằng: Mày có thấy Hoàng Đình Giong tại to hơi vênh đến nhà mày chưa? Tôi trả lời không biết ai là Hoàng Đình Giong tại vênh. Ngày nào thẳng Rạng không đến thì lại thẳng phó lý Đễ hay thẳng lính Cơ đến rình mò”².

Nghe chuyện ấy, Hoàng biết bọn đế quốc tay sai vẫn chú ý theo dõi lòng bắt mình. Sau đó anh ra phố rồi thuê xe kéo đến một cơ sở ở phố Hàng Kênh, Hải Phòng.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giong*, *Sđd*, tr. 33, 33.



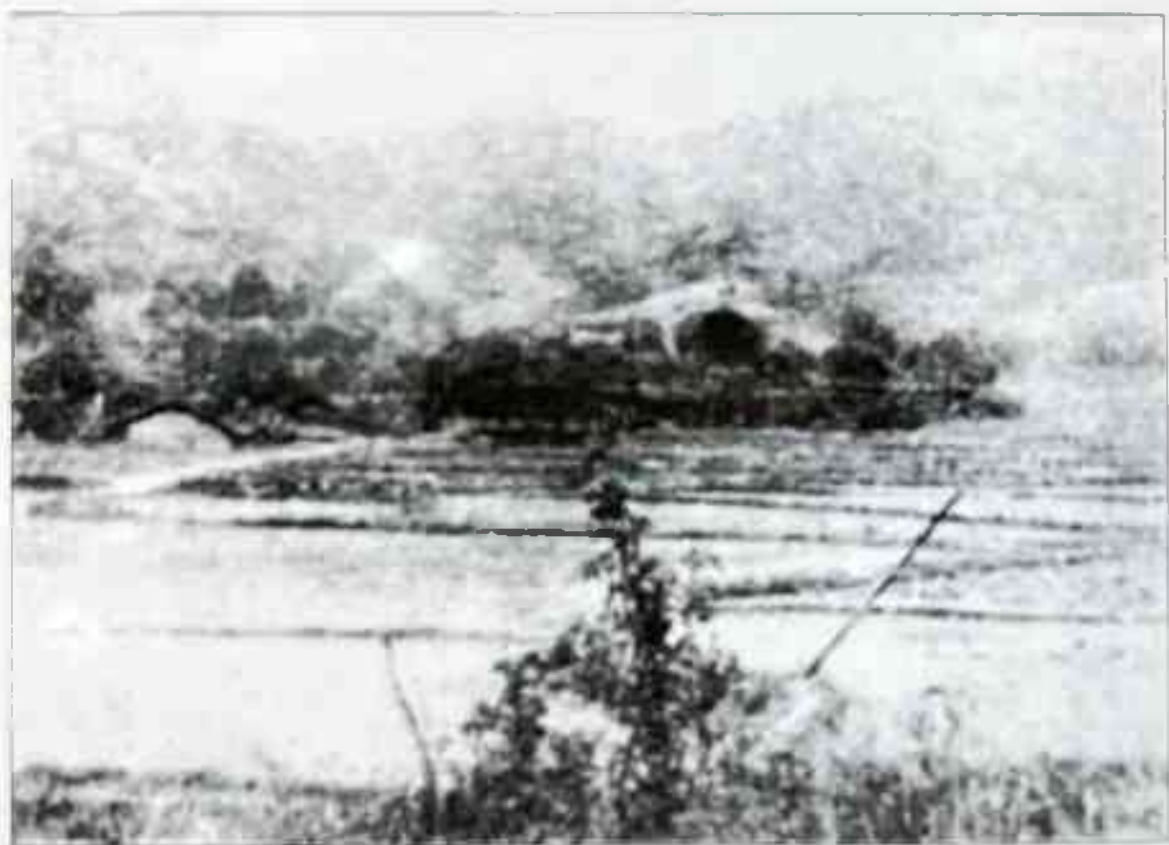
Xóm Lũng Dắng, xã Hoàng Tung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng,
nơi đồng chí Hoàng Đình Giông đến dưỡng sức năm 1927



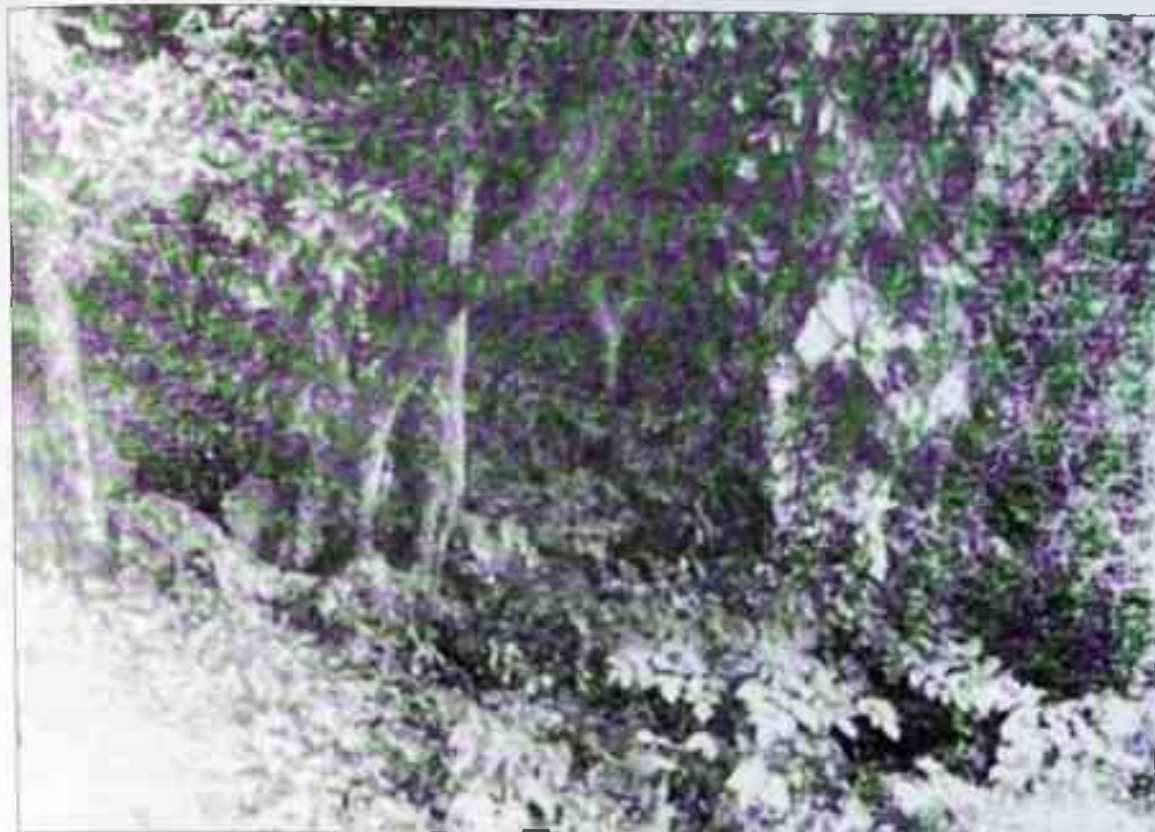
Hang Rỗng Thốc, xã Hoàng Tung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng,
nơi đồng chí Hoàng Đình Giông thường qua lại
trong những năm hoạt động cách mạng 1927, 1933, 1935



Nền nhà đồng chí Hoàng Đình Giông tại làng Nà Toàn
(nay thuộc phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng)



Làng Phò Phiệt (nay thuộc thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng,
tỉnh Cao Bằng), nơi đồng chí Hoàng Đình Giông dạy học
và tuyên truyền tư tưởng yêu nước năm 1924



Hang Ngườm Sluơ, xã Hoàng Tung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng,
nơi đồng chí Hoàng Đình Giông và đồng chí Lê Hồng Phong
gặp Ban Tỉnh ủy Cao Bằng tháng 4-1933



Khách sạn Đồng Lợi, thành phố Hải Phòng, nơi đồng chí Hoàng Đình Giông
đến trọ chờ bắt liên lạc với cơ sở cách mạng



Bà Nguyễn Thị Muôn, cơ sở nuôi và bảo vệ đồng chí Hoàng Đình Giông trong thời gian đồng chí hoạt động ở Hải Phòng những năm 1933-1936



Khu công nhân núi Trọc, mỏ than Đèo Nai (Cẩm Phả, Quảng Ninh), nơi đồng chí Hoàng Đình Giông hoạt động cách mạng những năm 1934-1935



Đường phố Hàng Kênh, thành phố Hải Phòng,
nơi đồng chí Hoàng Đình Giông bị bắt ngày 04-02-1936



Phiếu hồ sơ theo dõi đồng chí Hoàng Đình Giông
của Sở Mật thám Pháp ở thành phố Hải Phòng



Ảnh đồng chí Hoàng Đình Giông đeo số tù 6535
bị thực dân Pháp đày đi đảo Nôxilava ở Madagátxca (châu Phi)



Phiếu số 683 ghi tên đồng chí Hoàng Đình Giông
bị đày đi đảo Nôxilava ở Madagátxca (châu Phi)

V. ĐẤU TRANH TRONG NHÀ TÙ ĐẾ QUỐC, KHÔN KHÉO THOÁT KHỎI NGỤC TÙ VỀ NƯỚC HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG (1936-1945)

Đúng là kẻ địch từ lâu đã giăng bẫy, vì vậy trên đường ra phố Hàng Kênh, đồng chí Hoàng đã bị bắt. Tên tri huyện Hải An cho lục soát túi áo đồng chí Hoàng thấy có thẻ thuế thân đề tên là Trần Viên Hoà, 31 tuổi, ở làng Phương Thượng, huyện Hải Hậu, Nam Định.

Hỏi cung xong, tên tri huyện đưa Hoàng sang Kiến An trình quan tỉnh, sau đó chúng giải anh về Hải Phòng giao cho Sở mật thám ngay.

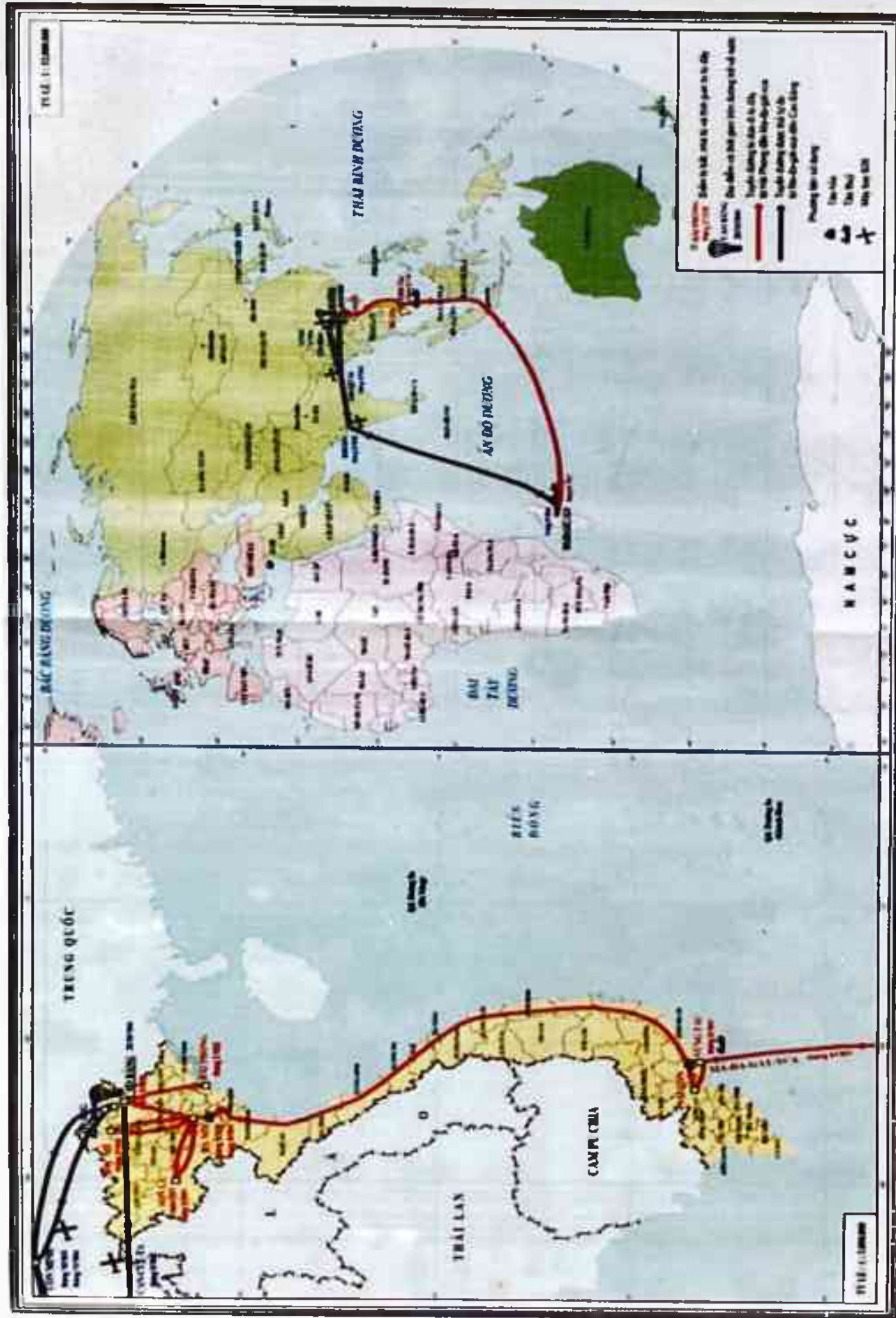
Tại Sở mật thám Hải Phòng, Hoàng bị chúng đánh một trận đòn phủ đầu, chúng tra hỏi anh đến liên lạc với ai và cô gái cùng đi theo đang ở đâu? Lúc đó mới khoảng 10 giờ sáng, Hoàng kiên quyết không khai chỗ trọ của mình để Vọng Bình có thời gian lánh ra khỏi nhà trọ. Vì vậy, Hoàng đã phải chịu thêm mấy trận đòn nữa. Mãi đến 1 giờ chiều, Hoàng nghĩ Vọng Bình đã ra khỏi nhà trọ rồi mới chịu nói ra nơi mình ngụ trọ.

Sau khi Hoàng đi khỏi, Vọng Bình liền khoá chặt cửa ở trong phòng. Chờ đến quá 11 giờ vẫn không thấy Hoàng trở về, Vọng Bình bắt đầu lo lắng, đứng ngồi không yên. Vọng Bình mở cửa sổ nhìn xuống đường phố, đã 12 giờ trưa vẫn chưa thấy Hoàng về. Vọng Bình nghĩ: “Chắc có biến cố rồi, làm thế nào bây giờ? Giá ở Cao Bằng hay ở vùng rừng núi thì không lo gì, có thể ra ngoài mà ngồi đợi. Còn ở thành phố xa lạ này thì biết đi đâu? Mà nếu đi rồi nhớ đồng chí Hoàng về tìm không thấy thì sao? Nhưng ở lại thì nguy hiểm lắm”¹. Suy nghĩ mông lung một lúc Vọng Bình quyết định đi ra ngoài nghe ngóng tình hình xem sao. Vọng Bình bèn mang theo cả khăn gói sang phố Tám Gian (nay là phố Lê Lợi, Hải Phòng) tìm phòng trọ khác, nhưng vẫn lo Hoàng về tìm nên Vọng Bình quay trở lại khách sạn nhờ vả nhân viên hầu phòng: “Nếu thấy nhà tôi về thì bảo sang phố Tám Gian tìm tôi nhé”².

Ở Tám Gian đến chiều vẫn chưa biết tin tức gì về Hoàng. Vọng Bình nóng ruột, quyết định trở lại Khách sạn Đồng Lợi nghe ngóng tình hình, chị ghé vào một quán hàng quà để hỏi chuyện bà chủ quán. Qua đó mới biết là mật thám đã bắt được một người cộng sản. Nghe chúng nói ông này làm to lắm nên

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giọng*, Sdd, tr. 35, 35.

BẢN ĐỒ CHỈ DẪN ĐIỂM ĐỒNG CHÍ HOÀNG ĐÌNH GIÔNG BỊ THỰC DÂN PHÁP BẮT ĐI TÙ ĐÀY TẠI CÁC NHÀ TÙ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC (1936-1944)



chúng được thương lớn, tri huyện Đoàn Rạng với cánh mật thám đang rất sung sướng và nhậu nhẹt đập phá ở hiệu cao lâu Hải Yên. Nghe thế, Vọng Bình chột dạ, nhưng vẫn trấn tĩnh vờ hỏi thản nhiên: “Thế cụ có biết bắt được ai không?”¹. Bà cụ trả lời: “Nghe nói bắt được một tay cộng sản ở Tàu về, còn một người con gái cùng đi nữa, mật thám đang tìm lùng bắt”². Biết đích xác là Hoàng đã bị bắt và hiện nay mật thám cũng đang tìm lùng bắt mình, Vọng Bình liền trả tiền quà rồi hỏi thăm đường ra bến ô tô trở về Hà Nội rồi sẽ trở lại Cao Bằng. Không ngờ bọn mật thám đã giăng lưới sẵn ở bến xe nên khi thấy Vọng Bình hỏi mua vé đi Hà Nội thì chúng ập đến bắt rồi đưa về Sở mật thám Hải Phòng. Tại đây chúng vừa tra khảo vừa đưa ảnh đồng chí Hoàng Đình Giông ra để Vọng Bình nhận diện. Nghe tên và nhìn ảnh đồng chí Hoàng Đình Giông mà Vọng Bình bàng hoàng: “Suốt mấy ngày đi đường đóng vai vợ đồng chí ấy mà vẫn không hay biết là đồng chí Giông, một con người mà mình vẫn khâm phục bấy lâu nay”³. Nghe giọng nói tiếng mẹ đẻ thì đoán là người Hoà An nhưng không ngờ đồng chí Hoàng lại chính là Hoàng Đình Giông người mà lâu nay bọn mật thám giăng lưới lùng bắt khắp nơi, người đã từng lập “Hội ghét Tây” rồi “Hội đánh Tây” khi mới tròn 20 tuổi; người từng bôn ba

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giông*, Sdd, tr. 35, 35, 36.

tìm đường cứu nước; người đã trở thành chiến sĩ cộng sản đầu tiên của quê hương Cao Bằng; người đã nhen nhóm ngọn lửa yêu nước và cách mạng, từng giác ngộ, bồi dưỡng, đào tạo xây dựng nên Đảng bộ Cao Bằng từ năm 1930; người đã trở thành cán bộ thượng cấp của Đảng, của cách mạng; người mà chỉ nghe danh thôi kẻ thù đã hốt hoảng lo âu mất ăn mất ngủ; người mà danh tiếng của anh là niềm tự hào, niềm thương yêu, khâm phục và kính trọng của các chiến sĩ và đồng bào cách mạng Cao Bằng. Vừa suy nghĩ tay vẫn còn cầm tấm ảnh đồng chí Hoàng Đình Giọng, Vọng Bình đã khai với bọn chúng rằng: Tôi đang trên đường định đi Vĩnh Bảo, Hải Phòng buôn ít thuốc Lào vì người nghiện ai cũng nói thuốc Lào Vĩnh Bảo là ngon nhất, đến ngã ba Khau Đôn thì gặp anh này, anh ấy hỏi: Cô đi đâu, có xa không? Tôi trả lời rằng đi Vĩnh Bảo buôn ít thuốc Lào, mới đi lần đầu chưa biết lối nào. Anh ấy nói: Tôi cũng đi Hải Phòng đây có đi tôi đưa đi. Nhìn thấy người tử tế, ăn mặc, nói năng đàng hoàng, vẻ thật thà, vậy là tôi đi xuống đây với anh ấy. Anh ấy hẹn đi có việc một lúc sẽ trở lại đưa tôi sang Vĩnh Bảo. Chờ mãi không thấy, tôi đâm hoảng không biết người này thế nào hay anh ta nói dối tôi. Thế là tôi ra bến xe định lên Hà Nội buôn ít hàng tạp hoá rồi về. Sở mật thám Hải Phòng lấy cung xong, thấy khớp với lời khai của đồng chí Hoàng Đình Giọng về người con gái cùng đi, chúng đưa Vọng Bình lên Hà Nội rồi đưa lên giam cùng trại các nữ thường phạm tại Cao Bằng chờ ngày xét xử.

Sau khi đồng chí Hoàng Đình Giông bị tra tấn mấy trận đòn đau, tên Xintơ - Chánh Sở mật thám Hải Phòng đã dùng thủ đoạn dọa dẫm, tra khảo, mua chuộc và dụ dỗ đồng chí nên “thức thời” để nhận một chức quan cao cấp ở Nam triều hay trong bộ máy nhà nước “bảo hộ” hòng ép đồng chí đầu hàng. Song, đồng chí Hoàng Đình Giông đã trả lời mạnh mẽ và đanh thép trước mặt tên Chánh Sở mật thám rằng: Chúng tôi sống và chiến đấu vì mục đích cao cả là đánh đuổi bọn xâm lược giành lại giang sơn đất nước. Chúng tôi không đánh nước Pháp văn minh, không đánh nhân dân Pháp yêu tự do, công bằng, bác ái mà chỉ đánh bọn thực dân xâm lược Pháp thôi. Chúng tôi đứng lên đấu tranh vì quyền lợi chính đáng và sự sống còn của dân tộc mình. Trong cuộc chiến đấu mất còn giữa chúng tôi, những người mất nước và các ngài, những kẻ cướp nước, việc tôi bị bắt, hy sinh vì sự nghiệp chính nghĩa là lẽ thường. Chúng tôi có ngã xuống cũng làm những viên đá lát đường cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc tôi đi đến đài vinh quang của chiến thắng. Chắc ngài đã nghe được câu nói bất hủ của nhà yêu nước Nguyễn Trung Trực của chúng tôi: “Bao giờ đất này hết cỏ thì Việt Nam mới hết người đánh Tây”.

Biết không thể khuất phục được ý chí cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giông, tên Chánh Sở mật thám dừng cuộc hỏi cung và gọi lính đưa đồng chí về

khám. Sau đó chúng đưa đồng chí Hoàng Đình Giông lên giam tại xà lim Cao Bằng cùng với các đồng chí bị địch vây bắt hồi cuối tháng 8-1935. Tuy bị giam giữ ở Cao Bằng nhưng đồng chí Hoàng Đình Giông thường bị địch giải đi đi lại lại giữa Cao Bằng - Hải Phòng để đối chất với số các đồng chí bị chúng bắt trong các vụ khác.

Sáng ngày 27-5-1936, thực dân Pháp ở Cao Bằng đã lập phiên tòa đặc biệt do viên quan năm Labbe ngồi ghế chánh án và tên quan bố chánh Đỗ Văn Bình làm hội thẩm đem hai vụ bắt ở Cao Bằng ngày 26-8-1935 và vụ bắt ở Hải Phòng ngày 04-02-1936 ra xử cùng một lúc. Tại phiên tòa này, chúng không thẩm vấn can phạm mà tuyên án luôn từng người một.

Thời gian này, xu hướng tiến bộ của Mặt trận bình dân Pháp đã có ảnh hưởng tới phong trào cách mạng Việt Nam, buộc chúng phải thi hành một số quyền tự do, dân chủ, trong đó có việc "ân xá" tù chính trị nhằm xoa dịu tinh thần đấu tranh của nhân dân Đông Dương. Do vậy phiên tòa này không ai bị kết án nặng, chỉ Hoàng Đình Giông và Ngô Tuân bị kết án 5 năm tù, số còn lại xử từ một đến hai năm tù.

Khi tuyên án xử xong, đồng chí Hoàng Đình Giông bị giải ngay về Hà Nội để tra hỏi về các vụ có liên quan, còn các đồng chí khác ba tháng sau chúng mới giải về nhà giam Hoả Lò, Hà Nội để chờ phiên tòa thượng thẩm xét lại, nhưng hầu hết đều bị y án.

Trong đợt ân xá, ân giảm tù chính trị, nhiều người được về trước thời hạn. Duy chỉ có đồng chí Hoàng Đình Giông mà tên quan năm Labbe đã từng nói rằng là môi hiềm hoạ của nhà nước Pháp, không những không được ân giảm mà còn bị chúng đày lên nhà tù Sơn La.

Sơn La khi ấy còn rất vắng vẻ, thưa thớt dân cư. Một dãy phố lều tèo, vài chục nếp nhà tranh, mấy ngôi nhà gạch với một khu chợ. Toà sứ, nhà dây thép (bưu điện), kho bạc (tài chính), bệnh viện,... đều ở một dãy đồi cao liền đó. Trên triền đồi ấy còn có cả hai trại lính khố xanh với một viên giám binh người Pháp. Nhà tù Sơn La đã nổi tiếng từ những năm 1931-1932, là nơi bọn thực dân Pháp chọn làm "thí điểm" để thanh toán chính trị phạm. Chúng đưa tù chính trị lên đây giam cầm cho mòn mỏi dần vì khí hậu khắc nghiệt và muỗi độc sốt rét. Từ xưa đã có những câu ca dao:

"Nước Sơn La, ma Tạ Bú
Ai lên Tạ Bú, Chiềng Lề
Ngày đi thì có, ngày về thì không
Hãi hùng thay đất Sơn La
Mặt vàng bụng ỏng màu da mạ chì"¹.

Ở đây, người tù sẽ chịu mọi sự dày dọạ bởi lao

1. *Suối reo năm ấy (Hồi ký cách mạng)*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1993, tr. 44.

động khổ sai cho tới chết. Tên Công sứ Sơn La trong bản phúc trình gửi cho Thống sứ Bắc Kỳ đã viết: “Bọn này (tù cộng sản) nếu ở Hoà Lò (Hà Nội) là những tên hung hăng, khó trị thì rồi đây chỉ ít tháng nữa, vì trùng sốt rét sẽ làm cho chúng suy nhược dần để trở nên “hiền lành” và sẽ định đoạt số phận của chúng”¹. Quả như vậy, đoàn chính trị phạm bị đưa lên Sơn La những năm 1931-1932 chỉ trong 6 tháng đã chết gần 40 người, căn bệnh chủ yếu là đi tiểu ra máu; vì sốt rét, vì ăn uống kham khổ và lao động quá cực nhọc. Vây quanh nhà tù là một bức tường cao, bên trong ngăn đôi, có trại tù chính trị và tù thường phạm. Bốn phía có lô cốt lính gác ngày đêm, ở giữa có nhà bếp và dưới đó là tầng hầm xây sâu trong lòng đất chia thành phòng nhỏ hẹp (xà lim) có gông cùm gắn liền vào sàn xi măng (gọi là giường) chuyên để nhốt những tù mà chúng gọi là nguy hiểm, cầm đầu hay là chuyên trốn trại vượt ngục, v.v. quanh năm suốt tháng không có đèn, ban ngày chỉ sáng lò mờ, đi đại tiểu tiện cũng tại xà lim. Trong các trại giam thì giường nằm là sàn xi măng liền suốt trại, dưới chân là cùm bằng sắt. Mỗi trại chỉ có một hố tiêu chung. Hàng ngày từ hai, ba giờ sáng đã phải dậy xếp hàng để lần lượt đi vệ sinh. Gạo ăn bị mốc hỏng, cá khô mục đã gây bệnh kiết lỵ, thiếu thuốc men chữa, do đó nhiều người đã bị chết tại nhà tù.

1. *Suôi reo năm ấy (Hồi ký cách mạng)*, Sđd, tr. 44.

“Sang năm 1937 thì có đám anh Hoàng Đình Giong và anh Bùi Bảo Vân ở phong trào Cao Bằng bị đày lên Sơn La...”¹. Trong những năm bị giam cầm ở nhà tù Sơn La, đồng chí Hoàng Đình Giong vẫn vững vàng trước mọi đòn tra tấn dã man của kẻ thù, tham gia lãnh đạo, tổ chức đấu tranh chống lại chế độ hà khắc của nhà tù đế quốc.

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp càng ra sức xây dựng và củng cố nhà tù Sơn La. Chúng đưa tù chính trị từ nhiều nơi lên Sơn La ngày càng đông. Trong đó phần đông là cán bộ, đảng viên và quân chúng kiên trung của Đảng. Những người cộng sản nhận thức rằng, với lực lượng đảng viên đông như vậy mà không có một tổ chức thống nhất để chỉ đạo cuộc đấu tranh, tất sẽ gặp nhiều khó khăn và tổn thất không thể lường trước được. Dù khó khăn đến đâu cũng phải gấp rút thành lập được chi bộ cộng sản hạt nhân lãnh đạo của nhà tù, mới có thể giành được thắng lợi ngày càng to lớn.

Xuất phát từ yêu cầu cấp bách đó, cuối tháng 12-1939, các đảng viên trong nhà tù bí mật triệu tập hội nghị thành lập Chi bộ gồm 10 người. Đó là: “đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Văn Tiên Dũng, Hoàng Đình Giong, Nguyễn Văn Phúc, Trần Huy Liệu, Tô Hiệu,

1. *Suối reo năm ấy (Hồi ký cách mạng)*, Sđd, tr. 44.

Trần Đức Quảng, Nguyễn Văn Kim, Ngô Xuân Loan, Bùi Đình Đống và cử đồng chí Nguyễn Lương Bằng làm Bí thư Chi bộ”¹.

Tháng 5-1940, Đại hội Chi bộ thảo luận, quyết định các chủ trương công tác và bầu đồng chí Tô Hiệu làm Bí thư Chi bộ. Đại hội đã đề ra năm công tác lớn:

“ - Chi bộ lãnh đạo toàn diện hoạt động của nhà tù.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và rèn luyện đạo đức cách mạng cho đảng viên và quần chúng.

- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, huấn luyện đảng viên về lý luận Mác - Lênin và phương pháp đấu tranh cách mạng trong nhà tù.

- Xây dựng và phát triển các tổ chức quần chúng cách mạng bên trong và bên ngoài nhà tù.

- Tìm mọi cách bắt liên lạc với Xứ uỷ và Trung ương Đảng để xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên đối với chi bộ nhà tù”².

Quán triệt đầy đủ tinh thần Nghị quyết của Chi bộ, đồng chí Hoàng Đình Giông đã gương mẫu, tích cực tham gia lãnh đạo các hoạt động trong nhà tù. Đồng chí là báo cáo viên trong việc nâng cao trình độ chính trị cho anh em, tổ chức truyền đạt, quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng. Đồng chí đã vận động anh em tuyệt thực để đấu tranh trực diện với giám thị trại giam, cảm hoá thuyết phục chính họ

1, 2. *Ngục tù Sơn La, trường học đấu tranh cách mạng*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1992, tr. 36.

không gây thêm tội ác với anh em trong nhà tù, với đồng bào. Tổ chức anh em học tập chính trị, văn hoá,... Đồng chí còn dành thời gian khuyên nhủ, khích lệ đối với một số anh em dao động về tư tưởng, đập tan luận điệu phản động của bọn tởtkít. Bằng lý luận và cứ liệu đầy thuyết phục, đồng chí đã khiến một số anh em tù chính trị là đảng viên Quốc dân Đảng từ cảm tình rồi ngã sang cộng sản. Đồng chí Hoàng Đình Giông thường nói với anh em rằng, đối với tên chúa ngục thì đấu tranh phải kiên quyết và khôn khéo, còn bọn lính coi ngục, cũng có những người do hoàn cảnh mà cầm súng cho địch, trong họ còn nhiều người có lòng yêu nước, thì cần phải tuyên truyền, phân hoá, cảm hoá họ. Vì vậy, trong công tác cách mạng của Đảng phải chú ý đến công tác binh vận, họ được giác ngộ, hiểu rõ nỗi nhục thân phận của người dân mất nước, thân phận của kẻ làm tôi tớ, tay sai, dần dần đi đến tự giác cách mạng, tự giác hành động để khi thời cơ cách mạng đến là họ ôm súng địch về với cách mạng, với nhân dân. Mỗi lần có đồng chí nào được thả về, đồng chí dành tất cả tình cảm tin yêu dặn dò cặn kẽ cách để phòng sự mua chuộc, cám dỗ của địch. Đồng chí viện dẫn những tên trùm mật thám nham hiểm, đa mưu túc kế như tên Sitor, tên Đặng Uýt hay tên La Néc mà tay chân của chúng ở khắp nơi với mảnh khoé nhà nghề ngọt ngào và nụ cười nham hiểm chết người. Đồng chí lưu ý phải luôn luôn giữ vững khí tiết của người cộng sản,

trong bất luận hoàn cảnh nào cũng phải giữ được lòng trung thành với Đảng, với cách mạng, nêu cao cảnh giác để không rơi vào “cạm bẫy”, không để chúng lợi dụng.

Theo bản án ngày 27-5-1936, đến đầu tháng 02-1941, đồng chí Hoàng Đình Giông mãn hạn tù. Thời gian này cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai đã bùng nổ và lan rộng ra phạm vi toàn thế giới, thực dân Pháp càng tăng cường truy lùng và thẳng tay khủng bố, đàn áp phong trào cách mạng Đông Dương. Vì thế, ở Cao Bằng chúng bắt tới 200 người, trong đó có cả những tù chính trị trước đây đã được thả và một số đồng chí hoạt động thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936-1939) đã bị lộ. Tuy đồng chí Hoàng Đình Giông đã hết hạn tù nhưng bọn thực dân Pháp lại đưa đồng chí từ Sơn La về giam ở Hà Nội ít lâu, rồi đưa lên giam cùng với một số tù chính trị Cao Bằng tại trại tập trung Bắc Mê (Hà Giang). Ở đây bọn thực dân Pháp biết đồng chí Hoàng Đình Giông là người Tày hoạt động thông thạo ở rừng núi, để tổ chức tù chính trị trốn trại nên bọn chúng đưa đồng chí trở lại nhà tù Sơn La.

Khoảng tháng 4-1941, chế độ nhà tù Sơn La càng xiết chặt thêm sự kìm kẹp đối với tù nhân, ăn uống kham khổ, thiếu thốn hơn mà công việc mỗi ngày thêm cực nhọc. Chúng tăng giờ lao động, thay nhau ép ép tù nhân làm việc liên tục không cho nghỉ và luôn miệng quát tháo, dọa nạt. Chúng tước hết các

quyên lợi như tự quản, mua bán, nấu bếp... nên đã gây nên sự căm phẫn sục sôi của cả nhà tù. Được sự chuẩn bị từ trước, Chi bộ nhà tù đã quyết định lãnh đạo cuộc đấu tranh trong toàn trại bằng cách tuyệt thực. Kẻ thù kiên quyết đàn áp, không nhân nhượng, ngược lại chúng càng đàn áp tàn ác hơn. Cuộc tuyệt thực kéo dài hơn 5 ngày thì anh em tù nhân đã đói, khát, mệt lả không thể kêu la được nữa; nếu kéo dài cuộc đấu tranh sẽ không tránh khỏi tổn thất lớn. Tình thế đã thay đổi, lúc này Đảng rất cần nhiều cán bộ trung kiên, không thể hy sinh vô ích. Phải giữ vững khí tiết, rèn luyện được ý chí, nghị lực, đồng thời phải bảo toàn lực lượng. Từ nhận thức sáng suốt đó, cuộc đấu tranh tuyệt thực tạm dừng và nhượng bộ vì nếu tiếp tục làm căng hơn nữa sẽ bất lợi cho ta. Cuộc đấu tranh tuyệt thực chưa thu được thắng lợi nhưng qua thử thách các chiến sĩ của ta trưởng thành hơn, tích lũy được nhiều kinh nghiệm đấu tranh, hiểu rõ bản chất kẻ thù. Tiếng vang của cuộc đấu tranh đã làm tăng thêm uy tín của các chính trị phạm cộng sản.

Tháng 5-1941, sau cuộc đấu tranh tuyệt thực ở nhà tù Sơn La, đồng chí Hoàng Đình Giọng và các đồng chí khác (Lê Giản, Hoàng Hữu Nam, Nguyễn Ngọc, Dương Công Hoạt, Nguyễn Văn Minh, Trần Hiệu, Nguyễn Văn Cảnh,...) bị thực dân Pháp đày đi đảo Nôxilava ở Madagátxca, một thuộc địa của thực dân Pháp ở châu Phi. Thế là bọn thực dân Pháp đã

đẩy đồng chí Hoàng Đình Giông và nhiều chiến sĩ cộng sản Việt Nam đến tận châu Phi xa xôi, vì chúng sợ bọn phát xít Nhật lợi dụng những người cách mạng chống lại chúng. Trong số những đảng viên cộng sản lúc đó, Hoàng Đình Giông là một đồng chí kỳ cựu đã tham gia Đại hội lần thứ I của Đảng ở Ma Cao (Trung Quốc) năm 1935 và là Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng, có nhiều năm bị giam cầm ở các nhà tù của thực dân Pháp như Hoả Lò (Hà Nội), Bắc Mê (Hà Giang), nhất là ở nhà tù Sơn La. Đồng chí Hoàng Đình Giông có nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo, tổ chức đấu tranh. "Vì vậy các đồng chí Hoàng Đình Giông, Hoàng Hữu Nam, Nguyễn Văn Minh được tất cả tù chính trị suy tôn là những người lãnh đạo"¹.

Đảo Nôxilava (tiếng bản xứ nghĩa là hòn đảo dài), chiều dài khoảng 7 km, chiều ngang khoảng 2 km, cách Madagátxca khoảng 50 hải lý, hoàn toàn cách ly với thế giới bên ngoài. Hai đầu đảo có hai làng nhỏ của người bản xứ, dân cư thưa thớt, cuộc sống của họ còn rất lạc hậu. Bãi biển đẹp, nước xanh biếc, nhiều khi êm ả, nhưng đó không phải là nơi du lịch, nghỉ mát cho khách vì có rất nhiều cá mập, cá sấu, thú dữ... Hòn đảo này trước đây là trại giam những người

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giông*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Cao Bằng, Cao Bằng, 1984, tr. 38.

yêu nước Mangát. Hàng nghìn người đã bị giam, và rất nhiều bia mộ ở khu nghĩa địa, chắc chắn là của những tù nhân đã bị chết tại đây. Bọn lính Pháp đang tiếp tục sửa chữa một số trại để nhận số tù sẽ đưa từ Đông Dương đến. Ở xứ sở như vậy, người tù dù muốn cũng không có cách nào thoát được dù không có gông cùm, xiềng xích, tường chắn, hàng rào, dây thép gai, chỉ có giám thị người Pháp tên là Còlôgiăngxông và 6 lính bản xứ trực tiếp cai quản trại này.

Tại đây, đồng chí Hoàng Đình Giông đã chủ động bàn bạc với các đồng chí đảng viên cộng sản tùy theo sức khỏe của từng người mà tham gia việc cải thiện đời sống của tù nhân khi xa quê hương, Tổ quốc. Được mọi người nhất trí cao, đồng chí Hoàng Đình Giông phân thành từng nhóm, người khỏe làm nhiều hơn người yếu. Anh em đến nhà Lorét¹ mượn dụng cụ như dao, cuốc, xẻng, bình tưới... Lorét còn cho vay hạt giống, phổ biến kinh nghiệm chăm bón cho “các ông tù cộng sản Việt Nam”².

Công việc chuẩn bị được thuận lợi, nhóm chặt cây, mở rộng khu ở; nhóm vỡ đất làm vườn; nhóm rào giậu để bò và dê khỏi vào phá. Chỉ vài tháng sau rau đã

1. Nhân viên coi trạm hải đăng ở trên một quả đồi cao gần trại.

2. Lê Giản: *Những ngày sóng gió (Hồi ký)*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1995, tr. 40.

lên xanh tốt, đủ loại như cải, xà lách, bí, dưa, đậu hà lan, cà chua,... Anh em còn nuôi được cả gà, ngan, lợn, dê, vào rừng lấy củi đốt than. Những sản phẩm làm ra được vừa để cải thiện bữa ăn, vừa nhờ những thủy thủ quen đem bán ở đảo lớn. Số tiền bán được trích một phần để mua những thứ cần thiết như sách báo, đường, bánh kẹo..., một phần giữ lại làm quỹ công chi dùng sau này. Thấy anh em tù cộng sản Việt Nam sang rất nghèo nhưng hiểu biết, chịu khó và do khéo léo làm công tác binh vận, dân vận nên bọn lính quản trại, những người thủy thủ và dân bản xứ ở đảo này có nhiều thiện cảm, giúp đỡ và một phần còn nể và mến phục anh em ta.

Ngoài thời gian lao động, đồng chí Hoàng Đình Giông còn tổ chức dạy chữ Nho, giấy bút thiếu thì viết trên cát. Đồng chí Giông dạy rất nghiêm túc, mỗi tuần kiểm tra một lần. Ngoài học chữ Nho, đồng chí còn cho trao đổi, thảo luận về triết học, kinh tế học, về các vấn đề duy tâm, duy vật, biện chứng, siêu hình... rất sôi nổi; còn học thêm ngoại ngữ: Anh văn, Pháp văn và Trung văn. Đồng chí Hoàng Đình Giông, Nguyễn Văn Minh, Hoàng Hữu Nam tận tình hướng dẫn anh em một cách kín đáo; tổ chức sinh hoạt chính trị rất chặt chẽ, nhưng không lập chi bộ. Một phần do không phải đối phó những tình huống phức tạp với địch, phần khác do số lượng đảng viên ít, tổ chức không khéo dễ bị chia rẽ.

Cuối tháng 7-1941, thực dân Pháp tiếp tục đưa đến đảo Nôxilava một đoàn tù thứ hai gồm 16 người (cả cộng sản và bọn thân Nhật) từ Sài Gòn sang. Từ đó nội bộ tù chính trị trở nên phức tạp, chia thành hai phe đối lập với hai xu hướng chính trị khác nhau: cộng sản và cánh thân Nhật. Cuộc đấu tranh giữa hai phe phái đã thường xuyên diễn ra trên cả lĩnh vực chính trị, tư tưởng và hành động trong cuộc sống thực tế hằng ngày. Trước tình hình đó, đồng chí Hoàng Đình Giông nổi lên là người có tinh thần triệt để cách mạng và lập trường giai cấp vững vàng. Đồng chí bàn với Nam, Minh rồi đi đến thống nhất cao trong nội bộ những người cộng sản, chủ trương không tranh luận về chính trị với số tù chính trị thân Nhật, không bài xích họ, không cô lập họ, giúp đỡ họ, bằng lý luận và thực tiễn cuộc sống để từng bước cảm hoá, thuyết phục họ, trước hết là hãy sống và cư xử sao cho “xứng đáng là người tù chính trị, người dân Việt Nam”¹. Với bản lĩnh, vốn hiểu biết về lịch sử dân tộc, về lý luận cách mạng, qua thực tế cuộc sống hằng ngày và trong sinh hoạt hội họp, đồng chí Hoàng Đình Giông đã chân thành, bộc bạch tâm tư, nỗi niềm khi nói về

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giông*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Cao Bằng, Cao Bằng, 1984, tr. 29.

phẩm giá và nhân cách của người Việt Nam. Đồng chí nhắc đến Nguyễn Biểu khi kẻ thù sai thuộc hạ bày mâm cỗ đầu người trước mặt, nhắc đến Giang Văn Minh đi sứ và nhân cách cao cả của ông, nhắc đến Trần Bình Trọng, Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương,... những tấm gương lâm liệt hy sinh vì giang sơn đất nước. Đồng chí đã phân tích sâu sắc thuyết “Đại Đông Á” của Nhật mà đồng chí nghiên cứu qua bản tiếng Pháp. Đồng chí nói những người Việt Nam yêu nước muốn dựa vào Nhật để đánh Pháp thì anh em tù chính trị thân Nhật biểu lộ thái độ vui sướng và đồng tình. Nhưng khi đồng chí Giông phân tích tại sao khi Pháp cam tâm quy gối làm tay sai cho Nhật thì Nhật lại làm ngơ để cho bọn Pháp bắt bỏ tù và đày ải những anh em yêu nước thân Nhật sang tận đảo này, thì anh em tù chính trị thân Nhật nghe mà lặng người đi như nuốt lấy từng lời. Đồng chí Hoàng Đình Giông đã kết luận rằng: Xét cho cùng, phát xít Nhật hay thực dân Pháp đều là bọn xâm lược đất nước ta, hai con thú dữ đang ngậm chung một miếng mồi, đang giằng xé non sông đất nước ta, do đó người yêu nước chân chính phải đánh cả phát xít và thực dân. Anh em tù thân Nhật càng nghe càng thấy sáng tỏ nhiều điều, từ xa cách, thăm dò, dè chừng đến gần gũi, gắn bó, nể phục, kính trọng đồng chí Hoàng Đình Giông và các bạn tù cộng sản. Đồng chí Hoàng Đình Giông phân tích về số phận của bọn phát xít, thực

dân trước sức mạnh của Liên Xô, phe dân chủ và phong trào cách mạng thế giới đã cung cấp cho anh em có đủ căn cứ để tin tưởng vững chắc vào tiền đồ của cách mạng, khẳng định Liên Xô nhất định thắng, bọn phát xít nhất định bị diệt vong. Trong tình hình phức tạp đó và những hoạt động đấu tranh thống nhất nội bộ, anh em tù chính trị thân Nhật không chỉ tôn vinh mà còn coi đồng chí Hoàng Đình Giông là linh hồn của toàn trại. Với bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần cách mạng tiến công, luôn gần gũi, gắn bó với mọi người, đồng chí Hoàng Đình Giông đã truyền sang cho họ tinh thần lạc quan, ham học, yêu đời và niềm tin tất thắng ở ngày mai của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Mùa hè năm 1942, hải cảng Diêgô bị quân Anh và Pháp (Đògôn) đánh chiếm (Chính phủ Pêtanh đã đầu hàng dân nước Pháp cho phát xít Đức) và đang tiến dần về phía nam. Khi chiến sự vừa nổ ra thì bọn Pháp (Pêtanh) đã vội vã chuyển ngay số anh em tù chính trị Việt Nam xuống phía nam đảo, đến một trại lính thuộc thị trấn miền núi Kariăngga tỉnh Vôngđơrudơ. Nơi đây rừng nhiều, dân cư thưa thớt; có những đồn điền trồng mía, cà phê, thuốc lá, ca cao của người Pháp và người Hoa kiều. Nhà tù nằm trên sườn đồi thuộc khu vực trại lính. Nhà lợp lá, vách trát toócxi. Đời sống dân bản xứ khổ sở, thiếu thốn do chiến tranh phong toả. Vùng này khí hậu lạnh, ẩm

thấp, chật chội, đất để trống trọt ít. Tại nhà tù, sinh hoạt kham khổ, kỷ luật lúc đầu chặt chẽ vì ở giữa trại lính xung quanh có hàng rào, cổng có lính gác. Tuy ở gần thị trấn nhưng anh em tù chính trị Việt Nam không được tự do đi lại. Khi cần thứ gì thì hoặc xin phép đi mua hoặc gửi bọn lính mua giúp. Tại đây đã diễn ra cuộc đấu tranh không chào lá cờ “tam tài” của nước Pháp (Pêtanh). Đồng chí Hoàng Đình Giông đã nói thẳng với bọn chúng rằng: nước Pháp đã bị Pêtanh dâng cho phát xít Đức từ ngày 22-6-1940 rồi, còn cờ đâu mà chào. Việc này đã khiến bọn chúng vô cùng tức giận nhưng không làm gì được.

Cuối tháng 7-1942, giữa mùa hè cháy bỏng của châu Phi, quân Anh và Pháp (Đờgôn) đã chiếm được Mađagátxca. Chúng đã phát hiện có trại tù chính trị người Việt Nam tại đây. Một hôm hai viên sĩ quan Anh đến trại yêu cầu tên sen đầm Pháp (Pêtanh) phải giao cho họ kiểm soát số tù nhân này. Biết tin này, đồng chí Hoàng Đình Giông đã khẩn trương hội ý với các đồng chí Hoàng Hữu Nam, Nguyễn Văn Minh và các đồng chí cộng sản trước khi họ tiếp xúc với từng người. Các đồng chí Hoàng Đình Giông, Hoàng Hữu Nam đã nêu ra mục tiêu đấu tranh lúc này là: “Nhân cơ hội này chúng ta đòi được giải phóng để tìm cách về nước tiếp tục hoạt động... . Phương châm đấu tranh cũng được xác định là: “Các đồng chí được thả trước phải đấu tranh để các đồng

chí ở sau cùng được thả và tìm cách trở về nước”¹. Mục tiêu và phương châm đấu tranh được tất cả mọi người đồng tình và quán triệt sâu sắc.

Bước sang năm 1943, cuộc chiến tranh chống phát xít có nhiều chuyển biến mới. Qua báo chí của Pháp (Đờgôn) cho thấy tình hình quốc tế lúc này đang tiến triển có lợi cho Liên Xô và phong trào cách mạng thế giới. Bọn Pháp (Pêtanh) và bọn phản động thuộc địa ở châu Phi bị thất thế trước sự tấn công của quân Anh. Sau chiến thắng lớn của Hồng quân Liên Xô ở Xtalingorát đầu năm 1943, phe Đồng minh Mỹ, Anh, Pháp (Đờgôn) càng khẩn trương đẩy mạnh mặt trận chống phát xít Nhật ở châu Á và Thái Bình Dương (nơi Nhật đã đánh chiếm hầu hết thuộc địa của phe Đồng minh tại đây). Do đó chúng muốn lợi dụng tù chính trị ở đây về nước hoạt động cung cấp tài liệu quân sự của phát xít Nhật ở Việt Nam cho chúng. Sau khi xem xét, bọn sĩ quan tình báo Anh chọn 7 người trong số 27 tù nhân, đó là Hoàng Đình Giông, Lê Giản, Dương Công Hoạt, Hoàng Hữu Nam, Vũ Văn Địch, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Minh. Mặc dù họ biết những tù nhân này là những người cộng sản, vì cho rằng “những người cộng sản có tinh thần, quyết tâm và nghị lực

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giông*, Sđd, tr. 40.

cao và có khả năng tổ chức... Đó là những yếu tố rất cần thiết cho công việc sắp tới”¹. Phaolơ, một sĩ quan Anh thạo tiếng Pháp nói rõ với đồng chí Hoàng Đình Giông rằng chỉ có làm việc cho họ, làm theo yêu cầu của họ thì họ sẽ tổ chức huấn luyện nghiệp vụ rồi cho về nước. Có ý kiến nêu lên rằng làm như vậy thì khác nào hợp tác với đế quốc, làm tay sai cho chúng. Đồng chí Hoàng Đình Giông đã phân tích cho anh em rõ: Về hình thức là hợp tác với họ nhưng về nội dung thì phù hợp với mục tiêu và phương châm của ta là phải tìm cách trở về nước hoạt động; mặt khác cách mạng ta cũng ủng hộ Đồng minh chống phát xít. Như vậy, việc làm của chúng ta không trái với mục đích của cách mạng, của dân tộc. Nếu có học thêm nghiệp vụ tình báo, thu thập tin tức, điện đài, vũ khí,... thì cũng là dịp tốt để nâng cao năng lực hoạt động cho cách mạng lâu dài, khi có điều kiện ta cần học cả kẻ thù để chiến thắng kẻ thù. Qua sự phân tích của đồng chí Hoàng Đình Giông, anh em đã thống nhất rằng đây là cơ hội tốt để đấu tranh được trở về nước tiếp tục hoạt động cách mạng.

Trước sự đấu tranh thống nhất và kiên quyết, bọn Anh phải đồng ý cho các anh về nước hoạt động chống phát xít, “để thu thập tin tức và làm hạt nhân phát triển phong trào chiến tranh du kích chuẩn bị cho

1. Báo *An ninh thế giới*, số 479, ngày 20-8-2005, tr. 22.

những chiến dịch lớn của quân Đồng minh đánh lại phát xít Nhật”¹ ở Việt Nam. Sau một thời gian huấn luyện, Phaolơ nói với đồng chí Hoàng Đình Giong: Dù nói gì đi nữa thì tình báo Anh vẫn cứ là giỏi nhất thế giới, có điều bất ngờ là lần đầu tiên được tiếp xúc với người Việt Nam, tôi thấy ông và các bạn ông thông minh hơn tôi tưởng nhiều.

Hoàng Đình Giong và Dương Công Hoạt là hai người đầu tiên được thả khỏi nhà tù. Bọn Pháp (Đògôn) đã cho hai đồng chí ra làm lính ở hải cảng Taratôvơ, sau một thời gian họ lại đưa hai đồng chí ra làm thợ nguội ở một tỉnh phía đông nam đảo. Họ giao nhiệm vụ cho hai đồng chí là theo dõi, điều tra số Hoa kiều thân Nhật tại những nơi này. Là người đã từng hoạt động ở Trung Quốc, thông thạo tiếng phổ thông và tiếng địa phương, đồng chí Hoàng Đình Giong đã nhanh chóng hoà nhập gây được cảm tình, ấn tượng tốt đối với bà con Hoa kiều, tuyên truyền giác ngộ họ ý thức chống phát xít. “Hoàng Đình Giong giỏi về chữ Hán, nói được tiếng Trung Quốc và khá về cờ tướng, nên hàng tuần ngày chủ nhật chúng tôi trà trộn trong anh em Hoa kiều rất bình thường và thiện cảm”². Khi Lê Giản, Hoàng Hữu Nam,

1. Báo *An ninh thế giới*, số 479, ngày 20-8-2005, tr. 22.

2. Dương Công Hoạt: *Đấu tranh trong nhà tù đế quốc (Hồi ký)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng, Cao Bằng, 1997, tr. 42.

Nguyễn Văn Minh,... bị đưa từ châu Phi đến thành phố Cancúttá, Ấn Độ (thuộc địa của Anh) không gặp Hoàng Đình Giông và Dương Công Hoạt. Anh em lại đấu tranh với bọn Anh buộc bọn Pháp (Đờ-gôn) phải đưa Hoàng Đình Giông và Dương Công Hoạt từ Madagátxca bay sang Cancúttá, Ấn Độ. Tại đây những sĩ quan thuộc cơ quan tình báo Anh bố trí chỗ ăn nghỉ đầy đủ cho anh em nhưng quản thúc rất chặt, vì bọn chúng lo ngại anh em ta bắt liên lạc với những người cộng sản Ấn Độ. Cuối năm 1943, các đồng chí được người Anh thông báo chuẩn bị đưa về nước. Do đó, sau khi thống nhất nội bộ, các đồng chí đề nghị với quân Anh đưa hai đồng chí Hoàng Đình Giông và Dương Công Hoạt về trước với lý do là hai đồng chí này hiểu biết địa hình, địa thế miền núi, biên giới. Thực chất cũng nhân dịp này để đồng chí Hoàng Đình Giông liên lạc và báo cáo với Trung ương về chủ trương, sách lược tranh thủ Đồng minh về nước hoạt động.

Tháng 10-1943, quân Anh chỉ cho một mình đồng chí Hoàng Đình Giông từ thành phố Cancúttá, (Ấn Độ) bay thẳng sang Côn Minh (Vân Nam, Trung Quốc). Từ đây, quân Anh bố trí cho đồng chí đi đường bộ đến Tĩnh Tây (Quảng Tây, Trung Quốc). Như vậy, sau 8 năm, kể từ tháng 02-1936, nay được trở lại nơi đất cũ người xưa, đồng chí Hoàng Đình Giông nhớ lại những kỷ niệm của tình

quốc tế vô sản cao cả, của tấm lòng đồng chí trên đất khách quê người, thấy lòng mình ấm lại khi biết cách mạng Trung Quốc do Đảng Cộng sản lãnh đạo đang phát triển mạnh mẽ hơn lúc nào hết. Sau khi bí mật liên lạc được với các đồng chí ta đang hoạt động ở đây, đồng chí Hoàng Đình Giông được Nam Long đưa từ Cột Mả (Trung Quốc) qua biên giới vào làng Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng (Cao Bằng) rồi được người liên lạc bí mật đưa xuống huyện Hoà An gặp đồng chí Lã, Bí thư Liên Tỉnh uỷ Cao - Bắc - Lạng kiêm Bí thư Tỉnh uỷ Cao Bằng và đồng chí Vũ Anh, Uỷ viên Trung ương Đảng (đại diện Trung ương bên cạnh lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc) chỉ đạo phong trào tại căn cứ địa cách mạng Cao Bằng ở cơ quan Liên Tỉnh uỷ đặt tại vùng núi Lam Sơn. Đồng chí Hoàng Đình Giông đã báo cáo tình hình với Trung ương Đảng về chủ trương lợi dụng Đồng minh để trở về nước; “Chủ trương này được Trung ương đồng ý”¹. Đồng chí Hoàng Đình Giông rất vui mừng khi được lãnh đạo Liên Tỉnh uỷ cử đồng chí Nam Cường đưa về thăm nhà. Kể từ mùa thu năm 1927 cùng với đồng chí Ninh Văn Phan tạm biệt người thân, quê hương

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giông*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Cao Bằng, Cao Bằng, 1984, tr. 42

xuất dương tìm đường cách mạng, sau 16 năm xa cách, nay đồng chí Hoàng Đình Giông mới trở về gặp lại những người thân, bà con quê hương. Đồng chí bồi hồi xao xuyến, không cầm nổi nước mắt. Khi về thăm nhà anh đã biếu bố 100 đồng tiền Đông Dương. Mọi người rất ngạc nhiên vì anh đi tù sao có nhiều tiền thế. Anh trả lời do viết báo nên người ta trả công. Sau đó anh lại lên đường làm nhiệm vụ. “Khi ông (Hoàng Đình Giông) chuẩn bị trở lại Ấn Độ, cũng là lúc Bác Hồ bị Tưởng Giới Thạch bắt, nên đại diện Trung ương Đảng ta giao nhiệm vụ cho Hoàng Đình Giông đưa yêu sách nhờ Đảng Cộng sản Ấn Độ gây dư luận để làm áp lực, buộc quân Tưởng thả Bác”¹.

Từ Pác Bó, đồng chí Hoàng Đình Giông trở lại Vân Nam (Trung Quốc), bay sang Ấn Độ, mang theo tài liệu mà Trung ương Đảng ta đã chuẩn bị theo đúng cam kết với Đồng minh, tài liệu của Đảng ta giới thiệu với Đảng bạn về phong trào cách mạng ở nước ta tặng Thành uỷ Cancúttá và bản yêu sách của Đảng ta nhờ Đảng Cộng sản Ấn Độ. Viên sĩ quan tình báo Anh Phaolơ rất hài lòng và tin tưởng khi nghiên cứu tài liệu của đồng chí Hoàng Đình Giông chuyển cho. Thực ra đồng chí Hoàng Đình Giông biết rõ Phaolơ vẫn bí mật theo dõi từng bước

1. Báo *An ninh thế giới*, số 479, ngày 20-8-2005, tr. 22.

đi của mình. Sau khi hoàn thành "chuyến đi thử lửa", đồng chí Hoàng Đình Giong bàn với các đồng chí Lê Giản, Hoàng Hữu Nam, Dương Công Hoạt,... kế hoạch thúc đẩy bọn Anh để sớm trở về nước. Qua bọn sen đầm Pháp (Pêtanh) ở Mađagátxca và hồ sơ tù, bọn tình báo Anh biết rõ Hoàng Đình Giong là cộng sản chính công và có vị thế trong Đảng, trong lao tù của thực dân Pháp, nên chúng lập kế hoãn binh để Hoàng Đình Giong ở lại Ấn Độ với lý do bàn tiếp một số công việc cấp thiết và sẽ về Việt Nam chuyên sau. Biết được âm mưu này, một cuộc đấu tranh mềm dẻo và quyết liệt giữa tập thể tù chính trị Việt Nam với bọn Anh bằng những lý lẽ xác đáng mà chúng không thể lẩn tránh được. Cuối cùng chúng buộc phải chấp nhận cho đồng chí Hoàng Đình Giong về nước chuyên cuối cùng. Các đồng chí của ta lại tiếp tục đấu tranh với những luận cứ không thể bài bác được, chúng đành phải đồng ý cho đồng chí Hoàng Đình Giong về nước chuyên đầu tiên. Để chuẩn bị cho chuyến trở về, bọn Anh tính toán cả phương án vượt biển bằng tàu ngầm, hoặc đường bộ, nhưng cuối cùng chúng đã chọn phương án đổ bộ bằng đường không vừa giữ được bí mật vừa có thể tới thẳng những vùng căn cứ của ta, đảm bảo cho người và phương tiện an toàn. Bảy người được đưa đến Raoanpindi, miền rừng núi phía bắc Ấn Độ

(nay thuộc Pakixtan) để tập nhảy dù. Chỉ sau một tháng luyện tập, tất cả đều thành thạo kỹ thuật, trước sự ngạc nhiên và thán phục của các sĩ quan hướng dẫn. Khoá huấn luyện kết thúc, mọi việc được tiến hành khẩn trương chuẩn bị về nước. Theo kế hoạch định sẵn, ngày 25-10-1944, đồng chí Hoàng Đình Giông và đồng chí Lê Giản được về chuyên bay đầu tiên và nhảy dù an toàn xuống Bản Ngần (xã Vĩnh Quang, Hoà An). Các đồng chí Hồng Kỳ, Cao Sơn, Đại Hà đã chờ đón và đưa đồng chí Hoàng Đình Giông và đồng chí Lê Giản vào Vò Nà, một cơ sở của ta. Sau khi nghỉ ngơi phục hồi sức khoẻ, các đồng chí ở địa phương đưa đồng chí Hoàng Đình Giông và đồng chí Lê Giản lên Tỉnh uỷ gặp đồng chí Lã, sau đó lên gặp các đồng chí Trung ương.

Một tháng sau, ngày 26-11-1944, chuyến máy bay thứ hai đưa Hoàng Hữu Nam (tức Hiến) và Dương Công Hoạt nhảy dù xuống vùng Khau Đôn vào ban đêm theo tín hiệu chỉ dẫn bằng các đồng lửa một cách an toàn. Tháng 5-1945, chuyến máy bay thứ ba của quân Anh chở Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn Ngọc, Vũ Văn Địch về nước, nhảy dù xuống Chương Mỹ, Hà Tây (nay thuộc Hà Nội).

Như vậy, nhờ sự đấu tranh khéo léo và cương quyết, dựa vào phương tiện của quân Anh, đồng chí Hoàng Đình Giông và các chiến sĩ cách mạng đã trở về nước an toàn. Họ còn mang theo về cho cách mạng

phương tiện thông tin, vũ khí, thuốc chữa bệnh,... chỉ vài lần liên lạc với trung tâm chỉ huy ở Cancúta của quân Anh để họ thả hàng tiếp tế theo kế hoạch. Sau đó, tất cả đều nhanh chóng cùng toàn Đảng chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa khi thời cơ đến và hoà nhập vào cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền, không kịp liên lạc với quân Anh. Cơ quan tình báo Anh cho rằng, “họ đã thả hổ về rừng”¹.

Tại cơ quan Trung ương, đồng chí Hoàng Đình Giông xúc động khi được biết rằng Đảng bộ và đồng bào các dân tộc tỉnh Cao Bằng được vinh dự tự hào thay mặt đồng chí, đồng bào cả nước đón lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước trở về Tổ quốc ngày 28-01-1941 qua mốc 108 bản Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong cả nước. Tại Pác Bó, Người đã chỉ đạo thí điểm thành lập Việt Minh, chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ tám, quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh, chủ trương thành lập lực lượng vũ trang, ra tờ báo *Việt Nam độc lập*, xây dựng căn cứ địa cách mạng Cao Bằng... để chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền.

Đồng chí Hoàng Đình Giông được đồng chí Vũ Anh, Uỷ viên Trung ương Đảng, giao nhiệm vụ cùng Đảng bộ Cao Bằng tích cực chuẩn bị khởi nghĩa giành

1. Báo *An ninh thế giới*, số 479, ngày 20-8-2005, tr. 23.

chính quyền. Được thoát khỏi cảnh tù đày và trở về quê hương chiến đấu trong lúc phong trào cách mạng tiến sang giai đoạn mới, thời cơ vận nước đang tới gần, đồng chí Hoàng Đình Giông rất phấn khởi và tin tưởng vào thắng lợi ngày mai.

Lúc này ở Cao Bằng đã có cao trào cách mạng, có tự vệ ở các làng, xã; du kích ở các xã, châu; bộ đội giải phóng ở các châu và tỉnh; lập được Ủy ban nhân dân từ xã, châu và tỉnh. Ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập, làm nòng cốt cổ vũ toàn dân nổi dậy đánh giặc. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chỉ thị: “Chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến. Nhiệm vụ ấy có tính chất giao thời. Vận động võ trang tuyên truyền để kêu gọi toàn dân nổi dậy, chuẩn bị cơ sở chính trị và quân sự cho cuộc khởi nghĩa...”¹. Thấm nhuần lời dạy của Người, đồng chí Hoàng Đình Giông (với tên gọi mới là Văn Tư) đã làm việc khẩn trương để củng cố lực lượng võ trang phối hợp với phong trào cách mạng của quần chúng tại căn cứ địa Cao Bằng, chuẩn bị đón thời cơ giành chính quyền cách mạng.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (ngày 9-3-1945),

1. *55 năm Quân đội nhân dân Việt Nam - miền đất khai sinh và quá trình phát triển*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999, tr. 358.

đồng chí Hoàng Đình Giông cùng Ban Tỉnh uỷ Cao Bằng lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa, xoá bỏ chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng. Trong khi nhân dân các dân tộc và các lực lượng vũ trang Cao Bằng đang bao vây, giam chân, phục kích, chặn đánh, tiêu diệt quân Nhật thì bọn phỉ khét tiếng “Lằm Tìn, Lằm Pẩn Nhi kéo từ Trung Quốc sang Thông Nông mưu chiếm đất, củng cố chỗ đứng chân để đánh phá chính quyền cách mạng”¹. Đây là bọn phỉ có tổ chức chặt chẽ, tập hợp toàn những “giang hồ thảo khấu” giỏi võ nghệ gồm cả người Việt và người Hoa, chúng cướp phá hoành hành ngang dọc, bọn Pháp và Nhật nhiều lần đem quân đánh dẹp đều thất bại. Đứng trước một đối thủ như vậy, đồng chí Hoàng Đình Giông đã đưa ra đề xuất là: Dù sao họ cũng là người Việt hay người Hoa, phần lớn do hoàn cảnh nào đó xô đẩy vào con đường cướp bóc, trước hết ta dùng cách “mưu phạt tâm công” đánh vào lòng người, thức tỉnh nhân tính trong họ, phân tích rõ phải, trái, trắng, đen cho họ, cảm hoá, thuyết phục họ về với cách mạng, với con đường làm ăn lương thiện; mặt khác, dựa vào cơ sở trong dân bố trí cho trinh sát luôn sâu, nắm vững bố phòng và hoạt động của bọn cầm đầu trong hang ổ của chúng. Đồng

1. *Cao Bằng - lịch sử đấu tranh vũ trang cách mạng 1930-1954*, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cao Bằng, Cao Bằng, 1990, tr. 71.

chí Hoàng Đình Giong đã thảo thư chiêu dụ gửi tới họ. Kế hoạch của đồng chí Hoàng Đình Giong được ban lãnh đạo Đảng bộ tán thành. Nội bộ bọn phỉ ly tán, hoang mang, bọn cầm đầu bí kế nhưng ngoan cố không chịu hàng phục. Đúng lúc đó, “Tháng 6 năm 1945, được lệnh của tỉnh, học viên trường quân chính kháng Nhật phối hợp với các đội quân giải phóng của châu Hoà An, Hà Quảng, Bảo Lạc do đồng chí Văn Tư (tức Hoàng Đình Giong) chỉ huy, chia làm ba mũi tiến công. Kết quả ta đã tiêu diệt và bắt gọn cả toán phỉ trên 300 tên thu 12 khẩu súng máy, 81 khẩu súng trường, 42 khẩu súng ngắn...”¹.

Bước sang tháng 8, tình hình thế giới đang tiến triển có lợi cho cách mạng Việt Nam. Ngày 9-8-1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật. Chỉ trong một tuần lễ, Hồng quân Liên Xô đã tiêu diệt hoàn toàn một triệu quân Quan Đông tinh nhuệ của Nhật, giải phóng vùng đông bắc Trung Quốc và miền bắc Triều Tiên; Mỹ ném bom nguyên tử xuống hai thành phố Hirôshima và Nagasaki. Nhật đã đầu hàng vô điều kiện.

Thực hiện Quân lệnh số 1 của Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, Đảng bộ Cao Bằng triệu tập ngay

1. Cao Bằng - lịch sử đấu tranh vũ trang cách mạng 1930-1954, Sđd, tr. 72.

Hội nghị Tỉnh uỷ, cử ra Uỷ ban Khởi nghĩa của tỉnh do đồng chí Hoàng Đình Giông làm Trưởng ban. Nhờ sự chuẩn bị chu đáo, từ ngày 20 đến ngày 22 tháng 8 năm 1945, các châu Quảng Uyên, Hà Quảng, Nguyên Bình, Hoà An, thị trấn Tĩnh Túc đã giành được chính quyền cách mạng. Ngoài việc lãnh đạo chung, đồng chí Hoàng Đình Giông còn trực tiếp chỉ đạo khởi nghĩa tại Nước Hai, châu lỵ Hoà An. Vừa bao vây, chặn đánh địch, đồng chí còn chỉ thị cấm cờ đỏ sao vàng trên các mỏm đồi xung quanh đồn Nước Hai nhằm uy hiếp tinh thần quân lính Nhật và bọn bảo an binh. Ngày 19-8-1945, đồng chí Hoàng Đình Giông nhận tin báo: "Hàng vạn quân Quốc dân Đảng Trung Hoa tiến đến ngoại ô thị xã"¹. Trước tình hình đó, đồng chí nhận định: "Bọn này không chỉ với danh nghĩa Đồng minh vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật, mà âm mưu chính là đô hộ nước ta. Ta phải giành chính quyền ở tỉnh lỵ trước bọn chúng"². Sau đó đồng chí ra lệnh điều ngay một đại đội giải phóng quân của tỉnh đang làm nhiệm vụ bao vây đồn Nước Hai xuống vùng ven thị xã chặn đánh nếu chúng vào các bản làng cướp lương thực, thực phẩm của nhân dân ta, kìm chân và hạn chế

1, 2. *55 năm Quân đội nhân dân Việt Nam - miền đất khai sinh và quá trình phát triển*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999, tr. 359.

những thiệt hại do chúng gây ra. Rạng sáng ngày 21-8-1945, đồng chí Hoàng Đình Giọng chỉ huy một đại đội giải phóng quân bí mật vượt sông Hiến tiến vào thị xã Cao Bằng giành chính quyền. Khi quân ta chiếm xong thị xã, thấy bọn Nhật án binh bất động, đồng chí nhận định: “Quân Nhật đang hoang mang cao độ, kẻ thù chính của ta là bọn Tưởng, nhân cơ hội này ta chiếm hết số vũ khí trong kho của bọn Nhật”¹. Sáng ngày 21-8-1945, đồng chí trực tiếp chỉ đạo Ủy ban Khởi nghĩa tỉnh đến thẳng pháo đài gặp bọn sĩ quan Nhật để đàm phán, thuyết phục chúng. Bọn Nhật đang lâm vào thế bí, đường cùng, chúng buộc phải đồng ý chuyển giao kho vũ khí của thực dân Pháp do chúng chiếm được thời kỳ đảo chính cho quân ta và dùng xe ô tô của chúng chở hết số vũ khí này ra vùng căn cứ của ta. Về phía ta cũng không tiến công quân đội Nhật. Ngay đêm đó, bọn Nhật bí mật rút lui theo hướng quốc lộ số 3 về Bắc Kạn. Bọn lính bảo an bị bỏ rơi cũng tìm gặp chính quyền cách mạng (ở khu Nước Giáp) xin nộp 45 khẩu súng và đạn dược.

Ngày 22-8-1945, Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh và thị xã tổ chức cuộc mít tinh, tuần hành biểu dương

1. *55 năm Quân đội nhân dân Việt Nam - miền đất khai sinh và quá trình phát triển*, Sđd, tr. 359.

lực lượng của quân chúng. Chính quyền cách mạng tuyên bố xoá bỏ chính quyền Nhật và bọn tay sai của chúng, đồng thời cử một đoàn đại biểu thay mặt Ủy ban nhân dân tỉnh giao thiệp với quân đội Tưởng theo quy chế Đồng minh với tư cách là chủ.

Tổng khởi nghĩa tháng Tám giành thắng lợi, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng cùng nhân dân cả nước bước sang một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta từ người nô lệ trở thành người làm chủ vận mệnh của mình. Cách mạng Tháng Tám đã thực hiện được lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “đem sức ta mà giải phóng cho ta”.

Cách mạng nước ta chuyển sang một giai đoạn mới: giai đoạn đấu tranh giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng, đánh bại thù trong giặc ngoài, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân, bảo vệ nền độc lập, tự do cho dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

VI. CHỈ HUY BỘ ĐỘI NAM TIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, ngày 02-9-1945 tại quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt quốc dân và Chính phủ cách mạng lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố trước quốc dân đồng bào và toàn thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

Nước ta bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do, nhân dân ta thoát khỏi ách thống trị của thực dân, phong kiến, từ kẻ nô lệ trở thành người chủ đất nước. Đó là nguồn cổ vũ to lớn tạo nên sức mạnh phi thường, được phát huy mạnh mẽ trong công cuộc bảo vệ, xây dựng đất nước sau này.

Nhưng kẻ thù không từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta, thực dân Pháp ra tay thực hiện ngay âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng non trẻ của dân tộc ta. Lợi dụng danh nghĩa quân Đồng minh vào Đông Dương giải giáp quân Nhật, quân đội của Tưởng Giới Thạch kéo vào miền Bắc nước ta từ vĩ tuyến 16 trở ra, với mưu đồ lật đổ Chính phủ cách mạng của ta do Chủ

tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, thực hiện âm mưu “diệt Cộng, cầm Hồ”¹. Còn ở miền Nam, quân đội Anh cũng vào giải giáp quân Nhật, đã bao che giúp đỡ quân đội thực dân Pháp xâm lược và tích cực chống phá nước ta quyết liệt. Trong khi đó, các thế lực thù địch của cách mạng, những thế lực mãi quốc cầu vinh, ô nhục dân tộc cũng nhân cơ hội này ngóc đầu dậy, hoạt động phá hoại hòng làm sụp đổ nhanh chóng chính quyền cách mạng non trẻ của nhân dân ta. Vận mệnh của cách mạng Việt Nam, của dân tộc Việt Nam đang đứng trước thử thách “ngàn cân treo sợi tóc”, nền độc lập mà dân tộc ta vừa giành được đang đứng trước thử thách nghiêm trọng.

Nhận rõ âm mưu thâm độc của kẻ thù, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Trung ương Đảng nêu rõ nhiệm vụ cấp bách của toàn thể dân tộc ta lúc này là: chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, v.v.. Ngay ngày 8-9-1945, hai ngày sau khi quân Pháp núp bóng quân Anh vào Sài Gòn, tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi:

“Hỡi đồng bào!

Hiện một số quân Pháp đã lọt vào nước ta. Đồng bào hãy sẵn sàng đợi lệnh Chính phủ để chiến đấu!”².

1. “*Tiêu diệt Cộng sản, cầm tù Hồ Chí Minh*”.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 10.

Nền độc lập dân tộc vừa giành được đang bị đe dọa, đồng bào ta trong và ngoài nước theo dõi từng bước chân quân xâm lược, đợi lệnh của Chính phủ sẵn sàng lên đường ra mặt trận.

Ngày 23-9-1945, được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp gây hấn ở Sài Gòn, bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Chúng hy vọng nhanh chóng bình định Nam Bộ để làm bàn đạp đánh chiếm miền Trung và miền Bắc Việt Nam. Nhưng chúng đã nhầm. Tinh thần yêu nước được khơi dậy trong cuộc khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đã thôi thúc hàng triệu con người Nam Bộ nói riêng và cả Việt Nam nói chung, sẵn sàng hy sinh cho độc lập tự do của Tổ quốc.

Sau khi địch gây hấn ở Sài Gòn (ngày 23-9-1945), Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh lại phát lời kêu gọi gửi đồng bào cả nước: “Phải trút toàn lực vào đó, hy sinh hết thảy vì mặt trận miền Nam”¹.

Có thể nói sau lời kêu gọi, cuộc kháng chiến ở Nam Bộ cũng là cuộc chiến đấu của cả nước. Nhân dân các dân tộc từ các tỉnh biên giới phía Bắc đến đất mũi Cà Mau, đồng bào Việt kiều ở Lào, Campuchia, Thái Lan,... đều hướng về Nam Bộ, tích

1. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Những sự kiện lịch sử Đảng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979, t. II, tr. 129.

cực và khân trương chuẩn bị cả người và vật chất để đưa ra tiền tuyến.

Tại mặt trận Sài Gòn, ngay từ buổi chiều ngày 23 tháng 9, tiếng súng diệt địch đã nổ ran khắp nội thành. Có đến 16 khu tác chiến nội thành được thành lập. Ở ngoại thành, ba mặt đông, tây và nam; hình thành thế bao vây quân thù. Thời kỳ đó quân và dân ta mặc dù vũ khí ít, thô sơ nhưng chiến đấu hăng hái và gan dạ. Chỉ trong vòng một tuần đã có 138 xí nghiệp, công sở lớn, 22 kho tàng, 30 tàu lớn, 51 tàu nhỏ, 200 xe hơi và một số cầu bị phá; gần 300 tên Pháp bị tiêu diệt. Do bị quân và dân ta đánh trả quyết liệt, nên sau một thời gian, thực dân Pháp cũng chỉ chiếm được một số vị trí, công sở trung tâm thành phố, nhiều lần chúng dựa vào quân Anh, Nhật đánh lớn ra ngoài, cố phá vỡ vòng vây nhưng đều bị thất bại, quân Pháp lâm vào tình trạng khốn đốn.

Gần một tháng vây hãm quân xâm lược trong nội thành Sài Gòn, đã thể hiện rõ khí phách anh hùng của quân, dân Nam Bộ và của cả nước, phá vỡ ý đồ nhanh chóng chiếm lại Nam Bộ của thực dân Pháp, tạo điều kiện cho các tỉnh Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ chuẩn bị kháng chiến.

Tổ quốc bị lâm nguy, đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ, ngay từ những ngày Sài Gòn “trong đánh ngoài vây”, những cuộc mít tinh, biểu tình sôi sục đã diễn ra trên cả nước, biểu thị sự phẫn nộ và quyết tâm chiến đấu bảo vệ nền độc lập.

Khẩu hiệu “Đả đảo thực dân Pháp xâm lược”, “Nước Việt Nam của người Việt Nam”, “Ung hộ Nam Bộ kháng chiến” giương khắp thành thị, nông thôn. Hầu hết các tỉnh Bắc Bộ và Trung Bộ đều lập “phòng Nam Bộ” để ghi tên những người tình nguyện vào những đoàn quân Nam tiến.

Bộ Tổng tham mưu đã điện khẩn vào Chiến khu 5, Chiến khu 6 là những địa bàn gần Nam Bộ, yêu cầu đưa ngay lực lượng vào chi viện cho Sài Gòn. Ngay sau đó, một đơn vị giải phóng quân Ba Tơ (Quảng Ngãi) đã hành quân vào chi viện cho mặt trận Sài Gòn (câu Bình Lợi). Ngày 26-9-1945, chi đội 3 giải phóng quân cũng làm lễ xuất phát từ ga Thanh Hoá vào Nam. Những ngày sau đó các chi đội Vi Dân, Thu Sơn, Hoa Lư (chi đội Độc lập 1), Bắc Bắc,... là những đơn vị tương đương trung đoàn, được trang bị mạnh của Bộ Quốc phòng và các đơn vị ở nhiều địa phương đang chuẩn bị lên đường vào Nam. Lúc đó, nhận được điện, công văn có đóng dấu “hoả tốc” của Trung ương, các chi đội giải phóng quân, các tỉnh, các trường quân chính đều khẩn trương tuyển chọn những cán bộ cốt cán và vũ khí tốt, tổ chức các đơn vị Nam tiến gấp rút lên đường. Để khẩn trương hơn trong tình hình đó, đồng chí Hoàng Văn Thái, Tổng Tham mưu trưởng lên Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn; xuống Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định,... cùng lãnh đạo các địa phương, tổ chức và đôn đốc các đơn vị Nam tiến. Ga Hàng Cỏ (Hà Nội),

ga Nam Định và ga Ninh Bình trở thành nơi tập kết, là điểm xuất phát của các đoàn quân từ các tỉnh vào Nam. Từ Thanh Hoá trở vào, tàu chở quân đến ga nào, nhất là các ga Vinh, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi,... ở đâu cũng có đông đảo nhân dân mang quà bánh đến tặng, hát vang những bài ca cách mạng, khích lệ và tiếp thêm sức mạnh cho các chiến sĩ lên đường đánh giặc. Có nhiều chi đội đã được bổ sung từng trung đội, đại đội hoặc nhiều thanh niên nam nữ khoẻ mạnh đã hăng hái gia nhập các chi đội ngay trên đường hành quân.

Cùng với phong trào hướng về Nam Bộ, ngay sau khi giành được chính quyền, Tỉnh uỷ Cao Bằng đã xác định hai nhiệm vụ quan trọng, đó là: củng cố chính quyền cách mạng; phát triển lực lượng về mọi mặt, tích cực chi viện cho cuộc kháng chiến ở miền Nam.

Vì vậy, sau khi nhận công văn hoả tốc của Trung ương, Cao Bằng đã chuẩn bị được 7 phân đội giải phóng quân, thành lập một chi đội¹ của tỉnh do đồng chí Hoàng Đình Giông chỉ huy, tháng 9-1945 lên đường Nam tiến. Cuộc hành quân bắt đầu từ xóm Làng Đền, xã Hoàng Tung, huyện Hoà An. Ngày 28-9-1945 Chi đội hành quân đến Đu (Phú Lương, Thái Nguyên) thì tạm nghỉ; dọc đường từ Cao Bằng đi qua các địa phương Tài Hồ Sìn, Bằng Khâu, thị xã Bắc

1. Chi đội lúc đó có 150 người.

Kạn, Chi đội luôn được nhân dân tổ chức đón tiếp rất chu đáo, chăm sóc ăn ở cho từng người đầy đủ. Tại đồn Đu đã tổ chức cuộc mít tinh để tuyên truyền các chính sách Việt Minh cho quần chúng nhân dân. Cũng tại cuộc mít tinh này, đồng chí Đông Thanh (tức Nguyễn Khánh Trục) lúc đó là liên lạc của Chi đội đã được chọn thay mặt để phát biểu.

Đơn vị đang nghỉ tại Đu thì đồng chí Hoàng Văn Thái lên Thái Nguyên công tác đến đón đồng chí Hoàng Đình Giông về Hà Nội làm việc với Bộ Tổng tham mưu ngày 30-9-1945 tại số nhà 16 Rikie (nay là số 18 Nguyễn Du). Đồng chí Hoàng Văn Thái đã đem bản đồ ra giới thiệu với đồng chí Hoàng Đình Giông về tình hình mặt trận Sài Gòn. Ta đang bao vây thực dân Pháp ở phía đông từ cầu Bình Lợi trở lại, phía bắc từ Hóc Môn (18 Vườn Trầu). Nhưng lực lượng của ta lúc đó rất ít và chưa được củng cố, trang bị thì rất thiếu. Đồng chí Hoàng Văn Thái đã thông báo thêm về tình hình tổ chức các chi đội Nam tiến và thống nhất giao cho đồng chí Hoàng Đình Giông ba chi đội: Chi đội Cao Bằng, Chi đội Nam Định, Chi đội Thái Bình.

Công tác chuẩn bị đã sẵn sàng, hai chi đội Thái Bình và Nam Định đã chờ sẵn ở ga Nam Định. Lương thực được nhân dân chuẩn bị sẵn dọc đường, các địa phương đều có trạm đón tiếp. Sau khi giao nhiệm vụ, đồng chí Hoàng Văn Thái đã truyền đạt ý kiến của Trung ương là mời đồng chí Hoàng Đình Giông sang Phủ Chủ tịch.

Tối 30 tháng 9 năm 1945, đồng chí Hoàng Văn Thái mời đồng chí Hoàng Đình Giong nghỉ ngay tại Bộ Tổng tham mưu, vì hoàn cảnh lúc đó còn khó khăn. Đồng chí Hoàng Văn Thái đã kể lại: “Hai chúng tôi rải chiếu ra ngủ cạnh bàn giấy. Đêm đó đồng chí Giong kể lại cho tôi nghe câu chuyện từ đảo Madagátxca trở về. Nguyên nhân thắng địch lợi dụng mình và mình cũng muốn lợi dụng nó để được về nước chiến đấu giải phóng quê hương, đất nước. Đồng chí Giong có nói lại là thắng Pháp muốn quay lại, chúng dựa vào Anh, Mỹ để lợi dụng chúng tôi; nhân dịp này chúng tôi cũng lợi dụng nó để được về nước. Sở dĩ về Cao Bằng do có mấy sự việc, trước hết là do có phong trào Việt Minh mạnh nhưng nó đánh giá là phong trào quần chúng không có sự lãnh đạo của cộng sản. Nó nắm được như thế là thông qua thắng Tưởng và thắng Mỹ. Vì phong trào ở Cao Bằng lúc đó thực sự là mạnh, thông qua cuộc thị sát của tay chân quân Tưởng (các đồng chí Cao Bằng lúc đó đưa nó đi luẩn quẩn ở khu vực Hà Quảng và đi đến đâu đều thấy lực lượng vũ trang luyện tập, biểu thị sức mạnh quần chúng tổ chức mít tinh rầm rộ). Thắng Trương Phát Khuê báo cáo lên thắng Tưởng là: Việt Nam có lực lượng mạnh. Thứ hai là ta bắt được thắng phi công Mỹ nhảy dù xuống Cao Bằng - tên này được ta cứu thoát đưa sang Côn Minh (Trung Quốc) giao cho Mỹ, tên này cũng nói là Việt Minh mạnh mới cứu thoát nó được. Từ đó nó mới tin và quyết định đưa mấy chúng

tôi (Hoàng Đình Giong, Lê Giản, Dương Công Hoạt, Hoàng Hữu Nam - TG.) về nhảy dù ở Cao Bằng.

Thực tế phong trào Việt Minh mạnh, Pháp - Tưởng - Mỹ đều biết, chúng biết Cao Bằng có vị trí quan trọng “Đất Thánh”, chúng thả các đồng chí chúng tôi được trở về, như vậy ta đã lợi dụng được nó, ngược lại nó chẳng lợi dụng được ta. Đêm hôm đó đồng chí Giong kể lại cho tôi nghe những tình tiết sâu sắc như vậy”¹.

Sáng hôm sau, ngày 01-10-1945, Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái cho xe đưa đồng chí Hoàng Đình Giong sang Bắc Bộ phủ gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí Thường vụ Trung ương Đảng để bàn bạc trao đổi thêm tình hình trong nước, thế giới, đặc biệt là tình hình chiến sự đang diễn ra ở Nam Bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương Đảng đã đổi tên đồng chí Hoàng Đình Giong thành Võ Văn Đức để bảo đảm bí mật vì tên tuổi Hoàng Đình Giong hay Văn Tư kẻ địch đã biết; đồng thời trong hoàn cảnh đó vào Nam Bộ thì mang tên mới còn hết sức có ý nghĩa: vừa có văn vừa có võ lại vừa có đức, càng thể hiện sự trọn vẹn và sự cần thiết phải có của một người lãnh đạo. Bác căn dặn: Chú cầm quân ra chiến trường, văn, võ đều cần, nhưng phải chú trọng cái đức của người cán bộ cách mạng.

1. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Cao Bằng.

Lời dặn của Bác chỉ có vậy, nhưng ba chữ mà Bác đặt tên đã hàm chứa bao điều sâu xa. Võ Văn Đức càng nghĩ càng thấm thía, đó không chỉ là lòng tin cậy, sự uỷ thác trọng trách của lãnh tụ giao cho mà từ lúc này trở đi, mỗi bước chân, lời nói, việc làm, mỗi hành vi ứng xử, mọi suy nghĩ và quyết sách đều phải suy xét kỹ càng trên cái gốc cái nền không chỉ của đạo đức truyền thống dân tộc mà còn hàm chứa đạo đức cách mạng. Trước những thách thức sống còn của cuộc chiến đấu bảo vệ nền độc lập non trẻ của đất nước mình, với tinh thần mới của người cách mạng, đồng chí Võ Văn Đức bắt tay vào nhiệm vụ cách mạng mới.

Trong lúc đồng chí Võ Văn Đức làm việc với Bác Hồ và Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí Hoàng Văn Thái chuẩn bị các chi đội đi cùng đồng chí Võ Văn Đức. Đồng chí Hoàng Văn Thái thông báo trước các chi đội: đồng chí Võ Văn Đức được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng giao chỉ huy bộ đội vào Nam, tất cả các chi đội đều phải phục tùng đồng chí Võ Văn Đức vào Nam chiến đấu.

Ngay trong ngày 01-10-1945, các chi đội Nam tiến đã tập kết tại ga Hàng Cỏ - Hà Nội để chuẩn bị lên tàu ra mặt trận. Khi đồng chí Võ Văn Đức từ Bắc Bộ phủ ra đến đơn vị, đồng chí Hoàng Văn Thái đã chuẩn bị xong. Đồng chí bắt nhịp cho cả đoàn quân hát bài hành khúc Phất cờ Nam tiến do chính đồng chí sáng tác khi Đội Việt Nam tuyên truyền giải

phóng quân được thành lập, có lẽ khi sáng tác, đồng chí đã mơ ước, một ngày nào đó, sẽ có đội quân hùng mạnh tiến về phía Nam; hôm nay mơ ước đó đã thành hiện thực. Đội quân ấy chính là các chi đội, cán bộ, chiến sĩ với khí thế hùng dũng tiến về phía Nam. Bài hát có đoạn: “Cờ giải phóng phát cao, mau thẳng tiến, trời phương Nam dân chúng đang chờ ta”. Tiếng hát mỗi lúc một vang to, bay xa hùng tráng “mau phát cờ lên tiến tới cho kịp thời cơ. Sông Cửu Long reo hò đang đón chờ. Dãy Trường Sơn chuyển mình giục quân ta mau tiến tới!”. Bài hát có nhịp điệu hùng mạnh, có sức cổ vũ lớn đối với cán bộ, chiến sĩ ta.

Buổi tiễn đưa diễn ra rất cảm động, không khí vui vẻ, thân mật, gắn bó như đang hẹn ngày chiến thắng trở về. Lúc đó đồng bào trên sân ga, anh chị em công nhân viên đường sắt đều hướng về đoàn quân Nam tiến, vỗ tay theo nhịp bài hát.

Đồng chí Hoàng Văn Thái siết chặt tay đồng chí Võ Văn Đức trước khi lên tàu. Đoàn tàu chuyển bánh, đến ga Nam Định, đón thêm hai chi đội Thái Bình và Nam Định rồi tiếp tục tiến vào Nam theo kế hoạch đã định. Đoàn tàu xuôi vào Nam, hình ảnh nhân dân đứng chật sân ga hoan hô bộ đội Nam tiến, cờ đỏ sao vàng rợp sân ga như in vào lòng vị chỉ huy đoàn quân, đồng chí Võ Văn Đức đắm chiêu suy nghĩ: Lại một lần ra đi, nhưng đây là lần ra đi với cương vị người làm chủ đất nước, chứ không phải đi đày như trước đây. Đồng chí vừa giơ tay vẫy chào mọi người ra

tiến vừa trào lên suy nghĩ nhớ lại những lời Bác Hồ căn dặn, Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái trao đổi, gặp quân Tưởng, quân Nhật ngăn chặn thì xử lý thế nào, rồi những việc phải làm khi đến miền Nam, một chiến trường nóng bỏng cần triển khai công việc, lực lượng như thế nào, v.v..

Tàu đến các ga Thanh Hoá, Nghệ An, nhân dân ra đón rất đông, cờ đỏ sao vàng cầm tay vẫy chào đoàn quân Nam tiến, nhiều người reo hò hoan hô hát vang bài “Đoàn Vệ quốc quân một lần ra đi..”. Vị chỉ huy và cả đoàn quân Nam tiến xúc động, tự hào là đoàn quân cách mạng được vào Nam đánh đuổi quân cướp nước. Việc bảo đảm cho các đoàn quân Nam tiến hành quân đã được nhân dân các tỉnh chuẩn bị chu đáo và đón tiếp khá long trọng. Chính quyền, đoàn thể các địa phương - nhất là Hội phụ nữ - đã đứng ra vận động nhân dân quyên góp tiền bạc, lương thực và tổ chức các trạm đón tiếp, bảo đảm ăn ở ngay tại ga tàu, bất cứ nửa đêm hay mờ sáng. Ga nào cũng vậy, mỗi khi có đoàn tàu chở quân Nam tiến dừng lại, đều diễn ra cuộc mít tinh đón tiếp và tiễn đưa hùng hực khí thế sẵn sàng chiến đấu.

Trong các toa tàu, anh em chiến sĩ gặp gỡ thăm hỏi nhau, trò chuyện thân mật như anh em một nhà, nhiều người gặp bạn cũ từ hồi còn thiếu niên rồi mỗi người một ngã, kẻ đi làm thuê, người đi học, người làm viên chức, nhiều người đi làm cách mạng, có anh đã qua trường quân chính kháng Nhật, có anh còn

trẻ măng mới lớn chưa đi đâu ngày nào cũng hăng hái xung phong đi Nam tiến. Tàu gần đến các ga, đoàn quân Nam tiến lại hát vang “Cờ giải phóng, phát cao mau thẳng tiến, trời phương Nam dân chúng đang chờ ta”. Khi tàu vào đến ga Quảng Ngãi, nơi có phong trào du kích Ba Tơ, đến Bình Định quê hương của người anh hùng áo vải Quang Trung, những người ra đón có cả nam và nữ, ai cũng nai nịt gọn gàng, tóc cắt ngắn, tay cầm gậy, cầm dao với khí thế cách mạng sôi sục, làm nức lòng các chiến sĩ Nam tiến. Những cảnh tượng đó gợi lên trong lòng vị chỉ huy nhớ đến hôm gặp Bác Hồ trước khi đi, nghĩ đến lời kêu gọi của Bác đã thấm đến từng làng quê, phố phường, thấm đến cả miền núi, miền xuôi và mọi miền đất nước, đến từng gia đình người Việt Nam ta, nên thanh niên trai tráng nô nức xung phong lên đường Nam tiến, không ai vương vấn chuyện riêng tư. Số phận từng con người, từng mái nhà chưa bao giờ gắn bó máu thịt với số phận của dân tộc như lúc này.

Suốt chặng đường hành quân vào Nam, quân đội Nhật tuy đã đầu hàng Đồng minh nhưng với bản chất phát xít phản động, bọn chúng gây cho đoàn quân Nam tiến nhiều khó khăn. Đồng chí Võ Văn Đức đã đề ra phương châm: “Tranh thủ ngày đêm đi thật nhanh để đến Nam Bộ càng sớm càng tốt. Đối với những hành động gây rắc rối của giặc Nhật trên đường đi, trước hết là dùng thương lượng, nếu không

thương lượng được thì tránh, nếu không tránh được thì kiên quyết đánh để lấy đường đi". Khi đoàn tàu chở quân Nam tiến qua Quảng Ngãi cũng như Nha Trang, đồng chí đều chủ động thông báo cho quân Nhật: Đêm nay sẽ có đoàn quân của chúng tôi đi qua, vậy thông báo cho các ông biết và yên tâm. Nhưng tại một số nơi, bọn Nhật vẫn gây nhiều khó khăn cho đoàn quân Nam tiến, vì vậy đến thị trấn Ninh Hoà (Khánh Hoà), các đơn vị Nam tiến được biên chế lại sau những trận đánh nhau với Nhật. Tại đây và vùng xung quanh được bổ sung thêm một số quân cho đoàn quân Nam tiến và dưới sự chỉ huy thống nhất của đồng chí Võ Văn Đức, tiếp tục hành quân vào Nam. Sau một thời gian hành quân gian khổ vừa đi vừa tác chiến, đơn vị Nam tiến thứ nhất đã đến Nam Bộ. Lúc này quân và dân Nam Bộ đang anh dũng chiến đấu giam chân địch ở Sài Gòn và vùng lân cận, khoảng nửa cuối tháng 10-1945, đơn vị Nam tiến thứ nhất đã nhanh chóng tham gia chiến đấu bao vây quân Pháp ở Sài Gòn.

Sự kiện này đã được ghi lại trong bộ sách *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*: “Cũng trong tháng 10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh phái hai cán bộ cao cấp là Nguyễn Bính và Vũ Đức (tức Võ Văn Đức hay Hoàng Đình Giông - BT.) vào Nam”¹.

1. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1945-1954)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, t. I, tr. 252.

Giáo sư Trần Văn Giàu - lúc đó là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến miền Nam - đã kể lại: “Tôi từ Chợ Đệm (nơi đặt trụ sở mới của Bộ Chỉ huy mặt trận) phóng xe lên Xuân Lộc (Biên Hoà) để đón các đồng chí Võ Văn Đức, Nam Long dẫn mấy chi đội Nam tiến vào tới rồi! Khó hiểu thật! Đường hỏng, cầu sập, xe ọc ạch, làm sao mà hàng ngàn thanh niên với súng ống, đạn dược, lương thực vượt hàng ngàn cây số từ Bắc vào Nam nhanh như Quang Trung ngày xưa điều quân ra Bắc đánh Tôn Sĩ Nghị. Tôi không có điều kiện để viết hết thành tích của các chi đội Nam tiến, nhưng tôi đã chứng kiến tinh thần phấn khởi của đồng bào Nam Bộ, trước hết là của quân và dân Sài Gòn khi được tin và thấy tận mắt các chiến sĩ từ Bắc, Trung vào cùng với mình đánh trả quân thù cướp nước”¹.

Vào đến Biên Hoà, các đồng chí Võ Văn Đức, Nam Long cùng các đồng chí Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai, Phạm Văn Bạch, Bùi Công Trưng, Thanh Sơn đã họp bàn và thống nhất chủ trương nhanh chóng bao vây, đánh chặn không cho quân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng, nhất là ra hướng đông Sài Gòn. Sau đó các chi đội đến Thủ Đức, Lái Thiêu, cầu Bến Phên và Sở Chỉ huy đóng tại Thủ Dầu Một. Khi các đơn vị Nam tiến vào đến Sài Gòn thì ở đây đã hình thành các mặt trận bao vây Sài Gòn, làm cho Sài Gòn

1. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Cao Bằng.

trở thành “một thành phố hoang tàn”, không điện, không nước, thiếu lương thực. Hãng thông tấn Anh Reuter lúc đó đã đưa tin: “Có khoảng 3.000 quân Anh, một số quân Pháp và hai mươi nghìn người Âu ở Sài Gòn hiện đang bị Việt Minh có khí giới đe dọa. Hiện thời quân đội Anh - Pháp phải chống trả với 7.000 lính Việt Nam có vũ khí và hàng vạn dân quân mang dao, gậy, mác nhất định tử chiến... Chúng tôi ở Sài Gòn lâm vào cảnh rất nguy ngập về lương thực, vì trên bộ quân và dân Việt Nam phong tỏa, còn trên biển thì trước kia quân Nhật thả rất nhiều thủy lôi đến nỗi không một chiếc tàu nào của Đồng minh cập bến Sài Gòn được...”. Đang trong tình cảnh đó thì các chi đội Nam tiến vào đến chiến trường kịp thời, đã góp thêm sức mạnh về tinh thần và bổ sung lực lượng cho quân và dân ở Sài Gòn.

Sau một thời gian gây chiến, thực dân Pháp chỉ chiếm được các vị trí trọng yếu trong nội thành Sài Gòn, nhưng đang bị quân và dân ta bao vây. Nhiều lần chúng dựa vào quân Anh, quân Nhật để phá vòng vây nhưng đều bị thất bại. Những hoạt động quân sự, những trận đánh “xuất quỷ nhập thần” của các lực lượng vũ trang kết hợp với phong trào bất hợp tác của nhân dân thành phố gây cho quân Pháp nhiều thiệt hại và khó khăn.

Trước tình hình khó khăn đó, bọn chỉ huy quân Pháp ở mặt trận Sài Gòn đã xin thương lượng với ta nhằm kéo dài thời cơ để chờ viện binh. Ta thấy được

âm mưu địch, nhưng để tỏ rõ chính nghĩa của mình, mặt khác cũng cần tranh thủ thời gian để sơ tán nhân dân ra khỏi thành phố, củng cố lực lượng chuẩn bị cho lâu dài, nên ta đã chấp nhận ngừng bắn một tuần để đàm phán. Song đúng như dự đoán của ta, thực dân Pháp đã điều động hai tàu chiến chở quân đến Sài Gòn, Tổng Chỉ huy quân viễn chinh của Pháp ở Viễn Đông cũng đến Sài Gòn, bắt tay ngay vào việc chuẩn bị kế hoạch tiến công phá vòng vây Sài Gòn, quân Pháp lúc này đã tăng lên 6.000 tên. Bộ chỉ huy quân Pháp quyết định tập trung lực lượng của tập đoàn Massu, trung đoàn thuộc địa số 5, tiểu đoàn lính thủy đánh bộ và một số đơn vị để cố phá vỡ phòng tuyến phía tây nam Sài Gòn theo đường số 4 đánh chiếm Tân An, Mỹ Tho; ở phía đông, chúng được quân Anh hỗ trợ tiến đánh Thủ Dầu Một, Biên Hoà.

Sở Chỉ huy của quân ta đóng tại Thủ Dầu Một, đồng chí Võ Văn Đức thường có mặt ở mặt trận với các chiến sĩ. Có lúc tình hình chiến sự gay go ác liệt, để bảo đảm an toàn cho đồng chí Tư lệnh, anh em chiến sĩ đề nghị đồng chí về tuyến sau để chỉ huy, nhưng đồng chí vẫn ở lại hoả tuyến trực tiếp chỉ huy chiến đấu, nhiều lúc ở ngay công sự với các chiến sĩ phòng ngự ở phía trước để quan sát địch. Sự có mặt của đồng chí Võ Văn Đức tại mặt trận, khiến các chiến sĩ như được tăng thêm sức mạnh để chiến đấu. Một hôm, trời chưa sáng rõ, địch ở bên kia cầu Hang

được quân Anh giúp sức đã ngoan cố dùng xe thiết giáp bất ngờ đánh sang trận địa ta. Bộ đội ta từ các công sự xông lên chặn đánh, chúng bị thiệt hại nặng, buộc phải tháo chạy, quân ta thu hai xe thiết giáp còn nguyên đang cấm cò của quân Anh. Trong những giờ phút đó, sự có mặt của Tư lệnh Võ Văn Đức - Tổng Chỉ huy mặt trận là nguồn cổ vũ động viên lớn lao đối với các chiến sĩ. Sau mỗi thắng lợi, đồng chí đều động viên, nhắc nhở tinh thần cảnh giác đối với địch, củng cố công sự, chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng đối phó với những đợt tấn công tiếp theo của địch.

Trước sự tấn công ồ ạt của thực dân Pháp được quân Anh hỗ trợ, quân Nhật giúp sức, chúng đã mở rộng địa bàn kiểm soát quân sự, thế trận bao vây của ta bị chúng chọc thủng cả phía đông và phía tây. Cuộc kháng chiến của quân và dân ta ở Nam Bộ từ cuối tháng 10-1945 chuyển sang một tình thế mới.

Qua hơn một tháng chiến đấu chống thực dân Pháp, quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã nêu cao tinh thần "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh", bằng mọi thứ, từ giường tủ, bàn ghế, xe cộ, cây cối,... để lập các chiến lũy ngăn chặn giặc; từ gậy tầm vông đến các loại vũ khí tự tạo và vũ khí lấy được của địch, vừa tiêu diệt sinh lực địch vừa phá hậu cần của chúng, đánh địch cả về quân sự kết hợp với bao vây phong tỏa kinh tế, đồng thời diệt bọn tay sai của chúng, gây cho địch rất nhiều khó khăn. Cuộc chiến

đấu ngoan cường của quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã kìm chân giặc Pháp hơn một tháng tại thành phố, bước đầu phá vỡ kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của chúng, thể hiện quyết tâm chiến đấu bảo vệ độc lập, chủ quyền của nhân dân ta, tạo điều kiện cho các tỉnh ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ có thêm thời gian chuẩn bị đối phó với quân Pháp khi chúng mở rộng chiến tranh.

Đồng chí Võ Văn Đức đã nhận định với các đồng chí chỉ huy mặt trận: Hiện nay ta đã mất Sài Gòn - Biên Hoà và một số thị xã. Vì quân địch đang mạnh, ta còn yếu; do đó một thời gian nữa, địch có thể chiếm đóng các tỉnh ly Nam Bộ và đồng bằng cũng có thể bị mất. Trường hợp đó ta phải kiên quyết xây dựng căn cứ địa vững chắc. Vậy ta phải nhanh chóng xây dựng lực lượng vũ trang ở vùng nông thôn đồng bằng, phát động du kích chiến tranh đánh lại chúng. Từ chủ trương trên, các đơn vị bộ đội được tổ chức biên chế lại và thành lập mặt trận phòng ngự mới ở vùng đất đỏ (vùng đồn điền cao su Thuận Lợi - thuộc tỉnh Tây Ninh) để tiếp tục ngăn chặn sự tấn công của địch. Thực hiện chủ trương đó, cuối tháng 10-1945, một cuộc hội nghị tại đình Mỹ Hạnh (huyện Đức Hoà, tỉnh Long An) gồm các đồng chí trong Xứ uỷ và Tỉnh uỷ Gia Định: Hoàng Dư Khương, Trần Văn Trà, Tô Ký, Cao Đức Luốc, Ba Súng, Năm Râu, Phan Văn Voi, Phan Đức, Sáu Ngái, Hoàng Tường,

Ba Nhỏ,... đã bàn về việc thống nhất lực lượng vũ trang Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hoà, đứng chân trên địa bàn đông bắc Sài Gòn. Lực lượng này đóng vai trò nòng cốt cho sự thống nhất lực lượng vũ trang Nam Bộ. Bộ Chỉ huy gồm có: Tô Ký (Tư lệnh), Hoàng Dư Khương, sau đó là Trần Văn Trà (Chính trị viên), bốn chỉ huy phó là Cao Đức Luộc, Huỳnh Văn Một, Huỳnh Tấn Chùa, Hoàng Tế Thế. Ngày 01-11-1945, giải phóng quân liên quận làm lễ ra mắt tại xã Mỹ Hạnh. Các xã Bình Lý, Tân Mỹ, Mỹ Bình thuộc huyện Hóc Môn ở phía bắc Sài Gòn là địa bàn căn cứ của lực lượng vũ trang liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hoà. Tại đây ta đã xây dựng công sự, rào làng chiến đấu, tuần tra canh gác, bảo vệ an toàn cho cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến và phối hợp với các lực lượng vũ trang khi đánh địch.

Tình hình chiến sự ở Nam Bộ càng về cuối năm càng gay go ác liệt. Thực dân Pháp đang mở rộng chiến tranh. Các lực lượng vũ trang tập trung của ta mới bắt đầu thống nhất từng bộ phận, từng khu vực thì ở một vài nơi có hiện tượng lực lượng vũ trang đang bị phân hoá, những bộ phận Đảng không nắm được trở thành lực lượng cơ hội. Tình thế đó, đòi hỏi cấp bách là phải nắm lại và tập hợp lực lượng, thống nhất chỉ huy, cần phải có chủ trương và phương châm, hình thức đối phó mới cho phù hợp với tình hình. Được sự giúp đỡ của tỉnh Thủ Dầu Một, ngày

20-11-1945, tại xã An Phú (Hóc Môn, Gia Định) đã diễn ra hội nghị quân sự Nam Bộ có trên 40 đại biểu tham dự (chủ yếu là các tỉnh miền Đông) gồm Nguyễn Bình, Võ Văn Đức, Nguyễn Đình Thân, Nguyễn Thành Phương (Cao Đài), Nguyễn Minh Xanh, Tô Ký, Huỳnh Văn Một (giải phóng quân liên quận), Phạm Hữu Đức (Đệ tam sư đoàn), Nguyễn Đức Thuận (Bí thư liên tỉnh miền Đông), đại diện Bình Xuyên và một số đồng chí khác. Hội nghị đã bàn việc thống nhất các lực lượng vũ trang ở Nam Bộ, thống nhất chỉ huy và lấy tên chung là *Giải phóng quân Nam Bộ*, tổ chức thành các chi đội, phân chia khu vực hoạt động cho các chi đội, củng cố công tác Đảng trong quân đội. Hội nghị đã vạch ra những chủ trương mới để chống thực dân Pháp, phát động chiến tranh du kích, lấy du kích chiến làm chủ yếu trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến. "*Hội nghị nhất trí cử Nguyễn Bình làm Tổng Tư lệnh và Võ Đức làm Chính uỷ Giải phóng quân Nam Bộ*"¹, và Nguyễn Thành Phương làm Phó Tư lệnh (Tổng hành dinh được đặt tại Lạc An thuộc Tân Uyên, Biên Hoà (cũ), là căn cứ của tỉnh Biên Hoà, do Huỳnh Văn Nghệ phụ trách quân sự, chủ trương xây dựng và

1. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1945-1954)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, t. I, tr. 253.

đặt tên là Chiến khu D. Từ đó về sau, Chiến khu D nổi tiếng là căn cứ vững chắc trong cả hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ). Sau đó lực lượng vũ trang được biên chế lại thành các chi đội. Hội nghị đã có tác dụng lớn, bước đầu thống nhất các lực lượng vũ trang, động viên được tinh thần kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Nam Bộ. Sự thống nhất của Quân giải phóng Nam Bộ đã kịp thời giúp một số tỉnh tháo gỡ khó khăn: Tỉnh uỷ lâm thời Tây Ninh gặp nhiều khó khăn khi thực dân Pháp tấn công tái chiếm thị xã. Lực lượng vũ trang của tỉnh đóng tại Tà Hụp, có một phân đội do các anh Hình, Mẫn, Ngọc chỉ huy, một trung đội do anh Đấu chỉ huy và một tiểu đội của Vệ quốc đội. Cái khó của tỉnh lúc này là chưa có người đủ uy tín lãnh đạo, chỉ huy thống nhất lực lượng vũ trang. Các anh Hình, Mẫn, Ngọc đều là cai đội lính cũ của thực dân Pháp. Có lúc tỉnh giao cho anh Hình, lúc giao cho anh Mẫn chỉ huy chung. Trước tình hình này, Tỉnh uỷ đã cử đồng chí Tân là người theo dõi và nắm lực lượng vũ trang của Tỉnh uỷ lâm thời, đi gặp Xứ uỷ báo cáo tình hình chung và đến Thuận Lợi gặp đồng chí Võ Văn Đức nhận sự chỉ đạo về quân sự. Đồng chí Võ Văn Đức đã đánh giá, trong Ban chỉ huy cả ba người đều là cai đội lính Pháp cũ, còn đồng chí Kiều Phan là cán bộ học trường quân

chính Trung ương vào, còn trẻ. Đồng chí không chỉ định cụ thể, nhưng chỉ đạo cho tỉnh cân nhắc, phải chọn người có uy tín chỉ huy lực lượng vũ trang. Đồng chí nhấn mạnh cuộc kháng chiến của ta còn lâu dài, cần đào tạo lực lượng cán bộ trẻ. Theo đồng chí, cán bộ quân sự nên là người địa phương.

Sau khi Tỉnh uỷ Tây Ninh cử đồng chí Tấn đi Thuận Lợi báo cáo tình hình, tại địa phương lực lượng vũ trang của tỉnh đã đánh thắng một trận tại Thanh Điền. Quân ta phá được 2 xe jeep, diệt 7 tên Pháp (trong đó có sĩ quan từ chuẩn úy đến đại úy), thu 2 súng đại liên, 2 thompson, 1 súng trường Anh và 20 thùng đạn súng máy. Khi đồng chí Tấn về đến Tây Ninh, báo cáo về ý kiến chỉ đạo của đồng chí Võ Văn Đức trước Ban lãnh đạo tỉnh, Ban lãnh đạo tỉnh thống nhất đưa đồng chí Kiều Phan tạm thay anh Mẫn chỉ huy chung lực lượng vũ trang. Đồng chí Tấn và đồng chí Tư Đấu trở lại Thuận Lợi gặp đồng chí Võ Văn Đức lần nữa. Đồng chí Tư Đấu trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 có hoạt động và làm cây ở vùng rừng lớn của Thủ Dầu Một. Đồng chí Võ Văn Đức đã tìm hiểu qua các đồng chí ở Thủ Dầu Một, biết đồng chí Đấu có nhiều mặt tốt, nhưng có một số mặt còn hạn chế. Đồng chí Võ Văn Đức chưa đề cập đến việc chấn chỉnh Ban chỉ huy của lực lượng vũ trang tỉnh, nhưng đã có ý kiến chỉ đạo về xây dựng lực lượng, phương châm đánh thực dân Pháp trong

tình hình mới. Đồng chí đã phân phối cho Tây Ninh một số súng đạn, lựu đạn và bổ sung thêm hai cán bộ cũng ở trường quân chính Trung ương vào cùng đoàn (các đồng chí Bích, Hoà) về Tây Ninh.

Khi thực dân Pháp phá vỡ vòng vây chiếm rộng ra các tỉnh, chúng buộc phải dàn mỏng lực lượng thì lực lượng vũ trang của ta có điều kiện để đẩy mạnh các hoạt động trong thành phố: Ngày 8-11-1945, quân ta tiến đánh tổng hành dinh của Cao uỷ D'Argenlieu (phòng thương mại cũ) khiến quân Anh, quân Nhật ở các tỉnh phải về cứu nguy. Ngày 21-11-1945, quân và dân ta lại đồng loạt tiến công một số vị trí quân Pháp ở Sài Gòn, thu được 15 súng đại liên, 72.000 viên đạn, chúng phải dùng xe tăng để chở xác lính chết và bị thương. Sau đó quân và dân ta tiếp tục chiến đấu ngăn chặn những đợt tấn công càn quét của chúng ra các tỉnh, gây cho chúng nhiều khó khăn, làm chậm bước tiến của chúng để ta có thời gian chuẩn bị lực lượng.

VII. TƯ LỆNH KHU 9 VÀ NHỮNG QUYẾT ĐỊNH MANG TẦM CHIẾN LƯỢC (12-1945 – 11-1946)

Sau khi Trung ương Đảng có Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc ngày 25-11-1945, hệ thống tổ chức bộ máy lãnh đạo cuộc kháng chiến cả nước được củng cố, Trung ương quyết định chia cả nước thành 9 chiến khu, đổi tên giải phóng quân thành Vệ quốc đoàn, bổ nhiệm Khu bộ trưởng và Ủy viên chính trị các khu.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, ngày 10-12-1945, Xứ uỷ Nam Bộ triệu tập hội nghị mở rộng tại “Hoà Bình Nam (nay thuộc huyện Đức Huệ, tỉnh Long An) triển khai quyết định của Chính phủ Trung ương về việc chia Nam Bộ thành 3 chiến khu (Chiến khu 7, Chiến khu 8, Chiến khu 9) và về việc cử Bộ Chỉ huy Chiến khu (gọi tắt là Khu bộ)”¹. Tham dự hội nghị có các đồng chí Đàm Minh Viễn (là người chuyển chỉ thị Trung ương vào Nam Bộ), Nguyễn Bình, Vũ Đức, Thanh Sơn, Đào Văn Trường... Hội nghị quyết định giải thể Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, thành lập

1. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1945-1954)*, Sđd, tr. 253.

Ủy ban Kháng chiến miền Nam do đồng chí Cao Hồng Lĩnh làm Chủ tịch, Đàm Minh Viễn làm Chủ nhiệm tham mưu quân sự, Trần Ngọc Danh làm Chủ nhiệm chính trị, Tôn Đức Thắng làm Chủ nhiệm hậu cần. Chấp hành chỉ thị của Trung ương, hội nghị đã thống nhất chia Nam Bộ thành ba khu và thông báo quyết định của Trung ương về cán bộ chỉ huy các khu:

Khu 7 gồm Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Bà Rịa, Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Tây Ninh do đồng chí Nguyễn Bình làm Khu bộ trưởng, ông Dương Văn Dương làm Khu bộ phó, đồng chí Trần Xuân Độ làm Chủ nhiệm Chính trị bộ.

Khu 8 gồm các tỉnh Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre, Sa Đéc; Khu bộ trưởng là Đào Văn Trường, Khu bộ phó là Trương Văn Giàu, Chủ nhiệm Chính trị bộ là Lê Văn Sĩ.

Khu 9 gồm các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh¹, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long Xuyên, Châu Đốc, Rạch Giá, Hà Tiên; Khu bộ trưởng là Võ Văn Đức (Hoàng Đình Giông... Võ Văn Đức, từ khi về Khu 9, được gọi là Vũ Đức), Khu bộ phó là Nguyễn Ngọc Bích, Chủ nhiệm Chính trị bộ là Phan Trọng Tuệ.

Hệ thống lãnh đạo của Đảng cùng với hệ thống chỉ huy thống nhất từ trên xuống đã có tác dụng to lớn trong việc xây dựng, củng cố các lực lượng vũ

1. Được một năm thì hai tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh chuyển sang Khu 8.

trang của Nam Bộ. Thực tế ở Nam Bộ lúc đó cho thấy việc tổ chức và lãnh đạo các lực lượng vũ trang là vô cùng quan trọng: Khi thực dân Pháp quay lại xâm lược, các lực lượng vũ trang chưa được xây dựng hoàn toàn theo đường lối của Đảng, chưa thật sự có sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng (như Đệ nhị sư đoàn của Vũ Tam Anh; Đệ tam sư đoàn của Nguyễn Hoà Hiệp; Đệ tứ sư đoàn của Lý Huệ Vinh và lực lượng bộ đội 29 thành lập sau ngày 23-9-1945,...) đều bị phân hoá, một số đơn vị di quấy nhiều nhân dân hoặc đi theo địch, lực lượng vũ trang Bình Xuyên sau khi mặt trận bị vỡ đã rút xuống Rừng Sác (Nhà Bè) cũng đang bị phân hoá. Bằng mọi cách ta đã tranh thủ lôi kéo được một số chỉ huy và binh sĩ có tinh thần yêu nước đứng về phía cách mạng. Đáng chú ý là ông Dương Văn Dương, sau này trở thành một cán bộ chỉ huy xuất sắc của quân đội ta (Khu bộ phó Khu 7). Còn các đơn vị vũ trang do các đảng viên cộng sản tổ chức và lãnh đạo vẫn giữ vững tổ chức và hoạt động ở các chiến trường, nhưng lại thiếu sự phối hợp và chỉ huy thống nhất. Sự pha tạp về thành phần, sự lỏng lẻo về tổ chức, kỷ cương của lực lượng vũ trang trên địa bàn Nam Bộ là một trong những nguyên nhân quan trọng làm hạn chế khả năng đánh thực dân Pháp trong thời kỳ đầu kháng chiến.

Trước tình hình đó, đồng chí Võ Văn Đức được bổ nhiệm làm Khu bộ trưởng Khu 9. "Thời kỳ anh làm Tư lệnh Khu 9 là thời Pháp muốn đánh nhanh thắng

nhANH (bắt đầu từ 23-9-1945 ở Sài Gòn). Bộ đội ta chưa thông nhất chỉ huy, các đơn vị vũ trang của ta còn lấy tên người chỉ huy, thường gọi bộ đội ông này ông nọ (như lời anh Trần Văn Trà kể: “Thật là thập nhị sứ quân thời hiện đại”)¹.

Tại miền Tây Nam Bộ, sau khi được tin thực dân Pháp gây hấn ở Sài Gòn, các địa phương đã chủ động và gấp rút chuẩn bị lực lượng kháng chiến. Nhiều thanh niên và học sinh tình nguyện tham gia Vệ quốc đoàn hoặc gia nhập các đội du kích xã. Các đơn vị cộng hoà vệ binh và quốc gia tự vệ đều được tăng quân số và được bổ sung thêm đảng viên để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Ban quân sự các tỉnh đều thành lập các ban tham mưu để chỉ huy các hoạt động của lực lượng vũ trang trong tỉnh. Chấp hành chỉ thị của Xứ uỷ và Uỷ ban Hành chính Kháng chiến Nam Bộ, một số tỉnh có lực lượng vũ trang mạnh đã thành lập được một số đơn vị mới, được trang bị để chi viện cho mặt trận phía nam Sài Gòn. Những công binh xưởng, kho tàng mới được thành lập sau Cách mạng Tháng Tám 1945 (chủ yếu ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ) khẩn trương di chuyển từ vùng ven vào sâu trong rừng U Minh, nhằm bảo đảm an toàn, đề phòng thực dân Pháp tấn công.

Quân Pháp sau một thời gian bị cầm chân trong

1. *Nhớ Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ - Buổi đầu kháng chiến chống Pháp*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr. 179.

nội ô Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn, được viện binh từ Pháp sang nên cuối tháng 10-1945 chúng bắt đầu tiến đánh các tỉnh miền Tây Nam Bộ theo ba hướng: theo trục đường bộ số 4 (nay là quốc lộ 1); từ cửa biển Cần Giờ tiến theo đường thủy; từ Campuchia đánh thọc sang Hà Tiên.

Ngày 29-10-1945, chúng tập trung đánh chiếm Vĩnh Long, sau đó tiến đánh đến Cần Thơ thì bị quân, dân ta đánh chặn vì tại đây, ta đã xây dựng được một tuyến phòng thủ khá vững chắc; buộc Pháp phải tăng thêm quân, bị hao người tốn của gần hai tháng mới chọc thủng được phòng tuyến của ta. Sau gần hai tháng bị ngăn chặn, các mũi tiến công đều bị chững lại. Cuối tháng 12-1945, quân Pháp mới phá được thế bao vây ở Cần Thơ và kéo quân tiến về phía tây, đánh chiếm các tỉnh Trà Vinh (ngày 07-12-1945), Sóc Trăng (ngày 04-01-1946), Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên (giữa tháng 01-1946). Riêng ở Bạc Liêu, cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra ở thế giằng co khá quyết liệt và thị xã Bạc Liêu cũng là thị xã cuối cùng của miền Tây Nam Bộ bị thực dân Pháp tái chiếm.

Khoảng cuối tháng 12-1945, Liên Tỉnh uỷ miền Tây triệu tập hội nghị tại Ô Môn (Cần Thơ), có đồng chí Hoàng Quốc Việt đại diện Trung ương; các đồng chí Xứ uỷ Nam Kỳ: Cao Hồng Lĩnh, Thanh Sơn và một số đồng chí ở Côn Đảo về đang công tác tại Ủy ban Kháng chiến Hậu Giang. Hội nghị đã kiểm điểm

đánh giá tình hình quân sự và các lực lượng vũ trang miền Tây, thông báo quyết định thành lập chiến khu và các đồng chí lãnh đạo chỉ huy các chiến khu, trong đó có Chiến khu 9. Hội nghị cũng quyết định đưa một lực lượng vũ trang các tỉnh lên chi viện cho Cần Thơ bao vây đánh địch, đồng thời củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang cho các tỉnh chưa bị địch chiếm.

Tranh thủ thời gian, trong hai tháng 11 và 12-1945, các tỉnh chưa bị địch chiếm đóng đã tích cực chuẩn bị cho kháng chiến, phá cầu, đường, những nhà gạch lớn ở những nơi quan trọng mà địch có thể đóng đồn cũng bị phá bỏ; các công binh xưởng tổ chức sản xuất vũ khí: đạn, lựu đạn, rên dao găm, mã tấu, sửa chữa súng,...

Thực hiện chỉ thị của Ủy ban Kháng chiến Hậu Giang, các tỉnh đã đưa các đơn vị cộng hoà vệ binh được trang bị tốt nhất của mình lên mặt trận Cần Thơ. Tỉnh Rạch Giá đưa lên một đội do Ngô Hồng Giỏi chỉ huy chi viện cho mặt trận Ba Láng, Cái Răng. Tỉnh Sóc Trăng đưa lên hai tiểu đội do Lê Văn Phát chỉ huy chi viện hướng Cái Muôn, Cái Răng. Tỉnh Bạc Liêu đưa lên một phân đội, do Giáo Sáu và Tú Tài Năm chỉ huy, chi viện cho cả hai mặt trận, có hai xe tải và một khẩu đại liên lấy được của quân Nhật.

Tại Cần Thơ, Trần Văn Hoài (Hoài U), Ủy viên Ủy ban Kháng chiến tỉnh Cần Thơ chỉ huy lực lượng vũ trang tỉnh tại mặt trận Cái Răng - Ba Láng;

Huỳnh Phan Hộ, Nguyễn Đăng chỉ huy cả hai mặt trận Bình Thủy, Cái Răng - Ba Láng. Trong hai tháng 11 và 12-1945, ta đã đánh địch nhiều trận rất dũng cảm, nổi bật là trận đánh vào sở chỉ huy đồn trú của quân Pháp ở thị trấn Cái Răng giữa ban ngày của 5 dũng sĩ Quốc gia tự vệ Cuộc¹ của Cần Thơ, bằng súng ngắn và lựu đạn đã diệt một số tên Pháp và bắn bị thương đại úy đồn trưởng Ruăng, hạ cờ Pháp, kéo cờ đỏ sao vàng lên cột cờ giữa chợ. Đại úy Ruăng, sau này về Pháp, viết bài đăng trên báo *Nhân đạo*², kể lại trận đánh và ca ngợi sự dũng cảm của các chiến sĩ ta, tính chất chính nghĩa của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc Việt Nam. Những dũng sĩ hy sinh anh dũng được nhân dân khâm phục, quý trọng đã lấy tên đặt cho chợ là chợ Lê Bình, cầu Quang Trinh và sông Nhật Tảo để đời đời nhớ ơn các liệt sĩ. Trung tuần tháng 12-1945, phân đội cộng hoà vệ binh Bạc Liêu chi viện mặt trận Sài Gòn quay về, tình nguyện chiến đấu tại mặt trận Bình Thủy, cùng với lực lượng Cần Thơ diệt một đồn Pháp; chiến đấu suốt ngày, quân Pháp đến ứng cứu đông gấp nhiều lần ta; phân đội bị hy sinh 7 đồng chí nhưng đã chiến thắng nhiều nơi

1. Về sau theo Sắc lệnh 23/SL ngày 21-02-1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc thành lập Việt Nam Công an Vụ, Quốc gia tự vệ Cuộc Nam Bộ đổi thành Sở Công an Nam Bộ, các tỉnh thành lập Ty Công an trên cơ sở Quốc gia tự vệ Cuộc.

2. Báo *Nhân đạo* của Đảng Cộng sản Pháp.

nên được gọi tên là "Đơn vị Bình Thắng". Ở Ba Láng, đội cộng hoà vệ binh Cần Thơ và Rạch Giá đã tiến công đánh chìm một ca nô địch. Khắp mặt trận Cần Thơ, chúng ta thường xuyên quấy rối, tiêu hao sinh lực địch, làm cho địch mất ăn, mất ngủ. Đi đôi với chiến đấu, ta còn kết hợp tuyên truyền địch vận, rải truyền đơn giải thích cuộc kháng chiến chính nghĩa của ta.

Từ những ngày đầu kháng chiến, ta đã chỉ đạo nhân dân sơ tán khỏi thị xã, thị trấn; thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ủy ban Kháng chiến: không hợp tác, không làm việc, không mua bán, không chỉ đường cho Pháp. Bọn Việt gian tay sai lúc đầu cũng rất ít và không dám hoạt động, do vậy đã gây cho thực dân Pháp gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp tế, giao dịch và nắm tình hình quân ta. Nhưng bọn chúng đã tích cực lợi dụng mua chuộc, chia rẽ dân tộc, tôn giáo, lôi kéo những người cầm đầu các giáo xứ Cao Đài, Hoà Hảo, Thiên Chúa,...., tận dụng những người trước đây làm việc cho Pháp, chiêu mộ bọn mật thám chỉ điểm, bọn lưu manh, địa chủ phản động ra làm việc cho chúng. Về chính trị, chúng gây chia rẽ Bắc - Nam, phân biệt đối xử, khi bắt được "Việt Minh" người miền Bắc, chúng cho bắn ngay.

Lúc đó công tác tổ chức chỉ huy của ta còn non yếu, chưa có kinh nghiệm về chiến tranh; chính quyền chưa có kinh nghiệm về quản lý điều hành xã

hội. Tình hình đó đã làm cho việc sơ tán hàng mấy chục vạn dân từ các thị xã, thị trấn về vùng nông thôn trở nên hết sức phức tạp. Vốn căm thù thực dân Pháp và có tinh thần cảnh giác cao đối với bọn Việt gian, công tác phòng gian được đề cao nhưng quản lý xã hội và tổ chức lúc này chưa có quy định thống nhất. Tất cả du kích, bộ đội, Quốc gia tự vệ Cuộc, Thanh niên tiên phong,... đều sẵn sàng tự nguyện canh gác và được quyền xét hỏi, nên hạn chế được bọn phản động làm tay sai do thám cho địch, nhưng đồng thời cũng xảy ra tình trạng nghi lầm, bắt oan nhiều người. Có tỉnh còn đề ra khẩu hiệu "Thà bắt lầm hơn thả lầm"; điều đó chứng tỏ sự ấu trĩ của cán bộ, chiến sĩ của ta, cùng với sự lợi dụng, chia rẽ của địch đã làm cho tình hình thêm phức tạp trong thời gian đầu kháng chiến ở Nam Bộ.

Trong hoàn cảnh tình hình phức tạp, rối ren đó, sau Hội nghị Ủy ban Kháng chiến miền Nam (ngày 10-12-1945), đồng chí Vũ Đức bắt đầu cuộc hành trình từ Sở Chỉ huy ở đồn điền cao su Thuận Lợi (nay là hai xã Đông Thuận và Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh) về Khu 9. Bộ Tư lệnh giải phóng quân Nam Bộ đã cử một đơn vị Nam tiến gồm 100 người, đa số là các chiến sĩ quê ở Quảng Ngãi, Nghĩa Bình do Nguyễn Bá chỉ huy, mang tên trung đội Đỗ Trữ, có nhiệm vụ bảo vệ Tư lệnh Vũ Đức về Khu 9, sau đó ở lại tăng cường cho Khu 9. Đơn vị hành quân qua Long Thành (Bà Rịa - Vũng Tàu), sau

đó theo sông qua Tuy Hạ, Cần Giờ, Lý Nhơn, vượt qua Gò Công đi vào cửa Bình Đại lên Bến Tre. Đơn vị tạm nghỉ ở Bến Tre ít ngày rồi tiếp tục hành quân qua Vĩnh Long, Trà Vinh. Đến Cần Thơ, đồng chí Vũ Đức làm việc với Ban Chỉ huy mặt trận Cần Thơ và gặp đồng chí Phan Trọng Tuệ trao đổi một số công việc trước mắt của Khu 9 và chuẩn bị về Bạc Liêu thiết lập chỉ huy sở của Bộ Chỉ huy. Lúc này địch vừa đánh vào Long Mỹ bằng đường sông và đường bộ. Đơn vị được cử đi liên lạc với Phan Trọng Tuệ ở Mi Trà Bang (Long Mỹ) ngày 15-12-1945 đã nhanh chóng triển khai tham gia chiến đấu tại Long Mỹ. Song quân Pháp đông và hoả lực mạnh hơn nhiều lần, để bảo toàn lực lượng, đơn vị được lệnh rút khỏi mặt trận Long Mỹ.

Đơn vị bảo vệ đồng chí Vũ Đức gấp rút vượt sông Hậu ở quăng Cầu Kè, lên xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách (Sóc Trăng) nghỉ tạm ở trại cá ông Trần Quang Thai. Tại đây, đồng chí Vũ Đức đã cho đơn vị liên lạc với Dương Ký Hiệp, Chủ tịch tỉnh Sóc Trăng, qua đồng chí Hiệp để liên lạc với Thanh Sơn (Nguyễn Văn Tây), thanh tra chính trị miền Tây và lãnh đạo công tác Đảng của tỉnh Hậu Giang. Các đồng chí đã đưa đơn vị về tạm đóng quân tại Thiên Hương (Ba Rinh), Bó Thảo; lúc này mặt trận Vĩnh Long, Trà Vinh đã bị vỡ. Sau đó đơn vị tiếp tục hành quân về thị trấn Phước Long (nay là huyện Hồng Dân, Bạc Liêu), đồng chí Vũ Văn Đức đã chọn nơi này làm Sở Chỉ huy lâm

thời. "Tuy gọi là Tổng hành dinh, chỉ huy sở, nhưng thực tế lúc này chỉ mới hình thành một số tổ, ban phụ trách những công tác cần thiết hàng ngày... Ban quân nhu là ban đầu tiên được Bộ Chỉ huy chiến khu thành lập. Bộ phận tham mưu, bộ phận chính trị được tổ chức với 2 - 3 cán bộ của Sóc Trăng, Cần Thơ, Rạch Giá rút về"¹. Để bảo vệ "Tổng hành dinh lâm thời" của Khu 9, đơn vị đã chọn điểm phòng ngự tại ngã tư Phó Sinh (Vĩnh Phú), chặn địch từ Ngã Năm vào bằng đường bộ và đường thủy. Cùng tham gia chiến đấu bảo vệ Khu 9 còn có một số đơn vị của Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá và một đơn vị bộ đội Việt kiều ở Campuchia về (lúc đó gọi là bộ đội Thoại Sơn) do Nguyễn Văn Lâu, Tăng Thiên Kim, Nguyễn Tái Giám, Đoàn Thành chỉ huy. Các đơn vị được lệnh triển khai sẵn sàng chiến đấu ngay. Lực lượng phối thuộc do Nguyễn Bá làm Chỉ huy trưởng, Nguyễn Văn Lâu, Lê Văn Phát làm Chỉ huy phó. Khu vực phòng thủ được xây dựng với công sự gỗ, đất không có gì kiên cố, các đơn vị đã lợi dụng hai con lộ ở hai bên bờ sông để đào hầm đắp ụ chiến đấu, dưới sông đắp cản để ngăn tàu địch.

Đồng chí Vũ Đức đề ra nhiệm vụ là: phải kiên quyết chiến đấu, giữ được từ 10 ngày đến một tháng để quân và dân ta ở phía sau cũng như Văn phòng

1. *Lịch sử Bộ Tham mưu Quân khu 9 - 30 năm kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 26.

Khu bộ trưởng kịp thời chấn chỉnh và di chuyển về an toàn khu ở vùng U Minh Hạ - Cà Mau.

Gần hai tháng bị quân và dân ta ngăn chặn, các mũi tiến công của địch bị chặn lại, cuối tháng 12 năm 1945, quân Pháp được Mỹ tiếp tay, dùng cả 8 tàu chiến chở Sư đoàn bộ binh số 9 và một tiểu đoàn dù hơn 500 tên, tổng cộng hơn 5.000 quân vào Nam Bộ. Chúng tăng cường xuống miền Tây một trung đoàn, nhiều xe thiết giáp, pháo và tàu chiến, thành lập Bộ Chỉ huy quân sự miền Tây do đại tá Đờxe (Dessert) chỉ huy tại Cần Thơ. Có thêm quân, thực dân Pháp đã phá được thế bao vây ở Cần Thơ của ta và mở rộng đánh chiếm các nơi. Tuy nhiên, Đờxe đang chỉ huy cuộc hành quân "trên đường đi Vị Thanh để đánh chiếm Rạch Giá thì đơn vị đồng chí Nguyễn Đăng đã tổ chức chặn đánh tại Tầm Vu, đường Cái Tắc đi Rạch Gòi, thuộc tỉnh Cần Thơ"¹, đại tá Đờxe bị bỏ mạng. Thực dân Pháp tích cực tuyển quân, ráo riết tập hợp bọn tay sai, lập chính quyền bù nhìn ở các thị xã, thị trấn tạm chiếm, ra sức lôi kéo bọn phản động trong các giáo phái Hoà Hảo, Cao Đài, Thiên Chúa và người Khmer ở Tây Nam Bộ, kích động bọn này gây rối hậu phương ta,... Với ý đồ, tham vọng đó, ngày 04-01-1946, từ thị xã Vĩnh Long, Trà Vinh, chúng đánh ra xung quanh mở rộng phạm

1. *Lịch sử Bộ Tham mưu Quân khu 9 - 30 năm kháng chiến (1945 - 1975)*, Sdd, tr. 26.

vi chiếm đóng và từ Cần Thơ theo sông Hậu tiến đánh Sóc Trăng, Long Mỹ, Vị Thanh. Tàu địch đổ bộ một số quân khá lớn lên Đại Ngãi (Long Phú), sau khi chiếm Đại Ngãi chúng chia làm hai mũi đánh vào Sóc Trăng, một cánh đi bằng tàu theo đường sông Xanh, một mũi hành quân bộ bằng xe đạp cướp của nhân dân Đại Ngãi. Lực lượng của ta ít và trang bị thiếu nên buộc phải rút lui để bảo toàn lực lượng. Chiều ngày 04-01-1946, quân Pháp đánh vào Sóc Trăng. Đơn vị Quốc gia tự vệ Cuộc đón đánh đoàn quân đường bộ ở Vườn Xoài; cánh đi đường thủy bị quân ta đánh ở Cầu Xanh. Ta làm cho chúng gặp nhiều khó khăn mới vào được thị xã. Trong thị xã, quân ta đã phá cầu, dinh hành chính rồi rút khỏi thị xã về đóng chốt ở Cầu Đen, từ đây chia làm hai cánh phòng thủ ở cầu Bó Thảo và Nhu Gia. Ngày 08-01-1946, một tổ vũ trang do Nguyễn Hùng Phước, Giám đốc Quốc gia tự vệ Cuộc chỉ huy, tiến công đánh úp bọn địch đóng ở ngã ba An Trạch, thu hai súng, đốt được một số giấy tờ tài liệu.

Sau khi địch chiếm đóng thị xã, cơ quan lãnh đạo của tỉnh Sóc Trăng rút về Mỹ Phước (Châu Thành). Ngày 15-01-1946, lực lượng vũ trang và các cơ quan của tỉnh cũng rút về Bà Ai, Cai Giăng; Phước Long, Rạch Giá (nay là Hồng Dân, Bạc Liêu).

Ngày 09-01-1946, thực dân Pháp tiếp tục mở các cuộc hành quân đánh chiếm các tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá. Chiều 09-01-1946,

địch chiếm được hai thị xã Long Xuyên, Sa Đéc và chiếm các quận lỵ của hai tỉnh trong tháng 01-1946. Tỉnh uỷ Long Xuyên rút đại bộ phận cán bộ và lực lượng vũ trang về căn cứ U Minh nhằm bảo toàn lực lượng, chỉ để lại một bộ phận nhỏ rút vào hoạt động bí mật để duy trì phong trào.

Quân và dân ta ở các mặt trận lúc đó, với số vũ khí ít ỏi, thô sơ của mình đã đánh trả địch quyết liệt. Đặc biệt, quân và dân ở mặt trận Sóc Trăng khi lui về Bô Thảo, Nhu Gia đã phối hợp cùng lực lượng cộng hoà vệ binh tỉnh Bạc Liêu chiến đấu dũng cảm kìm giữ quân địch, buộc chúng phải đánh với ta gần ba tuần, không tiến lên được. Ở Trà Vinh, mặt trận Cầu Ngang cũng cầm cự với địch suốt tháng 01-1946, gây cho chúng nhiều tổn thất. Lực lượng cộng hoà vệ binh ở các tỉnh Sa Đéc, Vĩnh Long, Trà Vinh, một bộ phận ở lại địa phương cùng với cán bộ, bám nhân dân các vùng nông thôn trong tỉnh, tiếp tục chiến đấu; một bộ phận vượt sông Hậu, tham gia chiến đấu với các tỉnh miền Tây. Lực lượng cộng hoà vệ binh Cần Thơ, một bộ phận bám trụ lại cùng với cán bộ Đảng, đoàn thể, nhân dân; một bộ phận vừa đánh vừa lui theo hai hướng: hướng Bình Thủy theo đường Phong Điền, Ba Đầm về Thác Lác (có Huỳnh Phan Hộ, Nguyễn Đăng,...); hướng Cái Tắc rút theo Rạch Gài, Long Mỹ về Ngang Dừa, ngã Ba Đình, Chắc Bông (có Trần Văn Hoàn, Phan Trọng Tuệ...) cùng với các lực lượng vũ trang các tỉnh tham gia chiến đấu với bộ đội Bạc Liêu.

Ở Bạc Liêu, sau khi mặt trận Cần Thơ và Sóc Trăng bị vỡ, lực lượng cộng hoà vệ binh lùi về phòng thủ ở Nhu Gia cùng với lực lượng cộng hoà vệ binh Bạc Liêu chiến đấu. Ông Đinh Công Thưởng và kỹ sư Nhân đã phá được cầu, buộc địch phải dừng lại. Suốt ngày 29-01-1946, quân ta chiến đấu quyết liệt với địch, đêm 29 tháng 01 quân Pháp lợi dụng đêm tối, dùng thuyền vượt sông; chờ địch ra đến giữa sông, quân ta đồng loạt nổ súng, thuyền địch bị chìm làm 17 tên chết. Đêm 30 tháng 01, quân ta bí mật vượt sông tập kích dữ dội vào quân Pháp, diệt 20 tên, thu 2 súng, ta chỉ có 2 chiến sĩ bị thương nhẹ. Tiến công bằng đường bộ thất bại, địch chuyển sang tấn công bằng đường thuỷ, chúng dùng tàu sắt theo sông Vòm Léo, Cô Cò đánh vào thị xã Bạc Liêu. Ta chặn đánh nhưng không có kết quả. Đồng chí Tào Văn Ty (Ủy viên quân sự tỉnh chỉ huy) cho quân ta đuổi theo bám sát tàu địch, đồng thời huy động lực lượng cộng hoà vệ binh, đội cảm tử quân cùng các đơn vị tỉnh bạn nhanh chóng lập mặt trận mai phục tại Cầu Sắt - Cả Đường. Khi địch đổ bộ lên bờ đang kéo vào thị xã, quân ta bất ngờ nổ súng đồng loạt vào bộ phận đi đầu, diệt nhiều tên; hàng ngũ địch rối loạn nhưng vẫn ngoan cố tiến về thị xã. Trận đánh diễn ra ác liệt, lực lượng cảm tử quân dùng lựu đạn, dao găm xông vào đội hình địch chiến đấu rất dũng cảm. Địch tăng cường lực lượng, chúng dùng súng cối dưới tàu bắn lên và được bộ phận đi sau tiếp viện. Các lực

lượng của ta hết đạn buộc phải rút lui. Các chiến sĩ cảm tử được trang bị mỗi người 4 quả lựu đạn do đồng chí Hai Ngó chỉ huy từ trên các lầu cao ném xuống đội hình địch, nhưng lựu đạn do ta tự chế tạo có nhiều quả không nổ; địch bao vây bắt được 13 đồng chí. Sáng ngày 30-01-1946, chúng đã hèn nhát đem bắn cả 13 chiến sĩ của ta ở Cầu Quay. Nhân dân Bạc Liêu vô cùng thương tiếc các chiến sĩ cảm tử quên mình hy sinh để bảo vệ thị xã. Sau đó ngày 02-02-1946, quân Pháp dùng tàu sắt tiến theo kênh Hộ Phòng và sông Gành Hào đánh chiếm quận lỵ Cà Mau (nay là thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau).

Như vậy, sau một thời gian chiến đấu giằng co quyết liệt, thị xã Bạc Liêu là tỉnh lỵ cuối cùng ở miền Tây Nam Bộ bị quân Pháp tái chiếm. Tuy nhiên, lúc bấy giờ địch chỉ chiếm được thị xã và một số thị trấn, còn vùng tự do bao gồm các quận Phước Long, An Biên, Long Mỹ và một phần các quận Vĩnh Lợi, Giá Rai, Cà Mau,... vẫn do ta kiểm soát. Những vùng này lại liên kề với vùng tự do của tỉnh Rạch Giá, tạo nên một vùng tự do khá rộng lớn ở miền Tây Nam Bộ. Hơn nữa trong vùng tự do này lại có khu rừng nguyên sinh ngập mặn rộng hơn 142.000 ha, rất thuận lợi cho việc xây dựng căn cứ kháng chiến. Lực lượng các tỉnh miền Tây Nam Bộ cơ bản được tập trung về vùng này. Tháng 01-1946, thực dân Pháp mới đánh chiếm được các thị xã ở miền Tây nhưng ngay từ cuối năm 1945, khi sức ép của quân Pháp gia

tăng tại các mặt trận thì Tỉnh uỷ Rạch Giá đã quyết định xây dựng căn cứ ở vùng U Minh Thượng, Tỉnh uỷ Bạc Liêu cũng quyết định xây dựng căn cứ ở U Minh Hạ. Ngay sau chủ trương đó, lương thực từ các vùng ven và các địa phương nhiều lúa gạo như Giá Rai, Long Mỹ, Phước Long đã được chuyển gáp vào tập kết sâu trong rừng U Minh. Trong số đó đáng chú ý là nguồn lúa gạo của các chủ đồn điền Cờ Đỏ, Bảy Ngàn cũng được ta vận động và tận thu đem vào gửi trong các nhà dân vùng rừng U Minh. Nhân dân vùng ven U Minh tình nguyện "tiêu thổ kháng chiến", phá đường, đắp kè, ngăn sông để cản địch.

Vào cuối tháng 01 đầu tháng 02-1946, hầu hết các thị xã, thị trấn đều đã bị quân Pháp chiếm đóng; các trục đường giao thông thuỷ bộ huyết mạch nối liền hai đảo Cà Mau với Nam sông Hậu, đường giao liên giữa Chiến khu 9 với Chiến khu 8 đều bị phong toả, chia cắt. Tình hình Nam Bộ và Tây Nam Bộ trở nên khó khăn, chính quyền mới thành lập chưa được củng cố, còn lúng túng trong việc đối phó với địch. Các cơ sở đảng và chính quyền ở một số nơi không còn. Hệ thống liên lạc giữa các tỉnh gặp nhiều khó khăn. Các chiến khu mới có quyết định thành lập, bộ máy đang được hình thành, chưa có hệ thống ở các tỉnh. Sự chỉ đạo còn rời rạc và chưa thông suốt đến cấp cơ sở. Các địa phương miền Tây Nam Bộ hầu như bị rơi vào thế cô lập; các cơ quan lãnh đạo, các tổ chức quần chúng và các lực lượng vũ trang gần như mất

chỗ đứng chân, bị địch bao vây uy hiếp. Trong bối cảnh đó, cơ quan lãnh đạo Xứ uỷ, Bộ Chỉ huy Chiến khu 9, Chiến khu 8¹, lực lượng vũ trang, cơ quan lãnh đạo các tỉnh miền Tây Nam Bộ đã quyết định tạm lui về U Minh, “khi Pháp tái chiếm thị trấn Cà Mau thì cơ quan Thường trực Tỉnh uỷ lui về Tân Thành, Tân Lộc; Uỷ ban Kháng chiến do đồng chí Tào Văn Ty chỉ huy lui về Phước Long theo cù Vũ Đức”² dựa vào địa thế hiểm trở ở đây để bảo toàn lực lượng, duy trì cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc.

Rừng U Minh - từ chỗ chỉ là căn cứ cấp tỉnh (U Minh Thượng là căn cứ của Tỉnh uỷ và lực lượng vũ trang Rạch Giá, U Minh Hạ là căn cứ của Bạc Liêu), đầu năm 1946, cả vùng U Minh rộng lớn đã trở thành căn cứ địa của Chiến khu 9, thậm chí có thể gọi là liên khu bởi ở đây còn có một số cơ quan, lực lượng của Chiến khu 8. Thấy rõ vị trí chiến lược của U Minh và vai trò quan trọng của căn cứ này, cấp trên đã cử ba cán bộ có kinh nghiệm và đã nhiều năm lặn lội với phong trào cách mạng miền Tây là Võ Văn Kiệt, Võ Hồng Kỳ, Hoàng Quang Nam về U Minh trực tiếp giúp xây dựng căn cứ địa. Thời kỳ này trong nhân dân Nam Bộ truyền tụng nhau câu ca: “Cao Đài - Tây Ninh, Hoà

1. Một bộ phận lực lượng vũ trang của Khu 8, Khu bộ trưởng Đào Văn Trường rút về vùng Thới Bình, Chác Bàng,... và rừng U Minh.

2. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu (1927-1975)*, Bạc Liêu, 2002, t. I, tr.120.

Hảo - Láng Linh, Việt Minh - Cán Gáo", có nghĩa là căn cứ của đạo Cao Đài ở Tây Ninh, đạo Hoà Hảo ở Láng Linh, còn căn cứ của mặt trận Việt Minh thì ở Cán Gáo (một địa điểm sâu ở trung tâm vùng U Minh Thượng). Căn cứ địa U Minh bao gồm cả một vùng rộng lớn kéo dài từ U Minh Thượng tới U Minh Hạ với chiều dài khoảng 180 km rộng 80 km, giống như một tam giác với diện tích khoảng 8.000 km², dân số khoảng 700.000 người, cơ sở vật chất ban đầu (công binh xưởng, lương thực, thực phẩm,...) đủ để các lực lượng trong căn cứ địa có thể tự lập, tự cường chiến đấu trong thời gian dài, kể cả trong điều kiện bị phong tỏa.

U Minh có một vị trí chiến lược quan trọng và hội đủ những yếu tố để trở thành căn cứ địa kháng chiến. U Minh có lợi thế về điều kiện tự nhiên mà không nơi nào ở miền Tây Nam Bộ có được. Vùng này còn có gần 150 km tiếp giáp với cửa biển Đông thông qua vịnh Thái Lan, thuận tiện cho việc giao lưu, tiếp xúc với các nước trong khu vực cả trên phương diện phát triển kinh tế lẫn quốc phòng - an ninh. Vùng U Minh không có núi cao, hang động; không có mạng lưới giao thông đường bộ như các căn cứ địa khác, nhưng U Minh lại có vùng đồng bằng rộng lớn với những khu rừng nguyên sinh rậm rạp, có hệ thống sông rạch chằng chịt, rất phù hợp cho chiến tranh du kích - một phương thức phổ biến của chiến tranh nhân dân Việt Nam. Bên cạnh yếu tố "thiên thời" và "địa lợi" thì yếu tố "nhân hoà" cũng đã góp phần đưa U Minh chỉ là

một nơi đơn thuần để ăn náu, che giấu lực lượng đã trở thành một căn cứ địa với đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và vai trò của nó trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược.

Với ưu thế sức mạnh quân sự ban đầu của địch, chiến trường ngày càng trở nên ác liệt; thực tế đó cũng là điều kiện để thử thách, sàng lọc các thành phần đối tượng của ta. Một số người dao động, sợ sức mạnh của quân Pháp, đã quay trở lại làm việc cho thực dân Pháp chống lại cách mạng. Một số dân ở thành thị, buôn bán, công chức cũ, không có cơ sở ở nông thôn, gặp khó khăn khi sơ tán lâu ngày trong căn cứ, tuy có lòng yêu nước, ghét thực dân Pháp xâm lược, song vì cuộc sống gia đình, lần lượt hồi cư, trở về vùng bị địch chiếm đóng. Còn lại hầu hết đảng viên các tỉnh, đảng viên từ Côn Đảo về, thanh niên, giáo viên, học sinh, sinh viên yêu nước đều có mặt trong chiến khu, hoặc về vùng nông thôn của tỉnh mình tiếp tục chiến đấu và lãnh đạo chỉ huy chiến đấu, được sự đùm bọc chí tình của nhân dân vùng nông thôn. Chính trong tình hình khó khăn đó, vai trò lãnh đạo và chỉ huy của khu với liên tỉnh được xác định, củng cố và phát triển.

Trong thời gian này đã diễn ra một số hội nghị quan trọng của Xứ uỷ và Liên Tỉnh uỷ với Khu 9, Khu 8. Hội nghị Cầu Vĩ và Hội nghị Thiên Hộ, nhằm kiểm điểm rút kinh nghiệm công tác chỉ đạo kháng chiến từ sau ngày 23-9-1945, trên các mặt xây dựng

lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị, phát triển chiến tranh du kích, ngăn chặn bước tiến của địch và quyết định một số vấn đề quan trọng như: đề ra chủ trương, biện pháp đẩy mạnh kháng chiến; thống nhất bầu một xứ uỷ để lãnh đạo cuộc kháng chiến. Nội dung được thông qua tại hai hội nghị này đã có tác dụng thống nhất quyền lãnh đạo trong cấp uỷ các địa phương, đặc biệt là ở căn cứ địa U Minh - nơi đang tập trung khá đông các cơ quan, đơn vị vũ trang; đồng thời thúc đẩy công tác xây dựng phát triển đảng viên trong điều kiện lực lượng đảng viên của miền Tây Nam Bộ còn quá mỏng, nhiều nơi chưa có đảng viên để lập chi bộ.

Ngày 02-02-1946, Hội nghị Thới Bình mở rộng của Xứ uỷ Nam Bộ được tổ chức tại rạch Bà Đăng, xã Thới Bình, quận Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu. Hội nghị này có các Xứ uỷ viên Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Văn Viên; Đào Văn Trường, Võ Sĩ (Bộ Chỉ huy Khu 8); Vũ Đức, Phan Trọng Tuệ (Bộ Chỉ huy Khu 9) để thống nhất đánh giá, nhận định tình hình và bàn chủ trương đối phó với âm mưu, thủ đoạn của địch. Trên cơ sở phân tích, so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch hiện tại, hội nghị thống nhất báo cáo Trung ương và đề nghị Trung ương chi viện gấp người và vũ khí cho miền Tây Nam Bộ kháng chiến.

Tuy nhiên, khi bàn và thảo luận các biện pháp đối phó tại chỗ, trong lúc chờ sự chỉ đạo và chi viện của

trên thì trong hội nghị, xuất hiện hai luồng ý kiến khác nhau:

Thứ nhất: Chủ trương dựa vào dân, bám cơ sở cách mạng tại chỗ, xây dựng U Minh thành căn cứ địa vững chắc, phân tán lực lượng vũ trang; đẩy mạnh chiến tranh du kích, bí mật luôn về vùng địch tạm chiếm diệt ác, trừ gian, tuyên truyền vũ trang, khôi phục và phát triển cơ sở - phong trào kháng chiến.

Thứ hai: Trong điều kiện tương quan lực lượng quá chênh lệch, địch hơn ta về nhiều mặt, nếu bám trụ dễ bị tiêu diệt. Vì vậy nên đưa phần lớn lực lượng vũ trang của cả Khu 8, Khu 9 lên miền Đông cùng với Khu 7 đánh thực dân Pháp. Ở đó sẽ gần sự chỉ đạo và chi viện của Trung ương hơn, sẽ có hoả lực, giúp đỡ của các lực lượng vũ trang miền Đông. Hơn nữa, miền Đông có rừng lớn, địa thế thuận lợi... khi lực lượng vũ trang cả ba khu đủ mạnh, sẽ kéo xuống phối hợp với phong trào chiến tranh du kích, đẩy mạnh cuộc kháng chiến, giành lại quyền kiểm soát U Minh. Sau này chủ trương đó được gọi là "xuyên Đông"¹. Còn

1. Theo đồng chí Đào Xuân Trường, cuộc họp Xứ uỷ triệu tập, đồng chí được mời nhưng do công tác nên vắng mặt. Cuộc họp cần tổ chức một đoàn quân thuộc Khu 8, Khu 9 đi đón "Đoàn quân Nam tiến" ở miền Bắc đang trên đường vào Nam chi viện, rồi dẫn đoàn quân ấy về các địa phương Khu 8 và Khu 9. Hai ba ngày sau, đồng chí Võ Sĩ mời đồng chí Vũ Đức và đồng chí Trường ở một địa điểm thuộc Phước Long, để bàn thực hiện kế hoạch đó, giao cho đồng chí Trường làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Vũ Đức làm Chính trị viên đoàn quân "xuyên Đông" đón quân Nam tiến.

một số cán bộ thì "xuyên Tây", tức đi Thái Lan bằng đường biển để mua vũ khí về chiến đấu.

"Hội nghị thảo luận sôi nổi, kéo dài đến nửa đêm và kết luận: Tùy theo hoàn cảnh, từng địa phương, từng hoàn cảnh đơn vị mà hành động theo ý kiến thứ nhất hay ý kiến thứ hai"¹. Tuy nhiên, lãnh đạo, chỉ huy cả hai Chiến khu 8 và 9 quyết định đưa phần lớn các lực lượng vũ trang lên miền Đông. Chủ trương này khi được phổ biến xuống các cơ quan, đơn vị thì nhiều cán bộ, quân, dân, chính, Đảng của các tỉnh thuộc Khu 8 và 9 không thông với chủ trương "xuyên Đông", không chấp hành lệnh "xuyên Đông". Họ chủ động liên hệ với nhau, móc nối khôi phục và củng cố cơ sở cách mạng tiếp tục kháng chiến; trong đó có một số đồng chí Tỉnh ủy viên. Đây là thời điểm khó khăn của miền Tây Nam Bộ nói chung và căn cứ U Minh nói riêng: các đơn vị vũ trang bị xáo trộn (người đi, người ở), công tác lãnh đạo, chỉ huy thiếu thống nhất, trong khi đó chính quyền, đoàn thể còn non trẻ lại gặp khó khăn.

Những ngày sau đó, chấp hành Nghị quyết của Hội nghị Thới Bình, một đơn vị của Khu 8 do đồng chí Đào Văn Trường chỉ huy đã nhanh chóng rời căn

1. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1945-1954)*, Nxb. Chính trị quốc, Hà Nội, 2010, t. I, tr. 260.

cứ U Minh, bắt đầu hành trình "xuyên Đông", sau khi vượt sông Hậu sang đến Bến Tre thì bị quân Pháp chặn đánh quyết liệt, thương vong lớn, Khu bộ trưởng Đào Văn Trường phải dùng ghe rút ra vùng cực Nam Trung Bộ. Riêng lực lượng vũ trang của Khu 9 mới phái một tiểu đội đi thăm dò, đến bờ sông Hậu - thuộc huyện Kê Sách (Sóc Trăng) cũng bị tàu địch ngăn chặn, chưa qua được sông thì được lệnh của Khu bộ trưởng Võ Văn Đức quay lại.

Khu bộ trưởng Võ Văn Đức quyết định không "xuyên Đông" nữa mà đưa lực lượng về lập "đại bản doanh" ở Phước Long. "Tổng hành dinh Khu bộ đóng tại Phước Long có cụ Vũ Đức - Khu bộ trưởng, Phan Trọng Tuệ - Chủ nhiệm Chính trị bộ; đồng chí Võ Văn Kiệt, đại diện Tỉnh uỷ Rạch Giá, đồng chí Trần Hồng Dân, Uỷ viên Thường vụ Tỉnh uỷ Rạch Giá, Bí thư Quận uỷ Phước Long"¹. Đơn vị cộng hoà vệ binh tỉnh Bạc Liêu do đồng chí Đinh Công Thương chỉ huy được lệnh sang Phước Long. Các đồng chí Tào Văn Ty, Đinh Công Thương, Trương Văn Ty ở lại hành dinh cụ Vũ Đức.

Tình hình trên đã gây ra nhiều khó khăn cho vùng căn cứ địa U Minh, sau khi các đơn vị của hai chiến khu "xuyên Đông" không được phải quay trở lại; đã có những khúc mắc nảy sinh giữa một bên ở

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu*, Bạc Liêu, 2002, t. I, tr. 122-123.

lại bám trụ với một bên ủng hộ kế hoạch “xuyên Đông”. Để khắc phục tình trạng đó, giữa tháng 02 năm 1946, Bộ Chỉ huy Khu 9 - trực tiếp là Khu bộ trưởng Võ Văn Đức quyết định triệu tập đại biểu quân - dân - chính - Đảng của các tỉnh trong chiến khu, đang đứng chân tại căn cứ U Minh về họp ở Ngang Dừa (xã Vĩnh Lộc, huyện Phước Long, tỉnh Rạch Giá) thống nhất xây dựng, củng cố căn cứ địa U Minh vững chắc về mọi mặt để kháng chiến lâu dài. Đồng chí xác định: “...nơi nào rút khỏi thành thị thì quân ta phải chiếm đóng ở những địa điểm chiến lược lợi hại tiến có thể đánh, lui có thể giữ. Các vùng chiến tranh chưa lan đến cũng phải chuẩn bị đối phó khi tiến khi lui; kế hoạch tiến công cũng như kế hoạch rút lui cũng phải hết sức chu đáo (phòng đủ mọi việc: địa điểm, cán bộ, lương thực, thuốc men, quần áo, vũ khí, vật liệu, cơ kiện, v.v.).”¹.

Hội nghị Ngang Dừa có đồng chí Lê Văn Sỹ (Võ Sỹ) - Xứ uỷ viên tham dự. Hội nghị đã phân tích, đánh giá, nhận định tình hình địch, ta. “Hội nghị chủ trương lập 3 phân khu Ngang Dừa - Phước Long, Xẻo Rô - An Biên, Cà Mau - Tân Hưng, “Bỏ chủ trương “xuyên Đông” của Hội nghị Thới Bình, để vượt qua tình thế khó khăn hiện nay, cán bộ và bộ đội các tỉnh phải trở về địa phương của mình, bám đất, bám dân, đẩy

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2000, t. 8, tr. 32.

manh chiến tranh du kích, tổ chức lại chính quyền cơ sở và các đoàn thể quần chúng, giải tán hội tế, diệt ác, trừ gian, đề củng cố vùng tự do và khôi phục phong trào ở vùng tạm chiếm”¹ trên cơ sở đã xác định:

- Phải gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh chiến tranh du kích khắp mọi nơi để tiếp tục duy trì cuộc kháng chiến, giữ đất, bảo vệ dân ở vùng ta còn giữ được, khôi phục phong trào ở vùng bị địch tạm chiếm.

- Quyết định cho một số cán bộ và đơn vị vũ trang của các tỉnh đã rút xuống vùng Rạch Giá, Bạc Liêu trở về bám đất, bám dân ở địa phương.

- Tích cực tuyên truyền vũ trang, diệt ác, trừ gian, phá hoại đường sá, cầu cống, làm ngăn cản địch, khôi phục lại phong trào kháng chiến ở địa phương, củng cố và thành lập Ủy ban Kháng chiến các cấp (tỉnh, huyện, xã). Phân công số cán bộ từ Côn Đảo về đi tăng cường các địa phương.

Hội nghị đã tạo được chuyển biến lớn và rất tích cực cho cuộc chiến đấu ở miền Tây. Trước hết về mặt tư tưởng: đã tạo nên sự chuyển biến đáng kể, thống nhất được nhận thức từ trên xuống dưới về tình hình, thấy rõ mục tiêu và hướng đi, phương châm, phương pháp hành động cách mạng; ổn định tư

1. Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1945-1954)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, t. I, tr. 261.

tướng cho cán bộ, bộ đội và nhân dân trong căn cứ, từ đó từng bước tạo được sự thống nhất trong lãnh đạo, tổ chức chỉ huy.

Bộ Tư lệnh quân khu đã phối hợp với Ủy ban Kháng chiến các tỉnh, Ban chấp hành đoàn thể quần chúng, khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, các đơn vị cộng hoà vệ binh của các tỉnh được biên chế lại, bổ sung thêm quân số, tăng cường cán bộ chỉ huy. Các đội cảm tử quân được thành lập sẵn sàng chiến đấu trong lòng địch. Ở Khu 9, Khu bộ trưởng Vũ Đức chủ trương lực lượng vũ trang phải bám dân, bám đất, tập trung các phân đội về vùng tự do của hai tỉnh Bạc Liêu và Rạch Giá, tổ chức lại bộ đội, thực hiện chính sách dân tộc, xây dựng tình đoàn kết dân tộc Việt - Khmer.

Nhân dân các tỉnh đều động viên con em dấy lên phong trào tòng quân giết giặc, tham gia dân quân du kích, luyện tập quân sự, quyên góp tiền gạo vào quỹ nuôi quân, tự sắm sửa vũ khí thô sơ trang bị cho mình như súng lửa, dao, kiếm, gậy tầm vông. Công tác "tiêu thổ kháng chiến" được tiến hành tích cực, các đường giao thông quan trọng đều được đào thành hố sâu xen kẽ với các ụ đất để cản xe địch; các cửa sông được hàn cản để chặn tàu địch; nhân dân tích cực thực hiện phương châm "vườn không nhà trống" và sơ tán từ thị xã, thị trấn về nông thôn khi có lệnh.

"Ngày 20 tháng 02 năm 1946, đồng chí Huỳnh Phan Hộ với danh nghĩa thay mặt Khu bộ trưởng Vũ

Đức chủ trì tổ chức một số đơn vị của tỉnh Cần Thơ thành trung đội 4 vệ quốc đoàn thuộc Chiến khu 9. Việc tập hợp các đơn vị để thành lập trung đội do Ban Tham mưu mặt trận điều khiển. Trung đội (tương đương đại đội) có 3 phân đội (mỗi phân đội có 3 tiểu đội). Chỉ huy trung đội do đơn vị bầu, đồng chí Huỳnh Thủ làm Trung đội trưởng, đồng chí Hồ Đắc Kiện làm Chính trị viên, đồng chí Ngô Ngọc Nhọn làm Trung đội phó¹.

Sau hội nghị, các đơn vị vũ trang và cán bộ lần lượt chuyển về tỉnh nhà; sớm nhất là Sóc Trăng (tháng 3-1946) rồi đến Trà Vinh, Sa Đéc (tháng 4-1946). Một số tỉnh của Khu 9 được Bộ Tư lệnh và Liên Tỉnh uỷ Hậu Giang tăng cường cán bộ và lực lượng vũ trang.

Về quân sự, thực hiện chủ trương của Hội nghị Ngang Dừa, Bộ Chỉ huy Khu 9 tổ chức ba phân khu, thực tế là ba mặt trận:

- *Mặt trận Cái Tàu - An Biên*: Đây là khu vực phía bắc U Minh Thượng, tiếp giáp với vùng ven thị xã Rạch Giá. Nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng hệ thống phòng thủ và bảo vệ căn cứ địa ở hướng bắc, tây bắc; trong đó có nhiệm vụ đặc biệt quan trọng là bảo vệ và duy trì sản xuất của các công binh xưởng. Do tính chất nhiệm vụ nên kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích - Khu bộ

1. *Lịch sử Bộ Tham mưu Quân khu 9 - 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 27.

phó, người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quân giới cùng với Khu uỷ viên Võ Quang Anh - trực tiếp chỉ huy quân khu này. Lực lượng chủ yếu có các phân đội vệ quốc đoàn của hai tỉnh: Rạch Giá, Hà Tiên và một bộ phận của các tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc đang đóng tại Chiến khu 9.

- *Mặt trận Ngang Dừa - Phước Long*: Đây là phân khu trung tâm - là nơi có Tổng hành dinh của Khu bộ trưởng Vũ Đức và Chủ nhiệm Chính trị bộ Phan Trọng Tuệ, là nơi đứng chân của các cơ quan đầu não chỉ huy kháng chiến, nên được tăng cường lực lượng và được tổ chức xây dựng chặt chẽ.

Khu bộ trưởng Vũ Đức và Chủ nhiệm Chính trị bộ Phan Trọng Tuệ trực tiếp chỉ huy phân khu này. Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến Hành chính là Tào Văn Ty cũng được tăng cường về giúp việc tổ chức và xây dựng lực lượng. Lực lượng vũ trang ở đây gồm có một đại đội vệ quốc đoàn của tỉnh Bạc Liêu và các đơn vị vệ quốc đoàn của các tỉnh Sóc Trăng, Cần Thơ, Vĩnh Long, một chi đội Nam tiến do đồng chí Nguyễn Bá chỉ huy. Tham gia chiến đấu tại mặt trận này còn có đại đội Cao Miên - Việt kiều Cứu quốc quân do Tăng Thiên Kim chỉ huy.

- *Mặt trận Cà Mau - Tân Hưng*: Phân khu này là lá chắn phía nam của căn cứ địa U Minh. Địa bàn này đã hình thành mặt trận ngay từ sau khi thị trấn Cà Mau bị quân Pháp đánh chiếm với một chính diện kéo dài từ sông Ông Đốc (Voi Vàm) đến Gành Hào và

được bố trí thành nhiều tuyến. Lực lượng vũ trang ở đây chủ yếu là các đơn vị vệ quốc đoàn của tỉnh Bạc Liêu, của huyện Cà Mau và du kích các xã Tân Hưng, Thạch Phú, Cà Mau (sau ngày 06-3-1946, Khu bộ trưởng Vũ Đức về phân khu Cà Mau - Tân Hưng).

Để phá thế bị bao vây, cô lập và phát huy vai trò cũng như ảnh hưởng của căn cứ địa U Minh, Hội nghị Ngang Dừa quyết định thành lập các sát gian đoàn (thực chất là các đội làm nhiệm vụ vũ trang tuyên truyền, trừ gian, diệt ác, gây dựng lại các cơ sở trong vùng tạm bị chiếm và trong các đô thị,...). Sau khi được thành lập, các sát gian đoàn này ngay lập tức rời căn cứ U Minh, luồn sâu vào các địa phương, các đô thị, tổ chức của quần chúng, xây dựng được nhiều cơ sở tin cậy và vững chắc cho các lực lượng kháng chiến.

Cùng với việc ổn định chính trị, tư tưởng và điều chỉnh về tổ chức, bố trí lại thế trận, công tác xây dựng căn cứ vững chắc về mọi mặt đã được đồng chí Khu bộ trưởng Vũ Đức và Bộ Chỉ huy chiến khu, lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, đơn vị thực hiện khẩn trương. Để có vũ khí, trên cơ sở một số công binh xưởng có từ trước Tổng khởi nghĩa, cùng với số phương tiện máy móc mà các địa phương chủ động di chuyển vào rừng U Minh, Khu uỷ và Bộ Chỉ huy Khu 9 đã chỉ đạo triển khai ngay việc sản xuất vũ khí để đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc kháng chiến. Lúc này các xưởng quân giới ở U Minh chỉ mới sản xuất

được một số loại vũ khí thô sơ như: máy đá, súng đốt ngòi, súng trường, lựu đạn,... Cũng trong những tháng đầu năm 1946, miền Tây Nam Bộ nhận chuyển hàng chi viện đầu tiên của Trung ương, chủ yếu là lựu đạn, thuốc men do đồng chí Nguyễn Văn Sa ra miền Bắc dự Hội nghị Thanh niên toàn quốc chuyển về bằng đường bộ.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Xứ uỷ và Bộ Chỉ huy Khu 9, các lực lượng được tổ chức sắp xếp, bố trí lại một cách hợp lý hơn: cán bộ chủ chốt được giao toàn quyền quyết định tại mặt trận; các đơn vị chủ lực có kinh nghiệm được đưa về đóng ở khu trung tâm đầu não của chiến khu, điều chuyển một số cán bộ chuyên môn về đúng vị trí sở trường; hầu hết cán bộ lãnh đạo chỉ huy đều trở về các địa phương bám trụ; tiếp nhận và sắp xếp lại đơn vị Cao Miên - Việt kiều Cứu quốc quân. Trong điều kiện lực lượng chủ lực vừa thiếu lại vừa yếu (cả quân số lẫn trang bị), Khu bộ trưởng Vũ Đức đã quyết định thành lập Ban Chỉ huy dân quân để chỉ đạo và trực tiếp điều hành hoạt động của các lực lượng dân quân, du kích trong phạm vi căn cứ và Khu Đội trưởng Cao Miên - Việt kiều Cứu quốc quân Tăng Thiên Kim được giao làm Trưởng Ban Dân quân và đơn vị của ông được Khu bộ trưởng Vũ Đức điều ngay xuống để tăng cường và trực tiếp phụ trách mặt trận Vĩnh Hưng - nơi lực lượng đang phòng thủ chủ yếu là dân quân, du kích.

Với tầm nhìn chiến lược, đồng chí Vũ Đức đã có

những quyết định sáng suốt, phù hợp để giải quyết những vấn đề lớn trên chiến trường. Tháng 3-1946, với tầm nhìn xa trông rộng có tính chiến lược nhằm xây dựng mặt trận phối hợp có tính quốc tế giữa ta và Campuchia, đồng chí Vũ Đức đã cử một đoàn đại biểu do Nguyễn Văn Sa làm trưởng đoàn đi Campuchia, qua ngã Thái Lan để liên hệ vận động Việt kiều và mua vũ khí, sau đó về Campuchia tìm mọi cách liên lạc với Mặt trận Ixarắc, đề nghị mở mặt trận phối hợp chống thực dân Pháp.

Khi trở về, đồng chí Nguyễn Văn Sa đã được một phái đoàn của ta đang hoạt động ở Thái Lan giao cho một bản mật mã để liên lạc, tiếp nhận số vũ khí đã mua ở Thái Lan, chuyển về Cà Mau. Cả hai nhiệm vụ trên đều có kết quả tốt. Thời kỳ này, ta có khoảng 10 vạn Việt kiều ở các nước Thái Lan, Xingapo, Malaixia, Indônêxia, trong đó đã hình thành một số tổ chức Việt kiều yêu nước. Được vận động, các tổ chức này đã quyên góp và thu mua vũ khí ở các nước về tập kết ở Mai Ruột (Thái Lan), sau đó tìm cách vận chuyển về nước. Tiểu đoàn Hải ngoại Cửu Long II (còn gọi là bộ đội Quang Trung) khi về U Minh, mỗi chiến sĩ mang theo mình 20 kg vũ khí nhẹ, còn vũ khí nặng do 2 con voi tải theo đoàn. Ngoài ra còn có hơn 150 tấn vũ khí tập kết ở Mai Ruột, sau đó đã được nhóm của ông Trần Văn Quang (một Việt kiều yêu nước ở Malaixia) tiếp tục chuyển về căn cứ U Minh bằng đường biển. Đến "cuối tháng 5 năm 1946, đồng

chí Tào Văn Ty di công cán theo lệnh cụ Vũ Đức từ Xiêm (Thái Lan) trở về. Đồng chí Ty cùng các đồng chí Lê Hoàng Giáp, Mạc Văn Deo chuyên nhiều vũ khí từ Băng Cốc về Rạch Gốc trang bị thêm cho các đơn vị khu và tỉnh"¹.

Sau khi gây chiến được vài tháng, thực dân Pháp vẫn chưa thực hiện được âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh mà còn bị thất bại nặng nề, vì vậy buộc chúng phải ký Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946. Hiệp định đã có tác động tích cực đến cuộc kháng chiến của quân và dân ta. Mặc dù ở miền Tây Nam Bộ, thực dân Pháp lợi dụng Hiệp định này tập trung quân đánh vào vùng giải phóng; nhưng ở các mặt trận khác ta đã tranh thủ thời cơ để xây dựng và phát triển lực lượng, tranh thủ cơ hội thuận lợi này đưa một số cán bộ ra các đô thị gây dựng và phát triển phong trào kháng chiến. Bộ Chỉ huy Khu 9 chỉ đạo phải ra sức lợi dụng thời kỳ hoà hoãn để củng cố lại ban lãnh đạo và lực lượng đánh địch. Cán bộ và lực lượng từ căn cứ về bám trụ lại từng tỉnh, gây lại cơ sở, diệt tề, trừ gian, vận dụng cách đánh du kích cướp súng địch trang bị cho mình. Về Sóc Trăng có đơn vị Nguyễn Hùng Phước, Nguyễn Văn Thơm. Về Cần Thơ có đội trừ gian của các đồng chí Hoàng Hà, Văn Vĩ, Trần Nhật Quang. Về Bạc Liêu, Cà Mau có đơn vị đồng chí Tào Văn Ty. Ở căn cứ còn các đơn vị của các đồng chí

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu*, Bạc Liêu, 2002, tr. 127.

Nguyễn Bá, Trần Tứ Phương và Nguyễn Huân, đơn vị của Tăng Thiên Kim,... mỗi đơn vị một hướng để bảo vệ và xây dựng căn cứ. Bộ Tư lệnh Khu 9 chỉ đạo triệt để lợi dụng thời gian hoà hoãn. "Điều cốt tử là trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những không ngừng một phút công tác sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta"¹.

Tại miền Tây Nam Bộ, Xứ uỷ và Bộ Chỉ huy Khu 9 đã cử đồng chí Huỳnh Phan Hộ và Nguyễn Văn Châu gặp tên chỉ huy quân Pháp trên tàu chiến đậu tại Vàm Xáng - Ngang Dừa để bàn về việc thi hành Hiệp định, nhưng không đạt kết quả.

Ngày 17-3-1946, bằng nhiều tàu chiến nhỏ, theo kênh Xáng quân Pháp tiến công vào ngã tư Đầu Sáu tiến thẳng xuống mặt trận Phước Long. "Đơn vị vũ trang của quân khu phối hợp với một phân đội cộng hoà vệ binh tỉnh Vĩnh Long, Sa Đéc, Bạc Liêu do Khu bộ trưởng Vũ Đức chỉ huy đánh địch quyết liệt"². Phân đội Vĩnh Long do đồng chí Phạm Ngọc Hưng chỉ huy đã anh dũng chiến đấu với địch suốt hai ngày ở ngã tư Vĩnh Phú. Tại mặt trận này, quân

1. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Những sự kiện lịch sử Đảng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978, t. I, tr. 42.

2. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu*, Bạc Liêu, 2002, tr. 125.

Pháp đã huy động lực lượng đông hơn ta rất nhiều lần, có hỏa lực mạnh do các loại pháo dưới tàu yểm trợ. Vì vậy, sau khi tiêu diệt được một số tên địch ta phải rút lui khỏi căn cứ Phước Long, Tư lệnh Vũ Đức cùng Bộ Chỉ huy Khu 9 và lực lượng về Cái Sắn, mặt trận Tân Hưng được tăng cường, đây là mặt trận cuối cùng của Khu 9.

Thời gian này, địch từ Cà Mau theo đường sông tiếp tục đánh lên Thới Bình, Chác Bông,... Trước tình hình đó, lực lượng ta, những đơn vị lớn, trang bị nặng rút vào rừng U Minh; các đơn vị nhỏ, trang bị nhẹ, luôn lách tránh tạm ven U Minh; trong vùng Thới Bình, An Biên, rạch Cái Chanh, vùng nam Cà Mau bám địch đánh du kích gây nhiều khó khăn cản trở, làm chậm bước tiến và hạn chế sự phá hoại của chúng.

Tại mặt trận Tân Hưng, Bộ Tư lệnh Khu 9 đóng tại xã Tân Hưng Đông để chỉ huy. Sau khi mặt trận Phước Long bị vỡ, bộ đội và du kích ngày càng rút được kinh nghiệm về cách đánh địch đông hơn ta nhiều lần có trang bị hiện đại, từ đó có thêm kinh nghiệm để xây dựng phòng tuyến bảo vệ căn cứ. Chủ trương của Quân khu và Tỉnh uỷ Bạc Liêu là tăng cường và giữ vững mặt trận Tân Hưng càng lâu càng tốt để ta có thêm thời gian củng cố và xây dựng căn cứ vững chắc chiến đấu lâu dài.

Trước sức ép ngày càng gia tăng của quân Pháp, các cơ quan, đơn vị đã chủ động gấp rút củng cố và

xây dựng hệ thống công sự dã chiến, lợi dụng triệt để điều kiện địa hình, lực lượng vũ trang và nhân dân các địa phương đào thêm nhiều kênh rạch dẫn sâu vào trong rừng U Minh, tạo thành một mạng lưới kênh rạch chằng chịt. Một trong những hình thức phòng ngự hiệu quả để bảo vệ căn cứ lúc này là dựng các vật cản trên sông, rạch dẫn vào căn cứ. Từ đầu tháng 3-1946, tại mặt trận Tân Hưng ta đã huy động hơn 2.000 người (chủ yếu là tự vệ, du kích, nhân dân) dùng khoảng 1.000 cây dừa già, 15.000 cây tràm lớn và hàng trăm cây cau dựng một cản lớn trên sông Tác Thủ. Đây là chiếc cản lớn xuất hiện đầu tiên trên chiến trường miền Tây Nam Bộ. Kinh nghiệm làm cản Tác Thủ đã nhanh chóng được phổ biến rộng rãi trong căn cứ địa và cả vùng sông nước Cửu Long để chặn địch.

Lực lượng của ta tại Tân Hưng có hai đơn vị: cộng hoà vệ binh quận Cà Mau, lực lượng chiến đấu của cộng hoà vệ binh tỉnh, du kích các xã: Tân Hưng, Thạch Phú, Phong Lạc, Tân Hưng Tây... Mặt trận Tân Hưng được chuẩn bị tốt về mọi mặt, trong đó nhân dân địa phương đã bảo đảm cho các lực lượng vũ trang và dân quân du kích 56 tấn gạo, 250 con lợn, 10.000 con gà vịt, 35 tấn cá và nhiều thuốc men, đồ dùng khác...

Trong khi đang điều chỉnh lực lượng, tăng cường phòng thủ tại các mặt trận, ngăn chặn không cho quân Pháp tiến công vào căn cứ thì tại toà thánh

Minh Chơn Đạo (Toà thánh Ngọc Minh ở Giồng Bôm cách đông bắc Cà Mau khoảng 10 km) khoảng 4.000 đồng bào tín đồ Cao Đài yêu nước dưới sự chỉ huy của cụ Cao Triều Phát, có lực lượng vũ trang Cao Đài cứu quốc làm nòng cốt đã lập mặt trận chống thực dân Pháp. Cuộc chiến tại đây đã diễn ra quyết liệt. Lực lượng của ta ở đây có 2 súng trường, 4 súng phun lửa, 4 súng thần công (đại bác từ thời Nguyễn); ngoài ra còn có hơn ngàn vũ khí thô sơ, giáo mác. Ngày 22-4-1946, mở đầu cuộc tấn công, thực dân Pháp đã cho máy bay ném bom, bắn phá khu vực Giồng Bôm gây thương vong nhiều đồng bào, nhưng không một ai nao núng. Ngày 23-4-1946, bộ binh của thực dân Pháp tiến công vào Giồng Bôm, lực lượng bảo vệ Toà thánh đã chiến đấu quyết liệt, đẩy lui nhiều cuộc tấn công của địch. Ngày 25-4-1946, địch tăng cường lực lượng lớn, huy động thêm 2 tiểu đoàn quân viễn chinh chia làm ba mũi tiến công vào Giồng Bôm; chúng đã ném bom, bắn pháo dữ dội trước khi tiến công. Sau ba ngày chiến đấu, lực lượng của ta đã gây cho chúng nhiều thiệt hại. Song với lực lượng mạnh và trang bị hiện đại, trưa ngày 25-4-1946, địch tiến vào Toà thánh và tàn sát đã man hàng ngàn tín đồ, đốt sạch, phá sạch, gây ra vụ thảm sát đã man tại Toà thánh Giồng Bôm. Dù bị chìm trong biển máu nhưng cuộc chiến đấu của các tín đồ yêu nước Minh Chơn Đạo ở Giồng Bôm đã gây tiếng vang lớn, là trận chiến đấu oanh liệt làm rạng danh đồng bào tín đồ

Cao Đài Minh Chơn Đạo trong kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ. Những tội ác mà thực dân Pháp gây ra cho đồng bào tín đồ Cao Đài Minh Chơn Đạo đã nung nấu thêm lòng căm thù của nhân dân, thúc đẩy mạnh mẽ hơn quyết tâm chiến đấu của đồng bào cả miền Tây Nam Bộ. Vì vậy đã làm ảnh hưởng lớn và cản trở được các cuộc tấn công của thực dân Pháp vào vùng U Minh.

Sau khi mặt trận Giồng Bôm bị vỡ, Toà thánh rơi vào tay thực dân Pháp, cụ Cao Triều Phát cùng một số tín đồ yêu nước đã vượt vòng vây rút về vùng Cái Nước. Khu bộ trưởng Vũ Đức đã cử ngay người đến mời cụ Cao Triều Phát về căn cứ làm cố vấn cho Bộ Chỉ huy Chiến khu 9. Lực lượng vũ trang Cao Đài cứu quốc, một số được tăng cường cho mặt trận Tân Hưng, một số được bổ sung cho các đơn vị vệ quốc đoàn.

Đầu tháng 5-1946, quân Pháp huy động lực lượng để tập trung mở cuộc tấn công có quy mô lớn vào mặt trận Tân Hưng. Ngay từ trước đó địch đã tập trung 2.000 quân tấn công mặt trận Cái Tàu - An Biên nhưng phải sau ba ngày chúng mới chiếm được vàm Xẻo Rô, rồi lần lượt tiến vào các khu vực. Lực lượng phòng thủ của ta phải rút vào sâu trong rừng U Minh để bảo toàn lực lượng.

Tại mặt trận Tân Hưng, trên hướng chính diện, địch cho bộ binh cơ giới tiến theo đường Cà Mau - Năm Căn; hướng vu hồi vào phía tây, tàu chiến theo

sông Ông Đốc; hướng đông theo sông Gành Hào, kênh Xáng Đội Cường. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt, ta chặn được địch ở hướng chính diện nhưng không chặn được địch đánh vu hồi ở phía sau. Trong trận đánh ở kênh Xáng Đội Cường, các chiến sĩ của ta đã cải tiến thuỷ lôi của Nhật để đánh tàu Pháp... Đến ngày 02-5-1946, địch tập trung một lực lượng lớn bộ binh có sự chi viện của pháo binh và không quân đánh phá rất ác liệt suốt ngày đêm vào trận địa ta. Mặc dù vậy, mặt trận Tân Hưng vẫn ở thế giằng co kéo dài, bộ đội và du kích ta chiến đấu rất anh dũng, vận dụng nhiều hình thức của chiến thuật du kích để đánh địch; về sau địch tăng cường lực lượng. Trước thế áp đảo của địch, đại bộ phận lực lượng của ta buộc phải tạm thời rút ra khỏi mặt trận Tân Hưng về vùng Đầm Dơi - Năm Căn để củng cố lực lượng, tiếp tục chiến đấu.

Mặt trận Tân Hưng duy trì được gần 3 tháng mới bị vỡ, đó là một thành công, ta có thời gian tổ chức sắp xếp lại lực lượng, củng cố, xây dựng căn cứ về mọi mặt để chuyển sang phương thức đánh địch mới, chấm dứt phương thức tác chiến phòng ngự theo tuyến mà ta đã áp dụng khá phổ biến ở Nam Bộ trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến. Từ đây cách đánh của ta là đánh du kích trong thế trận cài răng lược, "một cách đánh mà Khu bộ trưởng Vũ Đức và các đồng đội Nam tiến của ông đã tích lũy được khá nhiều kinh nghiệm". Cách đánh này phù hợp với

địa hình nhiều kênh rạch, rừng cây âm u, rậm rạp như ở U Minh và nó cũng rất phù hợp với so sánh tương quan lực lượng địch - ta lúc bấy giờ.

Trong lúc địch tập trung tấn công vào các mặt trận của ta ở vùng U Minh - Cà Mau thì cuộc chiến đấu chống quân Pháp ở khắp nơi diễn ra quyết liệt. Tại vùng Cà Mau tạm bị chiếm, địch tổ chức chính quyền, dụ dỗ người Việt và người Khmer đi lính cho thực dân Pháp, lập những đội quân phụ trợ thay quân Pháp giữ trật tự trị an. Ở các vùng nông thôn rộng lớn chưa chiếm được, địch tập trung quân tinh nhuệ có tàu chiến và pháo yểm trợ càn quét và truy đuổi quân ta, tìm mọi cách tiêu diệt lực lượng vũ trang rút về vùng U Minh - Cà Mau. Mặt khác, chúng tăng cường các hoạt động do thám và tâm lý phá rối hậu phương của ta.

Đặc biệt từ đầu năm 1946, chúng đã dùng nhiều thủ đoạn tuyên truyền chia rẽ gây hận thù dân tộc, tôn giáo, kích động người Khmer chống lại người Việt, kích động tín đồ Cao Đài, Hoà Hảo chống lại cách mạng. Lòng tin của họ đối với chính quyền cách mạng bị giảm sút, mâu thuẫn giữa người Việt với người Khmer ngày càng tăng, làm ảnh hưởng không tốt đến tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết lương - giáo lúc bấy giờ. Trước tình hình phức tạp đó, Khu bộ trưởng Vũ Đức đã đích thân đi kiểm tra tình hình một số địa phương và đến Phước Long - nơi được coi là điểm nóng để kiểm tra thực tế. "Đồng chí Vũ Đức

đã đến vùng Phước Long kiểm tra tình hình, ra lệnh thả ngay tất cả đồng bào Khmer bị địa phương giam giữ, làm công tác giáo dục sâu rộng trong cán bộ, trong đồng bào Việt và Khmer về âm mưu chia rẽ của giặc. Đồng chí Đức đã có công hoà giải được cuộc xung đột, tăng cường đoàn kết kháng chiến"¹. Với bản lĩnh của một người từng trải có nhiều kinh nghiệm về giải quyết các vấn đề dân tộc trong quá trình hoạt động cách mạng, mỗi khi được biết có vụ bắt oan, xử lý không đúng, đồng chí Vũ Đức ra lệnh trả ngay tự do cho đồng bào và rất nhiều người Khmer được tự do: "Hay tin, cụ Vũ Đức, Khu bộ trưởng Khu 9, liền ra lệnh thả ngay số đồng bào Khmer bị bắt, ngăn chặn không cho các cuộc xô xát tiếp diễn". Đồng thời, Khu bộ trưởng Vũ Đức đã phân tích, giải thích cho cán bộ cơ sở hiểu được hậu quả sâu xa của việc làm trên. Đồng chí đã tổ chức tuyên truyền giáo dục sâu rộng trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên, trong đồng bào người Việt và người Khmer về âm mưu thâm độc của kẻ thù: Đó là một tên xâm lược cáo già, đã kích động gây mất đoàn kết giữa các dân tộc tạo ra những mâu thuẫn giả tạo như chúng đã ám sát những nhà sư người Khmer, đốt nhà của dân rồi phao tin là Việt

1. Thượng tướng Trần Văn Trà: *Chiến tranh nhân dân khởi đầu từ Nam Bộ như thế*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998, tr. 99-100.

Minh, cách mạng đã đốt phá nhà dân. Chúng bắt ép người Khmer đi giết người Kinh để chúng đứng đằng sau thực hiện âm mưu thôn tính xuống vùng của ta. Ngay sau đó nhiều cuộc hoà giải được tổ chức, công tác giáo dục về đường lối, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng được tiến hành sâu rộng trong cộng đồng người Khmer lẫn người Việt. Đồng chí Vũ Đức đã nhắc lại thư của Bác Hồ gửi đồng bào Nam Bộ: cần "...đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón vắn, ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hoá họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang"¹. Đồng chí nhấn mạnh: Chúng ta cần phải "dĩ đức phục nhân", nghĩa là dùng đạo đức để thuyết phục người, không những phải đoàn kết giữa người Kinh với người Khmer mà phải đoàn kết với ngoại kiều nữa. Đồng chí đã phân tích cặn kẽ làm cho đồng bào

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 280-281.

thấy được âm mưu thâm độc, nham hiểm của kẻ thù.

Giải quyết được môi bất hoà trên có ảnh hưởng lớn đến sự ổn định về chính trị, xã hội không chỉ trong phạm vi Khu 9 mà còn lan rộng ra các tỉnh Nam Bộ - là những tỉnh có nhiều người Khmer sinh sống. Và do thấy được tầm quan trọng đó không chỉ ở trong nước mà còn có tính quốc tế, không chỉ trước mắt mà còn phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng lâu dài, đồng chí Vũ Đức đã mời đại diện dân tộc Khmer là ông Sơn Ngọc Minh đàm phán, bàn bạc về vấn đề đoàn kết dân tộc, bảo vệ tính mạng, tài sản và các quyền lợi khác của người Khmer, không phá hoại đền chùa, không xâm phạm tài sản của người Khmer. Để phục vụ công tác này, đồng chí Vũ Đức đã quyết định thành lập Phòng Hành chính Khmer tại Văn phòng Khu bộ Khu 9 và chỉ đạo các địa phương thành lập Ban Biên chính Khmer tại nhiều địa phương ở Nam Bộ để giải quyết công tác quan trọng này. Thời kỳ đầu kháng chiến, nông dân Khmer có tới 90% là thành phần bần cố nông phải đi làm thuê, ở đợ. Vì vậy, một trong những biện pháp được đưa ra nhằm góp phần ổn định tình hình chính trị, xã hội là tạm giao, tạm cấp đất cho đồng bào dân tộc Khmer, khuyến khích họ tăng gia sản xuất; đồng thời động viên họ tham gia xây dựng đời sống mới, xoá nạn mù chữ, phát hành các loại ấn phẩm văn hoá Khmer,... Vận động đồng bào đoàn kết dân tộc, đoàn kết lương giáo, một lòng ủng hộ kháng chiến, hết lòng giúp đỡ

bộ đội và cán bộ. Đến đầu tháng 4-1946, các cuộc xung đột chấm dứt. Những sự việc trên đã gây ấn tượng mạnh và in sâu trong đồng bào dân tộc Khmer. Mãi đến ngày nay, đồng bào ở nhiều nơi, đặc biệt là “đồng bào vùng Phước Long vẫn còn nhắc đến công ơn cứu mạng của cụ Vũ Đức”. Mỗi khi họ biết “cụ Vũ” ở đâu là họ mang cơm đến dâng như kiểu tế Phật sống theo phong tục của người Khmer, nhiều cụ già nói: “Nước Nam ta có Phật, ở Bắc có Phật Hồ Chí Minh, ở đây mình có Phật Vũ Đức, thằng Pháp rồi sẽ chết vì dám xúc phạm đến đất Phật”. Từ đó đồng bào, đồng chí gọi thân mật đồng chí Vũ Đức là “cụ Vũ”. Tiếng tăm “cụ Vũ Đức” không bao lâu đã truyền lan khắp miền Hậu Giang (Khu 9) và cả Nam Bộ ai cũng mến, ai cũng phục vị “Lục”² Vũ Đức, từ cụ già đến em bé, khi gặp bộ đội là hỏi có phải bộ đội “cụ Vũ” không, các chiến sĩ đều nói là bộ đội “cụ Vũ”, đồng bào rất mừng và tích cực ủng hộ kháng chiến.

Cùng với những việc làm trong vùng dân tộc, đối với đồng bào theo đạo Hoà Hảo ở Sa Đéc, Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ, bọn phòng nhì Pháp và bọn phản động kích động lợi dụng chính quyền và lực lượng vũ trang của ta tạm rút lui, chúng đã nổi lên ở nhiều nơi, bắt cán bộ, chém giết đồng bào ngoài Đạo,

1. Thượng tướng Trần Văn Trà: *Chiến tranh nhân dân khởi đầu từ Nam Bộ như thế*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998, tr. 100.

2. Tiếng Khmer “Lục” là sư, tức là người lãnh tụ.

một số nhận súng đạn của thực dân Pháp, chống phá cách mạng, trả thù Việt Minh. Bọn cầm đầu như Năm Lửa (Trần Văn Soái) đã gây cho bộ đội ta nhiều khó khăn. Đồng chí Vũ Đức đã thuyết phục, phân hoá được Năm Lửa với lính, đưa được lính của Năm Lửa vào hoạt động du kích ở vùng Sa Đéc, Long Xuyên, Cần Thơ gây cho thực dân Pháp nhiều thiệt hại. Ba Cụt (Lê Quang Vinh) đã lợi dụng sự mê tín và ngoan đạo của một bộ phận tín đồ Hoà Hảo, tập hợp thành lực lượng, được quân Pháp trang bị, chiếm đóng một số đồn thay quân Pháp đi lùng bắt, giết hại đồng bào, quần chúng cơ sở và cán bộ ta. Nhiều vụ giết chóc hết sức dã man đã xảy ra ở các vùng An Châu, Tịnh Biên, Chợ Mới,... Thực dân Pháp cũng lợi dụng một số đồng bào theo đạo Cao Đài, Thiên Chúa, tổ chức lực lượng bán vũ trang gọi là để "bảo vệ Đạo", chống "Vô thần cộng sản".

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lúc này đang trong tình thế khó khăn: Bộ đội và nhân dân ta một mặt phải lo bắt mối liên lạc với các bộ phận tản lạc nhiều nơi; củng cố và chấn chỉnh tổ chức, thống nhất chỉ huy, lãnh đạo chiến khu, sắp xếp tổ chức; trang bị lại các phân đội vũ trang của các tỉnh; mặt khác phải chiến đấu chống địch truy quét, bảo vệ nhân dân vùng giải phóng, bảo vệ các công binh xưởng đã đưa vào vùng sâu, vừa tránh né để bảo toàn lực lượng vừa thường xuyên chống bọn phản động trong đạo Hoà Hảo, trong một số người Khmer,...

Trước tình hình phức tạp đó, một số đồng chí Xứ uỷ viên còn lại ở miền Tây (Lê Văn Sỹ - tức Võ Sỹ) đã thay mặt Xứ uỷ triệu tập Hội nghị ở Rau Dừa (Cà Mau) vào cuối tháng 4-1946 để thành lập Ban Chấp hành Liên Tỉnh uỷ mới gồm các đồng chí: Trần Văn Hiến - Quyền Bí thư, các Uỷ viên: Vũ Đức, Phan Trọng Tuệ, Trần Văn Đại, Nguyễn Văn Vực. Hội nghị quyết định các vấn đề quan trọng:

- Thúc đẩy việc trở về của cán bộ, lực lượng vũ trang các tỉnh.

- Xây dựng khu căn cứ địa của khu, Liên Tỉnh uỷ, nhất trí toàn Ban Chấp hành về đóng ở vùng căn cứ Cái Tàu - Khánh An - Khánh Lâm (U Minh Hạ) để tập trung chỉ đạo công tác kháng chiến.

- Phân công phụ trách các mặt công tác quân sự, công tác Đảng, Mặt trận và đoàn thể.

Lúc này ở miền Tây Nam Bộ, cấp khu không có Uỷ ban nhân dân, nên Liên Tỉnh uỷ thông qua các Tỉnh uỷ để theo dõi và lãnh đạo. "Tuy nhiên các đồng chí này không ở cùng một chỗ; ba đồng chí Hiến, Đức, Đại ở căn cứ Khánh An - Khánh Lâm, còn hai đồng chí Tuệ và Vực tách ra về ở Đầm Cù (U Minh Hạ). Do việc đi lại liên lạc khó khăn đã làm cho sự lãnh đạo của Đảng uỷ cấp khu không kịp thời, kém hiệu lực"¹.

Bảo vệ cơ quan Khu bộ và Liên Tỉnh uỷ: có Ban

1. Bộ Tư lệnh Quân khu 9: *Quân khu 9: 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1996, tr. 81.

Chỉ huy đặc khu Tam Khánh lo phòng trừ gian ở ba xã: Khánh An, Khánh Bình, Khánh Lâm. Ngoài ra còn có các đơn vị Nam tiến được bố trí hoạt động ở bắc Cà Mau để bảo vệ vùng ngoài và trực tiếp chấp hành mệnh lệnh của khu. Có vài lần tàu địch chạy vào Khánh An, Khánh Lâm ruồng bố, nhưng chúng chỉ đốt nhà, cướp của của đồng bào ở ven sông Cái Tàu, chứ không dám vào sâu trong rừng, nên các cơ quan vẫn bám tại chỗ.

Chấp hành Nghị quyết của Xứ uỷ, Khu uỷ và Khu 9 họp Hội nghị có sự tham dự của một số cán bộ, chiến sĩ Khu 8 (còn ở lại Cà Mau) nhận định tình hình, xem xét nhấn mạnh thêm về chủ trương đưa bộ đội và cán bộ trở về địa phương bám dân, gây dựng lại cơ sở cách mạng, trừ gian, diệt tề, xây dựng lại lực lượng vũ trang để chiến đấu lâu dài. Để thực hiện chủ trương trên, giữa tháng 4-1946, đơn vị bộ đội Trà Vinh gồm 62 người đã chia làm hai cánh: một cánh là lực lượng vũ trang do đồng chí Nguyễn Thành Thi chỉ huy, một cánh gồm cán bộ dân chính do đồng chí Nguyễn Ngọc Thanh và Nguyễn Văn Chí chỉ huy vượt đường biển trở về, đồng chí Phạm Thế Bường, Bí thư Tỉnh uỷ, còn ở lại làm việc với Khu bộ trưởng Vũ Đức. Đơn vị bộ đội tỉnh Sa Đéc do đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên chỉ huy cũng từ rừng U Minh quay về vùng Đồng Tháp Mười trong tháng 4-1946. Đơn vị của đồng chí Đào Văn Trường trên đường qua Khu 8 còn đánh một

số trận ở Gò Quao (Rạch Giá), tiêu diệt một số địch. Tháng 5-1946, bộ đội Vĩnh Long do đồng chí Phạm Ngọc Hưng chỉ huy từ Đầm Dơi trở về Vĩnh Long bám địa phương, phối hợp với Khu 8 đánh địch.

Từ tháng 4-1946, các đơn vị bộ đội và cán bộ Khu 9 cũng lần lượt trở về tỉnh nhà. Đơn vị Quốc gia tự vệ Cuộc tỉnh Sóc Trăng do đồng chí Nguyễn Hùng Phước chỉ huy về sớm nhất. Tại Sóc Trăng, đồng chí Nguyễn Hùng Phước, Giang Paul, Nguyễn Văn Thơm với vài khẩu súng, nhưng dùng mưu mẹo giả quân Pháp giật súng địch ở Trà Bang Nha, đánh xe địch trên lộ Long Mỹ, đánh đồn Búng Tân thu 11 súng, sau đó qua Kế Sách, Long Phú,... Trong thời gian đó, các đơn vị nhỏ, lẻ và cán bộ còn bám lại địa phương đã đánh địch nhiều trận táo bạo, cướp súng địch, trang bị thêm cho đơn vị mình.

Từ tháng 5-1946, thực hiện Nghị quyết của Xứ uỷ, việc chỉ huy và lãnh đạo của chiến khu được củng cố theo chủ trương chung: tất cả cán bộ Đảng, cán bộ quân sự và lực lượng vũ trang được củng cố trấn chỉnh từ chiến khu về các tỉnh cùng lực lượng bám tại chỗ tích cực hoạt động gây dựng lại cơ sở cách mạng, trừ gian, diệt tề, nguy vận để vô hiệu hoá bọn tề nguy, thực hiện chiến thuật đánh du kích, tích cực xây dựng lực lượng vũ trang. Việc thông tin liên lạc thời kỳ này còn nhiều khó khăn, trở ngại, tất cả chỉ dùng sức người chèo xuồng đi lại. Vì vậy, Khu bộ

trưởng Vũ Đức chỉ đạo cơ quan tham mưu phải cùng cô Ban liên lạc ngay. “Trước đây Khu bộ trưởng phân công đồng chí Lê Tấn Phát phụ trách tổ liên lạc. Tổ này khoảng 10 người chuyên làm công việc đưa thư hoả tốc đến các nơi trong phạm vi khu căn cứ 5, 6 huyện của hai tỉnh Rạch Giá, Bạc Liêu. Lúc này đại bộ phận các đơn vị bộ đội đã lên đường trở về địa phương, ngày càng xa căn cứ khu, do đó yêu cầu giữ mối liên lạc được với các đơn vị này, cũng là giữ mối liên lạc được với các Tỉnh uỷ, chính quyền địa phương là rất quan trọng. Do chưa lập được đường dây liên lạc toàn khu nên chỉ yêu cầu cả về hai phía khu và tỉnh phải tạo những “điểm hẹn” để móc nối được liên lạc khi cần. Cụ thể, các đơn vị khi về bám được địa phương rồi thì tạo một cơ sở đặt điểm liên lạc (thường chọn chủ nhà là người tốt), tình nguyện giữ chốt liên lạc bí mật”¹. Và cho liên lạc trở lại chấp nối với Ban liên lạc khu, chiến sĩ giao liên của khu đưa công văn, chỉ thị đến điểm liên lạc đã được giới thiệu trước và phát triển thêm một vài điểm liên lạc mới. Như vậy, từ khu xuống tỉnh đã có một mạng lưới bí mật, tuy chưa được vững chắc lắm, nhưng từng bước được củng cố dần, Đến cuối tháng 5-1946, việc liên lạc cơ bản được tổ chức thông suốt từ Khu bộ xuống các tỉnh.

1. *Lịch sử Bộ Tham mưu Quân khu 9 - 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 35.

Đến cuối tháng 5-1946, Bộ Chỉ huy khu đã bắt liên lạc lần lượt được với các tỉnh và các lực lượng vũ trang trong khu, từ đó phong trào chiến đấu và xây dựng lực lượng phát triển mạnh dần. Lúc này khắp các tỉnh miền Tây Nam Bộ, bộ đội, cán bộ đã trở về, các hoạt động chiến đấu, trừ gian, diệt ác diễn ra khắp nơi, gây hoang mang cho địch. Hình thức chiến đấu lúc này rất đa dạng, ở thành thị ném lựu đạn, rải truyền đơn, đóng giả quân Pháp hoặc lính nguy để cướp súng; địch vận thì dùng "mỹ nhân kế" lấy súng đạn; phục kích trên đường giao thông, đánh tàu, đánh bọn tuần tiễu trên kênh,...

Được sự chỉ đạo của Xứ uỷ và Bộ Chỉ huy chiến khu, qua quá trình công tác và chiến đấu, dần dần tổ chức, chỉ huy và lãnh đạo của Đảng trong lực lượng vũ trang được củng cố ngày càng chặt chẽ, có hiệu quả. Cán bộ dân - chính - Đảng tích cực giáo dục tuyên truyền, tổ chức quần chúng, xây dựng và củng cố lại cơ sở cách mạng. Vì vậy, trong những ngày gian khổ, bộ đội và cán bộ hoàn toàn được nhân dân nuôi dưỡng, làm việc và đóng quân trong nhà dân. Bộ đội ở nhà nào thì dân ở đó lo cơm nước, chăm sóc về mọi mặt. Quần áo cũng do dân may cho, hoặc do gia đình gửi đến. Có nhiều gia đình nuôi dưỡng thường xuyên trong nhà từ 5 đến 7 đồng chí bộ đội nhiều tháng trời mà không hề sợ nguy hiểm hoặc hao tiền tốn của.

Liên Tỉnh uỷ và Bộ Chỉ huy Khu 9, Tỉnh uỷ Bạc

Liêu, Rạch Giá,... đã kịp thời phát động và chỉ đạo phong trào vận động nhân dân nhường cơm sẻ áo; tiếp tế lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm cần thiết cho các đơn vị bộ đội, các cơ quan, xưởng, trạm của Xứ uỷ, của khu. Hưởng ứng phong trào đó: lương thực từ các nơi được du kích, bộ đội, nhân dân vận chuyển vào cất giấu trong các khu rừng. Tại mặt trận Phước Long, nhân dân đã di chuyển và phân tán hơn 2.000 tấn lúa của điền chủ Tám Khệnh khỏi chợ Ngang Dừa để không bị rơi vào tay địch. Phong trào hiến thóc lúa cho kháng chiến được triển khai sâu rộng không chỉ trong nhân dân mà trong cả giới địa chủ có cảm tình với cách mạng: được vận động, ông Huỳnh Văn Mười ở Giồng Bướm đã hiến 800 gạ lúa, nuôi các đơn vị 1094 và 1087, và một số cán bộ của hai tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu; ngoài ra còn cứu mang 32 gia đình người Khmer suốt 3 tháng trời. Gia đình ông Trịnh Hào là nhân viên tiếp liệu của Khu bộ trưởng Vũ Đức đã hiến 700 gạ lúa cho cách mạng. Nhân dân các xã Khánh Lâm, Khánh An, Nguyễn Phích đã huy động và cung cấp 3.600 tấn lúa gạo để nuôi quân... Để hỗ trợ cho hoạt động của mạng lưới hậu cần nhân dân, mỗi xã trong vùng căn cứ đều tổ chức các ban tiếp tế với quân số từ 3 - 5 người. Các hình thức hoạt động của mạng lưới hậu cần nhân dân cũng rất đa dạng và được phân chia cụ thể cho các tổ chức quần chúng. Chẳng hạn "Hũ gạo kháng chiến"

được giao cho Hội Phụ nữ Cứu quốc, "Bụi chuổi kháng chiến" được giao cho Hội Thanh niên Cứu quốc,... Ngoài sự đóng góp nuôi dưỡng, đùm bọc của nhân dân, Liên Tỉnh uỷ, Bộ Chỉ huy Khu 9 còn xác định: Muốn duy trì cuộc kháng chiến lâu dài, phải xây dựng được nguồn hậu cần dự trữ. Vì vậy, các phong trào tăng gia sản xuất, tự túc lương thực được phát động trong tất cả các cơ quan, các tổ chức, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhằm chia sẻ sự đóng góp của nhân dân và có nguồn hậu cần dự trữ chủ động cho các đơn vị.

Việc đưa đón cán bộ, chiến sĩ từ nơi này sang nơi khác ngoài số liên lạc và xuống của bộ đội, phần lớn cũng đều nhờ vào nhân dân, thanh niên, phụ nữ chèo xuồng đưa đi - đưa về. Nhiều chuyến đi dài ngày đều bảo đảm đến nơi, đến chốn, an toàn, nhân dân không quản ngại hy sinh gian khổ. Sự đóng góp công sức, của cải, sự giúp đỡ nhiệt tình của nhân dân đã cổ vũ, động viên tinh thần chiến đấu của bộ đội và cán bộ cách mạng rất to lớn. Điều đó càng thể hiện ý thức dân tộc, ý thức quốc gia và trách nhiệm đối với cuộc kháng chiến của đồng bào, cũng làm cho mọi người hiểu rõ hơn. "Đồng bào Nam Bộ đã hy sinh tranh đấu mấy tháng trường, để giữ gìn non sông cho toàn nước Việt Nam. Cho nên đồng bào cả nước đều phải nhớ ơn đồng bào Nam Bộ.

Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam.

Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!"¹.

Sau khi các đơn vị trở về địa phương, được củng cố lại và trang bị thêm vũ khí lại tiếp tục các hoạt động giết giặc, trừ gian. Bộ Chỉ huy Khu 9 (sau khi mất mặt trận Tân Hưng) chỉ có đồng chí Vũ Đức và một số đồng chí Khu uỷ viên chuyển về vùng Đầm Dơi, Cái Tàu. "Cơ quan Khu bộ chỉ có Ban Văn thư với một số cán bộ làm công tác sự vụ. Trước đó Khu bộ có văn phòng do đồng chí Phan Văn Chỉ phụ trách... Sang tháng 6-1946, Khu bộ trưởng thấy cần có bộ phận tham mưu giúp việc chỉ đạo quân sự, nên đã tổ chức một Uỷ ban Tham mưu. Uỷ ban này có 03 đồng chí... cả 03 đồng chí trong Uỷ ban Tham mưu đều là cán bộ chính trị... Dù không am hiểu nhiều về quân sự nhưng trước sự phân công của tổ chức các đồng chí cũng tuyệt đối chấp hành"².

Khu bộ trưởng Vũ Đức trực tiếp giao và hướng dẫn 3 đồng chí nắm ba mảng công tác:

"- Đồng chí Vương Văn Huống phụ trách chăm lo các binh công xưởng rút về vùng căn cứ U Minh, có địa điểm an toàn và được tiếp tế để sớm đi vào sản xuất.

- Đồng chí Mao Văn Cương phụ trách liên lạc với

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 280.

2. *Lịch sử Bộ Tham mưu Quân khu 9 - 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 29.

các đơn vị bộ đội đã rút về vùng Cà Mau để nắm diễn biến tình hình báo cáo Khu bộ trưởng.

- Đồng chí Gia Long, nguyên là người của Bạc Liêu, từ Hà Tiên rút về, phụ trách việc liên hệ giữa Bộ Chỉ huy khu (cụ thể là Khu bộ trưởng) với các cơ quan Đảng, chính quyền và quân sự tỉnh Bạc Liêu, các huyện, xã xung quanh căn cứ¹.

Các đồng chí Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Kính và một số bộ phận cơ quan Xứ uỷ ở Bàu Sen, Tân Hoà, Cái Tàu cũng giúp tỉnh và Khu bộ chỉ đạo xây dựng lực lượng; tổ chức lại để đánh lẻ, trừ gian, diệt tề, lấy vũ khí địch trang bị cho mình ở Bạc Liêu. Khu bộ trưởng Vũ Đức giao cho Đinh Công Thưởng chỉ huy các đơn vị vũ trang, đồng thời tại vùng căn cứ còn có đại đội Nam tiến do Nguyễn Bá chỉ huy; ngoài ra còn có các phân đội của Nguyễn Huân, Tăng Thiên Kim, các đơn vị tích cực diệt tề, trừ gian. Tháng 6-1946, các đơn vị đã đánh địch ở xóm Ruộng diệt 2 tên Pháp, thu 2 súng, sau đó còn đánh nhiều trận khác. Điển hình là trận đánh địch tấn công lên Cái Tàu: ngày 20-6-1946, quân Pháp cướp 360 xuồng của dân để chở lính tấn công ta. Đơn vị các đồng chí Trần Hồng Sơn, Trần Tứ Phương phục kích hai bên sông Vàm Tắc Thủ lên Cái Tàu, bắn

1. *Lịch sử Bộ Tham mưu Quân khu 9 - 30 năm kháng chiến (1945-1975, Sđd, tr. 30.*

chìm 200 xuồng, diệt 30 tên, thu được nhiều súng đạn và xuồng trả lại cho dân. Sau đó quân, dân Cà Mau lại chặn đánh bọn Pháp và Việt gian đi càn ở Tân Lộc, diệt 13 tên, thu súng. Bị thua đau, địch bắt 12 viên chức hội tế mà chúng nghi là ủng hộ Việt Minh và tra tấn tàn nhẫn. Nhân cơ hội này Bộ Chỉ huy khu và tỉnh Bạc Liêu tích cực tuyên truyền vận động giải tán hội tế. Một số người bị địch bắt buộc làm việc đã tự nguyện bỏ về, không hợp tác với thực dân Pháp, ra khu tham gia kháng chiến.

Sau khi đơn vị Nguyễn Hùng Phước, Nguyễn Văn Thơm về Sóc Trăng chiến đấu, diệt tế, trừ gian lập thành tích, ngày 12-6-1946 đã trở về Cái Rắn (Cà Mau) báo cáo với Khu bộ trưởng Vũ Đức và Chủ nhiệm Chính trị bộ Phan Trọng Tuệ tình hình hoạt động chiến đấu của đơn vị từ khi về Sóc Trăng đến tháng 6-1946. Ngày 25-6-1946, Bộ Chỉ huy Khu 9 tuyên dương thành tích của đơn vị Nguyễn Hùng Phước và ra quyết định phong tặng danh hiệu là đơn vị “Bộ đội chủ lực danh dự Hồ Chí Minh lưu động toàn khu”, sau này gọi là đại đội Hồ Chí Minh. Đây là lần đầu tiên khi bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai, một đại đội chiến đấu được mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây cũng là vinh dự cho lực lượng vũ trang tỉnh Sóc Trăng nói riêng và miền Tây nói chung. Sau lễ tuyên dương, đơn vị được lệnh trở về tỉnh, trên đường trở về

đã tham gia chiến đấu chống càn tại Cảnh Dền, tiêu diệt 11 tên Pháp, làm bị thương 8 tên. Cuối tháng 7-1946, đơn vị về huyện Châu Thành, Sóc Trăng, đánh địch ở Cái Sơn. Từ đó đơn vị chiến đấu liên tục, mở rộng địa bàn hoạt động ra các tỉnh. Lực lượng ở Sóc Trăng đã phát triển tương đối mạnh nên "Tháng 6 năm 1946, Khu bộ trưởng Vũ Đức ra lệnh rút lực lượng Sóc Trăng lên tổ chức thành đại đội cơ động của khu do Nguyễn Văn Thơm làm đại đội trưởng. Đại đội hoạt động rất tốt, đánh địch mở rộng căn cứ tỉnh, khu"¹.

Cũng trong tháng 6-1946, "Đồng chí Nguyễn Khắc Cung bố trí cho đồng chí Trần On và Nguyễn Thanh Hiền hoá trang chặn đánh tàu dò Năm Còn, Cà Mau tại Ngã ba Xám Ruồng (Đầm Dơi) diệt hai tên Pháp, thu hai súng và viết thư báo cho quân Pháp ở Cà Mau biết bộ đội cụ Vũ Đức trừng trị quân xâm lược"². Những hoạt động chiến đấu, trừ gian, diệt tề ở miền Tây Nam Bộ đã làm cho địch hoang mang, không dám coi thường ta, bọn chỉ điểm ác ôn rút đầu tại chỗ, đã gây được lòng tin cho nhân dân ở vùng tự do, cũng như vùng tạm chiếm. Nhân dân tham gia rất hăng hái, trẻ em, phụ nữ đi trinh sát, liên lạc lấy tin cho bộ đội, các bà, các má chuyên chở

1. Thượng tướng Trần Văn Trà: *Chiến tranh nhân dân khởi đầu từ Nam Bộ như thế*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998, tr. 98.

2. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu*, Bạc Liêu, 2002, t. I, tr. 128.

vũ khí qua các đôn dịch hoặc đưa bộ đội vào thành phố,... Bất kỳ ở đâu, bộ đội cũng được nhân dân giúp đỡ tận tình. Với các hoạt động tích cực của bộ đội và sự nhiệt tình cách mạng của nhân dân, đến giữa năm 1946, mỗi tỉnh, huyện đã tạo được một vùng căn cứ an toàn; bộ đội, du kích, cán bộ, đảng viên có thể hoạt động công khai, với sự thương yêu đùm bọc của nhân dân.

Để giúp Bộ Chỉ huy chiến khu chỉ đạo các đơn vị, địa phương, tháng 6-1946, Liên Tỉnh uỷ quyết định cử Võ Quang Anh, đặc phái viên chính trị đang ở mặt trận An Biên về làm Tham mưu trưởng chiến khu, "ở cạnh Khu bộ trưởng Vũ Đức, giúp Khu bộ trưởng lo công tác tham mưu, hậu cần, trừ công tác chính trị do Chủ nhiệm Chính trị bộ Phan Trọng Tuệ phụ trách đang ở Cà Mau.

Cơ quan tham mưu Chiến khu 9 được hình thành từ đây, lúc này có Tham mưu trưởng và một số bộ phận giúp việc. Trọng tâm công tác của Tham mưu trưởng là giúp Khu bộ trưởng chỉ đạo thực hiện các việc như:

- Tạo điều kiện các mặt cho một số đơn vị chưa trở về các tỉnh như: Châu Đốc, Long Xuyên, Hà Tiên được nhanh chóng lên đường.

- Ổn định nhanh địa điểm các binh công xưởng của khu để tranh thủ sản xuất vũ khí.

- Xây dựng dần cơ quan tham mưu, trước hết là Ban tình báo và liên lạc.

- Xây dựng căn cứ khu ngày một an toàn, trước hết là củng cố và tăng cường việc phòng thủ bảo mật.

Do còn thiếu cán bộ, nên Tham mưu trưởng trực tiếp đi đến các đơn vị, các công binh xưởng trực tiếp bàn bạc công việc và quyết định tại chỗ, báo cáo lại Khu bộ trưởng¹. “Công việc của Tham mưu trưởng cũng như cơ quan tham mưu chủ yếu giúp Khu bộ trưởng nắm tình hình địch, ta qua tổng hợp báo cáo của các ban chỉ huy bộ đội tỉnh. Ban tình báo cung cấp được rất ít tình hình, vì mới bước đầu hình thành tổ chức và triển khai công tác². Vì tính chất công việc của cơ quan tham mưu lúc đầu như vậy, nên Khu bộ trưởng và Tham mưu trưởng chỉ tổ chức bộ phận giúp việc trực tiếp, gồm 5 thư ký và 2 liên lạc. Cơ quan đóng trong một khu rừng, gần sông Cái Tàu, với lán trại đơn sơ, phải tự túc mọi mặt để bảo đảm công tác và sinh hoạt.

Năm thư ký được Tham mưu trưởng khu bố trí như sau:

- Một người làm thư ký tổng hợp (như tổ trưởng).
- Một người phụ trách theo dõi hoạt động của các đơn vị bộ đội.
- Hai người làm phái viên.
- Một người làm thư ký đánh máy (cả 4 đồng chí trên cũng phải học đánh máy).

1, 2. *Lịch sử Bộ Tham mưu Quân khu 9 - 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 33-34, 138.

Ngoài ra, còn thêm hai người làm liên lạc.

Từ tháng 7-1946, dưới sự lãnh đạo của Liên Tỉnh uỷ, Bộ Chỉ huy Khu 9, phong trào chiến đấu và xây dựng lực lượng bộ đội ngày càng phát triển mạnh hơn, ở các tỉnh đã có những đơn vị tập trung đại đội, trung đội đầy đủ. Ngay ở thành phố Cần Thơ, lực lượng tinh báo, sát gian đoàn, vệ thám phòng quốc vệ đội đã có lực lượng trên trung đội được trang bị vũ khí khá đầy đủ bằng các loại tiểu liên, súng ngắn, lựu đạn... Lực lượng của ta ngày càng phát triển mạnh và tiếp tục đánh địch trên các mặt trận.

Tại Cần Thơ, dưới sự chỉ đạo của Bộ Chỉ huy khu, đơn vị của đồng chí Ngô Hồng Giỏi từ Nàng Mau, Vĩnh Chèo đã phát triển lên vùng Ba Dâm, Trường Long, Trường Thành, Nhơn Ái, Nhân Nghĩa, mở rộng khu căn cứ rộng lớn vây quanh thành phố, lộ 4 và các thị trấn. Có nhiều xã phát triển được du kích tập trung như: Du kích Búng Tàu (Phụng Hiệp) gồm 20 đồng chí trang bị 7 súng trường loại tốt của Anh. Đội du kích Cái Muôn (Trường Thành, Trường Phước) có 10 súng trường do lấy được của địch. Trung đội du kích lưu động huyện Ô Môn gồm 2 tiểu đội, có 16 súng trường và 1 tiểu liên. Đây là đội du kích mạnh nhất của tỉnh Cần Thơ lúc bấy giờ. Các đội sát gian đoàn áp sát thành phố, hoạt động công khai ở Rạch Bàn, Rạch Ngỗng, Bình Thủy, Cái Khế,... Quân ta đã bắn chết nhiều tên mật thám chỉ điểm, ác ôn trong thành phố với bản cáo trạng "Việt gian phản quốc",

làm cho tinh thần địch càng thêm dao động. Khoảng đầu tháng 9-1946, phân đội 12 của trung đội 4 đơn vị Huỳnh Thủ do Phạm Tấn Khương, Nguyễn Hữu Đàm chỉ huy được lệnh của Bộ Chỉ huy khu lại qua sông Hậu xây dựng cơ sở và chiến đấu ở vùng Trà Ôn, Thạch Lợi.

Ở Long Xuyên - Châu Đốc, đơn vị của các đồng chí Trần Thắng, Đào Công Tâm, Trần Đình Khôi chiến đấu và chiến thắng liên tục, diệt đồn Mạc Cần Dưng (tháng 8-1946), đồn Cát Cô (đầu tháng 9-1946) thu 30 súng, chặn đánh bọn lính đi càn quét ở Trường Phước (Hong Ngự), v.v.. Các loại súng chiến lợi phẩm thu được ngày càng nhiều, thanh niên gia nhập bộ đội ngày càng đông. Đầu tháng 9-1946, các đơn vị thống nhất lại thành một đại đội, trinh sát đại đội dùng mưu vào đồn diệt tên đồn trưởng người Pháp, bắt sống tù binh, trong đó có một người Đức, một người Angiêri đầu hàng và tự nguyện theo bộ đội ta chiến đấu. Ta đặt tên cho họ là Trần Đoàn và Trần Kết¹. Tại chợ Mỹ Đức, du kích lập mưu diệt 6 lính địch giữa ban ngày, thu 9 súng, làm cho địch không dám hung hăng mà ngày càng lo sợ bị tiêu diệt.

Các đơn vị ở Bạc Liêu, sau khi mặt trận Tân Hưng bị vỡ đã tập trung xây dựng thành vệ quốc đoàn do Nguyễn Huân chỉ huy. Trận đánh tàu ở

1. Năm 1954, Trần Đoàn, Trần Kết lấy vợ người Việt Nam, tập kết ra miền Bắc. Chính phủ ta cho về nước cùng với vợ con.

Kênh Xáng, Cái Ngang, khi nổ súng phát hiện trên tàu có dân, cần bảo vệ, đồng chí Nguyễn Huân ra lệnh ngừng bắn và quan sát, nhưng không may bị trúng đạn hy sinh. Tưởng nhớ gương bảo vệ dân, nơi đồng chí hy sinh - vùng Cái Ngang - được đặt tên là xã Nguyễn Huân, huyện Ngọc Hiến... Thời gian này Quốc gia tự vệ Cuộc tỉnh Bạc Liêu được thành lập đội vũ trang "Quốc vệ đội" do Trần On làm đội trưởng. Đồng chí Văn Viên, Khu uỷ viên thanh tra quân sự phụ trách công an miền Tây giúp đỡ tổ chức các bộ phận vũ trang và dịch vụ của ngành công an. Để kỷ niệm ngày Quốc khánh đầu tiên, trung đội tự vệ quốc đoàn do đồng chí Phạm Hồng Thám chỉ huy được đồng chí Vũ Đức trực tiếp giao nhiệm vụ cùng đồng chí Hai Các nghiên cứu đánh đồn Tân Bằng, xã Biền Bạch, một đồn quan trọng kiểm soát một vùng rộng lớn, gây trở ngại giao thông suốt sông Trẹm nối với kênh đào ra Xẻo Rô, giữa Cà Mau và Rạch Giá, cắt rừng U Minh Thượng, U Minh Hạ và rừng tràm phía đông nối với Chắc Bàng, phía nam giáp biển. Bọn địch ở đây đã gây nhiều nợ máu với nhân dân.

Sau một thời gian nghiên cứu, Phạm Hồng Thám và Hai Các báo cáo lại Khu bộ trưởng Vũ Đức: Bọn đóng đồn này rất tàn bạo, khi mới tới đóng, chúng bắt phu, củng cố công sự bên trong. Bên ngoài thì chúng phá vườn lấy gỗ, cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ. Chúng giải trí dã man bằng cách uống rượu rồi thi bắn,

chúng lấy dân lành đang chèo ghe ngang đôn làm mục tiêu sông để nhắm bắn. Khi người bị trúng đạn ngã xuống sông thì chúng thi nhau cười; chúng đã giết chết hai người với trò chơi này, vì vậy diệt đôn này càng có ý nghĩa. Sau khi nghe báo cáo tình hình và phương án đánh địch, đồng chí Vũ Đức nhất trí cho đánh đôn.

Ngày 29-8-1946, trận đánh được thực hiện kết hợp với nội ứng. Hai Các cùng một đội 12 chiến sĩ đột nhập vào đôn, bắn, diệt gọn toàn bộ 12 tên Pháp và lính nguy. Quân ta thu toàn bộ vũ khí gồm 2 khẩu trung liên, 18 súng trường, 2 súng ngắn, 1 súng cối 60 ly, 4 tiểu liên sten, 3 thùng lựu đạn, 10 thùng đạn các loại và toàn bộ quân trang quân dụng.

Trận đánh đã gây hoang mang đến lính nguy ở đôn Thới Bình, khiến họ quay về với cách mạng và mang theo 16 súng.

Diệt được đôn Tân Bằng, ta đã phá tan âm mưu cắt đôi U Minh Thượng, U Minh Hạ, giải phóng được một vùng rộng lớn của Bạc Liêu và Rạch Giá. Các cơ quan lớn của khu có điều kiện thuận lợi để mở rộng tổ chức như các xưởng quân giới được tăng cường máy móc, mở rộng sản xuất vũ khí; các bộ phận nặng của xưởng các tỉnh được chuyển về khu do Nguyễn Ngọc Trảng và Nguyễn Hùng Minh phụ trách. Trong việc lo các mặt cho công binh xưởng, cơ quan tham mưu đã tích cực động viên tinh thần các chiến sĩ

quân giới, nhanh chóng đi vào sản xuất. Những chiếc ghe lớn nhỏ được đưa vào rừng thành những phân xưởng sản xuất vũ khí. Vào mùa mưa to, anh em lợp mui ghe cho rộng ra thành nhà xưởng với đủ các hình thức, có khi nửa dưới nước, nửa trên bờ. Lúc đầu chỉ tạm cho có chỗ trú mưa giữa rừng, sau mới dần dần đắp nền, cất nhà dưới tán rừng, không để lộ mái nhà để tránh máy bay địch phát hiện. Vào những ngày không mưa thì bộ phận anh em bố trí sản xuất ngay trên bờ những con kênh trong rừng. Cơ sở sản xuất và cuộc sống anh em ở đó tạm ổn định, nhưng khó khăn lớn nhất là vấn đề tiếp liệu. Ban tiếp liệu chung được hình thành cùng với cơ quan chỉ huy chung các công binh xưởng, gọi là Ban giám đốc công binh xưởng. Ban tiếp liệu hoạt động khó khăn do thiếu tiền ngân hàng Đông Dương. Việc thiếu tiền trở thành cản trở nghiêm trọng, đe dọa làm bế tắc nhiều công việc của Bộ Chỉ huy chiến khu. Vì vậy, tháng 8-1946, Khu bộ trưởng phái Tham mưu trưởng đi gặp Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến tỉnh Bạc Liêu để yêu cầu cho khu một số tiền, nhưng không giải quyết được, vì lúc này cả tỉnh đang thiếu tiền.

Quân y viện của Khu 9 được thành lập do bác sĩ Trương Công Trung và bác sĩ Nguyễn Thiện Thành phụ trách. Vùng giải phóng ngày càng được mở rộng, lực lượng càng thêm lớn mạnh, các hình thức đánh địch càng thêm phong phú, đa dạng. Trong rất nhiều

trận đánh, “có những trận đánh lừng lẫy tiếng tăm. Nhiều trận đánh và một số cán bộ chỉ huy quân sự đã được nhân dân “huyền thoại hoá” như Khu bộ trưởng Vũ Đức, Khu bộ trưởng Huỳnh Phan Hộ, Khu bộ trưởng Trương Văn Giàu, Khu bộ phó Nguyễn Hùng Phước, Trưởng ban quân sự tỉnh Bạc Liêu Tào Văn Ty, dũng sĩ của Quốc gia tự vệ Cuộc tỉnh Cần Thơ Lê Bình...”¹.

Tại miền Tây Nam Bộ, sau khi Tạm ước 14-9-1946 được ký kết, Liên Tỉnh uỷ đã họp Hội nghị mở rộng trong khu rừng Khánh An (Cái Tàu - Cà Mau) có đủ 5 thành viên Liên Tỉnh uỷ, đồng chí Phạm Hùng, đại diện Xứ uỷ đến dự, đại biểu mở rộng có đồng chí Võ Quang Anh và Văn Viên tham dự.

Hội nghị bàn hai nội dung chính:

(1) Kiểm điểm việc thi hành Nghị quyết của Hội nghị Liên Tỉnh uỷ kỳ trước, chủ yếu là các tỉnh trở về gây dựng cơ sở, đẩy mạnh chiến tranh du kích. Bàn phương hướng công tác sắp tới, nhất là việc thi hành bản Tạm ước 14-9-1946.

(2) Kiểm điểm việc lãnh đạo của Liên Tỉnh uỷ vừa qua, trong đó có vấn đề mất đoàn kết nội bộ.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau: *Căn cứ Xứ uỷ Nam Bộ Trung ương Cục miền Nam ở U Minh*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr. 29.

Đề bảo đảm cho hoạt động công tác lãnh đạo - chỉ đạo tốt hơn, thuận lợi hơn cho cuộc kháng chiến ở Tây Nam Bộ, Hội nghị Liên Tỉnh uỷ mở rộng đề nghị cấp trên thay đổi công tác đối với đồng chí Phan Trọng Tuệ.

“Nhưng sau đó ít ngày, đồng chí Vũ Đức nhận được điện của Uỷ ban Kháng chiến miền Nam, do Phó Chủ tịch Thanh Sơn ký điều đồng chí Vũ Đức ra Uỷ ban Kháng chiến miền Nam nhận công tác khác và cử Huỳnh Phan Hộ làm Khu bộ trưởng Khu 9.

“Ngay lúc đó và sau này, hầu hết cán bộ cho rằng chức Khu bộ trưởng của đồng chí Vũ Đức do Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt cho Chính phủ Trung ương ký bổ nhiệm, thì phải do Chính phủ Trung ương điều động... Việc làm này là sai về nguyên tắc tổ chức của Đảng và Nhà nước”¹..

Như vậy, cuối năm 1946, “do việc phản ánh không đúng tình hình mất đoàn kết trong Bộ Chỉ huy khu, Uỷ ban Kháng chiến miền Nam điều đồng chí Vũ Đức (Khu bộ trưởng) nhận công tác khác và bổ nhiệm đồng chí Huỳnh Phan Hộ thay thế. Việc thay đổi cấp chỉ huy khu, Trung ương không biết, vi phạm nguyên tắc bổ nhiệm cán bộ cao cấp”²... Nhân dân và cán bộ

1. *Tây Nam Bộ 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, Ban Chỉ đạo và Ban Biên tập truyền thống Tây Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2000, tr. 149.

2. Bộ Tư lệnh Quân khu 9: *Quân khu 9: 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1996, tr. 96.

quân sự Khu 9 nhớ mãi công lao của đồng chí, trong những ngày đầu năm 1946 “đã góp phần củng cố và tổ chức lại bộ đội, giải quyết đúng đắn chính sách dân tộc, xây dựng tình đoàn kết dân tộc Việt và Khmer”¹.

Khi nhận quyết định điều động, đồng chí Vũ Đức thấy rõ sự trái ngược với đề nghị của Hội nghị Liên Tỉnh uỷ mở rộng, nhưng là người có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật cao, sau khi bàn giao công tác cho đồng chí Khu bộ trưởng mới, đồng chí vui vẻ thi hành mệnh lệnh điều động lên đường nhận nhiệm vụ mới.

1. Bộ Tư lệnh Quân khu 9: *Quân khu 9: 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, Sđd, tr. 96.

VIII. HÀNH TRÌNH RA BẮC - TƯ LỆNH KHU 6 HY SINH ANH DŨNG

Cuối tháng 11-1946, cuộc hành trình được bắt đầu từ Sở Chỉ huy bên rạch Ô, kênh Biện Nhị, xã Khánh An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh Cà Mau). Thành phần đoàn gồm có các đồng chí: Lan, Toàn Thắng, Thu (chiến sĩ Nam tiến); đồng chí Trang quê ở Cà Mau; Lê Thám - thư ký của đồng chí Vũ Đức (trước đây là thầy giáo ở Bạc Liêu, quê ở Bình Định, cùng tiểu đoàn Hùng Phước vào Nam, Phó Phòng Dân quân Nam Bộ khi đồng chí Lê Duẩn phụ trách); đồng chí Cường, cán bộ khu; đồng chí Hai Các (Trịnh Minh Nghĩa) quê ở xã Tân Tiên, huyện Đầm Dơi, Cà Mau; Tư lệnh Vũ Đức và vợ;...

Để bảo đảm an toàn cho đoàn đi, Bộ Chỉ huy giao đồng chí Phạm Hồng Thám và Nguyễn Gia Long cử một tiểu đội do đồng chí Nguyễn Biểu chỉ huy, bảo vệ đoàn đi đến tỉnh Trà Vinh - Khu 8. Sau khi gặp đơn vị đồng chí Nguyễn Ngọc Hưng và Nguyễn Văn Thi, tiểu đội này sẽ quay lại. Trong đoàn đi tiền Tư lệnh Vũ Đức còn có đồng chí Trần Quang Thai, Phó

Trưởng Ban Quân nhu Khu 9. Hồi cuối năm 1945, chính đồng chí Trần Quang Thai là người đã dẫn đồng chí Vũ Đức vượt sông Hậu về Khu 9 an toàn, lần này cũng tại bờ sông này, anh Thai chia tay Tư lệnh, ở lại công tác nhưng không ai ngờ đây là lần chia tay cuối cùng.

Sau khi thực dân Pháp chiếm đóng Nam Bộ, chiến tranh du kích đang phát triển, ta làm chủ từng vùng lớn nhỏ, hình thành thế cài răng lược tùy theo cường độ hoạt động của địa phương, nên đường đi phải len lỏi xuyên qua mạng lưới đồn địch. Mặc dù liên lạc đã được nối lại giữa các địa phương, nhưng phải đi vòng vèo đường xa. Từ Cà Mau phải qua Sóc Trăng đến Trà Ech, xã An Lạc Tông, huyện Kế Sách. Tại đây đồng chí Vũ Đức được đại đội Hồ Chí Minh mời nói chuyện. Đồng chí đã nói rõ ý nghĩa chính trị, quốc tế của Tạm ước 14-9-1946, chính nghĩa của ta, nhấn mạnh nhiệm vụ lực lượng vũ trang là phải tận dụng cơ hội này để bổ sung, huấn luyện, tăng cường cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu khi cần, không được mơ hồ mà phải biết tranh thủ từng nơi từng chỗ, làm công tác địch vận trong binh lính địch. Tranh thủ thời gian xây dựng cơ sở quần chúng, phát triển dân quân du kích, củng cố mặt trận Việt Minh, thực hiện tự quản vùng ta làm chủ, bảo vệ nhân dân. Phương pháp hoạt động vùng tranh chấp là địch làm chủ ban ngày, ta làm chủ ban đêm. Phải hết sức đề phòng địch đột kích, đánh úp.

Khi đoàn rời Trà Êch, đồng chí Lưu Khánh Đức, đại diện Ban Chỉ huy đại đội Hồ Chí Minh, đích thân chỉ huy một trung đội bảo vệ đoàn của đồng chí Vũ Đức vượt sông Hậu, đến Vĩnh Long gặp đồng chí Trần Văn Trà, Nguyễn Công Trung và Sĩ Kiếng trao đổi một số công việc. Khi đoàn rời Khu 8, đồng chí Cường và ba cán bộ Nam tiến ở lại tăng cường cho Khu 8. Đồng chí Công Trung bố trí lực lượng đưa đoàn đến Bến Tre. Đồng chí Trần Văn Trà giúp đỡ đưa đoàn đến Đồng Tháp Mười. Tại Đồng Tháp Mười, đồng chí Vũ Đức gặp và trao đổi một số công tác với các đồng chí Ung Văn Khiêm, Phạm Ngọc Thuận, đồng chí Vũ Đức cũng dự định gặp đồng chí Nguyễn Bình, nhưng do điều kiện chiến trường nên không bố trí được.

Từ Đồng Tháp Mười, đoàn dự định đi theo hướng Thủ Dầu Một, Biên Hoà, qua Bà Rịa, nhưng các đồng chí tại đây cho biết đường này đang trong thời kỳ khó khăn, nguy hiểm và rất xa, nên đoàn quyết định đi đường sông qua vùng Rừng Sác nhanh hơn... Từ đây đoàn không phải đi theo đường giao liên của ta nữa, mà dựa vào cơ sở từ địa phương này đưa đường qua cơ sở địa phương khác. Khi đoàn ra tới trạm gần sông Soài Rạp, thuộc Rừng Sác để chở ghe đi Bà Rịa, gặp một xóm thưa dân, nghe tin quân Pháp đi càn qua đây, dân trong xóm đã bỏ nhà đi tránh càn. Đoàn không ngờ lại đang đi trong vùng địch càn quét, ở đó một chi đội Bình Xuyên đang chống càn. Mặc dù đoàn

chưa rõ chi đội này nhưng thấy họ đánh thực dân Pháp, đoàn đã tham gia chiến đấu chống càn cùng chi đội Bình Xuyên. Nhưng sau khi đánh lui trận càn, địch đã rút chạy; đoàn không liên lạc được với cơ sở để đưa qua vùng Bà Trao. Cả xóm chạy giặc chưa có ai trở về. Đoàn bị mất liên lạc với cơ sở từ đây, chỉ còn cách cùng đơn vị Bình Xuyên đi khỏi nơi này. Chi đội Bình Xuyên cùng đoàn trở về căn cứ của Bình Xuyên ven sông Soài Rạp bằng chiếc thuyền to chở hơn 100 người, đi ngược dòng sông Soài Rạp, ghe chèo theo ven sông, hai bên rừng đước, chà là bạt ngàn. Cuộc hành quân đến căn cứ Bình Xuyên lúc chiều tà. Chi đội Bình Xuyên đưa đoàn vào theo con rạch hơn 1 cây số rồi nghỉ tại trại ven rạch. Đồng chí Vũ Đức tranh thủ viết thư gửi ngay cho Bảy Viễn - chỉ huy đơn vị Bình Xuyên - Bảy Viễn mời đồng chí Vũ Đức vào Sở Chỉ huy.

Bảy Viễn tiếp đồng chí Vũ Đức rất thân mật và kính trọng vừa hỏi thăm sức khoẻ vừa hỏi chuyện chống càn hồi sáng. Sau đó hai người trao đổi công việc đến quá nửa đêm.

Sáng hôm sau, cả chỉ huy và chiến sĩ đều dậy rất sớm để chuẩn bị lên đường, vì theo các chiến sĩ Bình Xuyên cho biết bọn địch hay đánh ta vào sáng sớm. Đồng chí Vũ Đức cũng dậy chuẩn bị đi. Bảy Viễn ra tiễn đồng chí Vũ Đức, hai người bắt tay nhau lưu luyến. Rồi Bảy Viễn rút phong thư trong túi trao cho đồng chí Đức và nói "Nhờ cụ chuyển tận tay Cụ Hồ".

Đồng chí Vũ Đức đáp: “Tôi sẽ trao tận tay Ông Cự và nói lại cái điều anh đã nói với tôi”. Bảy Viễn nói thêm: “Xin tặng cụ món quà” và đưa hai khẩu súng: một khẩu Thompson, ba băng đạn; một khẩu cối 12 ly mới tinh, trao cho cận vụ và nói: “Quà này để bảo vệ cụ khi cần, chúc cụ thượng lộ bình an”. Bảy Viễn tiễn đồng chí Vũ Đức đến tận mé rạch, tới xuống rồi mới chia tay.

Bảy Viễn đã chuẩn bị trước để đưa đoàn bằng ghe lườn bốn chèo, đội giao liên này là quân thiện nghệ của đơn vị Bình Xuyên, họ đưa đoàn đến xóm Bà Trao (nay thuộc huyện Duyên Hải, Thành phố Hồ Chí Minh). Đoàn nghỉ lại hai ngày để lại sức rồi đi tiếp vào địa phận Bà Rịa. Qua một thời gian hành trình, vượt qua một chặng đường dài đầy khó khăn, nguy hiểm nhưng đi đến đâu, các cơ quan, đơn vị đón tiếp đồng chí Vũ Đức với sự kính trọng khiến các chiến sĩ trong đoàn đều yên tâm và nói nhỏ với nhau “Anh Sáu (gọi thân mật đồng chí Vũ Đức) có tài thuyết phục thật”.

Đoàn vào Bà Rịa gặp Ủy ban Mặt trận tỉnh, đồng chí Mười Cách - Chủ tịch Việt Minh - đón tiếp niềm nở, lo cho đoàn đi tiếp ra Bình Thuận. Đồng chí Mười Cách bố trí đưa đoàn đi dọc bờ biển Bà Rịa - Phan Thiết, đến vùng Cù Mi - La Gi (Đàm Tân), gặp đồng chí

1. *Nhớ Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ - Buổi đầu kháng chiến chống Pháp*. Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr. 203.

Châu Tham mưu trưởng Trung đoàn 82 nổi tiếng đánh thực dân Pháp ở vùng này. Đồng chí Châu giúp đỡ đoàn chu đáo và đưa đoàn đến Ban Chỉ huy Trung đoàn 82. Đoạn đường này có một đêm phải vượt qua đồn địch ở La Gàn và gặp một tình huống mạo hiểm ngoài dự kiến. Đó là ban đêm thực dân Pháp tập trung hết ghe xuống về đồn, không cho người qua lại. Hai chiến sĩ của ta phải lội qua dòng sông La Gàn lạnh buốt cận đồn địch để lấy hai chiếc xuồng, chở đoàn qua sông. Bộ Chỉ huy Trung đoàn 82 mời đồng chí Vũ Đức ở lại hai ngày trao đổi công việc, sau đó Trung đoàn cho một đơn vị bảo vệ đoàn đi ra Trung đoàn 81 ở Ninh Thuận. Đoàn phải vượt qua vùng “tam giác sắt” của Bình Thuận, ở đó đã từng nổ ra nhiều trận đánh vang dội của Trung đoàn 82, nhiều chiến sĩ đã anh dũng hy sinh tại chiến trường ác liệt này. Kế đó lại phải vượt qua dãy núi Cà Ná, nơi có hai đồn điền của thực dân Pháp, đó là đồn thuốc lá Vĩnh Hảo và ruộng lúa Cà Ná.

Kể từ khi xuất phát từ Bộ Tư lệnh Quân khu 9, đóng tại kênh Biện Nhi, xã Khánh An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh Cà Mau), đoàn đã phải đi qua: Bạc Liêu, Rạch Giá, Sóc Trăng, Cần Thơ, Vĩnh Long, Bến Tre, Mỹ Tho, Tân An, Chợ Lớn, Sài Gòn, Bà Rịa, Bình Thuận; vượt qua hàng trăm đồn bốt, lô cốt, tháp canh... của địch. Trải qua bao ngày hành quân, vượt bao khó khăn nguy hiểm, ngày 22-01-1947, đồng chí Vũ Đức cùng đoàn ra đến Ninh Thuận.

Căn cứ Ninh Thuận được xây dựng ở vùng núi cao hiểm trở, phải đi một chặng đường dài, sau đó leo cả ngày mới tới địa điểm có tên là “Thiên Thai”. Cái tên nghe có vẻ thần tiên, song có lẽ là để động viên cán bộ, chiến sĩ trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn ngày ăn củ mì (sắn), đêm thì đắp bao vá chằng vá đụp.

Chiến trường Ninh Thuận lúc này đã bị thực dân Pháp phong tỏa chặn hết các ngã đường liên lạc ra phía Bắc. Nhiệm vụ là phải thông hành lang giao thông liên lạc với Trung ương, mở đường Trường Sơn Đông, trước mắt là bắt mối liên lạc giữa Trung đoàn 81 (Ninh Thuận) với Trung đoàn 80 (Khánh Hoà).

Đồng chí Vũ Đức cùng các đồng chí lãnh đạo ở đây đã bàn bạc trao đổi nhiều công việc. Lúc này Đảng bộ Ninh Thuận đang gặp khó khăn, đứng trước thử thách lớn. Phong trào kháng chiến và nhiều mặt có chiều hướng lắng xuống. Kẻ địch thì hùng hổ, dữ dằn hơn. Quân chúng vẫn tin tưởng vào cách mạng, nhưng chưa có hoạt động gì để tạo được thế đưa phong trào tiến lên. Cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, cơ sở và những người có tâm huyết đều thấy phải quyết tâm góp sức vượt qua thử thách, tạo nên chuyển biến mới, làm xoay chuyển tình hình. Ai cũng thấy rõ: trong đấu tranh cách mạng, hễ ta chần chừ hoặc lui bước là địch lấn tới, hậu quả sẽ không lường trước được.

Trong hoàn cảnh đó, cuối tháng 6-1946, Tỉnh uỷ lâm thời Ninh Thuận được thành lập tại ấp Thuận Lợi

(tức Càn Khôn), làng Vạn Phước. Đồng chí Trần Quỳnh được bầu làm Bí thư; đồng chí Trương Chí Cương làm Phó Bí thư. Tại Hội nghị thành lập Tỉnh uỷ lâm thời, nhiều nội dung quan trọng được bàn bạc kỹ, cuối cùng đã thống nhất một số nhiệm vụ trọng tâm:

- Gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang, nửa vũ trang, xây dựng lại cơ sở cách mạng.

- Chia các khu vực, thành lập Ban cán sự Đảng các khu (sau này đổi thành vùng).

- Khôi phục lại bộ máy chính quyền các cấp.

- Tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, động viên nhân dân ra sức ủng hộ kháng chiến.

- Chuẩn bị tổ chức một đợt hoạt động đồng loạt trong toàn tỉnh, vũ trang tuyên truyền diệt ác ôn, tổng phá tề, quấy rối tiêu hao, tiêu diệt địch, đồng thời phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh.

- Tỉnh uỷ phân công các đồng chí trong Tỉnh uỷ phụ trách các ngành của chính quyền, Mặt trận Việt Minh, lực lượng quân sự và các khu.

Lúc đó đồng chí Nguyễn Thế Lâm và Lâm Hồng Phấn được trên cử vào tăng cường cho Ninh Thuận. Đây là hai cán bộ quân sự có kinh nghiệm, chịu trách nhiệm tìm gặp và tập hợp lại số bộ đội thuộc chi đội II trước đây đã bị giải tán. Đồng chí Trần Quỳnh nói rõ tình hình nhiệm vụ và đặt gánh nặng lên vai các đồng chí Nguyễn Thế Lâm và Lâm Hồng Phấn.

Những chủ trương và nhiệm vụ do Tỉnh uỷ đề ra đã được triển khai thực hiện rất khẩn trương. Trong

khoảng một tháng, cán bộ tiểu đoàn, đại đội đã được tập hợp gần như đầy đủ. Cán bộ, chiến sĩ rất xúc động khi biết cấp trên cho thành lập trung đoàn. Thế là Trung đoàn 81 được thành lập; đồng chí Nguyễn Thế Lâm - Trung đoàn trưởng; Lê Tự Nhiên - Trung đoàn Phó; Nghiêm Nghi (tức Nguyễn Chí Diễm) - Tham mưu trưởng; Lâm Hồng Phấn - Trưởng Ban Chính trị. Cùng với việc thành lập trung đoàn, các xã ra sức củng cố, phát triển tổ chức dân quân, du kích, lực lượng này chịu trách nhiệm canh gác, báo động, nắm tình hình địch. Các đoàn thể cũng được củng cố; cơ sở được phát triển thêm. Công tác phát triển Đảng, củng cố chính quyền được đẩy mạnh.

Một trong những yêu cầu - nhiệm vụ quan trọng, là cần phải xây dựng căn cứ. Để đánh được thực dân Pháp, để kháng chiến trường kỳ, cần phải xây dựng căn cứ vững chắc, tạo điểm tựa vững vàng về nhiều mặt để lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến, khi tiến lên có thể phát triển, lui lại có chỗ dựa vững vàng. Ninh Thuận thời kỳ này, thực dân Pháp đã chiếm vùng đồng bằng, vùng ven biển giàu thủy sản, từ đường xe lửa đến đường quốc lộ, tỉnh lộ đều bị địch chiếm, chỉ còn lại vùng rừng núi đất đai cằn cỗi, dân cư thưa thớt, nghèo nàn, thiếu lương thực,... Nhưng cũng là vùng rừng núi hiểm yếu, có thể xây dựng thành căn cứ; đó là vùng rừng núi phía tây nằm trong dải đất Ninh Phước, Bác Ái,... Ninh Thuận đã chọn vùng này xây dựng thành căn cứ - ở đó có ngọn núi "Thiên Thai" hùng vĩ - địa

điêm mà đoàn của đồng chí Vũ Đức vừa đến nơi - căn cứ này còn được gọi là Chiến khu 7. Các cơ quan đầu não của Ninh Thuận đều đóng tại Chiến khu 7.

Một số cơ quan của tỉnh và của khu cũng đóng tại căn cứ Chiến khu 7.

Chiến trường Ninh Thuận cuối năm 1946, đầu 1947 đang đứng trước thử thách ác liệt, những gian khổ, khó khăn ngày càng tăng. Mặc dù đã có những chủ trương mới của tỉnh, nhưng mọi công việc đều mới bắt đầu với tinh thần khẩn trương. Căn cứ đang được xây dựng, các lực lượng đang được củng cố và hình thành, đội ngũ cán bộ đang thiếu từ tỉnh đến khu, nhất là cán bộ quân sự có kinh nghiệm. Trong tình thế rất khó khăn này, lãnh đạo các trung đoàn 80 ở Khánh Hòa, 81 ở Ninh Thuận, 82 ở Bình Thuận đã đề nghị lên cấp trên để đồng chí Vũ Đức ở lại giúp Khu 6 và nhận trọng trách mới. Sau đó một thời gian, đồng chí nhận được quyết định của Trung ương phân công ở lại Khu 6 làm Khu bộ trưởng thay Trần Công Khanh lên Khu 15 (Tây Nguyên).

Ngày đồng chí Vũ Đức nhận nhiệm vụ mới tại Chiến khu 7 (cực Nam Trung Bộ), đồng chí đã thông báo cho tất cả các đồng chí trong đoàn: “Các Trung đoàn 80, 81, 82 đã đề nghị với cấp trên để tôi ở lại nhận trọng trách, góp sức với địa phương trước tình thế đang rất khó khăn”¹.

1. *Nhớ Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ - Buổi đầu kháng chiến chống Pháp*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr. 206.

Tại căn cứ, ngôi nhà ở và làm việc của Khu bộ trưởng Vũ Đức trên một ngọn đồi cách Trung đoàn bộ Trung đoàn 81 khoảng 100 m, phía dưới là căn cứ văn phòng, nhà ở và làm việc của các đồng chí lãnh đạo tỉnh Ninh Thuận. Đồng chí Vũ Đức và đồng chí Thu cần vụ, đồng chí Toàn Thắng cùng ở chung nhà (một thời gian sau đồng chí Toàn Thắng được cử làm trung đội trưởng một đơn vị tác chiến), phương tiện làm việc thì dựa vào cơ sở vật chất của Trung đoàn 81.

Việc làm cụ thể đầu tiên của đồng chí Khu bộ trưởng là phải nắm tình hình mọi mặt, nhất là lực lượng vũ trang, tình hình đồng bào Kinh cũng như đồng bào các dân tộc thiểu số nơi đây, đặc biệt là đồng bào dân tộc Chăm mà địch đang hết sức lợi dụng. Trước tiên là lập kế hoạch trở vào Bình Thuận nắm tình hình Trung đoàn 82 và phong trào chiến tranh du kích của tỉnh.

"Tại CK 7 (Chiến khu 7 - BT.), đồng chí Võ Văn Đức đã mở lớp bồi dưỡng chiến tranh du kích cho một số cán bộ của Trung đoàn 81 và Tỉnh đội dân quân Ninh Thuận. Đồng chí đã mời cán bộ tỉnh Bình Thuận, cán bộ Trung đoàn 82 ra CK 7 để phổ biến quyết định của Trung ương và bàn công việc chuẩn bị để huấn luyện"¹.

1. *Ninh Thuận - 30 năm chiến tranh giải phóng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, tr. 100-101.

Để nắm được tình hình, Khu bộ trưởng phái đồng chí Minh Nghĩa xuống các đơn vị bộ đội đang tham gia chiến đấu, tìm hiểu cụ thể thêm những khó khăn của đơn vị, quan sát, nghiên cứu thêm địa bàn, địa hình ven quốc lộ, đồn bốt, quy luật hoạt động của các đồn bốt, nhất là những nơi quan trọng của chiến khu. Thời gian cho công tác này là 2 tháng rồi trở về. Thực hiện nhiệm vụ đó, đồng chí Minh Nghĩa đã xuống các đơn vị từ trung đội đến đại đội. Đại đội thì có cán bộ khung nhưng quân số chưa đủ, điều quan tâm của các đồng chí chỉ huy trung đội, đại đội là khả năng quản lý bộ đội, huấn luyện quân sự, chính trị, sức khoẻ, sau đó là phương án tác chiến.

Đi xuống các đơn vị, đồng chí Minh Nghĩa mau chóng hoà nhập, vì cùng ăn, cùng ở, cùng chia sẻ thiếu thốn, bản thân đồng chí Minh Nghĩa cũng được rèn luyện, học hỏi thêm tinh thần vượt khó. Đồng chí Minh Nghĩa đã ở gần một tháng với trung đội do đồng chí Nghiễm chỉ huy để nắm tình hình địch.

Hoạt động cùng các đơn vị một thời gian, đồng chí Minh Nghĩa trở về báo cáo Khu bộ trưởng Vũ Đức về tình hình bọn Pháp ở trong đồn hay cùng lính ngụy khoảng 2 tiểu đội, thường xuyên đi vào làng La Chũ thăm dò, bắt trâu bò, cướp lương thực của đồng bào, nhiều lần cướp được của dân nhưng chưa bị đánh nên chúng rất chủ quan. Đồng chí Minh Nghĩa đã đề nghị Khu bộ trưởng cho phép bàn với đồng chí Nghiễm,

phục kích để đánh bọn này, nếu diệt gọn thì tốt, không diệt gọn được cũng làm cho chúng bết ngang ngược, bết cướp bóc đồng bào.

Trận phục kích được thực hiện và thắng lợi lớn, ta giết được 4 tên Pháp, 2 tên lính ngụy, thu lại được mấy con bò bị chúng bắt, 1 tiểu liên, 4 súng trường và một số đạn, lựu đạn. Quân ta nhanh chóng rút vào ven rừng cách hơn 1 km an toàn. Sau trận phục kích thắng lợi, đồng chí Minh Nghĩa lại cùng đơn vị đồng chí Nghiêm nắm tình hình đi lại giữa chốt Cà Ná - Nha Trang, nghiên cứu cách đánh. Qua nghiên cứu tình hình cho thấy, mỗi lần địch đi lại thường có 4 - 5 xe GMC hoặc một xe jeep và 3 - 4 xe nhà binh, quân số khoảng một đại đội, có lúc trung đội hộ tống chở hàng. Ban Chỉ huy đại đội và trung đội trực tiếp đi nghiên cứu địa hình để đánh giao thông. Địa hình trận đánh tương đối thuận lợi, gò mồi lùm cây rậm rạp hai bên đường vì lúc đó xe địch chưa bị đánh ở nhiều nơi nên chưa phát quang và chưa đóng lô cốt bảo vệ giao thông. Song nhược điểm là đường đi toàn cát nếu không chú ý lấp dấu chân sẽ dễ bị địch phát hiện, nên người đi sau phải dùng bó cây chà là xóa dấu vết... Trận phục kích đánh địch được bố trí cách Cà Ná khoảng gần cây số, nhưng không thành công. Ta chỉ thu được một khẩu tiểu liên, nhưng một đồng chí tiểu đoàn phó hy sinh. Sau khi đồng chí Minh Nghĩa về trung đoàn báo cáo, Khu bộ trưởng Vũ Đức cũng yêu cầu đồng chí về chuẩn bị tài liệu huấn luyện bộ đội.

Đồng chí Minh Nghĩa đã thu thập được khá nhiều tình hình ở các đơn vị và tình hình quần chúng ở vùng đồng bằng, tình hình địch để báo cáo lại Khu bộ trưởng Vũ Đức. Nhiệm vụ mới lúc này của đồng chí Minh Nghĩa là thư ký riêng cho đồng chí Vũ Đức.

Tại căn cứ, để thuận tiện cho công việc nên nhà làm việc của đồng chí Vũ Đức cũng là nơi ở và tiếp khách. Tại đây, đồng chí Vũ Đức đã tiếp và làm việc với Bí thư, Phó Bí thư, Trung đoàn trưởng Nguyễn Thế Lâm, Tham mưu trưởng Nguyễn Chí Diễm, cụ Thi - Đại biểu Quốc hội, Chủ tịch Mặt trận và các đồng chí đến báo cáo tình hình xin ý kiến để giải quyết công việc, trao đổi bàn bạc chuẩn bị cho chủ trương mới đối phó với thực dân Pháp.

Trong những tháng đầu năm 1947, Tỉnh uỷ và Khu 6 tiếp tục chỉ đạo các tỉnh trong khu và toàn tỉnh gây dựng cơ sở, củng cố đoàn thể, tổ chức lực lượng dân quân, du kích, tự vệ, phát triển đảng viên, xây dựng chi bộ ở cơ sở, chuẩn bị khẩn trương về mọi mặt để phòng địch lấn tới. Trong công tác vận động quần chúng, mỗi cán bộ, đảng viên đều bám rất sát từng ấp, từng làng, phường, xã,... để nhanh chóng tạo được chỗ dựa vững chắc ở nông thôn và thị xã, thị trấn. Lúc này, cứ khoảng 15 ngày lại có cuộc họp hội ý, rút kinh nghiệm, sau đó lại đi các cơ sở.

Từ ngày 12 đến ngày 13-4-1947, tại căn cứ Ngọc Lâm, Tỉnh uỷ tổ chức Hội nghị cán bộ, có trên 20 đại biểu về dự, đồng chí Vũ Đức được mời tham dự. Tỉnh

ủy lúc đó có đồng chí Trần Quỳnh - Bí thư, đồng chí Trương Chí Cương - Phó Bí thư, đồng chí Trần Nguyên Mãn - Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến, ông Trần Thi - Chủ tịch Mặt trận - Đại biểu Quốc hội, đồng chí Lâm Hồng Phấn - Chính trị viên Trung đoàn 81 và bí thư các vùng, Bí thư thị xã Phan Rang - Tháp Chàm. Tại Hội nghị đã bầu bổ sung một số đồng chí vào Tỉnh ủy và đưa ra một số chủ trương mới để thúc đẩy phong trào kháng chiến đi lên. Trong hai ngày họp, các đại biểu đã trao đổi, bàn bạc sôi nổi, đưa ra nhiều ý kiến nhằm đẩy mạnh phong trào kháng chiến mạnh hơn, nhanh hơn, xây dựng căn cứ vững chắc hơn.

Đại biểu ở các vùng về dự Hội nghị đã cung cấp cho Tỉnh ủy và khu nhiều kinh nghiệm quý. Để nắm thêm tình hình cụ thể ở thị xã Phan Rang - Tháp Chàm và vùng đồng bằng ven biển, từ đó chuẩn bị cho những chủ trương mới phù hợp nhằm đánh những trận lớn hơn, gây cho thực dân Pháp nhiều thiệt hại làm chúng hoang mang, lo sợ; sau Hội nghị Khu bộ trưởng Vũ Đức đã mời đồng chí Lê Văn Hiến - Bí thư thị xã Phan Rang - Tháp Chàm (người vừa được bầu vào Tỉnh ủy) ở lại trao đổi thêm. Đồng chí Hiến trực tiếp báo cáo với Khu bộ trưởng tình hình thị xã và các vùng xung quanh một cách chi tiết, cụ thể từ công tác xây dựng lực lượng vũ trang, công tác Đảng, đoàn thể, nhất là công tác gây dựng cơ sở trong nội thị và vùng đồng bằng. Khu bộ trưởng Vũ Đức đã

chăm chú lắng nghe và đóng góp nhiều ý kiến về thực hiện chủ trương mới.

Theo chủ trương mới, sau Hội nghị, các cơ quan Tỉnh uỷ, trung đoàn và khu dời đến căn cứ "Thiên Thai" cách căn cứ Ngọc Lâm hơn 4 km về phía tây - bắc. Nhà ở của Khu bộ trưởng vẫn thường xuyên có khách. Có hôm một khách lạ người dân tộc Chăm là Thường vụ Huyện uỷ, phụ trách công tác dân tộc, đã tới gặp đồng chí Vũ Đức. Hai người cùng nhau nói chuyện suốt buổi sáng. Đồng chí Minh Nghĩa ngồi làm việc gần đó, chỉ nghe câu được câu chăng, đại thể Khu bộ trưởng nói về chính sách đại đoàn kết của Đảng, của Mặt trận, về chính sách dân tộc. Nhưng "chính tên này đã phản bội mà không ai ngờ. Nó bỏ Huyện uỷ trốn đi và chính nó đã dẫn đường cho quân Pháp đánh biệt kích ngay vào chỗ ở của anh Đức mà không đụng tới xung quanh"¹.

Hôm đó là một ngày giữa tháng 5-1947, Khu bộ trưởng Vũ Đức và đồng chí Minh Nghĩa đang làm việc tại nhà, trên bàn có trải tám bản đồ quân sự, đồng chí Minh Nghĩa đang kiểm tra các đơn bốt địch đóng xung quanh căn cứ cho đồng chí Vũ Đức xem tổng quát. Sau đó báo cáo địa hình vùng căn cứ này, nếu ta bố phòng tốt thì địch khó lòng đánh ta, vì chúng phải vượt qua núi rừng trùng điệp, dài ngày

1. *Nhớ Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ - Buổi đầu kháng chiến chống Pháp*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr. 243.

mới tới được. Nếu đánh rồi, đường rút của chúng cũng khó. Đồng chí Vũ Đức đồng ý với nhận xét này.

Khi đồng chí Khu bộ trưởng Vũ Đức nói để đồng chí Minh Nghĩa viết tài liệu huấn luyện về đội hình đại đội hành quân, bỗng nghe một loạt súng đại liên nổ kéo dài, bắn từ tây sang đông, theo hướng nhà của Khu bộ trưởng. Lúc này, chưa có thông tin gì của các trung đoàn và các đơn vị.

Đồng chí Minh Nghĩa lệnh cho đồng chí Thu cận vụ thu xếp đồ để đưa Khu bộ trưởng đến địa điểm dự bị, còn tài liệu sẽ do đồng chí lo, rồi dùng ống nhòm quan sát thấy toàn lính Pháp, vừa tiến đến mồm đồi phía tây, đang tập trung ở đó cách khoảng 400 m bên kia suối, đội hình địch không di chuyển mà tập trung một chỗ. Đồng chí Minh Nghĩa nói: coi chừng chúng cho biệt kích đột nhập trung đoàn bộ, vào khu vực ta; chúng có thể đánh đội bảo vệ. Phía dưới chân đồi có hơn một tiểu đội. Khu bộ trưởng lệnh cho cận vụ và mọi người đi trước.

Một liên lạc của Trung đoàn 81 báo cáo là đơn vị đang phục kích ở bên kia bờ suối, ta chờ địch vượt suối sẽ nổ súng. Nghe liên lạc báo cáo vậy, Khu bộ trưởng nói với đồng chí Minh Nghĩa: "Cậu đi giấu tài liệu xong, trở lại ngay".

Đồng chí Minh Nghĩa đi ngay, khi quay trở lại cách nhà khoảng 20 m thì đã thấy nhà bị cháy và Khu bộ trưởng Vũ Đức đã hy sinh. Đồng chí Minh Nghĩa đứng lặng người, nước mắt trào ra vừa thương tiếc Khu bộ

trưởng Vũ Đức, vừa ân hận¹. Nếu quay về sớm hơn vài phút, sẽ ra sao; một là cứu được Khu bộ trưởng, hai là cùng hy sinh. Lòng căm thù sôi lên, lúc đó đồng chí Minh Nghĩa còn nghe tiếng rạo rạo của địch rút xuống khe suối liền chạy về hướng quân địch đang tập trung bắn theo một loạt súng môđe, sau đó chạy ngay xuống đội bảo vệ, hỏi các anh làm thế nào để địch đến bắn chết Khu bộ trưởng Vũ Đức mà không đánh nó. Đồng chí tiểu đội phó tên Xung và một số chiến sĩ nghe nói đồng chí Vũ Đức hy sinh, nước mắt chảy ròng ròng, nói với đồng chí Minh Nghĩa: Nghe bọn Tây hô Alátxô rồi chỉ cõ hai loạt tiểu liên và súng lục. Tiểu đội đã nổ súng vào chỗ có tiếng hô phía ngang hông khe suối cận hông nhà. Thấy im luôn, chưa kịp quan sát, và còn lo giữ phía địch tiến công vào trung đoàn bộ.

Thực tế, địch không phải từ vùng đồng bằng đi lên mà luôn rừng từ Đà Lạt xuống phía sau lưng chiến khu, vừa tập trung ở mỏm đồi phía tây vừa cho một toán biệt kích vượt suối, chỉ nhằm tấn công bất ngờ đúng một điểm là nơi Khu bộ trưởng Vũ Đức ở, hầu hết cán bộ, nhân dân biết sự kiện này đều cho rằng có kẻ dẫn đường mới chính xác đến mức như vậy.

1. Về ngày hy sinh của đồng chí Vũ Đức chưa xác định được chính xác nhưng theo cuốn *Ninh Thuận - 30 năm chiến tranh giải phóng* thì "Đầu tháng 10-1947, quân Pháp tràn lớn vào CK7. Có thượng du gian dẫn đường, chúng đi từ làng Ma Nang, mang theo trung liên 12,7 ly từ phía sau đánh tới. Đồng chí Võ Văn Đức hy sinh,... Đây là một tổn thất lớn cho lực lượng vũ trang tỉnh Ninh Thuận".

Đồng chí Minh Nghĩa giao cho đồng chí Xung phân công liên lạc đi báo cáo đồng chí Lâm, Trung đoàn trưởng 81 là Khu bộ trưởng Vũ Đức đã hy sinh. Trung đoàn trưởng Lâm từ dưới suối phía sau nhà đi lên, cả người ướt đẫm mồ hôi, nhìn thi hài đồng chí Vũ Đức, đứng lặng, nước mắt rùng rùng, hồi lâu mới nói được với đồng chí Minh Nghĩa: Dịch đang đông, chúng bắt người dân tộc mang theo lương thực, đạn dược. Có thể ngày mai bọn phía Ninh Thuận lên tấn công ta nữa, cần phải lo đôi phó. Sau đó đồng chí Minh Nghĩa, Trung đoàn trưởng Lâm cùng các đồng chí lo mai táng Khu bộ trưởng Vũ Đức tại khu đất bằng ở mồm đồi thường làm bàn ăn cách chỗ ở khoảng 500 m. Đồng chí Nghĩa nổi tiếc vì bọn địch đã lấy mất quyển sổ tay của Khu bộ trưởng luôn để trong túi ngực chưa ai được xem mà đồng chí Khu bộ trưởng mang theo từ ngày vào Nam, chỉ ghi chép bằng tiếng Trung và tiếng Anh; tiếc cho Bảy Viễn vì Bác Hồ sẽ không bao giờ được đọc lá thư của ông nữa.

Việc Khu bộ trưởng Vũ Đức hy sinh làm xúc động cả Tỉnh uỷ, Trung đoàn 81 và cán bộ, chiến sĩ, nhân dân trong vùng căn cứ Ninh Thuận. Tuy chỉ có vài tháng, chưa làm được nhiều việc, nhưng đồng chí Vũ Đức đã để lại nơi đây những kinh nghiệm về cuộc kháng chiến ở Nam Bộ, về xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ kháng chiến, phát triển chiến tranh nhân dân và xây dựng khối đoàn kết dân tộc, tôn giáo,... Đó là những tiền đề góp phần cho cuộc đấu tranh sau này giành thắng lợi.

IX. HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH - TÌNH CẢM CÁCH MẠNG

Đầu năm 1946, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ càng ác liệt và khó khăn. Bọn địch đã dùng mọi thủ đoạn để chống phá ta, hàng ngày chúng dùng cả bộ máy chiến tranh để tuyên truyền xuyên tạc cuộc kháng chiến của ta. Chúng cho cả máy bay rải truyền đơn kêu gọi bộ đội ta đầu hàng, nộp vũ khí cho chúng, vu cáo chia rẽ giữa bộ đội Nam tiến vào với bộ đội ở Nam Bộ, chia rẽ giữa người Bắc - Trung - Nam, chia rẽ giữa đồng bào các dân tộc,... Bộ máy tuyên truyền phản cách mạng hoạt động ráo riết ở khắp các mặt trận. Trước tình hình đó đồng chí Khu bộ trưởng Khu 9 quyết định tăng cường một số cán bộ có trình độ và khả năng tuyên truyền phản lại bộ máy tuyên truyền của địch về văn phòng bộ.

Chị Nguyễn Thị Được là người giỏi cả tiếng Việt và tiếng Pháp (lúc đó đang phục vụ tại trạm quân y tiền phương) được tăng cường cho bộ phận tuyên truyền của Khu 9. Khu bộ trưởng thấy rõ tầm quan trọng của công tác này nên thời gian đầu đã trực tiếp cùng anh chị em văn phòng soạn thảo các tài liệu cho

cán bộ chính trị về các cơ sở tuyên truyền, giải thích rõ cho đồng bào các dân tộc thiểu số về âm mưu thâm độc của kẻ thù, vạch trần những thủ đoạn chính trị nham hiểm của bọn xâm lược và tay sai của chúng. Với đối sách kịp thời đúng đắn đó nên nhiều âm mưu thủ đoạn thâm độc của địch lần lượt bị bẻ gãy, làm cho chúng lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Trong khi đó lòng căm thù giặc, ý chí đoàn kết, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của quân và dân ta ngày càng được nâng cao.

Các lực lượng của ta qua nhiều hoạt động chiến đấu, phục vụ chiến đấu, ngày càng hăng hái, dũng cảm, dày dạn kinh nghiệm và trưởng thành. Tại mặt trận, nơi Sở Chỉ huy và bộ đội đóng quân cách nhau không xa; hàng ngày, hàng giờ, Khu bộ trưởng Vũ Đức theo dõi trực tiếp diễn biến chiến sự để quyết định những mệnh lệnh, chỉ thị kịp thời, chuẩn xác. Vì thường xuyên ở chiến tuyến như vậy nên các đồng chí phục vụ rất lo cho sức khỏe của người chỉ huy kính mến của mình. Trong những ngày chiến đấu, hầu như không lúc nào đồng chí được nghỉ. Trong quan hệ với mọi người đồng chí Vũ Đức đều gây được nhiều ấn tượng tốt đẹp, vì vậy ai cũng có thiện cảm với vị Tư lệnh Khu 9. Khách đến, nhất là đồng bào, thường mang theo quà biếu, đồng chí đều để dành và gửi ra ngoài mặt trận cho các chiến sĩ đang trực tiếp chiến đấu. Khi gửi quà cho các chiến sĩ, đồng chí cũng không quên gửi thêm những lời hỏi thăm, chúc sức khỏe và nhắc cán bộ, chiến sĩ chú ý giữ gìn sức khỏe

đề chiến đấu lâu dài. Tình cảm của vị chỉ huy cao nhất của khu đối với các chiến sĩ gắn bó như ruột thịt trong mọi hoàn cảnh. Lúc Bộ Chỉ huy khu từ Phước Long chuyển về vùng rừng Tam Khánh (Khánh An, Khánh Lâm, Khánh Bình), đồng chí Vũ Đức biết có một số anh em trung đội bảo vệ muốn xin ra chiến trường trực tiếp chiến đấu, nên thiếu an tâm làm công tác bảo vệ. Là người chỉ huy nhưng đồng chí Vũ Đức đã nói với anh em thật giản dị mà thấm thía: “Đi chiến đấu là rất cần, mình hiểu tâm tư, nguyện vọng chính đáng của anh em. Song việc bảo vệ cơ quan đầu não của khu cũng cần không kém đâu, vả lại nếu ai cũng đi chiến đấu cả thì còn ai ở lại giữ căn cứ của chúng ta. Làm cách mạng mà không có căn cứ địa thì thất sách vô cùng”. Những lời tâm huyết của vị Tư lệnh đã làm yên lòng những chiến sĩ trong đội bảo vệ. Cán bộ, chiến sĩ trong khu còn nhớ rất rõ từng cử chỉ, việc làm của vị chỉ huy. Khi giao việc cho cán bộ, việc gì cũng hướng dẫn tỉ mỉ, chỉ đạo sâu sát, thường kiểm tra đột xuất. Việc làm tốt thì biểu dương khen thưởng ngay, nếu chưa tốt cũng không nặng lời trách móc mà ôn tồn chỉ bảo đến khi cán bộ làm tốt mới thôi.

Cơ quan Khu bộ lúc đó đóng trong rừng sâu và phải thường xuyên di chuyển nên chỉ làm tạm những căn nhà lúp xúp, chật hẹp, ăn uống thì kham khổ; ốm đau không có thuốc. Mặc dù ở trong rừng, xa nơi dân ở nhưng mỗi khi có dịp là đồng chí Vũ Đức lại vào thăm dân, khi đồng bào gặp khó khăn

thì bố trí cán bộ, chiến sĩ đến giúp đỡ. Đồng bào coi đồng chí Vũ Đức và anh em cán bộ của Khu 9 như người thân. Dù khó khăn, gian khổ, nhưng từ chỉ huy đến cán bộ, chiến sĩ và đồng bào không ai kêu ca phàn nàn, mà hàng ngày sống chan hoà, đoàn kết, động viên nhau cả tinh thần và vật chất. Song cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan rất hiếm được nghe vị chỉ huy của mình kể chuyện về cuộc đời hoạt động cách mạng và chuyện riêng của gia đình, bản thân. Chỉ biết đồng chí là người có tài chỉ huy đánh giặc từ tiểu phi rồi đánh Nhật, đánh Pháp mấy chục trận từ Bắc chí Nam, từ miền núi đến đồng bằng chưa thua trận nào. Cuộc đời và sự nghiệp của vị chỉ huy được nhiều người quan tâm. Các chiến sĩ ở Cao Bằng đang làm nhiệm vụ tại văn phòng Khu bộ, hội ý với anh em Nam Bộ tổ chức xây dựng gia đình cho Khu bộ trưởng Vũ Đức. Đề xuất đó được mọi người hưởng ứng nhiệt liệt. Nhân một hôm có nhiều tin vui chiến thắng từ các tỉnh về, anh em chiến sĩ văn phòng Khu bộ bàn nhau, cử anh Toàn Thắng (là người Cao Bằng) trực tiếp làm công tác bảo vệ Khu bộ trưởng) làm đoàn trưởng vào thăm Khu bộ trưởng Vũ Đức, đề nghị Khu bộ trưởng lấy vợ với những lý do:

- Thứ nhất là thời kỳ còn hoạt động - chiến đấu ở Cao Bằng, khi cán bộ, chiến sĩ đề nghị, chỉ huy trưởng đã nói là: "Khi nào nước nhà hoàn toàn độc lập, mình mới lấy vợ", nay nước nhà đã độc lập.

- Thứ hai là tuy còn phải chiến đấu lâu dài nhưng

Khu bộ trưởng đã nói là: “Ta phải xây dựng chiến khu để chiến đấu lâu dài, đời ta đánh chưa xong thì đời con ta, cháu ta quyết chiến đấu và chiến thắng kẻ thù bảo vệ độc lập tự do của nước nhà”.

- Thứ ba là Khu bộ trưởng không còn trẻ như anh em nữa mà đã bốn mươi mùa xuân rồi, thủ trưởng phải tính chớ!

Anh em chiến sĩ cười tươi và vun vào chuyện Khu bộ trưởng Vũ Đức với chị Nguyễn Thị Được, thường gọi thân mật là chị Sáu Được. Chị Nguyễn Thị Được là người rất có cảm tình với Khu bộ trưởng và Khu bộ trưởng cũng có cảm tình với chị. Khu bộ trưởng thấy anh em nói có lý lẽ, ngẫm nghĩ cười vui một lúc rồi mới chậm rãi: “Lý lẽ của các cậu có vẻ thuyết phục đấy, tùy các cậu nhưng để mình hỏi cô ấy xem ý kiến thế nào đã!”.

Các cán bộ, chiến sĩ văn phòng Khu bộ được lời như cởi tấm lòng, hân hoan ra về, phân công nhau “bí mật chuẩn bị những điều kiện đơn sơ, mộc mạc có thể có trong kháng chiến cho đám cưới sắp đến của thủ trưởng mình.

Khu bộ trưởng Vũ Đức bên bàn làm việc trầm ngâm suy nghĩ về chị Sáu Được. Lúc chưa về văn phòng, Khu bộ trưởng chỉ mới biết sơ qua Sáu Được ở trạm quân y tiền phương, là một cô gái nhiệt tình, đẹp người, đẹp nết, có nhiều khả năng trong các hoạt động công tác. Khi được tăng cường về văn phòng Khu bộ giúp làm công tác tuyên truyền, Khu bộ

trưởng Vũ Đức và nhiều người ở văn phòng mới thấy rõ Sáu Được là một cô gái thực đúng như vậy, không những thế còn giỏi cả tiếng Pháp. Đồng chí Vũ Đức còn nhớ nhiều hôm viết truyền đơn đến khuya, anh cứ đọc và Sáu Được cứ viết hết tờ này lại tờ khác, hết tiếng Việt lại tiếng Pháp, thỉnh thoảng bốn mắt nhìn nhau trêu mếu mỉm cười nhưng không ai nói được câu nào. Ở khu căn cứ thiếu thốn mọi bề, nhà ở đơn sơ, ẩm thấp, muỗi nhiều vô kể, anh em cán bộ đều bị ốm hết lượt. Lần Khu bộ trưởng bị ốm lên cơn sốt, Sáu Được và anh em trong văn phòng lo lắng, bởi tìm thuốc rất khó khăn, mà uống thuốc rễ cây là chính và xông lá chàm. Sáu Được chăm sóc anh Vũ Đức tận tụy, lúc sắc thuốc, khi nấu ăn và chị còn động viên anh ăn uống,... Càng ngày tình cảm cách mạng, tình đồng chí, anh em càng gắn bó thân thiết. Khu bộ trưởng khiến Sáu Được càng thêm quyến luyến tin tưởng và thâm yêu trộm nhớ. Sáu Được đã tâm sự với Khu bộ trưởng về cuộc đời của chị, từ tuổi thơ ấu ở Bến Tre, năm ba tuổi đã theo ba má đến thị trấn Cà Mau; ba dạy học và làm thuốc. Khi còn nhỏ đã biết giúp ba sao, tằm, phơi thuốc hái được từ rừng U Minh. Ba má chị sinh được sáu anh em năm trai, một gái. Sáu Được là thứ năm, lại chỉ có mình con gái nên rất được cưng chiều. Ba chị đã nói: Quý hơn được vàng, được ngọc nên đặt tên là “Được”, gia đình gọi là “Sáu Được”. Lớn lên chị là người rất sáng dạ nên được ba má cho đi học và luôn là học sinh khá giỏi của

Trường Tiểu học Pháp - Việt Cà Mau. Ngày nghỉ, chị được ba má dạy cho cách làm thuốc; lúc nào chị cũng chăm chỉ học tập và siêng năng làm nên cả nhà ai cũng “cưng”, yêu quý, chiều chuộng. Song, Sáu Được không lúc nào dựa dẫm, ỷ lại ba má, các anh hoặc người thân. Năm chị 16-17 tuổi, chị lớn bổng, tóc dài, miệng cười như hoa nở. Cánh con trai thường kháo nhau: “Con bé đẹp dễ sợ, chàng nào vớ được thì sướng cả đời”. Nghĩ vậy mà lòng Sáu Được xôn xang, mặt ửng đỏ, nhưng lại nghĩ đến điều mà người ta thường nói con gái “hồng nhan bạc phận”. Chẳng hiểu sao, nhiều đám đến đánh tiếng với gia đình, có cả các nhà danh giá, quyền thế, song Sáu Được đều khéo chối từ cho là tuổi còn quá nhỏ.

Cách mạng Tháng Tám thành công năm 1945 là lúc Sáu Được vừa tròn 18 tuổi, năm sau Nam Bộ lại kháng chiến chống thực dân Pháp, ba và các anh lần lượt đi đánh giặc. Bạn bè chị nhiều người cũng xin đi đánh giặc giữ nước. Chiến trường ngày càng ác liệt, thương binh từ các chiến trường chuyển về hậu cứ, đang thiếu người chăm sóc, điều trị. Tỉnh thành lập đội cứu thương, sẵn biết nghề thuốc ba má dạy cho, Sáu Được xin má vào đội cứu thương, nhưng lúc đầu má chị chưa chịu, vì cho là ba và các anh đi kháng chiến cả rồi, không có ai ở cùng má, chị phải nhờ ba nói hộ má mới ưng thuận.

Sáu Được ở bên anh (Vũ Đức) và nhớ lại hôm gặp anh lần đầu tiên ở trạm quân y tiền phương, quần áo

còn vương mùi thuốc súng, anh cùng một số cán bộ khu đem quà đến thăm các chiến sĩ bị thương đang điều trị, với vóc dáng cao to, đẹp trai, mắt sáng, giọng vang và ấm, với những bước chân dài, đến hỏi thăm từng người. Đến gần Sáu Được, anh bắt tay, động viên khen ngợi. Giọng miền Bắc của anh như truyền sang chị thêm sức mạnh, nụ cười hiền hậu, bàn tay ấm, đôi mắt sáng như gửi cho chị một niềm tin yêu từ buổi đầu. Để hôm nay anh em cán bộ, chiến sĩ đều mong muốn cả hai thành duyên. Chỉ chờ thủ trưởng cho ý kiến là anh em sẵn sàng, và Khu bộ trưởng đã đồng ý. Nhưng bắt đầu từ đâu, như thế nào; đứng trước khó khăn, gian khổ, trước chiến trận với quân thù thì anh thừa bản lĩnh để chỉ huy đánh địch giành thắng lợi từ trận này đến trận khác, với phong cách vững vàng, sáng suốt, dũng cảm, quyết đoán bao nhiêu thì trong chuyện tình cảm lại vụng về bấy nhiêu. Anh cảm thấy khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua. Anh nghĩ mãi rồi cũng ra phương án giải bày tình cảm. Hôm đó, văn phòng bố trí Sáu Được chèo thuyền đưa anh đi họp bên Khu uỷ. Anh đã chuẩn bị sẵn một thư tỏ tình chỉ có mấy dòng.

"Thân ái gửi cô Được!

Tôi là Võ Văn Đức

Nhà cách mạng chuyên môn, độc thân, muốn lấy cô làm vợ, cho biết ý kiến!"

Khi thuyền cập bến, anh cũng không đưa thư vào tay cho Sáu Được mà chỉ đặt ở trong khoang thuyền

trước mặt chị, rồi đi họp. Sáu Được xem xong thư, tim đập rộn ràng, xôn xang, tự nhiên không nói nổi lời nào, trong lòng dâng lên những cảm xúc mới lạ, xao xuyên lần đầu tiên trong lòng người con gái. Cứ vậy, cảm xúc yêu thương và khao khát được yêu trào dâng không thể diễn tả được trong chị. Sau đó, Sáu Được đáp lại một lá thư tình, ngắn gọn và cũng rất độc đáo:

"Kính gửi anh Võ Văn Đức!

Được!"

Tất cả chỉ gói gọn trong một chữ "Được" nhưng rất đầy đủ sự bằng lòng và là tên của người viết thư. Những ngày sau cán bộ, chiến sĩ biết chuyện, không ngớt cười. Chuyện thật mà nghe đến kỳ lạ. Từ đó, hai người gắn bó với nhau.

Trong hoàn cảnh kháng chiến, lại ở nơi rừng rú, rất gian khổ, thiếu thốn mọi thứ, nhưng cán bộ, chiến sĩ văn phòng Khu bộ đã khắc phục khó khăn, phấn khởi tổ chức chu đáo đám cưới cho Khu bộ trưởng thân thiết của mình. Anh em "bí mật" phân công nhau chuẩn bị trước nên khi Khu bộ trưởng đồng ý thì đã có hoa rừng, trái cây, cua, cá, thịt,... những thứ mà rừng U Minh ưu ái dành sẵn cho họ. Văn phòng Bộ Tư lệnh Khu 9 tổ chức lễ cưới cho hai người tại Sở Chỉ huy Khu 9 thuộc xã Khánh An, Cà Mau vào tháng 8-1946.

Sau lễ cưới, cả Vũ Đức và Sáu Được lại tập trung vào công việc. Thời gian dành cho nhau rất ít nhưng

khi được sống gần gũi bên chồng, Sáu Được càng thấy rõ thêm anh là con người rất tình cảm, nhân nghĩa, vị tha đối với mọi người. Anh sống giản dị, kín đáo, trung thực, khí khái, bản lĩnh vững vàng. Hằng ngày giúp việc, chăm sóc anh, chị quý trọng anh hơn và hiểu thêm con đường hoạt động cách mạng của anh. Thời kỳ ở căn cứ U Minh, chị Sáu Được còn nhớ mỗi khi đi công tác cơ sở, gặp bà con ai cũng ca ngợi “cụ Vũ Đức” vừa giỏi đánh giặc lại đức độ với dân. Biết Sáu Được là vợ Vũ Đức, mọi người càng trân trọng, giúp đỡ rất nhiệt tình. Chị Sáu Được tự hào và có phần hãnh diện về chồng mình - vị chỉ huy được nhiều người tin yêu, quý trọng.

Cuối năm 1946, lực lượng kháng chiến của Khu 9 ngày càng mạnh lên, khu giải phóng U Minh - Cà Mau được mở rộng. Các tỉnh, huyện đều có căn cứ gồm nhiều xã liên hoàn, chính quyền đoàn thể các cấp trong khu giải phóng được tổ chức, củng cố lại. Dân quân, du kích xã được tổ chức đều khắp, nhiều xã gần địch, được vũ trang khá đầy đủ súng trường, lựu đạn, phối hợp với bộ đội tập trung đánh giặc khá mạnh. Thời gian này, các địa phương, đơn vị đẩy mạnh thực hiện chỉ đạo của Khu 9 là tranh thủ thời gian phát triển chiến tranh nhân dân để mở rộng vùng giải phóng và các căn cứ du kích, tích cực xây dựng cơ sở đoàn thể, chính quyền cách mạng vùng mới giải phóng.

Cuộc kháng chiến ở Khu 9 đang trên đà phát

triển, mọi người đang hăng hái, phấn khởi thực hiện nhiệm vụ thì Khu bộ trưởng Vũ Đức nhận được quyết định ra Bắc nhận nhiệm vụ mới. Cuộc hành quân từ cực Nam của đất nước ra Bắc gặp rất nhiều khó khăn, nguy hiểm so với cuộc hành quân từ căn cứ miền Đông về miền Tây Nam Bộ trước đó một năm. Lúc này địch đã chiếm đóng hết các tỉnh lỵ và các tuyến giao thông quan trọng, chúng xây dựng đồn bốt kiểm soát ở khắp nơi. Nhiều đoạn đường phải đi vòng vèo, ngược xuôi để tránh địch hoặc phải đi cả ban đêm mới lọt. Do vậy, trên đường ra Bắc cả đoàn gặp rất nhiều khó khăn, song thật may mắn là ai cũng có sức khoẻ. Khu bộ trưởng Vũ Đức càng thương yêu quý trọng vợ - là thân gái dặm trường, chân yếu tay mềm nhưng vẫn phải hành trình liên tục như các chiến sĩ nam giới, nên hằng ngày anh thường xuyên động viên chị. Mong muốn của Khu bộ trưởng là đến đích càng sớm càng tốt để Trung ương giao nhiệm vụ mới, sau đó sẽ bố trí cho Sáu Được công việc ổn định, đỡ đi lại vất vả. Nhưng hơn hai tháng hành quân vất vả đến Ninh Thuận nhận nhiệm vụ mới, đang cùng tập thể tìm cách tháo gỡ khó khăn để đưa phong trào kháng chiến đi lên thì anh bị địch tấn công bất ngờ và đã anh dũng hy sinh. Chị Sáu Được còn nhớ, hôm địch tấn công vào căn cứ, các anh giục chị và liên lạc sơ tán về điểm dự bị, cả anh cũng giục chị phải đi mau, nếu không chị đã ở lại để cùng anh chiến đấu chống giặc đến cùng. Song cả chị và mọi người làm

sao biết được sự tổn thất lớn lao ập đến quá bất ngờ. Khi anh Đức hy sinh, đơn vị cũng chưa cho chị biết ngay vì lúc đó chị cũng đang mệt và cái thai - giọt máu cuối cùng của anh Đức trong bụng chị được vài tháng. Đơn vị đang động viên an ủi chị thì mấy hôm sau địch đưa tin vừa giết được Vũ Đức - một chỉ huy cao cấp của quân đội Việt Nam. Chị đau buồn khôn xiết. Các đồng chí lãnh đạo tỉnh, Khu 6 và đồng chí Minh Nghĩa đã khuyên nhủ, động viên chị nén đau thương giúp các anh lo tương lai sự nghiệp của anh còn để lại.

Thời gian sau, các đồng chí lãnh đạo khu và Trung đoàn 81 giao cho chị Sáu Được làm thủ quỹ Trung đoàn. Khi chị sinh con được sự giúp đỡ của cơ quan, đồng bào địa phương, cả hai mẹ con được chăm sóc, bảo vệ chu đáo. Cuộc kháng chiến ngày một ác liệt, để giữ gìn bí mật và bảo đảm an toàn, chị lấy họ mình đặt cho con là Nguyễn Đình Tuấn và chuyển xuống Cà Mau một thời gian, sau đó chuyển về Bến Tre sinh sống.

Từ đó đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (tháng 4-1975) không có thông tin gì về mẹ con chị Sáu Được. Tên tuổi Hoàng Đình Giong vốn đã gắn bó với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng, và vẫn in sâu trong lòng cán bộ, chiến sĩ, nhân dân trong tỉnh. Nhiều đồng chí hoạt động cùng thời và nhiều đồng chí lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ đều mong muốn có dịp nghiên cứu, tìm hiểu cuộc đời hoạt

động còn nhiều bí mật của đồng chí, nhất là thời kỳ ở miền Nam. Còn đồng bào Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ cũng chỉ biết Võ Văn Đức (Vũ Đức) là một Khu bộ trưởng, tài cao đức trọng, thông minh, dũng cảm, hết lòng vì nước, vì nhân dân; được cán bộ, chiến sĩ, nhân dân kính trọng. Song lúc đó hầu như chưa ai biết đồng chí là người như thế nào, ở đâu nhưng lại có tiếng như vậy. Tên tuổi của đồng chí suốt hơn nửa thế kỷ qua, có lúc vang vọng khắp cả các châu lục Á - Âu - Phi, nhưng có thời gian lại yên lặng làm cho nhiều người suy nghĩ về cuộc đời hoạt động cách mạng và chiến đấu quên mình của đồng chí, vẫn còn nhiều điều cần phải khám phá làm rõ, trong đó thời kỳ ở miền Nam rất được nhiều người quan tâm, song thông tin cũng rất hiếm hoi. Khi đồng chí Toàn Thắng, là người cùng đội quân Nam tiến với đồng chí Đức trở về Cao Bằng cho biết: đồng chí Hoàng Đình Giông vào Nam chiến đấu đã được bổ nhiệm làm Tư lệnh Khu 9 và đã lấy vợ là người Cà Mau cuối năm 1946. Đồng chí đang ra sức xây dựng lực lượng kháng chiến ở Tây Nam Bộ thì được lệnh của Trung ương ra miền Bắc nhận nhiệm vụ mới, đến tỉnh Ninh Thuận lại có quyết định làm Khu bộ trưởng Khu 6 vì phong trào kháng chiến ở Ninh Thuận và các tỉnh cực Nam Trung Bộ đang gặp rất nhiều khó khăn. Sau đó một vài tháng thì quân Pháp bất ngờ tấn công vào căn cứ, đồng chí đã chiến đấu đến cùng và hy sinh anh dũng tại Chiến khu Ninh Thuận. Lúc đó vợ đồng chí đang

mang thai, về sau do cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ngày càng ác liệt nên chuyên về đâu không rõ.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc, một số cán bộ Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ tập kết ra Bắc đều nói: Thời kỳ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, có đồng chí Võ Văn Đức ở Cao Bằng chỉ huy đánh Pháp rất tài giỏi và có lòng thương yêu dân sâu sắc. Đồng chí được người Khmer Nam Bộ quý trọng và tôn thờ như Phật, v.v.. Chuyện về đồng chí rất nhiều và ai biết đồng chí cũng đều quan tâm. Nhưng hết kháng chiến chống thực dân Pháp lại kháng chiến chống đế quốc Mỹ, những thông tin về đồng chí và gia đình ngày càng ít đi. Nhiều cán bộ người Cao Bằng, công tác ở đâu cũng mong có dịp là tìm hiểu.

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, giữa năm 1975 các đồng chí công tác tại Ban Dân tộc Trung ương vào miền Nam công tác đã dày công tìm hiểu và được biết vợ đồng chí Hoàng Đình Giông là chị Nguyễn Thị Được (tức Sáu Được hay Sáu Bến Tre) sau khi về Cà Mau một thời gian đã trở về Bến Tre công tác.

Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng vui mừng phấn khởi đón chị Sáu Được và cháu Nguyễn Đình Tuấn ra miền Bắc trở về quê nội Cao Bằng. Sau hơn 30 năm khắc khoải mong chờ, Nguyễn Đình Tuấn mới chính thức được mang họ bố là Hoàng Đình Tuấn.

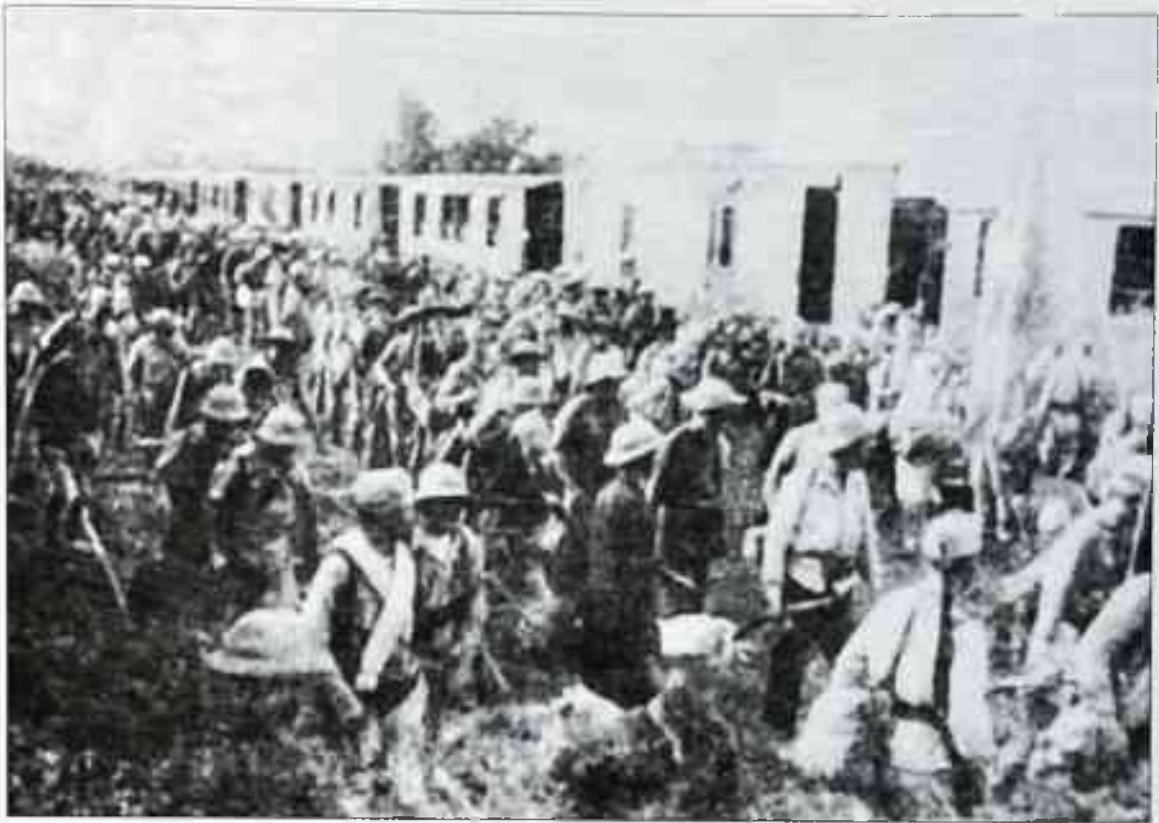
Cùng với những công việc đó, Tỉnh uỷ Cao Bằng

đã báo cáo Trung ương và được sự giúp đỡ của Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương (nay là Viện Lịch sử Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) được biết đồng chí Hoàng Đình Giông là Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng khoá I năm 1935, còn tên gọi Võ Văn Đức đúng là tên do Bác Hồ đặt cho khi giao nhiệm vụ chỉ huy bộ đội Nam tiến vào miền Nam đánh Pháp. Năm 1980, Trung ương đã giao cho Tỉnh uỷ Cao Bằng, Tỉnh uỷ Thuận Hải (nay là tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận), Ban Dân tộc Trung ương tìm kiếm hài cốt đồng chí Hoàng Đình Giông. Được sự giúp đỡ nhiệt tình của Trung ương và tỉnh bạn, ngày 31-8-1980, Trung ương Đảng và Tỉnh uỷ Cao Bằng đã tổ chức trọng thể lễ tưởng niệm và mai táng hài cốt đồng chí Hoàng Đình Giông tại Nghĩa trang Mai Dịch - Hà Nội, nơi dành cho các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước đã hy sinh trọn đời vì đất nước, vì nhân dân.

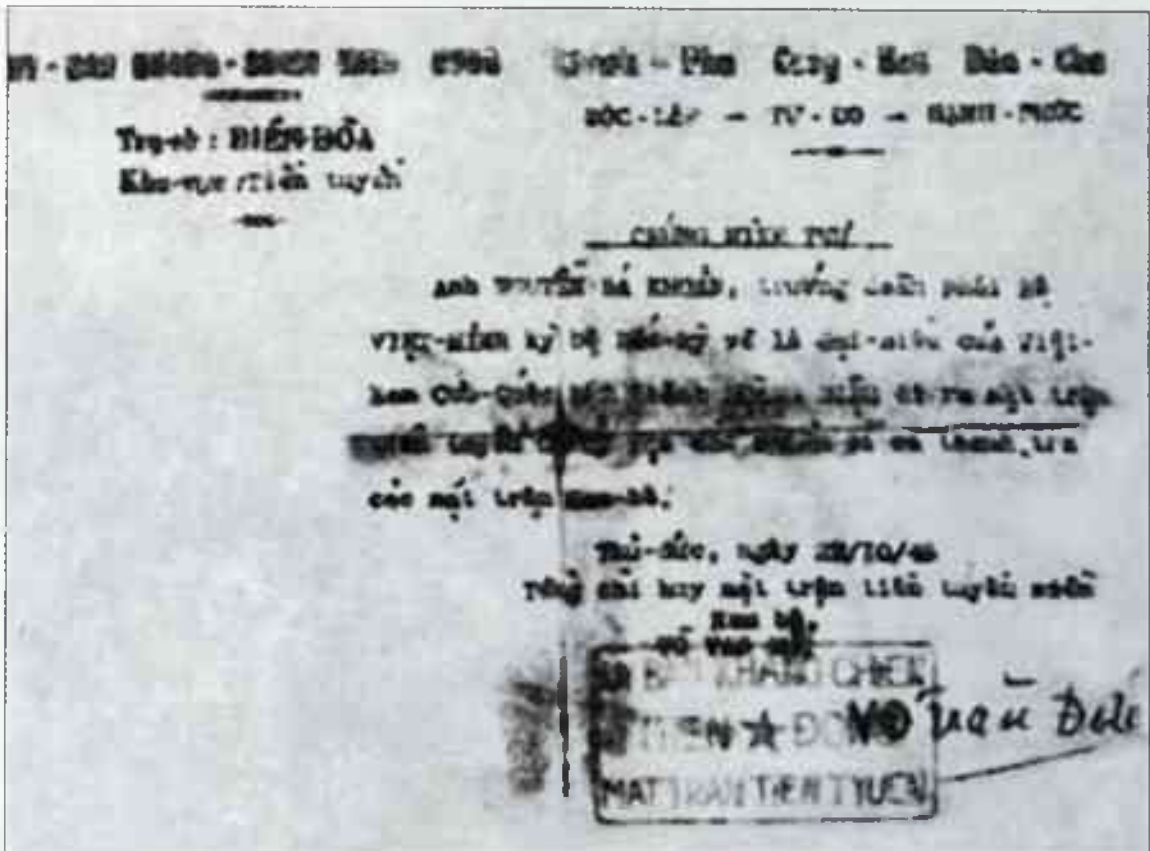
Ghi nhận những cống hiến và công lao đóng góp to lớn của đồng chí đối với sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, của dân tộc, năm 1998, Đảng và Nhà nước đã truy tặng đồng chí Hoàng Đình Giông huân chương cao quý - Huân chương Hồ Chí Minh. Năm 2009, đồng chí Hoàng Đình Giông được truy phong danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Thể hiện tình cảm sâu nặng với đồng chí Hoàng Đình Giông, từ đó, hằng năm, tỉnh Cao Bằng đều tổ chức những hoạt động kỷ niệm như tổ chức trọng thể

lễ kỷ niệm Ngày sinh của đồng chí; thi tìm hiểu thân thế, sự nghiệp của đồng chí trong các tầng lớp thanh thiếu niên để góp phần khơi dậy thêm lòng yêu nước, tư tưởng và đạo đức cách mạng cho thế hệ sau. Đồng thời với những hoạt động kỷ niệm, tỉnh Cao Bằng cũng đã xây dựng Khu di tích - tượng đài Hoàng Đình Giông tại chính quê hương của đồng chí, để cán bộ, chiến sĩ và nhân dân thường xuyên đến thăm viếng người cộng sản ưu tú - người con của quê hương Cao Bằng. Trường Đảng của tỉnh Cao Bằng cũng đã được mang tên Trường Chính trị Hoàng Đình Giông - chuyên đào tạo bồi dưỡng những thế hệ cán bộ để tiếp tục sự nghiệp của đồng chí. Cũng tại thành phố Cao Bằng, một trong những đường phố to đẹp đã được mang tên Hoàng Đình Giông. Tại mặt trận Tân Hưng - Cà Mau, là chiến trường ác liệt gắn liền với tên tuổi của Khu bộ trưởng Vũ Đức cũng đã được xây dựng bia tưởng niệm chiến thắng. Tỉnh Lạng Sơn đã đặt tên đồng chí cho một đường phố tại thành phố Lạng Sơn. Tỉnh Cà Mau cũng đã dành một trong những đường phố to đẹp tại thành phố Cà Mau để mang tên Hoàng Đình Giông.



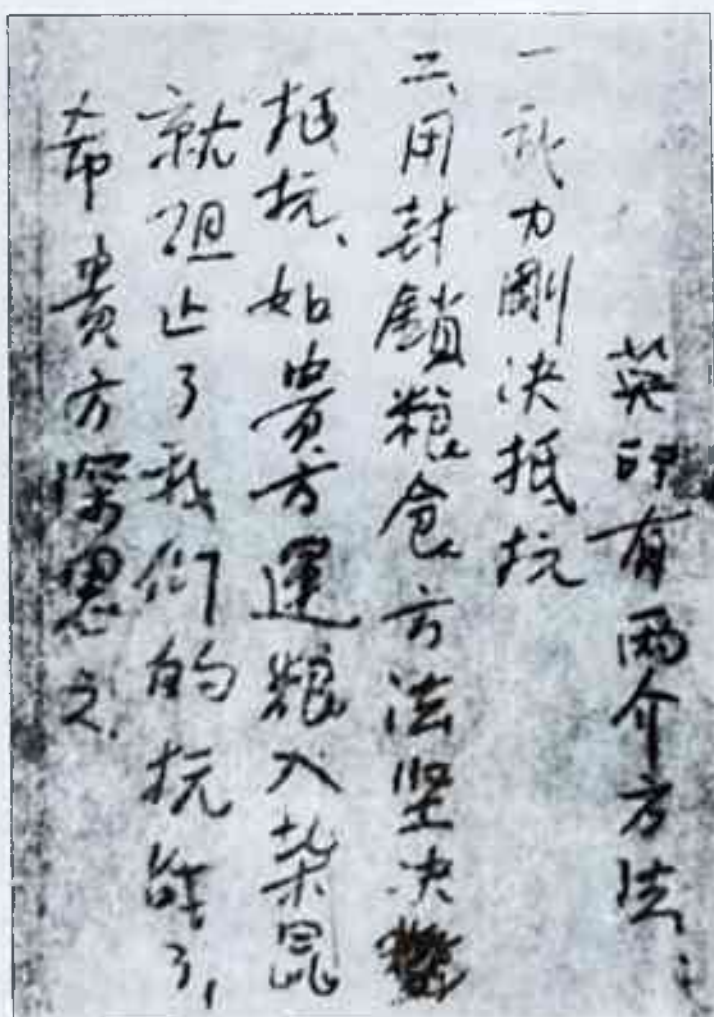
Các chi đội Nam tiến tại ga Tuy Hòa (tỉnh Phú Yên hiện nay) trên đường vào Nam Bộ



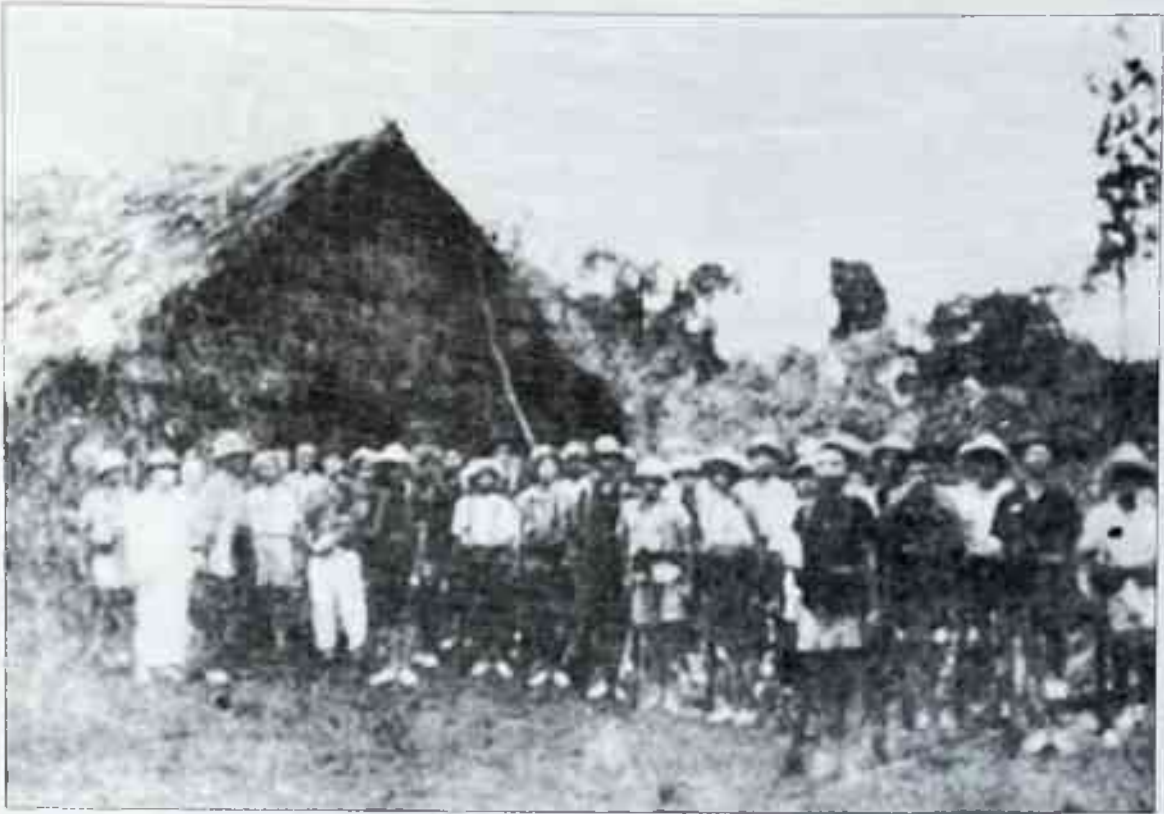
Chứng minh thư do đồng chí Võ Văn Đức (tức Hoàng Đình Giông) cấp cho phóng viên Báo Cứu quốc (tháng 10-1945)



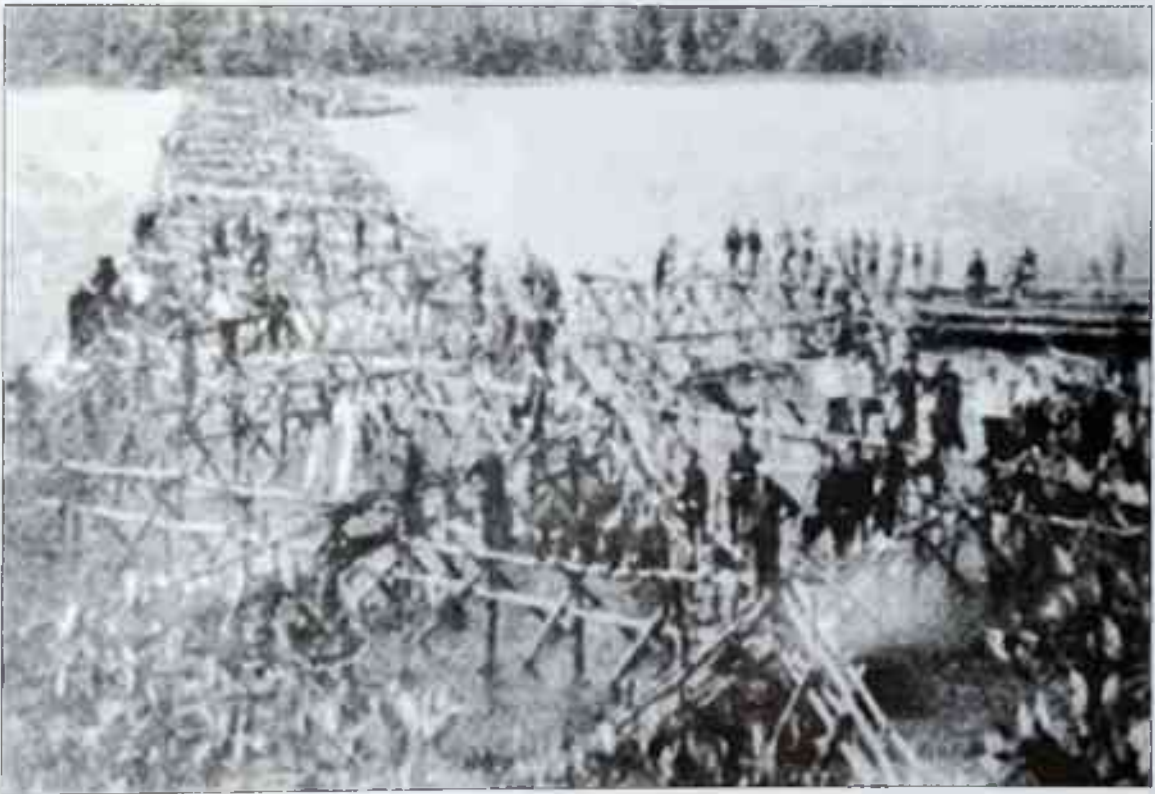
Đồng chí Võ Văn Đức - Tổng Chỉ huy mặt trận Sài Gòn - thông báo cho sĩ quan Nhật về việc cấm vận chuyển lương thực vào Sài Gòn



Bút tích của đồng chí
Võ Văn Đức
thông báo với quân Nhật



Đồng chí Võ Văn Đức thăm một đơn vị Nam tiến tại Thủ Dầu Một
(tỉnh Bình Dương hiện nay)



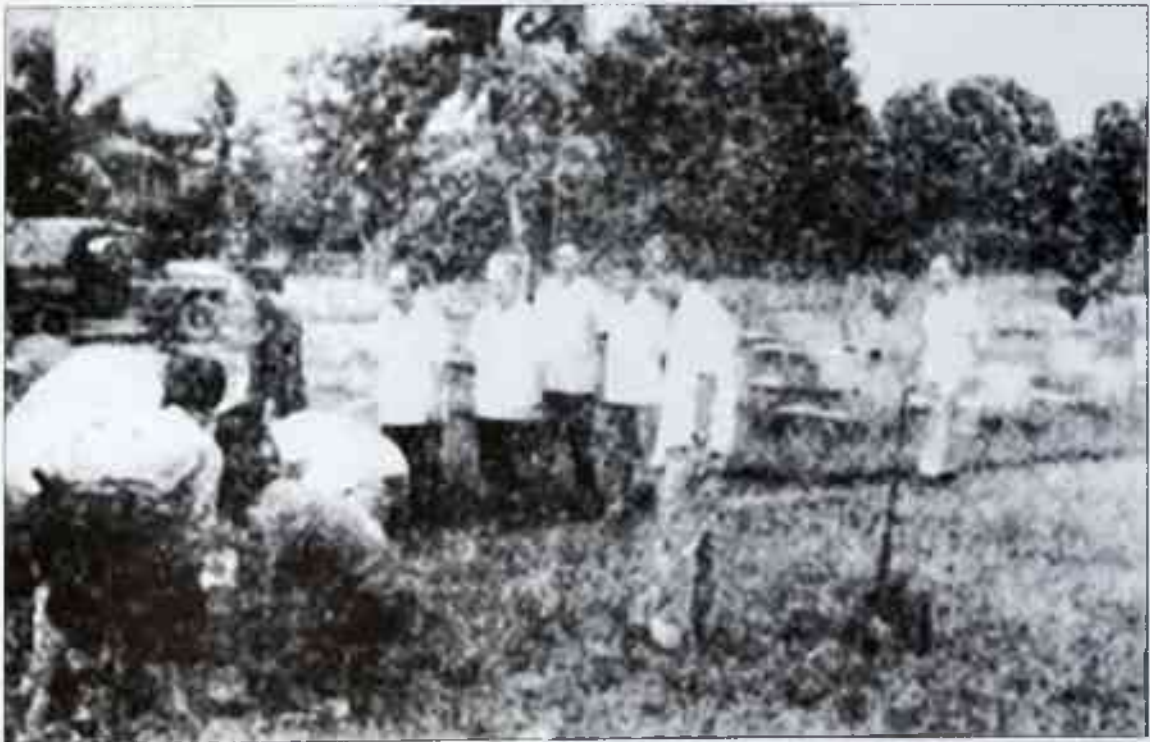
Cản trên sông ngăn tàu địch



Phù điêu kỷ niệm Chiến thắng mặt trận Tân Hưng - Cà Mau



Lễ an táng đồng chí Hoàng Đình Giông
tại Nghĩa trang Mai Dịch, Hà Nội (ngày 31-8-1980)



Lễ mặc niệm đồng chí Hoàng Đình Giông
tại Nghĩa trang Mai Dịch, Hà Nội (ngày 31-8-1980)



Khu mộ đồng chí Hoàng Đình Giông tại Nghĩa trang Mai Dịch, Hà Nội



Đường Hoàng Đình Giông tại phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng



Đồng chí Nguyễn Thị Nường, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng, thừa ủy quyền của Chủ tịch nước trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân của đồng chí Hoàng Đình Giông cho thân nhân gia đình đồng chí



Hội đồng khoa học nghiệm thu đề tài "Tìm hiểu thân thể, sự nghiệp của đồng chí Hoàng Đình Giông - người cộng sản kiên trung"

LỜI KẾT

Đồng chí Hoàng Đình Giông, người cộng sản ưu tú của Đảng, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, tấm gương hoạt động - chiến đấu của đồng chí mãi mãi để lại cho các thế hệ mai sau học tập và noi theo. Cuộc đời và những hoạt động của đồng chí luôn luôn thể hiện bản chất cao đẹp của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, bất khuất, trải qua nhiều thử thách hy sinh, trong mọi hoàn cảnh đều thể hiện lòng trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân Việt Nam.

Vì vậy, chúng ta đều tự hào về đồng chí Hoàng Đình Giông. Cuộc đời, sự nghiệp của đồng chí Hoàng Đình Giông là cuộc đời và sự nghiệp của người cộng sản chân chính, nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp và trở thành cán bộ chính trị, quân sự cấp cao lớp đầu tiên của Đảng, Nhà nước và Quân đội ta.

Đồng chí Hoàng Đình Giông đã có công lao đóng góp cho phong trào yêu nước của thanh niên, học sinh: Là học trò của Nguyễn Ái Quốc, đồng chí đã góp phần đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam lập tổ chức đảng, phát triển tổ chức, chỉ đạo phong

trào cách mạng, giữ vững khí tiết người cộng sản, đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền, tham gia lãnh đạo trong những năm đầu kháng chiến.

Những phẩm chất tốt đẹp của người cộng sản mẫu mực Hoàng Đình Giong lại càng sáng lên, khắc vào tâm trí của các thế hệ, giống như viên ngọc càng mài càng sáng. Qua lảng động của thời gian, càng thể hiện hình ảnh cao đẹp người con ưu tú của Cao Bằng. Một con người mà ngay từ nhỏ đã tỏ ra thông minh, ham hiểu biết, yêu thích văn chương, là tấm gương hăng say học tập để nâng cao nhận thức, mở rộng tầm nhìn, tâm suy nghĩ của mình. Đồng thời qua nhìn nhận, phân tích bối cảnh của xã hội thực dân, phong kiến đã làm cho đồng chí hiểu rõ thêm nguồn gốc sự đau thương, nghèo đói cùng cực của đồng bào ta là do sự áp bức, bóc lột của thực dân Pháp và bọn phản động, từ đó đã khơi dậy lòng yêu nước, chí căm thù giặc sâu sắc. Do vậy, ngay khi mới vào học Trường Bách Nghệ năm 1925, đồng chí đã tham gia phong trào bãi khoá của học sinh đòi thả nhà sĩ phu yêu nước Phan Bội Châu, năm 1926 lại tham gia phong trào đấu tranh trong dịp tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh.

Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí gắn liền với phong trào cách mạng của cả nước và quê hương Cao Bằng. Với những hoạt động yêu nước bước đầu tại Trường Bách Nghệ cùng nhiều học sinh yêu nước bị thực dân Pháp đuổi khỏi trường, nhưng với

tầm nhìn xa trông rộng, đồng chí đã về Cao Bằng vừa dạy học vừa tuyên truyền cách mạng và đã hoà mình vào phong trào cách mạng của cả nước; giữ mối liên lạc với phong trào yêu nước tại Hà Nội và tổ chức các nhóm yêu nước ở Cao Bằng, lập hội đánh Tây, hội dạy võ dân tộc, nhằm tập hợp quần chúng ở nhiều địa phương, thức tỉnh tinh thần đấu tranh cách mạng cho họ.

Khi thực dân Pháp "đánh hơi" được những hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giông đã truy nã gắt gao, cũng là lúc các tổ chức yêu nước - cách mạng ở Hà Nội coi đồng chí là cốt cán của phong trào cách mạng Việt Nam, nên đồng chí được tổ chức bố trí ra nước ngoài (Trung Quốc) học tập và hoạt động, được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tháng 5-1928 tại Long Châu (Trung Quốc). Từ đây, đồng chí chính thức đứng trong tổ chức cách mạng. Trong những năm hoạt động ở nước ngoài, đồng chí đã không ngừng học tập. Đồng chí là người cộng sản đầu tiên của Cao Bằng tiếp thu con đường cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền bá, và đã ra sức xây dựng Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở nước ngoài và ở nhiều tỉnh vùng Đông Bắc. Đồng chí đã chỉ đạo và chọn cử nhiều thanh niên tích cực đi đào tạo tại các lớp huấn luyện của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để đưa về nước hoạt động.

Tháng 12-1929, đồng chí Hoàng Đình Giông được

kết nạp vào Đảng và được bầu làm Bí thư Chi bộ Đảng ở ngoài nước tại Long Châu (Trung Quốc). Năm 1930, đồng chí đã cử Hoàng Văn Nọn về Cao Bằng phát triển Đảng. Ngày 01-4-1930, chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Cao Bằng được thành lập tại Nặm Lìn, xã Hoàng Tung, Hoà An. Chi bộ ra đời đã đảm nhiệm chức năng như Tỉnh uỷ lâm thời lãnh đạo phong trào cách mạng toàn tỉnh.

Từ chủ nghĩa yêu nước, đồng chí Hoàng Đình Giông đã sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp thu đường lối cách mạng Việt Nam do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền bá từ nước ngoài về, là người trực tiếp đem ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin đến với các dân tộc tỉnh Cao Bằng. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí, phong trào cách mạng, các cơ sở đảng ở Cao Bằng tiếp tục phát triển. Từ một chi bộ Đảng năm 1930, đến năm 1935 đã có 10 chi bộ hoạt động ở 5 huyện. Thấy rõ vai trò, vị trí quan trọng của báo chí trong sự nghiệp cách mạng, năm 1932 đồng chí đã trực tiếp chỉ đạo Đảng bộ Cao Bằng xuất bản tờ báo *Cờ đỏ* để tuyên truyền cách mạng, giác ngộ quần chúng.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, đồng chí không ngừng tu dưỡng, rèn luyện lập trường, quan điểm tư tưởng của giai cấp công nhân, luôn luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm khi được Đảng phân công. Giữa lúc địch khủng bố ác liệt cao trào cách mạng 1930-1931, phong trào tạm lắng xuống trong những

năm 1931-1935, đồng chí đã được Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng phân công về nước, khôi phục, củng cố lại tổ chức đảng và lãnh đạo phong trào cách mạng các tỉnh vùng Đông Bắc, nhất là Quảng Ninh, Hải Phòng. Đồng chí đã về vùng mỏ Hòn Gai, thành phố cảng Hải Phòng khôi phục phong trào công nhân và các cơ sở đảng trong những năm có nhiều khó khăn. Với những hoạt động liên tục không mệt mỏi, đồng chí đã chấp nối liên lạc với các cơ sở đảng vừa mới khôi phục ở cả vùng Đông Bắc, góp phần khôi phục phong trào cách mạng những năm 1932-1935. Với uy tín và khả năng đóng góp mọi mặt cho sự nghiệp của Đảng, năm 1935, đồng chí đã được cử làm đại biểu của Xứ uỷ Bắc Kỳ dự Đại hội lần thứ I của Đảng và vinh dự được bầu vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng khoá I. Đồng chí là đại biểu dân tộc thiểu số đầu tiên được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng để góp phần lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Sau Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng phân công đồng chí Hoàng Đình Giông phụ trách Xứ uỷ Bắc Kỳ.

Đầu năm 1936, khi đang triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng tại Cao Bằng, đồng chí lại được Ban Chấp hành Trung ương cử về vùng Duyên Hải (Hải Phòng - Quảng Ninh) lãnh đạo phong trào cách mạng, nhằm tăng cường củng cố đường dây liên lạc giữa phong trào cách mạng trong nước với nước ngoài để chỉ đạo phong trào cách

mạng trong cả nước. Khi về Hải Phòng, đồng chí đang tìm cách bắt liên lạc với cơ sở của ta thì bị thực dân Pháp bắt. Đồng chí đã bị giam từ nhà tù này đến nhà tù khác, hết nhà tù Cao Bằng lại Hoả Lò - Sơn La - Bắc Mê (Hà Giang) rồi lại Sơn La,... Nhưng trong nhà tù đế quốc, đồng chí đã nêu cao tấm gương đấu tranh kiên cường, bất khuất, không khoan nhượng, nhưng lại thể hiện tài khéo léo, tài tình, thuyết phục được kẻ thù trong những năm sống trong nhà tù đế quốc. Mặc dù hàng ngày phải chịu đựng những đòn tra tấn dã man, nhưng đồng chí vẫn không khai một lời. Đồng chí còn động viên, khuyên nhủ các đồng chí, bạn tù hãy gắng sức vượt qua. Trong mọi hoàn cảnh, đồng chí vẫn luôn thể hiện bản lĩnh khí phách của người cộng sản giàu kinh nghiệm, vì vậy đồng chí được tất cả tù chính trị coi là người lãnh đạo. Đồng chí còn là một trong những người sáng lập và lãnh đạo chi bộ đặc biệt trong nhà ngục Sơn La, tổ chức các cuộc đấu tranh tuyệt thực chống chế độ hà khắc trong nhà tù.

Mặc dù hết hạn tù, nhưng thực dân Pháp biết đồng chí là "trùm" cộng sản "nguy hiểm" nên chúng tiếp tục đày đồng chí đi biệt xứ tại châu Phi. Trong tình hình phức tạp ở nhà tù lúc đó, qua những hoạt động đấu tranh, đồng chí đã nổi lên như là linh hồn của tập thể những người cộng sản, là người có tinh thần cách mạng triệt để, lập trường giai cấp vững vàng, kiên định, lạc quan, tin tưởng ở tương lai cách

mạng, luôn hướng về quê hương, đất nước, bằng mọi sự khôn khéo đấu tranh để sớm được trở về Tổ quốc. Tuy ở trong tù nhưng với trí tuệ của mình, đồng chí đã nhận định đánh giá thời cuộc đúng đắn, phù hợp, đã cùng tập thể đề ra chủ trương, sách lược tranh thủ Đồng minh để được nhanh chóng trở về nước, ra sức đấu tranh góp phần lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công.

Nước nhà vừa giành được độc lập thì thực dân Pháp lại gây hấn ở Nam Bộ, quay lại xâm lược nước ta một lần nữa. Chính quyền nhân dân non trẻ vừa mới ra đời lại phải đương đầu ngay với một cuộc xâm lược mới đầy thử thách. Trung ương Đảng và Chính phủ phải tập trung sức người, sức của chi viện cho miền Nam ruột thịt. Thực hiện chủ trương của Đảng, đồng chí Hoàng Đình Giong được Bác Hồ và Trung ương Đảng giao nhiệm vụ làm chỉ huy trưởng bộ đội Nam tiến vào Nam đánh giặc, với một tên mới được Bác Hồ đặt cho là Võ Văn Đức. Thực sự là "Lửa thử vàng", từ trên đường hành quân vào Nam và chỉ huy chiến đấu ở mặt trận Sài Gòn, đến khi làm Chính uỷ Quân giải phóng Nam Bộ; rồi Khu bộ trưởng (Tư lệnh Khu 9) sau đó là Tư lệnh Khu 6 (cực Nam Trung Bộ); bất cứ ở cương vị nào, vùng đất nào ở miền Nam trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; ngọn lửa đấu tranh cách mạng hào hùng, khốc liệt đã làm sáng thêm, vững vàng thêm phẩm chất cao đẹp và bản lĩnh của một vị "Tướng

quân tại ngoại". Mặc dù xa Bác Hồ, xa Trung ương; nhưng với trọng trách nặng nề, trí tuệ sáng suốt, đồng chí đã vạch ra những sách lược, chiến lược đấu tranh cách mạng đúng đắn trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao,... Đặc biệt là đường lối tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, tiến hành đánh du kích đã giành nhiều thắng lợi, bảo toàn được lực lượng, xây dựng được những căn cứ địa cách mạng vững chắc. Trên chiến trường, trong những trận chiến đấu ác liệt với quân thù, đồng chí Hoàng Đình Giông thực sự là một vị tướng, là người lãnh đạo có tài, đồng thời là một người lính quả cảm luôn có mặt trong chiến hào với đồng đội của mình. Phẩm chất của người làm tướng, làm chỉ huy của đồng chí càng toả sáng nơi chiến trận. Đồng chí đã anh dũng hy sinh trong tư thế chiến đấu của người lính.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, đại đoàn kết toàn dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà đồng chí kiên trì thực hiện càng sáng ngời trong thực tế cách mạng nước ta, đặc biệt càng sáng lên trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh mà ngày nay toàn Đảng, toàn dân ta học tập và noi theo. Bằng lý luận và thực tiễn chiến đấu, đồng chí Hoàng Đình Giông đã xây dựng được khối đoàn kết vững chắc giữa bộ đội các địa phương khác nhau tại chiến trường Khu 9 và sau này là Khu 6. Với uy tín lớn và bằng tài thuyết giảng của mình, đồng chí đã tranh thủ được sự ủng hộ của các lực lượng Cao Đài, lực lượng Năm Lửa,... Đặc biệt là

xây dựng khối đoàn kết giữa dân tộc Việt với dân tộc Khmer, xây dựng được khối đoàn kết giữa các lực lượng cách mạng với các dân tộc, tạo thành một thế trận toàn dân, toàn diện đồng lòng chống lại kẻ thù chung là thực dân Pháp xâm lược. Thực tế trong cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam và những sự kiện xảy ra gần đây càng cho thấy rõ tầm cao tư tưởng của đồng chí Hoàng Đình Giông về vấn đề đại đoàn kết dân tộc.

Trên cương vị của mình, đồng chí Hoàng Đình Giông đã xây dựng được một thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp, bám đất, bám dân, xây dựng được căn cứ địa ở miền Tây Nam Bộ mà sau này là căn cứ địa U Minh vững chắc cho cả cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ; xây dựng được khối đoàn kết dân tộc, tôn giáo để chiến đấu chống kẻ thù. Ở đồng chí Hoàng Đình Giông còn thể hiện rõ tài cao, đức trọng của người lãnh đạo - chỉ huy với tầm nhìn xa trông rộng, sự thông minh sắc sảo, tư tưởng cách mạng lớn trong việc phối kết hợp xây dựng lực lượng cách mạng ở các nước Đông Nam Á để chiến đấu chống thực dân Pháp (Campuchia, Lào, Thái Lan) ngay từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở miền Nam; đoàn kết được với lực lượng ở các nước này nên cuộc chiến đấu ở Nam Bộ đã nhận được sự giúp đỡ, cả vũ khí và lực lượng nhờ có những chủ trương đúng đắn, phù hợp. Chủ trương đó đã được phát huy và trở thành một

chính sách lớn cho cuộc chiến chống đế quốc Mỹ và bảo vệ Tổ quốc sau này.

Có thể khẳng định, những phẩm chất và năng lực đó đã giúp đồng chí Hoàng Đình Giông luôn vững vàng trên cương vị chỉ huy - lãnh đạo. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, dù khó khăn thiếu thốn, gian khổ, kể cả khi bị giam cầm, tra tấn, tù đày, đồng chí vẫn lạc quan tin tưởng ở tiền đồ cách mạng, luôn luôn thể hiện tinh thần cách mạng tiến công, bình tĩnh, sáng suốt để vạch ra và thực hiện những quyết sách lớn; giành phần thắng trên bước đường đấu tranh cách mạng. Đồng chí còn là người vạch ra những chủ trương, đường lối đúng đắn phù hợp với tình thế cách mạng từng thời kỳ và ở từng địa phương, từng hoàn cảnh cụ thể để đưa cuộc đấu tranh đến thắng lợi.

Hơn thế, ở đồng chí Hoàng Đình Giông còn là người có tư tưởng lớn, tư duy lớn, trí tuệ cao của một nhà lãnh đạo cách mạng, một người cộng sản ưu tú, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người cộng sản kiên trung, người công dân ưu tú của Việt Nam.

Đồng chí Hoàng Đình Giông đã hy sinh anh dũng giữa lúc nhiệt huyết cách mạng đang tràn đầy. Cuộc đời hoạt động, chiến đấu và tư tưởng của đồng chí như viên ngọc luôn toả hào quang sáng ngời.

Đồng chí đã đi vào lịch sử như một nhà lãnh đạo xuất sắc của giai cấp công nhân, nhân dân lao động; một chiến sĩ cộng sản có tầm nhìn chiến lược, tư duy

khoa học nhạy bén; một nhà tổ chức và chỉ đạo sâu sát kiệt xuất; một nhà chính trị, quân sự có bản lĩnh kiên định vững vàng, kết hợp nhuần nhuyễn lý luận với thực tiễn; một nhà chỉ đạo chiến lược và sách lược tài tình, giải quyết chính xác, mau lẹ những vấn đề chính trị phức tạp, giải quyết đúng đắn, sáng tạo, hợp quy luật, hợp thực tiễn các mối quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc, quốc gia và quốc tế. Đồng chí còn là một tấm gương sáng về tinh thần nhân văn và đạo đức cách mạng cao đẹp, có lòng tin vào lý tưởng, là tấm gương sáng về tinh thần tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và sự đoàn kết thống nhất trong Đảng; sống liêm khiết, giản dị, gắn bó mật thiết, chan hoà với nhân dân, vì nhân dân, hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, tiêu biểu cho đạo đức và chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 5.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t. 6.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 8.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 4.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau: *Căn cứ Xứ uỷ Nam Bộ Trung ương Cục miền Nam ở U Minh*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1930-2000)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
7. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng: *Những sự kiện lịch sử Đảng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979, t. II.
8. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Vĩnh Long: *Ấn tượng Võ Văn Kiệt*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2003.
9. Báo *An ninh thế giới*, số 479, ra ngày 20-8-2005.
10. Báo *Cao Bằng*, số 2219, ra ngày 16-3-2005.

11. Bộ Tư lệnh Quân khu 9: *Quân khu 9: 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1996.

12. *Cao Bằng - lịch sử đấu tranh cách mạng (1930-1954)*, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cao Bằng, Cao Bằng, 1990.

13. *Chi đội 3 Giải phóng quân Nam tiến*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003.

14. *Cuộc tổng bãi công của 3 vạn thợ mỏ Quảng Ninh trong cao trào cách mạng 1936-1939*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, Quảng Ninh, 1986.

15. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giông*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Cao Bằng, Cao Bằng, 1984.

16. *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân*. Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.

17. *Hoàng Văn Thụ - Người chiến sĩ cộng sản kiên trung bất khuất*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Lạng Sơn, Lạng Sơn, 1984.

18. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1945-1954)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

19. Lê Giản: *Những ngày sóng gió (Hồi ký)*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1995.

20. Lê Văn Hiến: *Mười năm nhìn lại*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006.

21. *Lịch sử Bộ tham mưu Quân khu 9 - 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006.

22. *Lịch sử Đảng bộ huyện Cái Nước*, Ban Tuyên giáo Huyện uỷ Cái Nước, 2004.

23. *Lịch sử Đảng bộ huyện Ngọc Hiển*, Ban Tuyên giáo Huyện uỷ Ngọc Hiển, 2004.

24. *Lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam Bộ lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

25. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu (1927-1975)*, Bạc Liêu, 2002, t. I.

26. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cà Mau*, Nxb. Mũi Cà Mau, Cà Mau, 2004.

27. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hải Phòng*, Nxb. Hải Phòng, Hải Phòng, 1991, t. I.

28. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Sóc Trăng, Sóc Trăng, 2002, t. I.

29. *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, t. I.

30. *Lực lượng vũ trang tỉnh Vĩnh Long - 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, t. I.

31. *55 năm Quân đội nhân dân Việt Nam - miền đất khai sinh và quá trình phát triển*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999.

32. *Ngục tù Sơn La, trường học đấu tranh cách mạng*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1992.

33. Nhiều tác giả: *Đóng góp của các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái trong tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2006.

34. *Nhớ mãi tên anh*, Nxb. Hải Phòng, Hải Phòng, 1995.

35. *Nhớ Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ - Buổi đầu kháng chiến chống Pháp*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.

36. *Ninh Thuận - 30 năm chiến tranh giải phóng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997.

37. *Phong trào Nam tiến (1945-1946)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997.

38. *Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ninh (1928-1945)*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Ninh, Quảng Ninh, 1985, t.I.

39. *Suối reo năm ấy (Hồi ký cách mạng)*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1993.

40. *Tạp chí Cà Mau*, số 118, Cà Mau, 2006.

41. *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 1, Hà Nội, 2010.

42. *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 168, Hà Nội, 2005.

43. *Tây Nam Bộ 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, Ban Chỉ đạo và Ban Biên tập truyền thống Tây Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.

44. *Tây Ninh - 30 năm trung dũng kiên cường*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Tây Ninh, Tây Ninh, 1990.

45. Thiếu tướng Trần Văn Trà: *Chiến tranh nhân dân khởi đầu từ Nam Bộ như thế*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998.

46. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Viện Lịch sử Việt Nam: *Lịch sử tỉnh Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

47. Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng: *Địa chí Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

48. *Truyền thống đấu tranh cách mạng của đồng bào Hoa tỉnh Sóc Trăng (1930-1975)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng, Sóc Trăng, 2005.

49. *Truyền thống đấu tranh cách mạng của đồng bào Khmer tỉnh Sóc Trăng (1930-1975)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng, Sóc Trăng, 2005.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời của Đại tướng Võ Nguyên Giáp</i>	9
<i>Lời nói đầu</i>	13
I. Hoàng Đình Giông - thời niên thiếu và tuổi trẻ (1904-1925)	17
II. Những năm tháng hoạt động cách mạng ở trong nước (1926-1927)	32
III. Hoạt động tại nước ngoài, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, xây dựng Đảng bộ Cao Bằng (1927-1932)	42
IV. Chỉ đạo các tổ chức đảng và phong trào cách mạng ở Hải phòng, Quảng Ninh trong những năm 1933-1936	62
V. Đấu tranh trong nhà tù đế quốc, khôn khéo thoát khỏi ngục tù về nước hoạt động cách mạng (1936-1945)	81
VI. Chỉ huy bộ đội Nam tiến chống thực dân Pháp xâm lược	116
VII. Tư lệnh Khu 9 và những quyết định mang tầm chiến lược (12-1945 - 11-1946)	140

VIII	Hành trình ra Bắc - Tư lệnh Khu 6 hy sinh anh dũng	206
IX.	Hạnh phúc gia đình - tình cảm cách mạng	225
	Lời kết	241
	Tài liệu tham khảo	252

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung:	ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ ThS. NGUYỄN MINH HUỆ
Trình bày bìa:	HÀ LAN
Chế bản vi tính:	PHẠM THU HÀ
Sửa bản in:	HÔNG THỦY
Đọc sách mẫu:	ThS. NGUYỄN MINH HUỆ

In 700 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm, tại Công ty CPSXTM Ngọc Châu.
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 837-2014/CXB/3-76/CTQG.
Quyết định xuất bản số: 4541-QĐ/NXBCTQG ngày 21-5-2014.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2014.
Mã số ISBN: 978-604-57-0849-1.

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT - 12/86 phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221 FAX: 080.49222 E-mail: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn



HOÀNG ĐÌNH GIONG



CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP
HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG
(1904 - 1947)

ISBN:978-604-57-0849-1



9 786045 708491